

Số: **0684/2026-BM/VPHDQT**
No: *0684/2026-BM/VPHDQT*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 20, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH
To: **STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM**
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE

1. Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

1. Name of organization: BAO MINH INSURANCE CORPORATION

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: BMI
- Stock code/Broker code: BMI
- Địa chỉ: Số 217 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Address: 217 Nam Ky Khoi Nghia Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ: 028 3829 4180 Fax: 028 3829 4185
- Telephone: 028 3829 4180 Fax: 028 3829 4185
- E-mail: marketing@baominh.com.vn
- Email: marketing@baominh.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

2. Content of disclosure:

Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025/ Bao Minh Insurance Corporation discloses the annual report for the year 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2026 tại đường dẫn <https://www.baominh.com.vn>.

3. This information was published on the company's website on April 20, 2026 in the link <https://www.baominh.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;
- As above;
- Lưu VPTSC, VPHĐQT,
- Archived: Office of the Head
Office, Office of the BOD

Đại diện tổ chức

Organization Representative

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information



Nguyễn Đức Hiệp

Nguyen Duc Hiep

Tài liệu đính kèm:

Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2025/ *The annual report for the year 2025.*



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Bảo Minh - Tận tình phục vụ



(028) 3829 4180



<https://www.baominh.com.vn>



marketing@baominh.com.vn

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|------------------------------------|--|
| AXA | Tập đoàn bảo hiểm AXA (Pháp) |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| BDH | Ban Điều hành |
| BKS | Ban Kiểm soát |
| BMI/ Bảo Minh/ Tổng Công ty | Tổng công ty cổ phần Bảo Minh |
| CP | Cổ phần |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| ĐVT | Đơn vị tính |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| IFC | Tổ chức Tài chính Quốc tế |
| KDBH | Kinh doanh bảo hiểm |
| LN | Lợi nhuận |
| NQ | Nghị quyết |
| P.TGD | Phó Tổng Giám đốc |
| QĐ | Quyết định |
| ROE | Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu |
| SCIC | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước |
| TGD | Tổng Giám đốc |
| TVHĐQT | Thành viên Hội đồng quản trị |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| VCSH | Vốn chủ sở hữu |
| V.v | Về việc |





MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT ĐIỂM NHẤN 2025

Chương

1

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

Chương

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Chương

3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Chương

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chương

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Chương

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 2025

ĐIỂM NHẤN 2025

14/02/2025

Circles Group và Bảo Minh hợp tác phát triển sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt trong lĩnh vực phim và sự kiện

Vào ngày 14/02/2025, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh đã thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác với Circles Group nhằm triển khai các sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt dành cho lĩnh vực phim và sự kiện tại thị trường Việt Nam. Sự kiện này là một bước tiến quan trọng, đánh dấu sự đổi mới trong ngành bảo hiểm tại Việt Nam khi Bảo Minh là đơn vị bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam cung cấp sản phẩm bảo hiểm phim và sự kiện. Thông qua việc kết hợp giữa năng lực quản lý tái bảo hiểm quốc tế của Circles Group và mạng lưới phân phối nội địa của Bảo Minh, Tổng Công ty hướng tới việc cung cấp các giải pháp bảo vệ phù hợp cho nhiều quy mô dự án khác nhau, từ các hoạt động quảng cáo nhỏ đến những chương trình giải trí và thể thao lớn. Việc ứng dụng nền tảng công nghệ định phí trực tuyến từ đối tác cũng được Bảo Minh triển khai nhằm hỗ trợ quá trình tiếp cận thông tin và nhận báo giá của khách hàng được thuận tiện hơn. Sự kiện này ghi nhận nỗ lực của Tổng Công ty trong việc tìm kiếm các giải pháp bảo hiểm mới, góp phần đáp ứng các nhu cầu thực tế và đặc thù của phân khúc khách hàng trong ngành công nghiệp nội dung và tổ chức sự kiện hiện nay.

14/02/2025

Tổng giám đốc SCIC tiếp và làm việc với Tập đoàn Bảo hiểm AXA

Trong khuôn khổ tăng cường quan hệ giữa các cổ đông lớn, vào ngày 14/02/2025, đại diện Ban Điều hành Tổng Công ty đã tham dự buổi làm việc giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) và Tập đoàn Bảo hiểm AXA. Tại buổi gặp gỡ, các bên đã cùng trao đổi về định hướng phát triển chiến lược của Tổng Công ty trong giai đoạn mới, tập trung vào các mục tiêu then chốt như nâng cao năng lực tài chính, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin và chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực. Với vai trò là cổ đông chiến lược, Tập đoàn AXA đã bày tỏ sự sẵn sàng trong việc chia sẻ nguồn lực quốc tế và cử chuyên gia hỗ trợ Tổng Công ty thúc đẩy quá trình chuyển đổi số cũng như nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Những cam kết đồng hành từ SCIC và AXA không chỉ tạo điều kiện để Tổng Công ty củng cố nền tảng vận hành mà còn góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam, phù hợp với quy định pháp luật và chiến lược đầu tư của các bên liên quan.

05/03/2025

Bảo Minh Ký Kết Hợp Tác Với Tập Đoàn Công Nghệ G-Group

Vào ngày 05/03/2025, Tổng Công ty đã thực hiện ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác cùng Tập đoàn Công nghệ G-Group và Công ty Cổ phần Công nghệ Gapo (GapoWork). Sự kiện này đánh dấu bước khởi đầu cho quá trình phối hợp giữa các bên nhằm mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và nâng cao hiệu quả vận hành tại Bảo Minh. Thông qua việc tận dụng năng lực chuyên môn của GapoWork trong lĩnh vực không gian làm việc số và hệ sinh thái công nghệ đa dạng của G-Group, Tổng Công ty hướng tới việc tối ưu hóa hiệu suất hoạt động và hiện đại hóa quy trình quản trị nội bộ. Buổi lễ đã mở ra lộ trình hợp tác dựa trên tinh thần cùng có lợi, khẳng định nỗ lực của Tổng Công ty trong việc tiếp cận các giải pháp công nghệ tiên tiến để đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ trong giai đoạn mới.



The Show Must Go On!
FILM PRODUCTION
ALL RISK INSURANCE

FILM PRODUCTION ALL RISK INSURANCE COVERS FOR

- Cast Non-Appearance**
Covers financial losses to the production associated with accident or illness of key cast/crew including spouse and immediate family.
- Production Media**
Covers financial losses to production associated with damage to or loss of footage shot in both production and post-production.
- Extra Costs**
Covers financial losses to the production associated with production delays due to non-delivery of equipment or cast/crew, natural disasters, terrorism, and other unforeseen circumstances.
- Equipment & Props/Bats**
Includes coverage for rented and owned equipment or property.
- Public Liability, 3rd Party Property Liability, & Entrusted Property**
3 coverages with 3 separate coverage limits for total production.
- Optional Extensions**
Cash, Baggage, Character Vehicles, Production Office Contents, Additional Product Add-Ons: Personal Accident (Cast / Crew / Stuntmen), Film Producer's Errors & Omissions Insurance.

WHAT DO WE NEED FOR A QUOTE?

- Number of actual shooting days
- Number of people to insure
- Details on any special features
- Details on any special features
- Shooting location(s)

For details of film production all risk insurance, please visit our SCIC website: www.scic.com.vn or contact our Business Development Company: Phone: +84222118818 Email: vbh@scic.com.vn





ĐIỂM NHẤN 2025 (TIẾP THEO)

06/05/2025

Bảo Minh thông báo về việc triển khai sản phẩm bảo hiểm mới: bảo hiểm sức khỏe toàn diện

Nhằm tiếp tục thực hiện định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, từ ngày 06/05/2025, Tổng Công ty đã chính thức triển khai sản phẩm Bảo hiểm Sức khỏe toàn diện theo Quy tắc bảo hiểm mới đã được Bộ Tài chính chấp thuận. Sản phẩm này được xây dựng trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành, tập trung vào việc cung cấp các giải pháp bảo vệ sức khỏe tối ưu và minh bạch về quyền lợi cho khách hàng. Đối với các khách hàng đang tham gia sản phẩm bảo hiểm sức khỏe hiện hữu, Tổng Công ty đã xây dựng cơ chế chuyển đổi và tái tục linh hoạt, đảm bảo tính liên tục của thời gian chờ và các quyền lợi bảo hiểm tương đương. Song song với việc ra mắt sản phẩm, Tổng Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo và ủy quyền cho mạng lưới đại lý nhằm nâng cao chất lượng tư vấn, giúp khách hàng tiếp cận đầy đủ các điều khoản và giải pháp bảo vệ. Việc ban hành sản phẩm mới này ghi nhận nỗ lực không ngừng của Tổng Công ty trong việc cải tiến dịch vụ, góp phần gia tăng sự bảo vệ và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường bảo hiểm sức khỏe tại Việt Nam.

27/04/2025

Bảo Minh bàn giao nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo tại huyện Châu Thành

Song hành cùng hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua các hoạt động an sinh xã hội thiết thực. Trong tháng 4/2025, Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tổ chức lễ bàn giao các căn nhà Đại đoàn kết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một phần trong chương trình tài trợ xây dựng 10 căn nhà với tổng ngân sách 900 triệu đồng do Tổng Công ty triển khai tại địa bàn tỉnh, nhằm hỗ trợ các hộ nghèo và cận nghèo cải thiện điều kiện nhà ở. Hoạt động này không chỉ thể hiện tinh thần tương thân tương ái mà còn là sự hưởng ứng tích cực của Tổng Công ty đối với phong trào xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước. Thông qua việc đóng góp nguồn lực cho công tác giảm nghèo đa chiều tại địa phương, Tổng Công ty mong muốn góp phần tạo điều kiện để người dân ổn định cuộc sống, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại các địa bàn nơi Tổng Công ty hoạt động.

27/05/2025

Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Bảo hiểm Bảo Minh và Bảo hiểm phi nhân thọ Techcom

Vào ngày 27/05/2025, Tổng Công ty đã thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác cùng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Techcom (TCGI) nhằm thiết lập mối quan hệ đồng hành chiến lược trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ. Thông qua thỏa thuận này, hai bên sẽ phối hợp nghiên cứu và triển khai các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường, đồng thời kết nối hệ sinh thái công nghệ để tối ưu hóa quy trình khai thác và bồi thường. Việc hợp tác với TCGI giúp Tổng Công ty mở rộng thêm kênh phân phối trên nền tảng kỹ thuật số và tiếp cận phân khúc khách hàng mới, trong khi vẫn phát huy được lợi thế về kinh nghiệm vận hành và mạng lưới dịch vụ sâu rộng sẵn có của Tổng Công ty. Sự kiện này là một phần trong định hướng liên kết cùng các doanh nghiệp cùng ngành để cộng hưởng thế mạnh, hướng tới việc kiến tạo những giá trị bền vững và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng trong bối cảnh thị trường đang chuyển dịch số mạnh mẽ.

ĐIỂM NHẤN 2025 (TIẾP THEO)

30/06/2025

Bảo Minh trao tặng 2 tỷ đồng chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Vào ngày 30/06/2025, Tổng Công ty đã tham gia đồng hành cùng đoàn công tác của Bộ Tài chính tại tỉnh Tuyên Quang trong chương trình hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm và nhà dột nát cho người dân có hoàn cảnh khó khăn. Hưởng ứng lời kêu gọi từ cơ quan quản lý và chính quyền địa phương, Tổng Công ty đã đóng góp 2 tỷ đồng thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang nhằm hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho các hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn. Hoạt động này tiếp tục khẳng định cam kết của Tổng Công ty trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội, góp phần cùng Nhà nước chăm lo đời sống nhân dân và thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững. Việc duy trì các hoạt động an sinh xã hội thường niên là một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển của Tổng Công ty, thể hiện sự gắn kết mật thiết giữa hoạt động kinh doanh bảo hiểm với những giá trị nhân văn và tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng.

09/07/2025

Bảo Minh và Saladin ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược

Vào ngày 09/07/2025, Tổng Công ty đã thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược cùng Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ 10X (Saladin) nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực bảo hiểm. Sự kiện này ghi nhận kết quả của quá trình phối hợp chặt chẽ giữa đội ngũ hai bên trong việc tích hợp các sản phẩm bảo hiểm của Tổng Công ty lên nền tảng công nghệ của Saladin, giúp tối ưu hóa quy trình và mang lại sự thuận tiện, minh bạch cho người dùng. Thông qua việc hợp tác với một đơn vị Insurtech, Tổng Công ty hướng tới mục tiêu mở rộng thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách cung cấp các sản phẩm đa dạng, từ bảo hiểm du lịch, xe cơ giới đến bảo hiểm sức khỏe được cá nhân hóa cho nhiều tệp khách hàng khác nhau. Mối quan hệ đối tác này khẳng định định hướng của Tổng Công ty trong việc kết hợp giá trị nền tảng sẵn có với sức mạnh công nghệ hiện đại để gia tăng giá trị dịch vụ và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường Việt Nam.

14/07/2025

Hội nghị sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025

Vào ngày 14/07/2025, Tổng Công ty đã tổ chức Hội nghị sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm nhằm đánh giá các kết quả đạt được và đề ra phương hướng triển khai kế hoạch cho giai đoạn cuối năm. Trong nửa đầu năm 2025, dù đối mặt với nhiều biến động kinh tế và những thay đổi từ quá trình sắp xếp đơn vị hành chính trên toàn quốc, Tổng Công ty vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định với lợi nhuận trước thuế ước đạt 155 tỷ đồng, hoàn thành 51,67% kế hoạch năm. Tổng doanh thu toàn hệ thống ghi nhận mức 3.574 tỷ đồng, khẳng định vị thế vững chắc trong nhóm các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu. Nhận định việc sắp xếp địa giới hành chính sẽ mở ra những cơ hội mới về quy mô địa bàn và thu hút đầu tư, Tổng Công ty xác định đây là thời điểm then chốt để rà soát cơ cấu tổ chức, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ và linh hoạt điều chỉnh các dòng sản phẩm phù hợp với đặc thù từng vùng miền. Bên cạnh việc tuyên dương các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, Tổng Công ty cam kết tiếp tục phát huy nguồn lực nội tại, tăng cường năng lực điều hành và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh doanh đã đề ra cho cả năm 2025.



Trong tháng 7/2025

Bảo Minh thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua hoạt động hỗ trợ nhân đạo từ quỹ bảo hiểm xe cơ giới

Trong tháng 07/2025, Tổng Công ty đã tích cực phối hợp cùng Quỹ Bảo hiểm xe cơ giới và các cơ quan chức năng địa phương tổ chức thăm hỏi, trao tiền hỗ trợ nhân đạo cho các gia đình có nạn nhân thương vong do tai nạn giao thông tại tỉnh Thanh Hóa và Lạng Sơn. Đây là hoạt động thiết thực nhằm bù đắp một phần tổn thất về vật chất và tinh thần cho các gia đình gặp rủi ro trong những trường hợp xe gây tai nạn không xác định được hoặc không tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự. Thông qua việc chủ động tham gia và triển khai chính sách này, Tổng Công ty mong muốn lan tỏa giá trị nhân văn, khẳng định trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm đối với cộng đồng và đồng hành cùng người dân trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn. Đồng thời, hoạt động cũng góp phần tuyên truyền ý thức chấp hành quy định về bảo hiểm bắt buộc xe cơ giới nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các bên và tăng cường tính an sinh xã hội của ngành bảo hiểm tại Việt Nam.

08/08/2025

Bảo Minh đã chủ động đồng hành và hỗ trợ khách hàng khắc phục sự cố hàng hải trên tàu GT UNITY

Ngay sau khi nhận thông tin về sự cố cháy buồng máy trên tàu GT UNITY vào ngày 08/08/2025, Công ty đã khẩn trương phối hợp cùng chủ tàu để cập nhật tình hình và triển khai các biện pháp nhằm hạn chế tối đa thiệt hại phát sinh. Với vai trò là nhà bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu, đại diện Ban Điều hành Tổng Công ty đã trực tiếp thăm hỏi, động viên gia đình thuyền viên gặp nạn, đồng thời khẳng định cam kết luôn sát cánh cùng khách hàng trong những tình huống rủi ro cấp bách. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp cùng đơn vị giám định độc lập để thực hiện các thủ tục xác định tổn thất theo đúng quy định của hợp đồng và pháp luật, nhằm nhanh chóng đưa ra phương án bồi thường thỏa đáng. Việc chủ động trong công tác ứng phó và hỗ trợ sau sự cố không chỉ thể hiện tinh thần phục vụ tận tâm mà còn khẳng định vai trò của Tổng Công ty như một đối tác tin cậy, luôn sẵn sàng chia sẻ khó khăn và hỗ trợ khách hàng sớm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

19/08/2025

Bảo Minh thiết lập liên minh hợp tác chiến lược phát triển giải pháp bảo hiểm doanh nghiệp với SaigonTel, GIC JSC và NNX

Vào ngày 19/08/2025, Tổng Công ty đã thực hiện ký kết Biên bản ghi nhớ Thỏa thuận Hợp tác chiến lược cùng liên minh bao gồm Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SaigonTel), Công ty Cổ phần Tư vấn bảo hiểm Toàn Cầu (GIC JSC) và Công ty Cổ phần Công nghệ Ngôi Nhà Xanh (NNX). Sự kiện này đặt nền móng cho một khuôn khổ hợp tác toàn diện, nhằm khai thác và phát huy thế mạnh của mỗi bên trong việc cung cấp các giải pháp bảo hiểm cho khối doanh nghiệp, đặc biệt là các đơn vị đang hoạt động tại các khu công nghiệp và doanh nghiệp FDI. Thông qua việc kết hợp giữa năng lực bảo hiểm lâu năm của Tổng Công ty với mạng lưới hạ tầng khu công nghiệp rộng lớn của SaigonTel cùng các giải pháp công nghệ và tư vấn chuyên sâu từ các đối tác, liên minh hướng tới mục tiêu thiết kế những sản phẩm bảo hiểm phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tế của khách hàng trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Việc tham gia vào liên minh hợp tác này không chỉ thể hiện tinh thần đổi mới của Tổng Công ty mà còn tạo ra sức mạnh cộng hưởng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và lan tỏa những giá trị thiết thực cho cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam.

ĐIỂM NHẤN 2025

(TIẾP THEO)



18/12/2025

Bảo Minh giới thiệu giải pháp tích hợp mua bảo hiểm trên ứng dụng VNeID trong khuôn khổ hội nghị sơ kết Đề án 06 của Chính Phủ

Vào ngày 18/12/2025, tại Văn phòng Chính phủ, Tổng Công ty đã tham gia trưng bày giải pháp và sản phẩm tiện ích trong khuôn khổ Hội nghị sơ kết Đề án 06 của Chính phủ. Tại sự kiện, Tổng Công ty đã giới thiệu giải pháp tích hợp thành công dịch vụ mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới trực tiếp trên ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Việc hiện thực hóa tiện ích này giúp tối giản hóa quy trình, cho phép người dân sở hữu giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử hợp lệ chỉ với vài thao tác trên thiết bị di động, từ đó tối ưu hóa thời gian và làm giàu thêm hệ sinh thái số quốc gia. Thành quả này không chỉ khẳng định vị thế tiên phong của Tổng Công ty trong công tác chuyển đổi số ngành bảo hiểm phi nhân thọ mà còn thể hiện tinh thần quyết liệt thực hiện các định hướng của Nghị quyết 57-NQ/TW về đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý. Thông qua việc ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động kinh doanh dưới sự định hướng của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty cam kết tiếp tục đổi mới sáng tạo, góp phần tinh gọn bộ máy, minh bạch hóa giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng trong công cuộc xây dựng xã hội số hiện đại.





Bảo Minh - Tận tình phục vụ



01

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH



| | |
|--|--|
| Tên giao dịch | Tổng công ty cổ phần Bảo Minh |
| Tên tiếng Anh | Bao Minh Insurance Corporation |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số | Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC16/KDBH ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính |
| Vốn điều lệ | 1.505.476.260.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 2.927.250.734.797 đồng |
| Địa chỉ | 271 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh |
| Mã cổ phiếu | BMI |
| Website | https://www.baominh.com.vn |
| Fax | (028) 3829 4185 |



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



<https://www.baominh.com.vn>



(028) 3829 4180

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1994

Bảo Minh được thành lập ngày 28/11/1994, khởi đầu cho sự hình thành thị trường bảo hiểm Việt Nam.

1999

Được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập.

2004

Bảo Minh chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần.

2006

Cổ phiếu Bảo Minh chính thức niêm yết tại thị trường giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: BMI.

2007

Bảo Minh hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ từ 434 tỷ đồng lên 755 tỷ đồng, thành công trong việc mời gọi nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là Tập đoàn AXA (Pháp).

2008

Chuyển niêm yết cổ phiếu BMI vào Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM.



2009

Bảo Minh tiến hành triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ bảo hiểm (Thuộc dự án BEST) và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất nhân dịp Kỷ niệm 15 năm thành lập.

2015

Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 831 tỷ đồng.

2016

Bảo Minh được cấp chứng nhận năng lực tài chính mức B++ (Tốt) từ tổ chức A.M Best và tăng vốn góp chủ sở hữu lên 913,5 tỷ đồng.

2021

Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.096 tỷ đồng.

2023

Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.206 tỷ đồng

2024

Kỷ niệm 30 năm thành lập Bảo Minh, Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.326 tỷ đồng.

2025

Thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.505 tỷ đồng.



Tổng công ty cổ phần Bảo Minh

Tận tình phục vụ



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh

Tổng công ty cổ phần Bảo Minh hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính. Cơ cấu tổ chức gồm 15 Ban chức năng thuộc Trụ sở chính, 01 trung tâm đào tạo chuyên biệt tại TP.HCM, 65 công ty thành viên, hơn 550 phòng giao dịch được phủ sóng trên khắp Việt Nam



Trụ sở chính

Địa chỉ: 217 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh. Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH: BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- » Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ
- » Kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ
- » Giám định tổn thất
- » Đầu tư tài chính
- » Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật



Các nhóm nghiệp vụ bảo hiểm



Bảo hiểm xe cơ giới

Bảo hiểm xe cơ giới cung cấp sự bảo vệ toàn diện cho các phương tiện giao thông đường bộ trước những rủi ro bất ngờ về tài sản và con người. Bảo Minh hiện cung cấp đầy đủ các dòng sản phẩm từ bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm vật chất xe đến bảo hiểm tai nạn cho lái, phụ xe và người ngồi trên xe, giúp khách hàng an tâm tuyệt đối trên mọi hành trình.



Bảo hiểm con người

Bảo hiểm con người là nghiệp vụ bảo hiểm cam kết chi trả quyền lợi tài chính khi xảy ra các sự kiện rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, thân thể hoặc tính mạng của người được bảo hiểm. Với mục tiêu bảo vệ toàn diện nguồn nhân lực và an sinh xã hội, Bảo Minh cung cấp hệ sinh thái sản phẩm đa dạng, bao gồm: Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn (từ phổ thông đến cao cấp), Bảo hiểm du lịch trong và ngoài nước, cùng các gói bảo hiểm được thiết kế chuyên biệt dành cho doanh nghiệp, người lao động, học sinh - sinh viên và giáo viên.



Bảo hiểm tài sản

Với mục tiêu bảo vệ tối đa nguồn vốn và tài sản cho khách hàng, nhóm nghiệp vụ Bảo hiểm tài sản của Bảo Minh cung cấp lá chắn tài chính vững chắc trước mọi rủi ro trong quá trình xây dựng, sản xuất và kinh doanh. Hệ sinh thái sản phẩm bao gồm đầy đủ các loại hình từ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm mọi rủi ro tài sản - kỹ thuật đến bảo hiểm trách nhiệm pháp lý và gián đoạn kinh doanh, đáp ứng nhu cầu bảo vệ của mọi quy mô doanh nghiệp.



Bảo hiểm hàng hải

Nghiệp vụ bảo hiểm hàng hải của Bảo Minh cam kết chia sẻ rủi ro cùng khách hàng trước những tổn thất bất ngờ liên quan đến con người, phương tiện và tài sản trong quá trình vận tải. Hệ sinh thái sản phẩm được thiết kế chuyên sâu bao gồm bảo hiểm mọi rủi ro cho hàng hóa, bảo hiểm thân tàu,... đảm bảo khả năng khắc phục hậu quả nhanh chóng và duy trì chuỗi cung ứng liên tục cho doanh nghiệp.



Bảo hiểm hàng không

Nhằm đáp ứng yêu cầu khắt khe của ngành vận tải hàng không, Bảo Minh cung cấp các gói bảo hiểm được thiết kế riêng cho mọi hoạt động liên quan đến máy bay và hành khách. Danh mục sản phẩm bao gồm bảo hiểm thân máy bay, bảo hiểm trách nhiệm dân sự hàng không và bảo hiểm hành khách, giúp doanh nghiệp và đối tác giảm thiểu tối đa thiệt hại tài chính khi xảy ra các sự cố rủi ro không mong muốn.

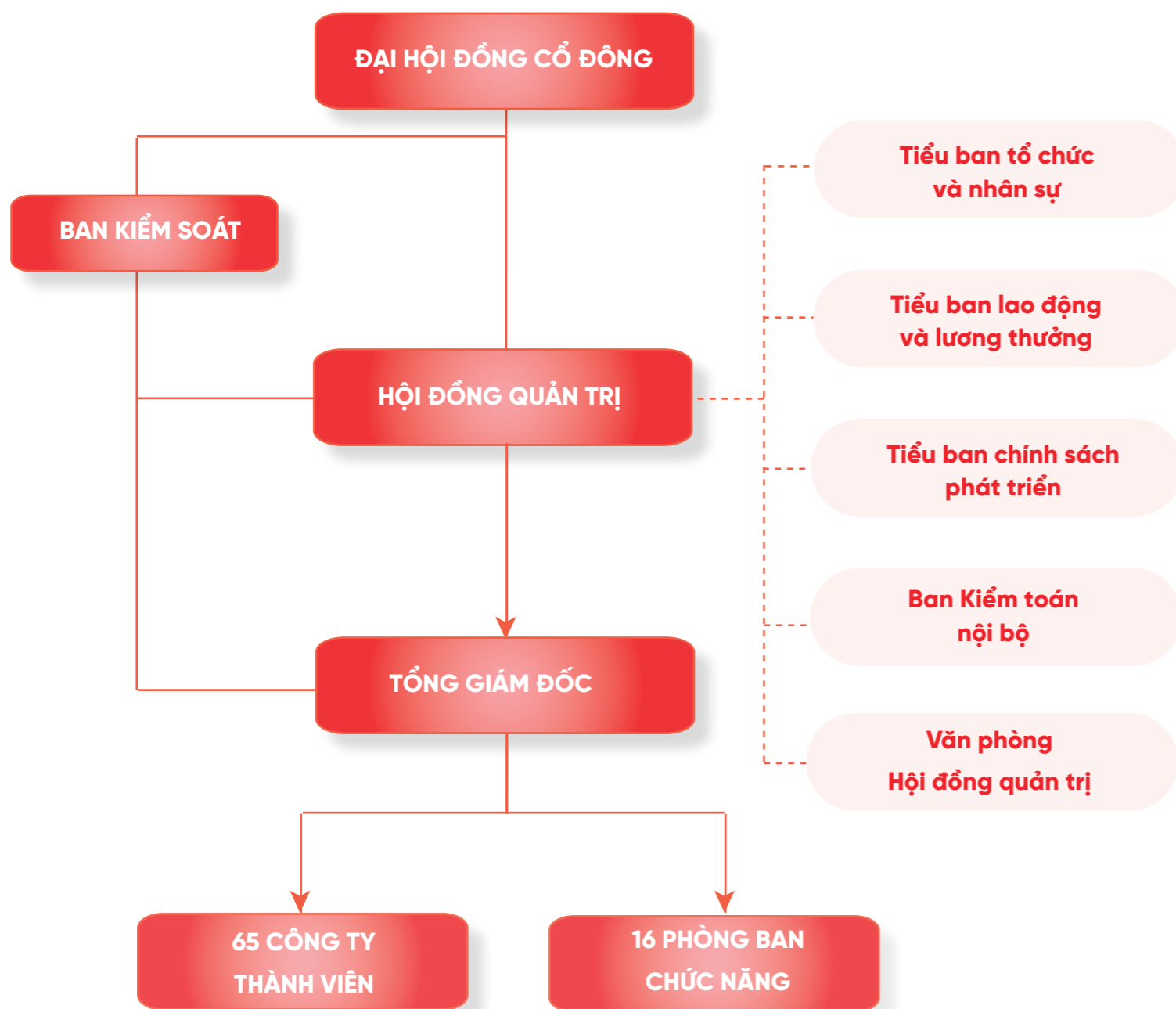


Bảo hiểm nông nghiệp

Nhằm bảo vệ thành quả lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, Bảo Minh triển khai các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ chuyên biệt cho rủi ro sản xuất và đời sống nông thôn. Hệ thống sản phẩm bao phủ hầu hết các đối tượng canh tác chủ lực như cây lúa, cây trồng, vật nuôi và thủy sản, giúp người sản xuất nhanh chóng khắc phục hậu quả và ổn định canh tác sau các sự cố thiên tai bất khả kháng.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý



Mô hình quản trị

Tổng công ty cổ phần Bảo Minh hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

Đại hội đồng cổ đông - ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Bảo Minh, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản từ các Cổ đông.

Hội đồng quản trị - HĐQT

HĐQT là cơ quan quản lý Bảo Minh, có toàn quyền nhân danh Bảo Minh để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bảo Minh không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát – BKS

Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Bảo Minh.

Tổng Giám đốc – TGD

Tổng Giám đốc của Bảo Minh là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, là người được HĐQT bổ nhiệm từ 01 thành viên HĐQT hoặc một người khác. Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Bảo Minh theo những thông lệ quản lý tốt nhất; có các quyền hạn và nhiệm vụ được nêu trong Điều lệ của Tổng Công ty.

Công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY BẢO HIỂM LIÊN HIỆP (UIC)

» Là thành viên của tập đoàn bảo hiểm Sompo Japan Nipponkoa – tập đoàn bảo hiểm hàng đầu tại đất nước mặt trời mọc. Công ty được góp vốn bởi 03 thành viên: Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (Nhật Bản); Tổng công ty cổ phần Bảo Minh (Việt Nam) và Công ty Bảo hiểm KB (Hàn Quốc).

» Địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 09 - Tòa nhà Hà Nội TungShing Square - Số 2 Ngô Quyền - Phường Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

» Vốn điều lệ: 500 tỷ đồng

» Tỷ lệ sở hữu 48,45%

» Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: kinh doanh các hoạt động Bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm; kinh doanh, thực hiện các nhiệm vụ liên quan gồm: Giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định, xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty

Với khát vọng khẳng định vị thế doanh nghiệp hàng đầu và tiên phong trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh kiên định theo đuổi các mục tiêu nền tảng là tối đa hóa hiệu quả kinh doanh, gia tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp tích cực vào Ngân sách Nhà nước và đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động.

Để hiện thực hóa những cam kết này, Bảo Minh lấy quyền lợi khách hàng làm trọng tâm và sự đồng hành của cổ đông làm động lực, không ngừng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao nhằm tối ưu hóa vận hành và mang lại sự hài lòng trọn vẹn nhất. Song song đó, Tổng Công ty cũng chủ động đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, mở rộng các dịch vụ tài chính và kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro, đảm bảo sự tăng trưởng bền vững trước mọi biến động của thị trường. Trên hết, Tổng Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn để nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ nhân viên, qua đó thực hiện trọn vẹn trách nhiệm xã hội và đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế quốc gia.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Kiên định với tầm nhìn trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và dịch vụ tài chính, Bảo Minh hoạch định chiến lược phát triển dựa trên 4 trụ cột vững chắc:

01

Khẳng định vị thế tiên phong trong kinh doanh Bảo hiểm

Bảo Minh tập trung tối đa hóa chất lượng sản phẩm và dịch vụ, phát triển danh mục sản phẩm linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe và đa dạng của thị trường. Đồng thời, Tổng Công ty còn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại (InsurTech) để tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và mang lại trải nghiệm số vượt trội cho khách hàng.

Chú trọng công tác đầu tư và tăng trưởng bền vững

Tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư bền vững, ưu tiên bảo toàn vốn; nâng cao quy mô, năng lực của bộ phận quản lý nghiệp vụ đầu tư.

Mở rộng danh mục đầu tư, bổ sung các phương án đầu tư, kênh đầu tư tiềm năng.

02

03

Kiến tạo nguồn nhân lực tinh hoa & văn hóa bản sắc

Tại Bảo Minh, con người là nguồn lực quan trọng để xây dựng nên sự thành công và phát triển của Tổng Công ty, do đó, ban lãnh đạo của Tổng Công ty cũng đã xây dựng nên các chương trình đào tạo để tạo nên đội ngũ nhân sự chất lượng cao. Đồng thời, sức khỏe tinh thần của người lao động cũng là yếu tố mà Ban lãnh đạo của công ty vô cùng quan tâm. Tổng Công ty đã tổ chức các hoạt động ngoại khóa, xây dựng môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp và tận tâm để thúc đẩy sự gắn kết và cống hiến của từng thành viên.

Thực hành ESG & Trách nhiệm xã hội

Không chỉ dừng lại ở mục tiêu lợi nhuận, Ban lãnh đạo của Tổng Công ty còn tin rằng để có thể phát triển bền vững, cần phải có những đóng góp cho sự phát triển của xã hội và môi trường thông qua các chương trình an sinh thiết thực, tổ chức các chương trình để nâng cao nhận thức về vai trò của bảo hiểm trong đời sống, cũng như tích cực hỗ trợ trong công tác giảm thiểu rủi ro, bảo vệ môi trường.

04

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng Công ty

Tổng công ty cổ phần Bảo Minh xác định chiến lược phát triển bền vững là sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh doanh và trách nhiệm phụng sự xã hội.

ĐỐI VỚI XÃ HỘI: NÂNG TẦM NHẬN THỨC & TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

Bảo Minh chủ động tổ chức các chuỗi hội thảo, tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của bảo hiểm - giải pháp tài chính thiết yếu bảo vệ sức khỏe và tài sản trước rủi ro. Song song với đó, lấy sự minh bạch và tận tâm làm nền tảng, Bảo Minh nỗ lực tối ưu hóa quy trình bồi thường, đảm bảo giải quyết quyền lợi nhanh chóng và chính xác, giữ trọn niềm tin nơi khách hàng.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG: THÚC ĐẨY “LỐI SỐNG XANH” & VẬN HÀNH TIẾT KIỆM

Hướng đến một tương lai xanh, Bảo Minh đã triệt để áp dụng các giải pháp tiết kiệm tài nguyên, ưu tiên sử dụng vật liệu tái chế và giảm thiểu rác thải trong quy trình vận hành doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo của công ty cũng thường xuyên khuyến khích và tạo điều kiện cho Cán bộ nhân viên tham gia tích cực vào các phong trào bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng đô thị xanh - sạch - đẹp, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG & NHÂN SỰ: SẼ CHIA TRÁCH NHIỆM & PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Về trách nhiệm an sinh xã hội, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh không ngừng đồng hành cùng sự phát triển của đất nước thông qua các hoạt động thiện nguyện thiết thực. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cam kết kiến tạo một môi trường làm việc công bằng và nhân văn, nơi mọi người lao động đều được đảm bảo cơ hội thăng tiến bình đẳng và được tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu để nâng cao năng lực, từ đó góp phần xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao cho ngành bảo hiểm Việt Nam.





CÁC RỦI RO

- 🎯 **Rủi ro kinh tế**
- 🎯 **Rủi ro cạnh tranh**
- 🎯 **Rủi ro pháp lý**
- 🎯 **Rủi ro thiên tai, dịch bệnh**
- 🎯 **Rủi ro trực lợi bảo hiểm**





CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra trong bối cảnh vĩ mô có nhiều biến động. Theo số liệu từ Cục Thống kê, mặc dù nền kinh tế quốc gia ghi nhận sự tăng trưởng tích cực với mức GDP năm 2025 đạt 8,02% so với năm trước, tạo môi trường kinh doanh tổng thể thuận lợi. Tuy nhiên, ngành bảo hiểm đang đối mặt với thách thức tăng trưởng không kém khi tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm hiện mới chỉ đạt gần 2% GDP, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu Chính phủ đề ra là 3% - 3,3% vào năm 2025 và mức trung bình 6,7% của thế giới. Sự chênh lệch này báo hiệu một thị trường đang gặp khó khăn về sức cầu nội tại. Với dư địa thị trường lớn nhưng tốc độ khai thác chậm, Tổng Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt hơn để giữ vững và mở rộng thị phần.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng, lạm phát và lãi suất là hai biến số vĩ mô tạo ra tác động đa chiều đến hiệu quả hoạt động của Bảo Minh. Cụ thể, lạm phát kinh tế kéo theo sự gia tăng giá cả vật tư y tế, phụ tùng thay thế và chi phí nhân công sửa chữa, dẫn đến chi phí bồi thường bình quân tăng lên, gây áp lực trực tiếp làm giảm biên lợi nhuận nghiệp vụ.

Đối với lãi suất, đây được xem là yếu tố tác động kép. Một mặt, lãi suất duy trì ở mức tích cực giúp cải thiện đáng kể doanh thu từ danh mục tiền gửi. Tuy nhiên, mặt khác, lãi suất cao sẽ làm tăng chi phí vốn của doanh nghiệp và người dân, dẫn đến hạn chế vay vốn đầu tư tài sản, từ đó làm giảm sức cầu mua bảo hiểm. Đồng thời, lãi suất cao thường gây áp lực giảm giá lên thị trường chứng khoán, ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị danh mục đầu tư cổ phiếu của Tổng Công ty.

Tuy nhiên, bức tranh kinh tế năm 2025 vẫn ghi nhận những tín hiệu tích cực về năng lực tài chính của ngành. Tổng mức đầu tư trở lại nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm tăng 10,12% so với cùng kỳ, khẳng định cam kết mạnh mẽ trong việc đảm bảo quyền lợi khách hàng và bổ sung nguồn vốn trung - dài hạn cho phát triển đất nước. Để hóa giải các rủi ro tăng trưởng chậm của thị trường bán lẻ, Bảo Minh xác định động lực mới đến từ làn sóng đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.



Với nguồn vốn dự kiến tăng cường cho hạ tầng giao thông và các dự án trọng điểm quốc gia, đây là cơ hội lớn để mảng bảo hiểm Phi nhân thọ bứt phá. Tổng hòa các yếu tố trên, tình hình kinh doanh bảo hiểm thời gian qua vẫn duy trì sự ổn định tương đối. Bảo Minh tin tưởng rằng, với chiến lược linh hoạt trong quản trị danh mục đầu tư và sự nhạy bén trong việc đón đầu làn sóng đầu tư công, Tổng Công ty sẽ tiếp tục khẳng định vị thế đồng hành cùng sự phát triển của đất nước, biến những thách thức vĩ mô thành động lực tăng trưởng bền vững.



RỦI RO CẠNH TRANH

Năm 2025, thị trường bảo hiểm Việt Nam chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng các định chế tài chính và ngân hàng tham gia thành lập công ty bảo hiểm, làm gia tăng áp lực chia sẻ thị phần đối với Bảo Minh. Bên cạnh đó, các quy định mới theo hướng đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường đã mở đường cho nhiều doanh nghiệp bảo hiểm mới với tiềm lực tài chính và sản phẩm đa dạng, buộc Tổng Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn bao giờ hết. Thách thức lớn nhất trong giai đoạn tới đến từ việc Luật Đầu tư năm 2025 (có hiệu lực thi hành kể từ 01/3/2026) chính thức loại bỏ dịch vụ phụ trợ bảo hiểm khỏi danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện kể từ ngày 01/07/2026. Việc chuyển đổi cơ chế quản lý từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Insurtech - những đơn vị sở hữu thế mạnh về AI và Big Data - tham gia sâu vào chuỗi giá trị bảo hiểm (đặc biệt là khâu giám định và tính phí tự động). Điều này đặt Tổng Công ty trước rủi ro cạnh tranh trực tiếp về tốc độ bồi thường và trải nghiệm khách hàng. Nếu chậm trễ trong việc hợp tác hoặc tích hợp công nghệ từ các Insurtech so với các đối thủ, Bảo Minh có thể đánh mất lợi thế cạnh tranh về chất lượng dịch vụ. Việc pháp lý được nới lỏng, giúp đa dạng hóa nguồn cung dịch vụ thuê ngoài, nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro về kiểm soát chất lượng do cơ chế "hậu kiểm", năng lực và tính tuân thủ của các đối tác dịch vụ phụ trợ có thể không đồng đều. Do vậy, Tổng Công ty cần xây dựng quy trình thẩm định và giám sát chặt chẽ để tránh đối mặt với những rủi ro trong trường hợp đối tác vi phạm quy định hoặc cung cấp dịch vụ kém chất lượng.

Trước bối cảnh trên, Tổng Công ty sẽ tập trung nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp giám định số hóa nhằm tối ưu thời gian và độ chính xác trong bồi thường. Đồng thời, quy trình lựa chọn đối tác dịch vụ phụ trợ được siết chặt với các tiêu chuẩn khắt khe, đảm bảo giữ vững uy tín thương hiệu của một doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu.





CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

RỦI RO PHÁP LÝ

Là doanh nghiệp niêm yết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh chịu sự điều chỉnh kép từ hệ thống pháp luật chuyên ngành bảo hiểm và các quy định quản trị công ty đại chúng.

Trong năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Nghị định 306/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021. Các văn bản này đã thiết lập chuẩn mực cao hơn về minh bạch thông tin và gia tăng đáng kể chế tài xử phạt. Điều này đặt ra áp lực lớn đối với Tổng Công ty trong việc đảm bảo tính chính xác, kịp thời của công tác công bố thông tin và chuẩn hóa quy trình quản trị nội bộ nhằm loại trừ rủi ro pháp lý và giữ vững uy tín thương hiệu trên thị trường vốn. Ngoài ra đối với các pháp luật chuyên ngành, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm (thông qua ngày 10/12/2025) dù tháo gỡ nhiều rào cản thủ tục, nhưng đồng thời thiết lập các quy định mới khắt khe hơn về tiêu chuẩn người quản lý, người kiểm soát và hoạt động đại lý. Đặc biệt, sự thay đổi của Luật Đầu tư sửa đổi (có hiệu lực từ 01/03/2026) với việc bãi bỏ thủ tục cấp phép “tiền kiểm” đối với dịch vụ phụ trợ bảo hiểm mang lại tác động hai chiều. Về cơ hội, quy định Luật sửa đổi giúp cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo sự linh hoạt trong việc mở rộng hệ sinh thái dịch vụ. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra thách thức lớn trong công tác quản trị rủi ro đối tác. Việc chuyển sang cơ chế “hậu kiểm” dễ dẫn đến rủi ro “bẫy tuân thủ” – nơi các tiêu chuẩn chuyên ngành bị xem nhẹ. Nếu Bảo Minh hợp tác với các đơn vị phụ trợ (Insurtech, giám định độc lập) không đảm bảo năng lực pháp lý, Tổng Công ty sẽ đối mặt với rủi ro trách nhiệm liên đới và các chế tài xử phạt nghiêm khắc từ cơ quan quản lý trong các đợt thanh tra hậu kiểm.

Trước bối cảnh trên, Ban Lãnh đạo Tổng Công ty không ngừng tập trung nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ và pháp chế nhằm cập nhật các thay đổi pháp lý theo thời gian thực. Đối với hoạt động thuê ngoài dịch vụ phụ trợ, Bảo Minh cũng sẽ áp dụng quy trình thẩm định đối tác nghiêm ngặt dựa trên các chuẩn mực chuyên ngành, đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh đều nằm trong giới hạn an toàn pháp lý và phát triển bền vững.

RỦI RO TRỰC LỢI BẢO HIỂM

Trong bối cảnh thị trường năm 2025, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh nhận diện rủi ro trực lợi bảo hiểm đã có sự chuyển biến tiêu cực về chất, chuyển dịch từ các hành vi tự phát, nhỏ lẻ sang các mô hình tội phạm có tổ chức, tinh vi và mang tính hệ thống. Thực tế cho thấy, các hành vi trực lợi hiện nay đã biến tướng thành những đường dây chuyên nghiệp. Các đối tượng không ngần ngại sử dụng các thủ đoạn nhằm chiếm đoạt số tiền lớn, đặc biệt gia tăng trong các nghiệp vụ trọng yếu như Bảo hiểm Sức khỏe và Tai nạn con người.

Công tác phòng chống gian lận của toàn ngành đang gặp thách thức lớn từ các rào cản mang tính hệ thống, điển hình là “vùng tối” về dữ liệu. Việc thiếu hụt cơ sở dữ liệu chung về lịch sử khám chữa bệnh và lịch sử bồi thường trên toàn quốc, cùng với hành lang pháp lý chưa cho phép doanh nghiệp bảo hiểm tra cứu thông tin y tế, khiến quy trình thẩm định rơi vào thế bị động. Tại một số địa phương có tỷ lệ trực lợi cao bất thường, doanh nghiệp buộc phải áp dụng các biện pháp hạn chế cung cấp sản phẩm, vô tình ảnh hưởng đến nhu cầu bảo vệ chính đáng của đa số khách hàng trung thực.

Trước những diễn biến phức tạp này, Bảo Minh tăng cường công tác đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ để nhận diện sớm các dấu hiệu bất thường, đồng thời chủ động phối hợp với các cơ quan ban ngành để xây dựng danh sách cảnh báo và kiến nghị cơ quan quản lý hoàn thiện cơ chế chia sẻ thông tin y tế, đảm bảo một môi trường kinh doanh minh bạch và bền vững.

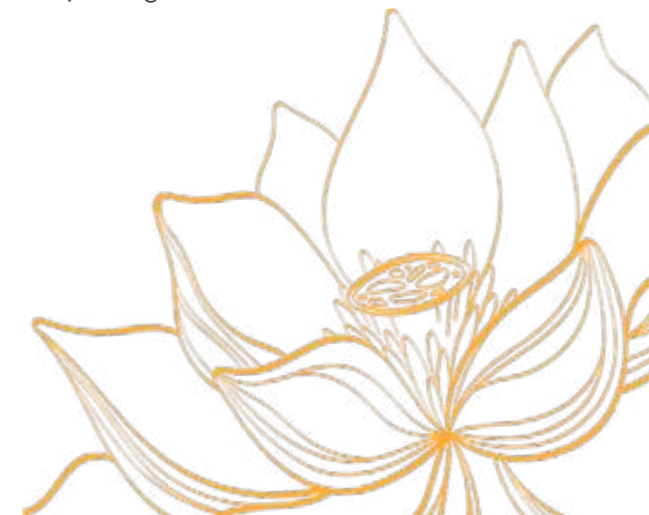


RỦI RO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

Trong năm 2025, ngành bảo hiểm phi nhân thọ đã phải đối mặt với rủi ro thiên tai làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh và năng lực tài chính của các doanh nghiệp. Nền kinh tế liên tiếp hứng chịu các hiện tượng thời tiết cực đoan với sức tàn phá lớn và phân tán rộng trên khắp các vùng miền. Điển hình, sau siêu bão Yagi (tháng 9/2024) gây thiệt hại ước tính 81.500 tỷ đồng, năm 2025 tiếp tục chứng kiến chuỗi bão lũ dồn dập như bão Bualoi, Matmo, Kalmaegi cùng các cơn bão số 10 và 11 gây lũ lụt nghiêm trọng tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Mặc dù quy mô từng sự kiện riêng lẻ có thể không lớn bằng siêu bão Yagi, nhưng tần suất xuất hiện dày đặc và phạm vi ảnh hưởng rộng đã tạo ra áp lực bồi thường cộng dồn vô cùng lớn cho các nhà bảo hiểm.

Tác động của thiên tai đã gây tổn thất nặng nề cho hai nghiệp vụ chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất của ngành là Bảo hiểm Xe cơ giới và Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật. Đối với nghiệp vụ Xe cơ giới, tình trạng mưa lớn gây ngập lụt diện rộng khiến hàng nghìn xe bị thủy kích – một rủi ro đắt đỏ với chi phí sửa chữa chiếm từ 30% đến 70% giá trị xe – đẩy tỷ lệ bồi thường của nghiệp vụ này tại nhiều doanh nghiệp ước tính vượt ngưỡng an toàn, có thể lên tới 60% trong năm 2025. Song song đó, nghiệp vụ Tài sản - Kỹ thuật cũng ghi nhận tổn thất lớn do sập mái nhà xưởng, hư hại máy móc và đặc biệt là rủi ro gián đoạn kinh doanh đang làm giá trị bồi thường tăng mạnh. Hệ quả là chi phí bồi thường và dự phòng tăng cao trong khi phí bảo hiểm không tăng tương ứng đã làm giảm biên lợi nhuận, khiến nhiều doanh nghiệp đứng trước nguy cơ lỗ kỹ thuật.

Để đứng vững trước bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, Tổng Công ty cũng đã xác định chiến lược trọng tâm là nâng cao năng lực quản trị rủi ro và đẩy mạnh số hóa quy trình bồi thường để rút ngắn thời gian chi trả, hỗ trợ khách hàng sớm ổn định cuộc sống.



BẢO HIỂM BẢO MINH

Lá chắn vững chắc trên mọi nẻo đường

02

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
NĂM 2025**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2025

ĐVT: Triệu đồng

| Tổng doanh thu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % 2025/ 2024 |
|--|------------------|----------------|------------------|----------------|-----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Doanh thu phí bảo hiểm gốc | 5.960.679 | 85,37% | 5.966.174 | 83,89% | 100,09% |
| Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm | 681.548 | 9,76% | 805.329 | 11,32% | 118,16% |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 12.963 | 0,19% | 13.777 | 0,19% | 106,28% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 322.890 | 4,62% | 319.767 | 4,50% | 99,03% |
| Thu nhập khác | 3.942 | 0,06% | 6.826 | 0,10% | 173,16% |
| Tổng doanh thu | 6.982.021 | 100,00% | 7.111.873 | 100,00% | 101,86% |

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự bứt phá ấn tượng với mức tăng trưởng GDP đạt 8,02%, được thúc đẩy bởi động lực từ đầu tư công và tiêu dùng nội địa. Diễn biến này góp phần gia tăng nhu cầu bảo vệ tài sản và hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Tuy nhiên, ngành bảo hiểm vẫn phải đối mặt với nhiều áp lực khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,31%, kéo theo chi phí y tế, phụ tùng thay thế gia tăng, cùng với đó là các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão Bualoi, Matmo và Kalmaegi liên tiếp xảy ra, gây ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận nghiệp vụ của các doanh nghiệp trong ngành.

Trong bối cảnh đó, tổng doanh thu của Bảo Minh đạt 7.111.873 triệu đồng, tăng 1,86% so với năm 2024. Doanh thu phí bảo hiểm gốc tiếp tục giữ vai trò trụ cột với 5.966.174 triệu đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất (83,89%), đạt 100,09% so với năm 2024, thể hiện những nỗ lực của Ban Điều hành trong việc duy trì thị phần.

Đáng chú ý, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm ghi nhận mức tăng trưởng đột phá 18,16%, nâng tỷ trọng đóng góp lên 11,32% trong cơ cấu doanh thu. Kết quả này không chỉ khẳng định năng lực tài chính và uy tín của Bảo Minh đối với các đối tác tái bảo hiểm trong và ngoài nước, mà còn phản ánh khả năng thẩm định rủi ro chuyên sâu cùng sự hỗ trợ kỹ thuật hiệu quả từ cổ đông chiến lược AXA.

Doanh thu hoạt động tài chính, chiếm 4,50% tổng doanh thu, giảm nhẹ 0,97% xuống còn 319.767 triệu đồng, chủ yếu do biến động lãi suất tiền gửi và chênh lệch tỷ giá trong nửa đầu năm. Trước những biến động này, Ban Điều hành vẫn kiên định với chiến lược đầu tư thận trọng, ưu tiên tính thanh khoản bằng việc tập trung danh mục vào các ngân hàng thương mại uy tín, đồng thời tận dụng sự ổn định của trái phiếu Chính phủ nhằm đảm bảo lợi suất dài hạn. Bên cạnh đó, các mảng kinh doanh bất động sản đầu tư và thu nhập khác tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng vẫn ghi nhận mức tăng trưởng lần lượt 6,28% và 73,16%, góp phần tích cực vào lợi nhuận chung của Tổng Công ty.

TỔNG DOANH THU:

7.111.873 TRIỆU ĐỒNG, so với

cùng kỳ đạt **101,86%**

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GỐC:

5.966.174 TRIỆU ĐỒNG, so với

cùng kỳ đạt **100,09%**

DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM:

805.329 TRIỆU ĐỒNG, so với

cùng kỳ đạt **118,16%**

DOANH THU KINH DOANH BĐS ĐẦU TƯ:

13.777 TRIỆU ĐỒNG, so với

cùng kỳ đạt **106,28%**

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------------|--------------|
| 1 | Ông Vũ Anh Tuấn | Tổng Giám đốc | 6.020 | 0,004% |
| 2 | Ông Phạm Minh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | 31 | 0,00002% |
| 3 | Ông Châu Quang Linh | Phó Tổng Giám đốc | 12.062 | 0,008% |
| 4 | Ông Nguyễn Ngọc Anh | Phó Tổng Giám đốc | - | - |
| 5 | Ông Vũ Hải Lâm | Phó Tổng Giám đốc | - | - |
| 6 | Ông Nguyễn Thành Nam | Phó Tổng Giám đốc | - | - |
| 7 | Ông Sái Văn Hưng | Kế toán trưởng | 875 | 0,0006% |

Lý lịch ban điều hành

Ông Vũ Anh Tuấn - Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|-------------------------|
| Năm sinh | 20/10/1979 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ quản lý kinh tế |

Ông Phạm Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|--|
| Năm sinh | 10/10/1973 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Kế toán |

Ông Châu Quang Linh - Phó Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|-----------------------------------|
| Năm sinh | 19/08/1968 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân chuyên ngành Vận tải ô tô |

Ông Nguyễn Ngọc Anh - Phó Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|-----------------------------|
| Năm sinh | 01/10/1970 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh |





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Vũ Hải Lâm - Phó Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|-------------------------|
| Năm sinh | 06/04/1985 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Quản lý kinh tế |

Ông Nguyễn Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|--|
| Năm sinh | 13/10/1971 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân chuyên ngành Thống kê và Cử nhân chuyên ngành tiếng Anh |

Ông Sái Văn Hưng - Kế toán trưởng

| | |
|---------------------|-----------------|
| Năm sinh | 15/02/1980 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----|----------------------|-------------------|---------------------------|
| 1 | Ông Vũ Anh Tuấn | Tổng Giám đốc | 01/06/2025 (bổ nhiệm lại) |
| 2 | Ông Phạm Minh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | 26/09/2023 (bổ nhiệm lại) |
| 3 | Ông Châu Quang Linh | Phó Tổng Giám đốc | 08/08/2024 (bổ nhiệm lại) |
| 4 | Ông Nguyễn Ngọc Anh | Phó Tổng Giám đốc | 16/01/2023 |
| 5 | Ông Vũ Hải Lâm | Phó Tổng Giám đốc | 16/01/2023 |
| 6 | Ông Nguyễn Thành Nam | Phó Tổng Giám đốc | 22/09/2023 |
| 7 | Ông Sái Văn Hưng | Kế toán trưởng | 10/08/2025 (bổ nhiệm lại) |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

HỘI NGHỊ

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025
& TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KINH DOANH NĂM 2026

CÁN THỜI, NGÀY 08 THÁNG 01 NĂM 2026





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

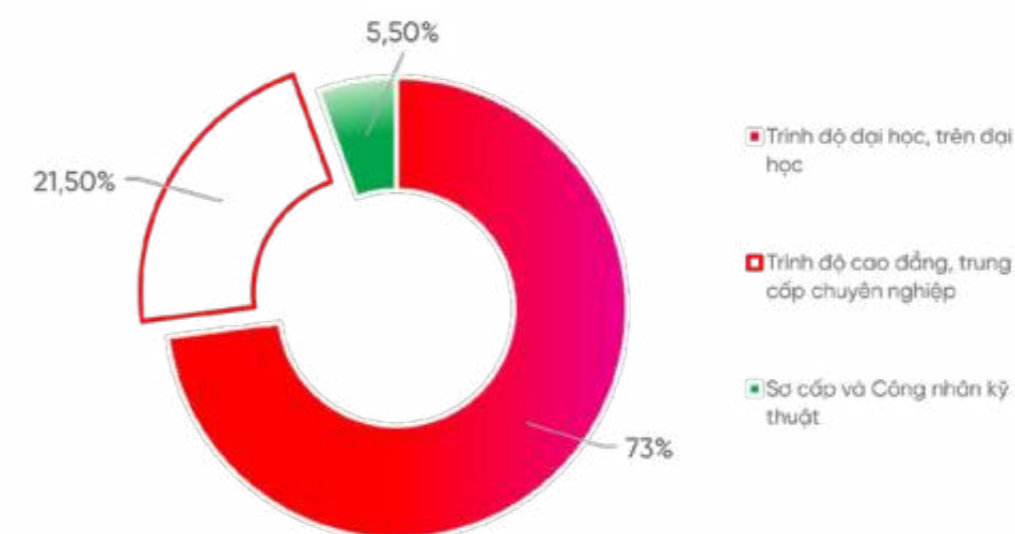
| STT | Tính chất phân loại | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|----------|--|------------------|-------------|------------------|-------------|
| | | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
| A | Theo trình độ lao động | 1.653 | 100% | 1.575 | 100% |
| 1 | Trình độ đại học, trên đại học | 1.179 | 71,3% | 1.149 | 73,0% |
| 2 | Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 369 | 22,3% | 339 | 21,5% |
| 3 | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 105 | 6,4% | 87 | 5,5% |
| B | Theo tính chất hợp đồng lao động | 1.653 | 100% | 1.575 | 100% |
| 1 | Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm | 475 | 28,7% | 456 | 29,0% |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 1.178 | 71,3% | 1.119 | 71,0% |
| C | Theo giới tính | 1.653 | 100% | 1.575 | 100% |
| 1 | Nam | 875 | 52,9% | 739 | 46,9% |
| 2 | Nữ | 778 | 47,1% | 836 | 53,1% |
| | Tổng cộng | 1.653 | 100% | 1.575 | 100% |

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

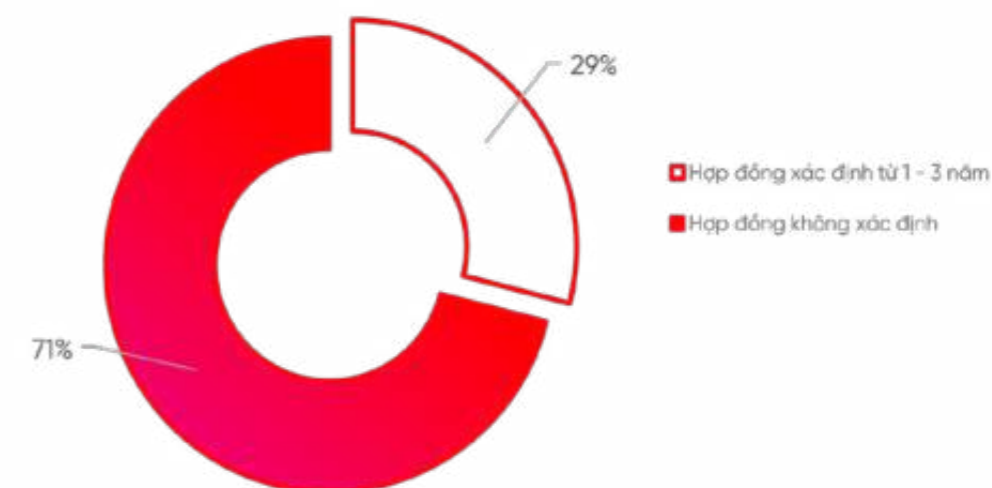
| Năm | 2023 | 2024 | 2025 |
|--|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người) | 1.685 | 1.653 | 1.575 |
| Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng) | 27.830.000 | 20.500.000 | 21.294.000 |



Theo trình độ lao động



Theo tính chất hợp đồng lao động



Theo giới tính



TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Chính sách nhân sự



Về môi trường làm việc

Tại Tổng công ty cổ phần Bảo Minh, việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, coi trọng giá trị cá nhân và tạo điều kiện để đội ngũ nhân sự phát huy tối đa năng lực luôn được xác định là ưu tiên hàng đầu. Tổng Công ty duy trì chế độ làm việc 8 tiếng mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu, đảm bảo sự cân bằng giữa công việc và đời sống cho nhân viên. Bên cạnh đó, các quyền lợi về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế luôn được Tổng Công ty thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo nền tảng phúc lợi vững chắc cho người lao động.



Về tuyển dụng

Công tác xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển tại Bảo Minh. Tổng Công ty chú trọng tuyển dụng những cá nhân có chuyên môn vững vàng, thái độ làm việc tích cực và khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường kinh doanh năng động. Trong năm 2025, Tổng Công ty đã tăng cường đẩy mạnh hoạt động quản trị nguồn nhân lực trên toàn hệ thống thông qua việc chủ động tìm kiếm và bồi dưỡng những ứng viên tiềm năng để quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận. Việc chú trọng đào tạo và phát triển nhân lực là bước chuẩn bị cần thiết nhằm đảm bảo sự vận hành ổn định, đồng thời tạo nền móng vững chắc để Tổng Công ty hoàn thành các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn cũng như các định hướng chiến lược dài hạn trong tương lai.



Về đào tạo

Tại Tổng công ty cổ phần Bảo Minh, yếu tố con người luôn được xác định là nhân tố then chốt trong chiến lược phát triển bền vững. Tổng Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, coi đây là nền tảng quan trọng cho sự thành công trong tương lai. Bên cạnh các hình thức đào tạo trực tiếp, Bảo Minh còn đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo trực tuyến nhằm tối ưu hóa thời gian và chi phí vận hành mà vẫn đảm bảo chất lượng truyền tải kiến thức. Phương thức này giúp đội ngũ cán bộ nhân viên chủ động cập nhật các kiến thức chuyên môn và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ một cách linh hoạt, góp phần xây dựng lực lượng lao động tinh nhuệ, sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường bảo hiểm.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Chính sách nhân sự (tiếp theo)



Về lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Tại Tổng công ty cổ phần Bảo Minh, việc ghi nhận và tôn vinh những đóng góp của đội ngũ cán bộ nhân viên luôn được đặt ở vị trí trung tâm. Ban Lãnh đạo chú trọng tới việc thiết lập một chính sách lương thưởng linh hoạt và đa dạng, không chỉ nhằm mục đích đãi ngộ xứng đáng cho những nỗ lực cá nhân mà còn tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự gắn bó lâu dài. Tổng Công ty xác định rằng một nền tảng phúc lợi tốt chính là tiền đề quan trọng cho cuộc sống ổn định và hạnh phúc của người lao động. Xuất phát từ quan điểm đó, bên cạnh khoản tiền lương cơ bản, Bảo Minh còn xây dựng chế độ phúc lợi tốt mang đến sự an tâm và tin tưởng cho toàn thể nhân viên cụ thể như sau:

Thưởng và phúc lợi

Tổng Công ty luôn chú trọng xây dựng các khoản thưởng và phúc lợi đa dạng nhằm ghi nhận kịp thời những đóng góp của đội ngũ nhân sự trong các dịp Lễ, Tết cũng như các sự kiện kỷ niệm thành lập Tổng Công ty và ngày sinh nhật cá nhân. Bên cạnh các khoản thưởng và chi phúc lợi mang tính động viên, Tổng Công ty còn duy trì các chương trình hỗ trợ chi phí nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên. Những chính sách này không chỉ thể hiện sự trân trọng của Ban Lãnh đạo đối với người lao động mà còn tạo điều kiện để mỗi cá nhân có cơ hội tái tạo sức lao động và gắn kết hơn với tập thể.



Chăm sóc sức khỏe toàn diện

Xác định sức khỏe là vốn quý nhất của người lao động, Bảo Minh không chỉ dừng lại ở việc quan tâm đến sức khỏe của đội ngũ cán bộ nhân viên đang công tác mà còn mở rộng chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho cả thân nhân của họ. Việc triển khai các giải pháp bảo vệ sức khỏe toàn diện này nhằm mục tiêu xây dựng một nền tảng phúc lợi vững chắc, giúp nhân viên yên tâm công tác và cảm thấy được trân trọng trong một môi trường làm việc nhân văn. Đây là nỗ lực của Tổng Công ty trong việc đồng hành cùng người lao động chăm lo cho cuộc sống gia đình ổn định và hạnh phúc.

*“Bảo Minh
Tận tình phục vụ”*



Thưởng theo hiệu quả kinh doanh

Để khuyến khích tinh thần làm việc chủ động và sáng tạo, Tổng Công ty áp dụng cơ chế thưởng linh hoạt dựa trên hiệu quả kinh doanh thực tế bên cạnh mức lương và các khoản thưởng cố định. Chính sách này cũng góp phần tạo động lực mạnh mẽ để mỗi cán bộ nhân viên không ngừng nỗ lực, nâng cao năng suất lao động và đóng góp trực tiếp vào sự tăng trưởng chung của toàn hệ thống. Thông qua việc gắn liền lợi ích cá nhân với thành công của tổ chức, Tổng Công ty hướng tới mục tiêu xây dựng một đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, cùng chung tay hiện thực hóa các kế hoạch chiến lược đã đề ra.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

ĐVT: Triệu đồng

| Loại hình đầu tư | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|----------------|----------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết | 242.250 | 242.250 |
| Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (i) | 242.250 | 242.250 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 57.615 | 57.615 |
| CTCP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long | 6.000 | 6.000 |
| CTCP Sài Gòn - Kim Liên | 7.618 | 7.618 |
| Tổng CTCP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare) | 43.218 | 43.218 |
| CTCP Xi măng Hà Tiên | 779 | 779 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (3.350) | (3.778) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Dài hạn | 236.000 | 290.760 |
| Trái phiếu doanh nghiệp | 200.000 | 289.760 |
| Chứng chỉ tiền gửi | - | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 36.000 | 1.000 |
| Tổng cộng | 535.865 | 590.625 |



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty liên kết

ĐVT: Triệu đồng

| CÔNG TY BẢO HIỂM LIÊN HIỆP (UIC) | | | | |
|--|-----------|-----------|-------------|--|
| Chỉ tiêu | TH 2024 | TH 2025 | % 2025/2024 | |
| Tổng tài sản | 2.956.094 | 2.292.622 | 77,6% | |
| Doanh thu thuần | 418.809 | 413.344 | 98,7% | |
| Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH | 190.289 | 185.889 | 97,7% | |
| Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính | 75.436 | 70.558 | 93,5% | |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 150.951 | 128.057 | 84,8% | |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | 120.746 | 102.461 | 84,9% | |



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

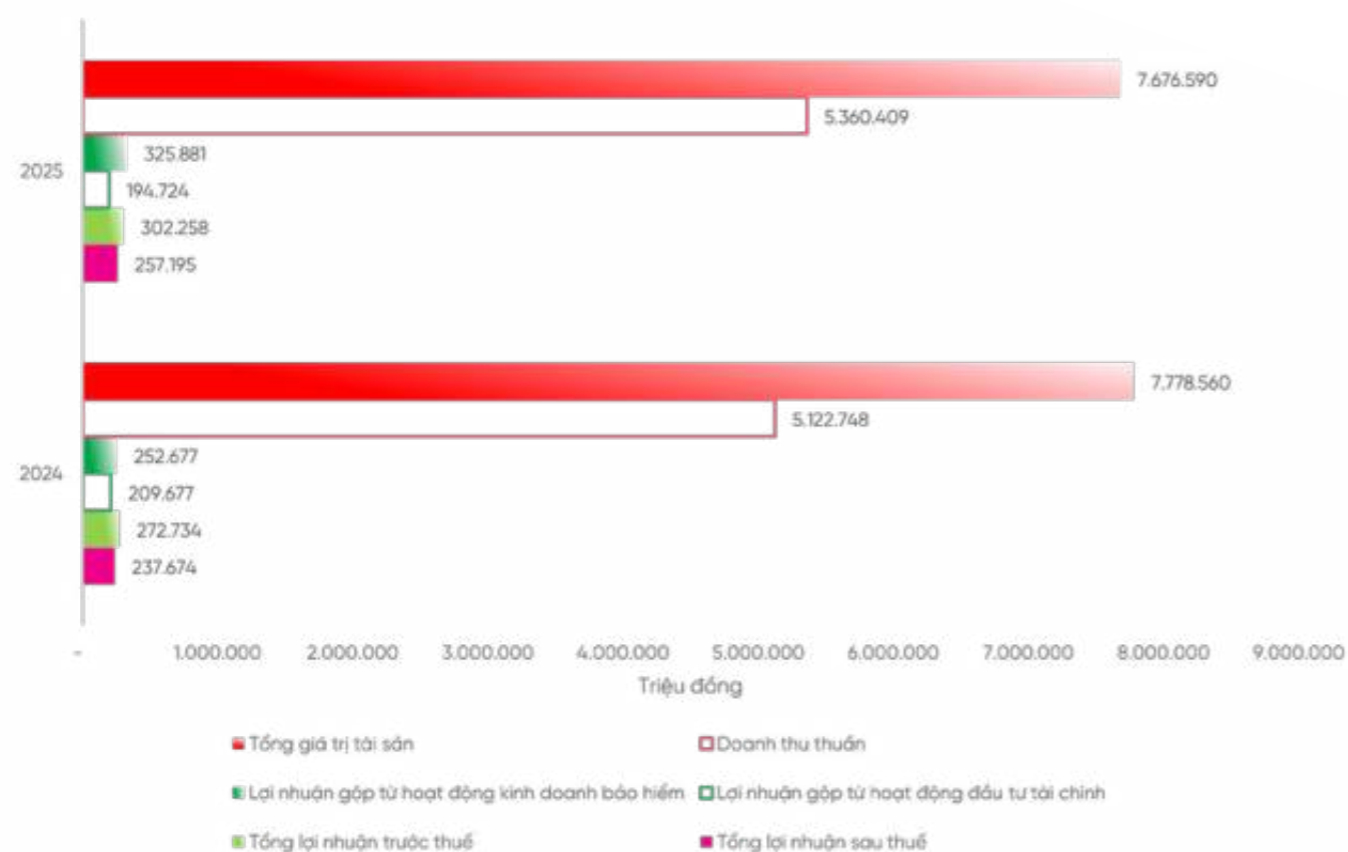
Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2024 | 2025 | % 2025/2024 |
|-----|--|-----------|-----------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 7.778.560 | 7.676.590 | 98,69% |
| 2 | Doanh thu thuần | 5.122.748 | 5.360.409 | 104,64% |
| 3 | Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH | 252.677 | 325.881 | 128,97% |
| 4 | Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính | 209.677 | 194.724 | 92,87% |
| 5 | Tổng Lợi nhuận trước thuế | 272.734 | 302.258 | 110,83% |
| 6 | Tổng Lợi nhuận sau thuế | 237.674 | 257.195 | 108,21% |

Năm 2025 được xem là giai đoạn nhiều biến động của ngành bảo hiểm Việt Nam, đồng thời ghi nhận sự phục hồi sau quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ. Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 237,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khối bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục đóng vai trò động lực tăng trưởng với doanh thu đạt 88,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3%. Việc triển khai Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 cùng các nghị định hướng dẫn đã góp phần siết chặt các tiêu chuẩn về vốn điều lệ tối thiểu và quản trị rủi ro, qua đó nâng cao tính minh bạch và mức độ chuyên nghiệp của thị trường.

Tình hình tài chính



Tuy nhiên, năm 2025 vẫn là một năm đầy thách thức khi, sau siêu bão Yagi năm 2024, thị trường tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi chuỗi thiên tai dồn dập gồm các cơn bão Bualoi, Matmo và Kalmaegi. Tổng thiệt hại kinh tế từ thiên tai vượt 97.000 tỷ đồng, tạo áp lực bồi thường tích lũy rất lớn, đặc biệt đối với các nghiệp vụ xe cơ giới và tài sản kỹ thuật.

Trong bối cảnh thị trường có xu hướng phân hóa rõ nét, Bảo Minh đã kiên định triển khai chiến lược "Hiệu quả – Bền vững". Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Tổng Công ty đạt 7.676.590 triệu đồng, giảm nhẹ 1,31% so với cuối năm 2024. Đáng chú ý, Bảo Minh đã chủ động điều chỉnh cơ cấu tài sản khi giảm mạnh khoản mục tiền và tương đương tiền từ 446.094 triệu đồng xuống còn 216.746 triệu đồng (giảm 51,41%), nhằm chuyển dịch sang các kênh đầu tư có lợi suất cao hơn, đồng thời tăng cường nguồn vốn phục vụ hoạt động bồi thường sau thiên tai.

Bên cạnh đó, về hoạt động kinh doanh, doanh thu thuần đạt 5.360.409 triệu đồng, tăng 4,64% so với cùng kỳ. Đặc biệt, doanh thu thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm tăng mạnh từ 357.809 triệu đồng lên 564.816 triệu đồng (tăng 57,85%), qua đó góp phần đưa lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng 28,97%, đạt 325.881 triệu đồng. Kết quả này phản ánh rõ năng lực duy trì hoạt động ổn định, khả năng kiểm soát chi phí bồi thường cũng như hiệu quả trong công tác thẩm định và sàng lọc rủi ro của Tổng Công ty sau một năm 2024 đầy thách thức.

Bên cạnh đó, hoa hồng từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm cùng doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, từ 242.859 triệu đồng lên 301.068 triệu đồng (tăng 23,97%). Mặc dù tổng chi bồi thường bảo hiểm giảm nhẹ từ 1.727.039 triệu đồng xuống còn 1.550.965 triệu đồng (giảm 10,20%), lợi nhuận trước thuế và sau thuế, vẫn ghi nhận sự tăng trưởng lần lượt đạt 10,83% và 8,21%.

Ở chiều ngược lại, lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính giảm nhẹ 7,13%, từ 209.677 triệu đồng xuống còn 194.724 triệu đồng, chủ yếu do tác động bất lợi từ biến động tỷ giá.

Tổng thể, trong năm 2025, dù phải đối mặt với áp lực bồi thường lớn từ thiên tai và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, Ban Lãnh đạo Bảo Minh vẫn duy trì định hướng điều hành phù hợp, qua đó đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận và củng cố nền tảng phát triển bền vững cho Tổng Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2024 | 2025 |
|--|------|--------|--------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,35 | 1,40 |
| Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,35 | 1,40 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 64,16 | 61,87 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 179,05 | 162,25 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | - | - |
| Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) | Vòng | 0,69 | 0,69 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 4,64 | 4,80 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 8,75 | 9,00 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 3,22 | 3,33 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 5,27 | 5,55 |

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

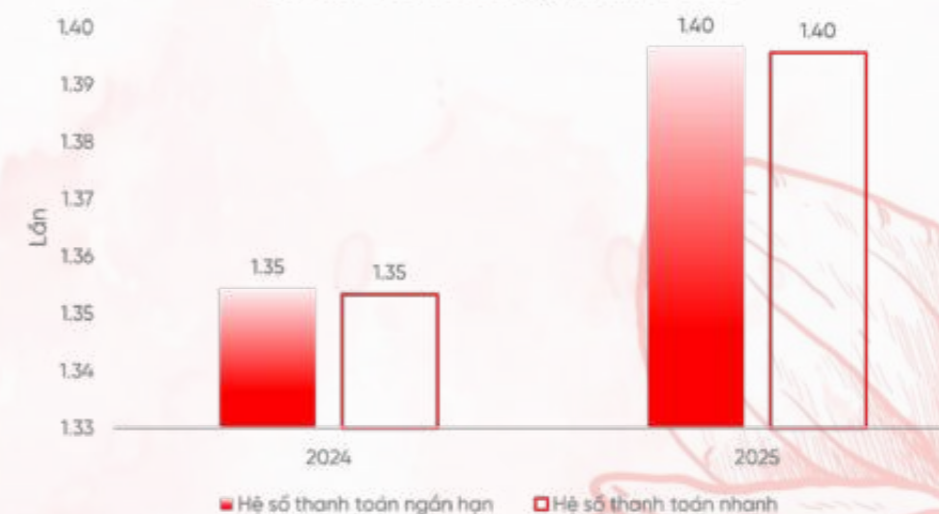
Trong năm 2025, các chỉ số thanh khoản của Bảo Minh ghi nhận sự cải thiện tích cực khi hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đồng thời tăng từ 1,35 lên 1,40 lần. Diễn biến này chủ yếu đến từ việc nợ ngắn hạn giảm với tốc độ nhanh hơn so với tài sản ngắn hạn.

Cụ thể, nợ ngắn hạn giảm 4,84%, từ 4.989.796 triệu đồng xuống còn 4.748.053 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự sụt giảm mạnh của khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, với mức giảm lên tới 93,63%, từ 263.300 triệu đồng xuống còn 16.781 triệu đồng.

Ở chiều ngược lại, tài sản ngắn hạn chỉ giảm nhẹ 1,88%, chủ yếu do sự điều chỉnh cơ cấu nội bộ giữa các khoản mục. Trong đó, tiền và tương đương tiền giảm mạnh 51,41%, trong khi đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 6,43%. Sự dịch chuyển này thể hiện việc Bảo Minh đã chủ động tái cơ cấu danh mục tài sản, chuyển một phần nguồn tiền sang các kênh đầu tư như cổ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn nhằm tối ưu hóa hiệu quả sinh lời.

Tổng thể, việc cải thiện các chỉ số thanh khoản trong bối cảnh tái cơ cấu tài sản phản ánh năng lực quản trị dòng tiền hiệu quả và định hướng sử dụng vốn linh hoạt của Tổng Công ty, qua đó góp phần củng cố nền tảng tài chính an toàn trong ngắn hạn.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



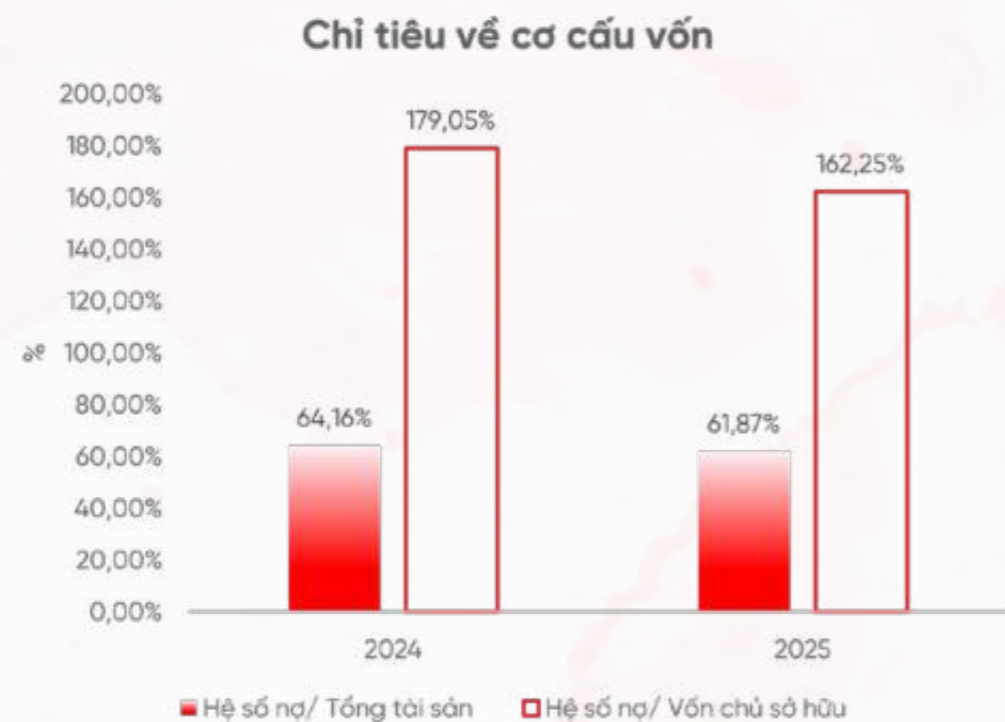
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2025, cơ cấu vốn của Bảo Minh ghi nhận sự cải thiện tích cực khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 179,05% xuống còn 162,25% và hệ số Nợ/ Tổng tài sản giảm từ 64,16% xuống còn 61,87%.

Nguyên nhân đến từ việc tổng nợ phải trả giảm từ 4.991.017 triệu đồng xuống còn 4.749.339 triệu đồng. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, phí bảo hiểm tạm thu và dự phòng nghiệp vụ. Đáng chú ý, dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm giảm mạnh 24,21%, từ 1.399.732 triệu đồng xuống còn 1.060.854 triệu đồng, góp phần đáng kể vào xu hướng giảm chung của nợ phải trả. Bên cạnh đó, Tổng tài sản ghi nhận sự giảm nhẹ từ 7.778.560 triệu đồng xuống còn 7.676.589 triệu đồng (giảm 1,31%) chủ yếu do sự sụt giảm của khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền và khoản mục Tài sản tái bảo hiểm giảm. Ngoài ra, vốn chủ sở hữu tăng 5,01%, từ 2.787.543 triệu đồng lên 2.927.250 triệu đồng, chủ yếu do Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức trong năm.

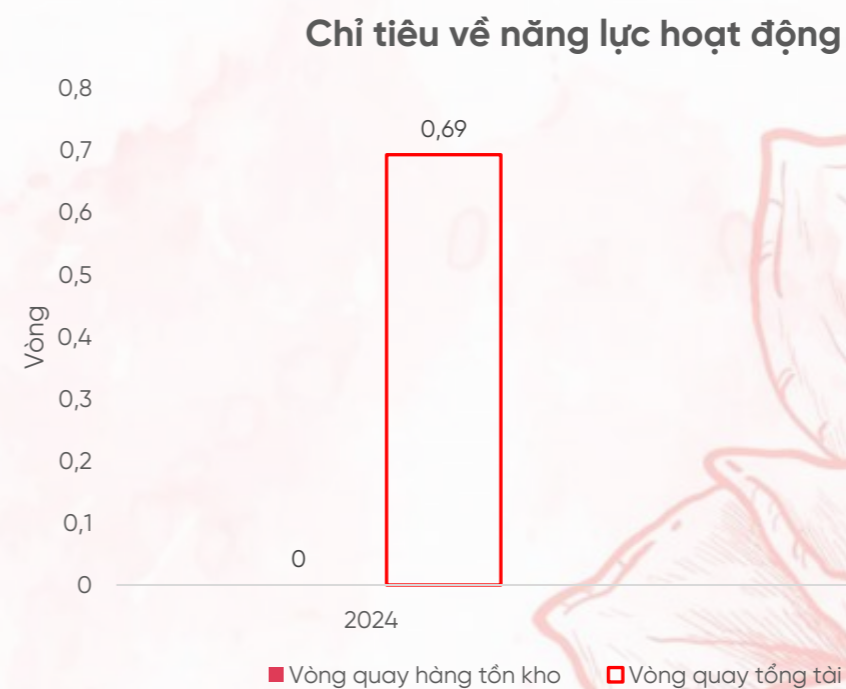
Tổng thể, việc hệ số đòn bẩy tài chính suy giảm trong bối cảnh vốn chủ sở hữu được củng cố cho thấy Tổng Công ty đang từng bước cải thiện mức độ an toàn tài chính, đồng thời giảm thiểu rủi ro liên quan đến áp lực nghĩa vụ nợ trong dài hạn.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2025, vòng quay tổng tài sản của Tổng Công ty tăng nhẹ từ 0,69 vòng lên 0,69 vòng. Cụ thể, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 5.360.408 triệu đồng, tăng 4,64% so với năm trước. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ doanh thu phí bảo hiểm thuần, tăng từ 4.879.888 triệu đồng lên 5.059.341 triệu đồng, cùng với sự cải thiện của khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tăng từ 242.859 triệu đồng lên 301.068 triệu đồng. Ở chiều tài sản, tổng tài sản bình quân tăng nhẹ, đạt 7.727.575 triệu đồng, chủ yếu do sự sụt giảm đáng kể của tài sản tái bảo hiểm (giảm 19,28%). Trong đó, khoản dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm ghi nhận xu hướng giảm mạnh từ 1.028.141 triệu đồng xuống còn 658.087 triệu đồng (tương đương mức giảm 35,99%).

Diễn biến này phản ánh việc Tổng Công ty đã chủ động thu hồi các khoản phải thu từ đối tác tái bảo hiểm liên quan đến các tổn thất lớn phát sinh trong năm trước, qua đó chuyển hóa tài sản từ dạng dự phòng sang tiền và các khoản đầu tư sinh lời. Nhờ đó, hiệu suất sử dụng vốn được cải thiện, góp phần nâng cao vòng quay tổng tài sản trong kỳ.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

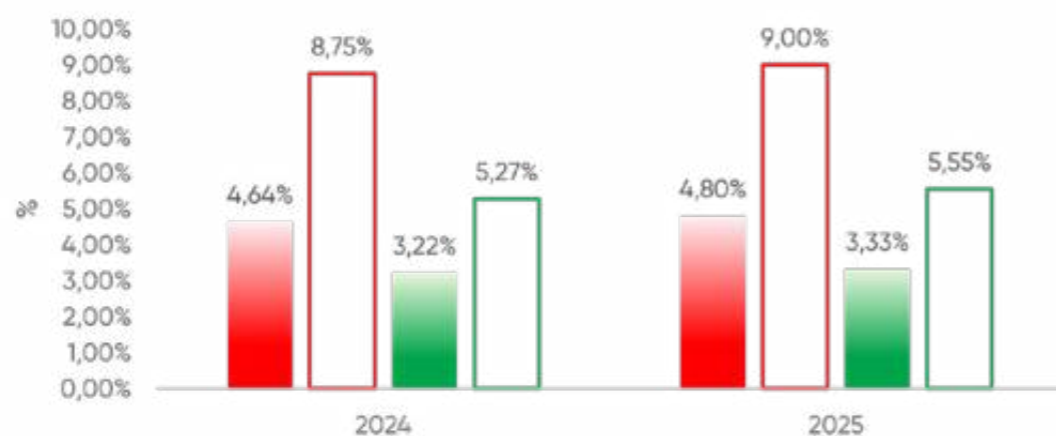
Trong năm 2025, các chỉ tiêu sinh lời của Bảo Minh ghi nhận sự tăng trưởng đồng bộ, phản ánh hiệu quả từ chiến lược tối ưu hóa nghiệp vụ và quản trị tài sản trong bối cảnh kinh tế vĩ mô có nhiều biến động. Cụ thể, tỷ số biên lợi nhuận ròng (LNST/Doanh thu thuần) đã tăng từ 4,64% lên 4,80%, kết quả này chủ yếu đến từ việc doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng trưởng 4,64%, đạt 5.360.409 triệu đồng. Động lực chính cho sự cải thiện này là sự gia tăng của doanh thu phí bảo hiểm thuần kết hợp với hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác từ hoạt động nghiệp vụ.

Song song đó, hiệu quả sử dụng vốn cũng được nâng cao rõ rệt khi tỷ số ROE (Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu) tăng từ 8,75% lên 9,00%. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt 8,21%, vượt xa mức tăng 5,01% của vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ.

Hiệu quả khai thác tài sản của Tổng Công ty cũng ghi nhận những chuyển biến tích cực với tỷ số ROA (Lợi nhuận trên tổng tài sản) tăng từ 3,22% lên 3,33%. Dù tổng tài sản bình quân có sự tăng nhẹ do quá trình tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng tinh gọn, việc duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận 8,21% đã giúp nâng cao mức sinh lời trên mỗi đơn vị tài sản hiện có.

Cuối cùng, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên Doanh thu thuần đã tăng từ 5,27% lên 5,55%. Sự gia tăng này chủ yếu do doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kết hợp với việc khoản mục hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác từ hoạt động bảo hiểm đạt mức 301.068 triệu đồng, tăng 23,97% so với năm trước.

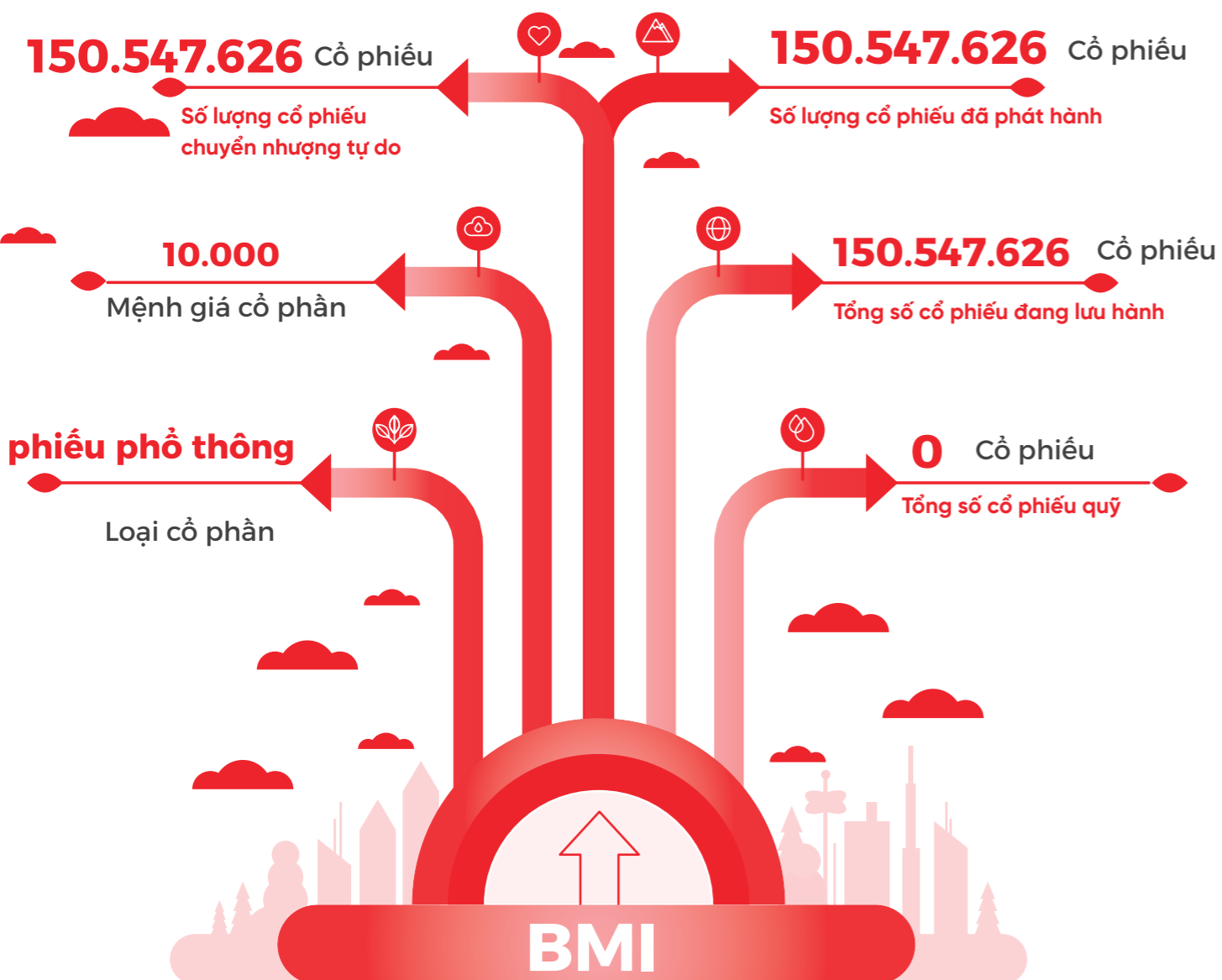
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU CỔ PHẦN



Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông được chốt tại ngày 31/12/2025

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông (cổ đông) | Số cổ phiếu (cổ phiếu) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----------------------------|---|----------------------------|------------------------|--------------------------|----------------|
| I | Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu | 5.568 | 150.547.626 | 1.505.476.260.000 | 100,00% |
| 1 | Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên | 2 | 101.397.802 | 1.013.978.020.000 | 67,35% |
| 2 | Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP | 5.566 | 49.149.824 | 491.498.240.000 | 32,65% |
| II | Cổ đông trong nước | 5.198 | 108.488.043 | 1.084.880.430.000 | 72,06% |
| 1 | Cá nhân | 5.176 | 29.223.578 | 292.235.780.000 | 26,94% |
| 2 | Tổ chức | 22 | 79.264.465 | 792.644.650.000 | 45,13% |
| III | Cổ đông nước ngoài | 370 | 42.059.583 | 420.595.830.000 | 27,93% |
| 1 | Cá nhân | 340 | 1.567.115 | 15.671.150.000 | 3,73% |
| 2 | Tổ chức | 30 | 40.492.468 | 404.924.680.000 | 24,21% |
| Tổng cộng (II + III) | | 5.568 | 150.547.626 | 1.505.476.260.000 | 100,00% |

Danh sách cổ đông lớn (căn cứ tại ngày 31/12/2025)

| Stt | Tên | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---|--------------------|--------------|
| 1 | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH | 76.327.646 | 50,70% |
| 2 | AXA SA - Pháp | 25.066.180 | 16,65% |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

| Thời điểm | Vốn điều lệ tăng thêm/ giảm (đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng / giảm (đồng) | Hình thức tăng giảm vốn |
|-----------|------------------------------------|--|--|
| 2007 | 321.000.000.000 | 755.000.000.000 | Phát hành thêm cổ phiếu cho đối tác chiến lược |
| 2015 | 75.498.888.000 | 830.498.888.000 | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 2016 | 83.049.888.800 | 913.540.378.700 | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 2021 | 182.699.472.000 | 1.096.239.850.000 | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 2023 | 109.614.230.000 | 1.205.854.080.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 |
| 2024 | 120.574.100.000 | 1.326.428.180.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 |
| 2025 | 179.048.080.000 | 1.505.476.260.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 |

Giao dịch cổ phiếu quỹ Không có

Các chứng khoán khác Không có

*“Bảo Minh
Tận tình phục vụ”*



Báo cáo tác động liên quan đến MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI — BẢO MINH —

Các giải pháp thiết thực như tận dụng ánh sáng tự nhiên, tối ưu hóa hệ thống điện và thiết bị văn phòng không chỉ giúp giảm chi phí vận hành mà còn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo tồn tài nguyên cho thế hệ tương lai.

Đặc biệt, trong năm 2025, công tác chuyển đổi số được đẩy mạnh thông qua việc hợp tác với các đối tác công nghệ như G-Group, GapoWork đã tạo tiền đề đóng góp vào mục tiêu bảo vệ môi trường. Việc từng bước ứng dụng quy trình làm việc trên không gian số và tăng cường triển khai các sản phẩm bảo hiểm online đã giúp Bảo Minh cắt giảm việc sử dụng giấy tờ in ấn, giảm thiểu rác thải văn phòng và hạn chế nhu cầu di chuyển trực tiếp của khách hàng. Qua đó, có thể thấy, Bảo Minh không chỉ nỗ lực trong công tác bảo vệ môi trường tại trụ sở mà còn gián tiếp tạo ra những tác động tích cực đến môi trường thông qua các giải pháp kinh doanh hiện đại và bền vững.

• Tiêu thụ năng lượng

Dù hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm vốn ít tác động đến môi trường, Bảo Minh vẫn chủ động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên. Chúng tôi đặc biệt chú trọng việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng, nhiên liệu. Bảo Minh hiểu rằng, việc sử dụng các nguồn nhiên liệu như điện, nước...có trách nhiệm không chỉ giúp giảm chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường và lợi ích xã hội.

• Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Với ý thức sâu sắc về trách nhiệm xã hội, Tổng Công ty luôn tích cực đồng hành cùng các hoạt động cộng đồng nhằm lan tỏa nhận thức và trách nhiệm chung trong việc bảo vệ hệ sinh thái. Đi đôi với việc giáo dục ý thức nội bộ, Tổng Công ty cam kết thực thi nghiêm túc các quy định hiện hành của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

• Tác động lên môi trường

Mặc dù hoạt động trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm với đặc thù ít gây tác động trực tiếp lên hệ sinh thái, Ban Điều hành Tổng công ty cổ phần Bảo Minh luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường và xem đây là một phần không thể tách rời của chiến lược phát triển bền vững. Tổng Công ty đặc biệt chú trọng việc giáo dục và truyền thông thường xuyên đến toàn thể cán bộ nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng, nhiên liệu và nguồn nước sạch.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số người lao động

1.575

người

Thu nhập bình quân

21.294.000

đồng



Tại Bảo Minh, nguồn nhân lực luôn được xác định là tài sản quý giá và là nhân tố quyết định cho sự phát triển bền vững. Ban Lãnh đạo đặc biệt chú trọng việc xây dựng và không ngừng hoàn thiện các chính sách nhân sự nhằm bảo đảm tối đa quyền lợi, đồng thời thiết lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn cho toàn thể cán bộ nhân viên.

Chăm sóc sức khỏe và an sinh toàn diện

Công ty duy trì định kỳ hoạt động khám sức khỏe hàng năm theo tiêu chuẩn cao và thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật. Điểm nổi bật trong chính sách phúc lợi của Bảo Minh là chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe mở rộng cho bản thân nhân viên và thân nhân, cùng các hoạt động thăm hỏi, động viên kịp thời trong các trường hợp ốm đau, tai nạn. Đặc biệt, Tổng Công ty luôn đảm bảo các chế độ thai sản và ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ nhân viên nữ, thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến đời sống tinh thần và sự ổn định của người lao động.

Chế độ đãi ngộ và hỗ trợ nguồn lực

Hệ thống đãi ngộ của Tổng Công ty được xây dựng đa dạng bao gồm phụ cấp ăn trưa, công tác phí và các khoản hỗ trợ thiết thực khác, nhằm hỗ trợ tối đa và giúp người lao động yên tâm cống hiến và gắn bó lâu dài cùng tổ chức.

Đào tạo và phát triển tài năng

Bảo Minh đặc biệt ưu tiên công tác bồi dưỡng nghiệp vụ thông qua việc đài thọ chi phí cho các khóa đào tạo chuyên môn ngắn hạn tại Trung tâm Đào tạo Bảo Minh cũng như các chương trình đào tạo trực tuyến linh hoạt. Đối với những cán bộ có năng lực xuất sắc và tiềm năng lãnh đạo, Tổng Công ty tạo điều kiện tối đa để tham gia các khóa học chuyên sâu dài hạn trong và ngoài nước. Đây chính là bước chuẩn bị chiến lược nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa tinh nhuệ, sẵn sàng thích ứng với những chuyển đổi công nghệ và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng của Tổng Công ty trong giai đoạn mới.

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 |
|--|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người) | 1.685 | 1.653 | 1.575 |
| Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng) | 27.830.000 | 20.500.000 | 21.294.000 |





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG

LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Với vai trò của một doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu có vốn Nhà nước, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh luôn xác định việc thực hiện trách nhiệm xã hội là sứ mệnh song hành cùng hoạt động kinh doanh. Trong năm 2025, Tổng Công ty đã triển khai nhiều hoạt động nhân văn trên nhiều địa phương, cụ thể:

- Xác định việc ổn định nơi ở là nền tảng để người dân vươn lên thoát nghèo, Tổng Công ty đã có những đóng góp thiết thực cho công tác an cư tại các địa phương. Tiêu biểu vào ngày 30/06/2025, Bảo Minh đã trao tặng 2 tỷ đồng nhằm chung tay cùng chính quyền tỉnh Tuyên Quang xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn. Trước đó, vào tháng 04/2025, Công ty cũng đã tổ chức bàn giao “Nhà Đại đoàn kết” cho các hộ nghèo tại huyện Châu Thành, giúp các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ổn định cuộc sống và yên tâm lao động sản xuất.

- Cũng trong tháng 07/2025, phát huy vai trò tích cực của ngành bảo hiểm, Tổng Công ty đã phối hợp cùng Quỹ Bảo hiểm xe cơ giới thực hiện chi trả hỗ trợ nhân đạo cho các nạn nhân tai nạn giao thông tại Thanh Hóa và Lạng Sơn. Đây là hoạt động đầy ý nghĩa dành cho những trường hợp gặp rủi ro nhưng không thuộc phạm vi bồi thường trực tiếp, qua đó khẳng định sự đồng hành và sẻ chia của Bảo Minh đối với cộng đồng và lan tỏa thông điệp về việc chấp hành nghiêm túc quy định bảo hiểm bắt buộc xe cơ giới nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các bên khi tai nạn xảy ra.

- Không chỉ dừng lại ở các hoạt động từ thiện, tinh thần trách nhiệm của Bảo Minh còn được thể hiện rõ nét qua công tác hỗ trợ khách hàng khi gặp rủi ro lớn. Trong sự cố cháy tàu dầu GT UNITY vào tháng 08/2025, Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã trực tiếp thăm hỏi, động viên gia đình thuyền viên gặp nạn và khẩn trương phối hợp giám định tổn thất. Sự có mặt kịp thời và cam kết hỗ trợ tối đa về thủ tục bồi thường đã khẳng định phương châm “Tận tình phục vụ”, củng cố niềm tin và sự an tâm tuyệt đối cho khách hàng và đối tác.

Sự kết hợp giữa các hoạt động thiện nguyện thiết thực và trách nhiệm nghề nghiệp tận tâm trong năm 2025 là minh chứng cho mục tiêu phát triển bền vững của Bảo Minh.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Tổng Công ty rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



03 BẢO CẢO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BẠN ĐIỀU HÀNH



BẢO HIỂM BẢO MINH

Đối tác đáng tin cậy cho tài sản của bạn

Tổng quan về hoạt động của Tổng Công ty so với kế hoạch và trước đây

ĐVT: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | KH 2025 | TH 2025 | TH 2024 | % TH2025/ KH2025 | % TH 2025/ TH 2024 |
|----------|---|------------------|------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 7.340.000 | 7.111.873 | 6.982.021 | 96,89% | 101,86% |
| 1.1 | - Phí bảo hiểm gốc | 6.316.000 | 5.966.174 | 5.960.679 | 94,46% | 100,09% |
| 1.2 | - Phí nhận tái bảo hiểm | 702.000 | 805.329 | 681.548 | 114,72% | 118,16% |
| 1.3 | - Doanh thu HĐ Tài chính và Bất động sản đầu tư | 322.000 | 333.544 | 335.852 | 103,59% | 99,31% |
| 1.4 | - Doanh thu khác | - | 6.826 | 3.942 | - | 173,15% |
| 2 | Tổng LN trước thuế | 300.000 | 302.258 | 272.734 | 100,75% | 110,83% |
| 2.1 | Lợi nhuận thuần từ KDBH | 100.000 | 94.135 | 53.627 | 94,13% | 175,54% |
| 2.2 | Lợi nhuận hoạt động tài chính | 200.000 | 203.324 | 216.528 | 101,66% | 93,90% |
| 2.3 | Lợi nhuận khác | - | 4.800 | 2.578 | - | 186,17% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 240.000 | 257.195 | 237.674 | 107,16% | 108,21% |
| 4 | ROE | 10% | 9,00% | 8,75% | 90,01% | 102,87% |

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ với tăng trưởng GDP đạt 8,02%, cùng với dòng vốn FDI thực hiện đạt 21,3 tỷ USD, qua đó thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm trong các lĩnh vực tài sản kỹ thuật và hàng hải. Tuy nhiên, áp lực lạm phát vẫn hiện hữu khi CPI bình quân tăng 3,31%, đặc biệt chi phí dịch vụ y tế gia tăng đã làm gia tăng chi phí bồi thường của ngành. Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ duy trì đà tăng trưởng tích cực với doanh thu ước đạt 88,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm trước. Tuy nhiên, diễn biến thiên tai phức tạp, đặc biệt là chuỗi bão lớn trong nửa cuối năm, đã gây thiệt hại kinh tế đáng kể, qua đó làm gia tăng áp lực bồi thường và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành.

Tổng doanh thu năm 2025 của Tổng Công ty đạt 7.111.873 triệu đồng, hoàn thành 96,89% kế hoạch năm và tăng 1,86% so với năm 2024, phản ánh sự ổn định trong hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường chịu nhiều áp lực. Cụ thể, phí bảo hiểm gốc đạt 5.966.174 triệu đồng, hoàn thành 94,46% kế hoạch và tăng nhẹ 0,09% so với năm trước. Cơ cấu doanh thu tiếp tục tập trung vào các nghiệp vụ chủ lực, trong đó bảo hiểm sức khỏe chiếm tỷ trọng lớn nhất 39,31% (giảm so với mức 41,66% năm 2024), tiếp theo là bảo hiểm cháy nổ chiếm 19,75% (tăng từ 18,48%) và bảo hiểm xe cơ giới chiếm 17,03% (tăng từ 15,85%). Bảo hiểm tín dụng tiếp tục gia tăng tỷ trọng lên mức 9,73%, trong khi các nghiệp vụ khác như bảo hiểm tàu (3,20%), bảo hiểm kỹ thuật (3,46%), bảo hiểm hàng hóa vận chuyển (3,10%) duy trì tỷ trọng ổn định.

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Tổng quan về hoạt động của Tổng Công ty so với kế hoạch và trước đây (tiếp theo)

Phí nhận tái bảo hiểm ghi nhận kết quả tích cực khi đạt 805.329 triệu đồng, vượt 14,72% kế hoạch và tăng trưởng 18,16% so với năm 2024. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư đạt 13.777 triệu đồng, tăng 6,28% so với cùng kỳ. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 319.767 triệu đồng, đạt 99,31% kế hoạch, giảm nhẹ 0,97% so với năm trước, chủ yếu do ảnh hưởng từ biến động lãi suất và thị trường tài chính trong kỳ. Doanh thu khác ghi nhận mức tăng trưởng đột biến 73,16%, đạt 6.826 triệu đồng, đóng góp tích cực vào tổng doanh thu hợp nhất.

Mặc dù doanh thu chỉ tăng trưởng ở mức khiêm tốn, Tổng Công ty ghi nhận sự tăng trưởng rõ rệt về hiệu quả kinh doanh, thể hiện qua các chỉ tiêu lợi nhuận tăng trưởng tích cực. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 302.258 triệu đồng, vượt 100,75% kế hoạch và tăng 10,83% so với năm 2024.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 94.135 triệu đồng, tăng trưởng 75,54%. Động lực chính đến từ việc kiểm soát hiệu quả chi phí bồi thường thuần, giảm từ 1.727 tỷ đồng xuống còn 1.551 tỷ đồng, cùng với sự cải thiện trong cơ cấu doanh thu. Lợi nhuận sau thuế đạt 257.195 triệu đồng, tăng 8,21% so với năm trước, phản ánh khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận ổn định của Tổng Công ty. Chỉ số ROE đạt 9,00%, cải thiện so với mức 8,75% của năm 2024.

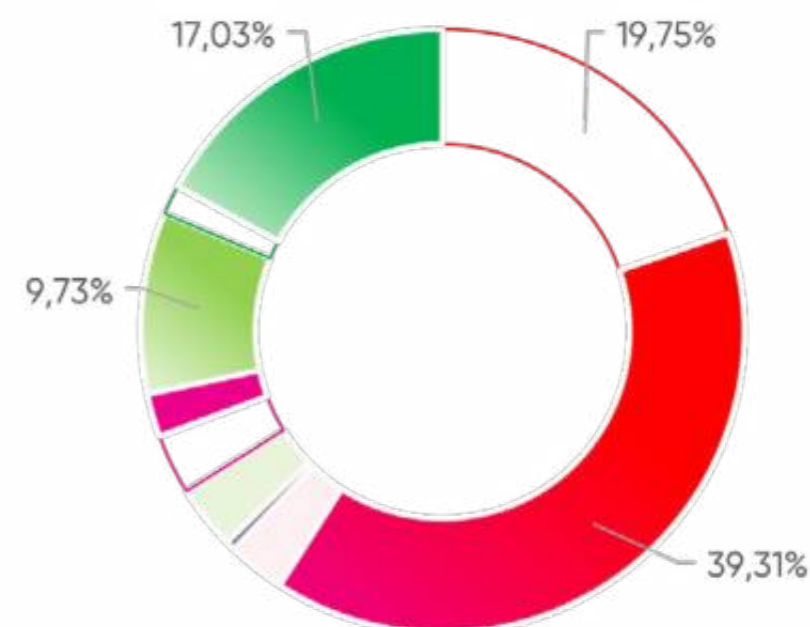
Tổng thể, trong năm 2025, dù chịu tác động từ nhiều thách thức của môi trường vĩ mô cũng như diễn biến bất lợi của thiên tai, Bảo Minh vẫn duy trì được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh, đồng thời cải thiện đáng kể hiệu quả lợi nhuận. Những kết quả này góp phần nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro, củng cố nền tảng tài chính và tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo.

1. Tình hình thực hiện doanh thu bảo hiểm gốc

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ từ cổ đông lớn, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị cùng với vai trò điều hành chủ động, linh hoạt của Ban Điều hành, Bảo Minh đã duy trì ổn định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, sự đồng lòng và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên và hệ thống đại lý đã góp phần giúp Tổng Công ty đạt được những kết quả tích cực trong bối cảnh khó khăn.

Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc tiếp tục tập trung vào bốn nghiệp vụ chính. Trong đó, bảo hiểm sức khỏe chiếm tỷ trọng lớn nhất với 39,31%, tuy nhiên giảm 2,34% so với năm trước. Ngược lại, các nghiệp vụ bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm xe cơ giới ghi nhận tăng trưởng tích cực, với tỷ trọng lần lượt đạt 19,75% và 17,03%, tương ứng mức tăng 1,27% và 1,19%. Bên cạnh đó, bảo hiểm tín dụng cũng duy trì đà tăng trưởng với mức tăng 9,64% so với cùng kỳ, góp phần đa dạng hóa cơ cấu doanh thu và giảm phụ thuộc vào một số nghiệp vụ truyền thống.

Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc



- Bảo hiểm cháy nổ
- Bảo hiểm sức khỏe
- Bảo hiểm hàng hải
- Bảo hiểm hàng không
- Bảo hiểm kỹ thuật
- Bảo hiểm nông nghiệp
- Bảo hiểm tầu
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh
- Bảo hiểm tín dụng
- Bảo hiểm trách nhiệm
- Bảo hiểm xe cơ giới





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Tổng quan về hoạt động của Tổng Công ty so với kế hoạch và trước đây (tiếp theo)

2. Tình hình bồi thường

Năm 2025, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục chịu tác động từ các yếu tố bất lợi như thiên tai và chi phí bồi thường gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh nhiều sự kiện thời tiết cực đoan diễn ra trong năm. Điều này tạo áp lực nhất định lên tỷ lệ bồi thường của toàn ngành, nhất là ở các nghiệp vụ liên quan đến tài sản, kỹ thuật và xe cơ giới.

Đối với Bảo Minh, tỷ lệ bồi thường đã trả/doanh thu trong năm 2025 ghi nhận xu hướng cải thiện so với năm 2024, phản ánh hiệu quả trong công tác kiểm soát rủi ro và nâng cao chất lượng khai thác. Kết quả này đạt được trong bối cảnh doanh nghiệp chủ động rà soát danh mục khách hàng, tăng cường thẩm định và lựa chọn rủi ro, đồng thời tối ưu hóa chương trình tái bảo hiểm.

Xét theo từng nhóm nghiệp vụ, phần lớn các nghiệp vụ chính như bảo hiểm sức khỏe, tài sản và thiệt hại, xe cơ giới tiếp tục ghi nhận xu hướng giảm tỷ lệ bồi thường so với năm trước nhờ kiểm soát tốt chi phí và cải thiện chất lượng dịch vụ. Ngược lại, một số nghiệp vụ như bảo hiểm hàng hóa và trách nhiệm vẫn chịu áp lực gia tăng tỷ lệ bồi thường do ảnh hưởng từ biến động thị trường và rủi ro khách quan.

So với mặt bằng chung của thị trường, tỷ lệ bồi thường của Bảo Minh duy trì ở mức hợp lý, phản ánh năng lực quản trị bồi thường ổn định và hiệu quả. Nhìn chung, công tác bồi thường trong năm 2025 đã được doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ, góp phần tích cực vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi.



3. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng phí tăng so với cùng kỳ là hơn 23 tỷ đồng, do doanh thu Quý IV/2025 tăng so với Quý IV/2024 là hơn 88 tỷ đồng.

Dự phòng bồi thường tại 31/12/2025 tăng so với cùng kỳ là hơn 31 tỷ đồng, nguyên nhân là tăng dự phòng cho các tổn thất thuộc cơ bản số 10 (Bualoi) và các đợt mưa lũ vào quý 4/2025.

Dự phòng dao động tiếp tục được tích lũy thêm gần 11 tỷ đồng, trong đó trích vào chi phí 50,8 tỷ đồng, và đã sử dụng 40 tỷ đồng quỹ DPDDL để bù đắp biến động lớn về bồi thường nghiệp vụ Xe cơ giới do ảnh hưởng đợt bão lũ gây ngập lụt tại khu vực Bắc Bộ và miền Trung.

ĐVT: Triệu đồng

| Quỹ dự phòng nghiệp vụ | 31/12/2024 | 31/12/2025 | Chênh lệch | % Tăng giảm |
|------------------------------|------------------|------------------|---------------|--------------|
| Dự phòng phí chưa được hưởng | 1.548.967 | 1.572.657 | 23.690 | 1,53% |
| Dự phòng bồi thường | 371.591 | 402.767 | 31.176 | 8,39% |
| Dự phòng dao động lớn | 122.665 | 133.503 | 10.838 | 8,84% |
| Tổng dự phòng | 2.043.224 | 2.108.927 | 65.703 | 3,22% |





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Tổng quan về hoạt động của Tổng Công ty so với kế hoạch và trước đây (tiếp theo)

4. Tình hình công nợ và trích lập dự phòng khó đòi

Trong năm 2025, các khoản phải thu ngắn hạn của Bảo Minh đạt 1.031.200 triệu đồng, tăng 6,03% so với năm trước. Mức tăng này chủ yếu đến từ khoản phải thu khách hàng, tăng 22,92% từ 704.486 triệu đồng lên 865.956 triệu đồng, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh cũng như sự gia tăng doanh thu phí bảo hiểm trong kỳ.

Bên cạnh đó, khoản trả trước cho người bán tăng 18,58%, cho thấy Tổng Công ty chủ động trong việc thanh toán trước nhằm đảm bảo nguồn cung dịch vụ và tối ưu hóa điều kiện hợp tác với các đối tác. Ở chiều ngược lại, các khoản phải thu khác giảm 14,41%, từ 573.756 triệu đồng xuống còn 491.100 triệu đồng. Tuy nhiên, trong số này có khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý trị giá 155.991 triệu đồng, phát sinh từ một vụ gian lận liên quan đến một nhân viên của Tổng Công ty đối với một tài khoản thanh toán tại một ngân hàng trong nước.

Trước sự việc này, Bảo Minh đã chủ động gửi đơn tố giác và trình báo tới cơ quan chức năng; hiện vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra nên tại thời điểm lập báo cáo tài chính chưa có kết luận chính thức. Tổng Công ty sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, theo dõi diễn biến và thực hiện theo các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Song song đó, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trích lập ở mức 330.953 triệu đồng, tăng 6,78% so với năm trước, qua đó góp phần tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro đối với các khoản phải thu.

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2024 | 31/12/2025 | Chênh lệch | % Tăng giảm |
|--------------------------------------|----------------|------------------|---------------|--------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 972.600 | 1.031.200 | 58.600 | 6,03% |
| - Phải thu khách hàng | 704.486 | 865.956 | 161.469 | 22,92% |
| - Trả trước cho người bán | 4.299 | 5.097 | 799 | 18,58% |
| - Các khoản phải thu khác | 573.756 | 491.100 | -82.656 | -14,41% |
| - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -309.941 | -330.953 | -21.013 | 6,78% |

4. Tình hình công nợ và trích lập dự phòng khó đòi (tiếp theo)

Tính đến ngày 31/12/2025, Tổng Công ty đã trích lập tương đối đầy đủ các khoản phải thu quá hạn theo quy định thông tư 48/2019/TT-BTC, bao gồm:

Trích đầy đủ công nợ phí BH gốc trước thông tư 194 (trước 01/02/2015).

Trích Dự phòng nợ khó đòi các khoản phải thu khác: Bao gồm các khoản nợ phải thu khách hàng khác, phải thu đòi người thứ 3, phải thu tái bảo hiểm.

ĐVT: Triệu đồng

| Dự phòng nợ khó đòi | 31/12/2024 | 31/12/2025 | Chênh lệch | % Tăng giảm |
|--------------------------------|-----------------|-----------------|----------------|--------------|
| DP phải thu phí BH khó đòi | -127.151 | -125.848 | 1.303 | -1,02% |
| DP phải thu khác khó đòi | -108.469 | -130.784 | -22.315 | 20,57% |
| DP phải thu lãi đầu tư quá hạn | -74.321 | -74.321 | 0 | 0,00% |
| Cộng | -309.941 | -330.953 | -21.012 | 6,78% |



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Tổng quan về hoạt động của Tổng Công ty so với kế hoạch và trước đây (tiếp theo)

5. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Trong năm 2025, tổng chi phí khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Bảo Minh tiếp tục ghi nhận xu hướng gia tăng, đạt 3.472.724 triệu đồng, tăng 7,97% mà chủ yếu gồm chi phí hoa hồng, chi phí khai thác, chi phí bán hàng và chi phí quản lý tại các đơn vị thành viên. Nguyên nhân chính đến từ sự tăng trưởng của doanh thu, đặc biệt là các dịch vụ và nghiệp vụ có tỷ lệ chi hoa hồng cao, qua đó kéo theo chi phí hoa hồng và chi phí khai thác tăng tương ứng. Bên cạnh đó, việc duy trì và mở rộng mạng lưới kinh doanh, bao gồm hệ thống đại lý và kênh phân phối, cũng góp phần làm gia tăng chi phí bán hàng và chi phí quản lý. Tuy nhiên, các khoản chi phí này được kiểm soát trong giới hạn hợp lý, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển thị phần và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2024 | 2025 | Chênh lệch | % Tăng giảm |
|----------------------------|-----------|-----------|------------|-------------|
| Chi phí khác HĐKD bảo hiểm | 3.216.266 | 3.472.724 | 256.458 | 7,97% |
| Chi phí hoa hồng bảo hiểm | 915.015 | 964.830 | 49.815 | 5,44% |
| Chi phí khác HĐKD bảo hiểm | 2.301.251 | 2.507.894 | 206.643 | 8,98% |

Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm 2025 ghi dấu ấn của Bảo Minh trong lộ trình hiện đại hóa và phát triển bền vững. Công ty đã khẳng định vị thế tiên phong khi trở thành đơn vị bảo hiểm đầu tiên tích hợp thành công dịch vụ bảo hiểm Trách nhiệm dân sự xe cơ giới lên nền tảng định danh điện tử quốc gia (VNeID), góp phần hiện thực hóa Đề án 06 của Chính phủ. Bên cạnh đó, việc quyết liệt triển khai chuyển đổi số và hợp tác chiến lược với các liên minh công nghệ (SaigonTel, G-Group, SaladIn) đã giúp tối ưu hóa bộ máy, minh bạch hóa giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng lên tầm cao mới. Song hành cùng tăng trưởng kinh tế, Bảo Minh tiếp tục duy trì sự cân bằng giữa lợi ích doanh nghiệp và trách nhiệm cộng đồng thông qua các hoạt động an sinh xã hội thiết thực và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn ESG. Những thành quả này không chỉ bảo toàn nguồn vốn Nhà nước dưới sự định hướng của SCIC mà còn tạo nền tảng vững chắc để Tổng Công ty bút phá trong kỷ nguyên số.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

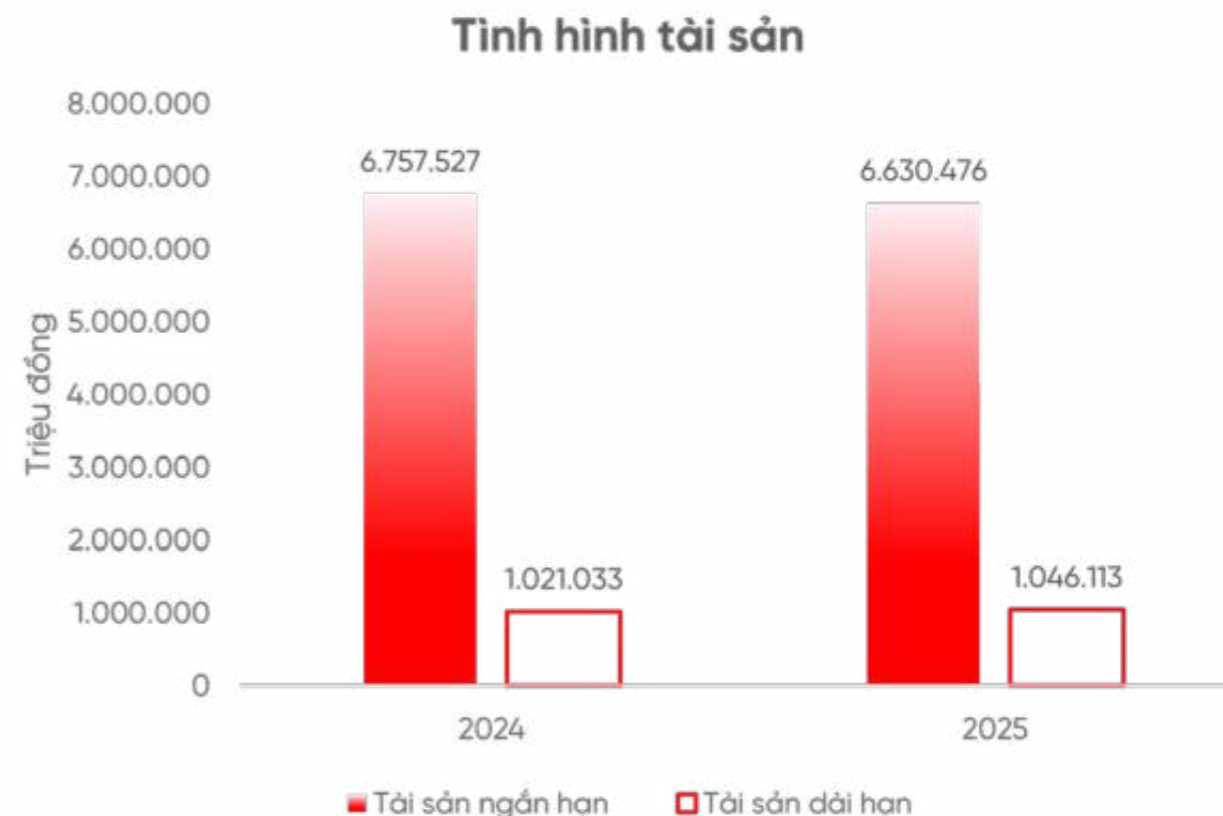
Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | % Tăng giảm |
|-------------------------------------|------------------|---------------|------------------|----------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| Tài sản ngắn hạn | 6.757.527 | 86,87% | 6.630.476 | 86,37% | -1,88% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 446.094 | 2,59% | 216.746 | 2,82% | -51,41% |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.260.961 | 47,11% | 3.470.488 | 45,21% | 6,43% |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 972.600 | 13,40% | 1.031.200 | 13,43% | 6,03% |
| Hàng tồn kho | 4.528 | 0,07% | 4.498 | 0,06% | -0,66% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 651.000 | 9,96% | 759.391 | 9,89% | 16,65% |
| Tài sản tái bảo hiểm | 1.422.344 | 15,85% | 1.148.153 | 14,96% | -19,28% |
| Tài sản dài hạn | 1.021.033 | 13,18% | 1.046.113 | 13,63% | 2,46% |
| Các khoản phải thu dài hạn | 19.966 | 3,72% | 14.514 | 0,19% | -27,31% |
| Tài sản cố định | 254.428 | 4,05% | 244.438 | 3,18% | -3,93% |
| Bất động sản đầu tư | 149.671 | 2,17% | 147.867 | 1,93% | -1,20% |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 532.515 | 3,72% | 586.848 | 7,64% | 10,20% |
| Tài sản dài hạn khác | 46.267 | 0,79% | 38.234 | 0,50% | -17,36% |
| Tổng cộng | 7.778.560 | 100% | 7.676.590 | 100,00% | -1,31% |

Tình hình tài sản trong năm 2025 ghi nhận tổng tài sản đạt mức 7.676.590 triệu đồng, giảm nhẹ 1,31% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu tài sản không có sự thay đổi đáng kể khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn ở mức khoảng 86,37%, trong khi tài sản dài hạn chiếm 13,63%, qua đó tiếp tục đảm bảo khả năng thanh khoản và duy trì nền tảng an toàn cho hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

Sự biến động giảm của tổng tài sản chủ yếu đến từ sự sụt giảm của tài sản ngắn hạn, trong đó tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh 51,41%, xuống còn 216.746 triệu đồng. Ngược lại, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn ghi nhận mức tăng 6,43%, đạt 3.470.488 triệu đồng, cho thấy Tổng Công ty đã chủ động cơ cấu lại dòng tiền từ tài sản có tính thanh khoản cao sang các kênh đầu tư sinh lời ngắn hạn. Đồng thời, các khoản liên quan đến hoạt động tái bảo hiểm cũng giảm đáng kể do Tổng Công ty đã thực hiện thu hồi các khoản bồi thường từ đối tác tái bảo hiểm, góp phần làm giảm quy mô tổng tài sản trong kỳ.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tài sản ngắn hạn

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | % Thay đổi |
|-------------------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Tài sản ngắn hạn | 6.757.527 | 100,00% | 6.630.476 | 100,00% | -1,88% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 446.094 | 6,60% | 216.746 | 3,27% | -51,41% |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.260.961 | 48,26% | 3.470.488 | 52,34% | 6,43% |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 972.600 | 14,39% | 1.031.200 | 15,55% | 6,03% |
| Hàng tồn kho | 4.528 | 0,07% | 4.498 | 0,07% | -0,66% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 651.000 | 9,63% | 759.391 | 11,45% | 16,65% |
| Tài sản tái bảo hiểm | 1.422.344 | 21,05% | 1.148.153 | 17,32% | -19,28% |

Tài sản ngắn hạn trong năm 2025 ghi nhận sự sụt giảm nhẹ 1,88%, từ 6.757.527 triệu đồng xuống còn 6.630.476 triệu đồng. Biến động này chủ yếu đến từ sự giảm mạnh của Khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền với mức giảm 51,41%, xuống còn 216.746 triệu đồng, phản ánh việc doanh nghiệp chủ động cơ cấu lại nguồn tiền nhàn rỗi.

Khoản mục Tài sản tái bảo hiểm – chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn – giảm 19,28%, từ 1.422.344 triệu đồng xuống còn 1.148.153 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Tổng Công ty đã thực hiện thu hồi các khoản bồi thường từ đối tác tái bảo hiểm liên quan đến các tổn thất lớn của năm trước.

Trong khi đó, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và ghi nhận mức tăng 6,43%, đạt 3.470.488 triệu đồng. Sự gia tăng này cho thấy Bảo Minh đã chuyển dịch một phần dòng tiền sang các kênh đầu tư sinh lời ngắn hạn, góp phần tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.



Tài sản dài hạn

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | % Thay đổi |
|------------------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Tài sản dài hạn | 1.021.033 | 100,00% | 1.046.113 | 100,00% | 2,46% |
| Các khoản phải thu dài hạn | 19.966 | 1,96% | 14.514 | 1,38% | -27,31% |
| Tài sản cố định | 254.428 | 24,92% | 244.438 | 23,37% | -3,93% |
| Bất động sản đầu tư | 149.671 | 14,66% | 147.867 | 14,13% | -1,20% |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 532.515 | 52,15% | 586.848 | 56,10% | 10,20% |
| Tài sản dài hạn khác | 46.267 | 4,53% | 38.234 | 3,65% | -17,36% |

Chỉ tiêu tài sản dài hạn trong năm 2025 ghi nhận mức tăng nhẹ khi đạt 1.046.113 triệu đồng, tăng 2,46% so với cùng kỳ năm trước. Biến động này chủ yếu đến từ sự gia tăng của khoản mục Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khi đạt 586.848 triệu đồng, tương đương mức tăng 10,20% so với năm 2024, đồng thời tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản dài hạn.

Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Tổng Công ty tiếp tục gia tăng đầu tư vào các đơn vị liên doanh, liên kết và duy trì danh mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm tạo nền nguồn thu nhập ổn định trong dài hạn. Trong khi đó, các khoản mục tài sản dài hạn khác không có biến động đáng kể, do Tổng Công ty kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư tài sản cố định và duy trì quy mô hợp lý.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

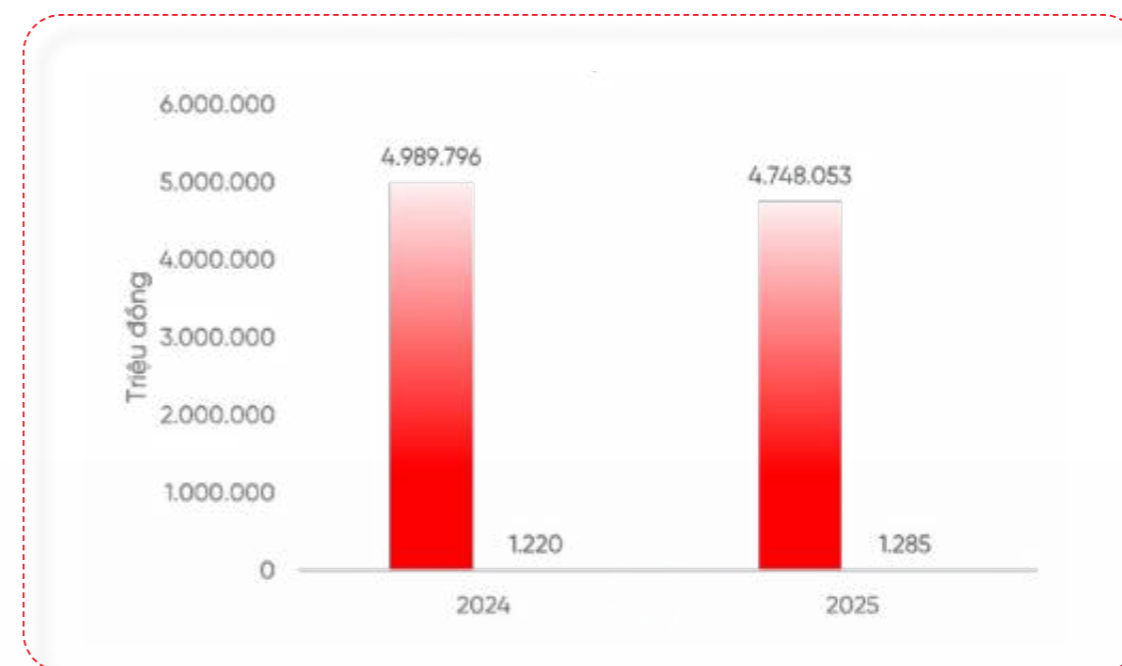
Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | %Thay đổi |
|---|------------------|----------------|------------------|----------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| Tổng nợ phải trả | 4.991.017 | 64,13% | 4.749.339 | 61,87% | -4,84% |
| - Nợ ngắn hạn | 4.989.796 | 64,15% | 4.748.053 | 61,85% | -4,84% |
| Phải trả cho người bán | 946.903 | 12,17 | 1.017.663 | 13,26% | 7,47% |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 5.170 | 0,07% | 14.048 | 0,18% | 171,70% |
| Phải trả người lao động | 67.253 | 0,86% | 138.530 | 1,80% | 105,98% |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | | | 26.758 | | |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 263.300 | 3,38% | 16.781 | 0,22% | -93,63% |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 69.895 | 0,90% | 94.573 | 1,23% | 35,31% |
| Doanh thu hoa hồng chưa hưởng | 137.436 | 1,77% | 148.850 | 1,94% | 8,30% |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 34.269 | 0,44% | 33.771 | 0,44% | -1,45% |
| Dự phòng nghiệp vụ | 3.465.568 | 44,55% | 3.257.080 | 42,43% | -6,02% |
| Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 1.943.170 | 24,98% | 2.062.723 | 26,87% | 6,15% |
| Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 1.399.732 | 17,99% | 1.060.854 | 13,82% | -24,21% |
| Dự phòng dao động lớn | 122.665 | 1,58% | 133.503 | 1,74% | 8,84% |
| - Nợ dài hạn | 1.220 | 0,02% | 1.285 | 0,02% | 5,33% |
| Phải trả dài hạn khác | 1.220 | 0,02% | 1.285 | 0,02% | 5,33% |
| Vốn chủ sở hữu | 2.787.543 | 35,84% | 2.927.251 | 38,13% | 5,01% |
| Vốn cổ phần | 1.326.428 | 17,05% | 1.505.476 | 19,61% | 13,50% |
| Thặng dư vốn cổ phần | 792.244 | 10,18% | 792.244 | 10,32% | 0,00% |
| Quỹ dự phòng tài chính | 28.085 | 0,36% | 28.085 | 0,37% | 0,00% |
| Quỹ dự trữ bắt buộc | 132.469 | 1,70% | 145.458 | 1,89% | 9,81% |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 508.317 | 6,53% | 455.987 | 5,94% | -10,29% |
| Tổng cộng | 7.778.560 | 100,00% | 7.676.590 | 100,00% | -1,31% |

Năm 2025, tổng nợ phải trả của Bảo Minh ghi nhận xu hướng giảm nhẹ 4,84% so với cùng kỳ năm trước, đạt 4.749.339 triệu đồng và chiếm 61,87% trong cơ cấu nguồn vốn. Cơ cấu nợ không có sự thay đổi đáng kể khi nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng gần như toàn bộ (61,85% tổng nguồn vốn). Sự sụt giảm của nợ phải trả chủ yếu đến từ việc Tổng Công ty đã thực hiện giảm các khoản dự phòng nghiệp vụ (giảm 6,02%), đặc biệt là dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm giảm mạnh 24,21%, cho thấy doanh nghiệp đã thực hiện chi trả và xử lý các nghĩa vụ bồi thường phát sinh từ các kỳ trước. Đồng thời, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn giảm sâu 93,63%, góp phần đáng kể làm thu hẹp quy mô nợ phải trả. Ở chiều ngược lại, một số khoản mục ghi nhận tăng như phải trả cho người bán cụ thể là phải trả về hợp đồng bảo hiểm (tăng 7,47%), phải trả người lao động (tăng 105,98%) và thuế, các khoản phải nộp Nhà nước (tăng 171,70%), phản ánh sự gia tăng nghĩa vụ thanh toán trong kỳ.

Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng 5,01%, đạt 2.927.251 triệu đồng, chủ yếu đến từ việc tăng vốn cổ phần (tăng 13,50%) và trích lập các quỹ. Nhìn chung, trong năm 2025, cơ cấu nguồn vốn của Bảo Minh có xu hướng cải thiện theo hướng giảm dần tỷ trọng nợ phải trả, đồng thời gia tăng quy mô vốn chủ sở hữu, qua đó góp phần nâng cao mức độ an toàn tài chính và khả năng tự chủ vốn của doanh nghiệp.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Bảo Minh đã thực hiện những bước tiến mạnh mẽ trong việc tối ưu hóa bộ máy và nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua ba trụ cột chính:



ĐỔI MỚI SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

Tổng Công ty tập trung nghiên cứu các giải pháp bảo hiểm thích ứng với thời đại số, đặc biệt là ưu tiên trải nghiệm khách hàng trong khâu bồi thường. Việc tích hợp công nghệ vào quy trình giám định giúp đẩy nhanh tiến độ thẩm định thiệt hại, rút ngắn thời gian chi trả và đảm bảo quyền lợi tối ưu cho khách hàng.



ĐA DẠNG HÓA KÊNH PHÂN PHỐI

Bên cạnh các kênh truyền thống, Tổng Công ty quyết liệt mở rộng hệ thống Bancassurance (bảo hiểm qua ngân hàng), đại lý và môi giới. Đặc biệt, việc tiên phong hiện diện trên nền tảng VNeID và các ứng dụng Insurtech đã tạo ra bước đột phá về khả năng tiếp cận khách hàng mọi lúc, mọi nơi.




QUẢN TRỊ NHÂN SỰ HIỆU QUẢ

Bảo Minh không ngừng rà soát, sắp xếp lại cơ cấu nhân sự để đảm bảo tinh gọn và năng động. Tổng Công ty chú trọng công tác đào tạo chuyên sâu, đánh giá năng suất lao động định kỳ và tuyển dụng nhân tài phù hợp để xây dựng đội ngũ kế thừa chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Để triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông năm 2026 giao phó, Bảo Minh định hướng thực hiện đồng bộ một số nhóm giải pháp như sau:

-  **Công tác khai thác – phát triển kinh doanh:** Duy trì tái tục khách hàng hiện hữu, chủ động và quyết liệt khai thác khách hàng mới; đa dạng hóa và mở rộng kênh phân phối, tăng cường phát triển sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường, tuân thủ pháp luật, tăng tính cạnh tranh.
-  **Công tác bồi thường – nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng:** Kiểm soát chặt chẽ công tác giám định, bồi thường nhằm giảm tỷ lệ bồi thường và ngăn ngừa trục lợi, tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng và trải nghiệm sau bán hàng; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty trong công tác giám định, giải quyết bồi thường.
-  **Công tác quản lý tài chính – kế toán – chi phí – công nợ:** Tăng cường rà soát và nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính, công tác kế toán; thường xuyên đánh giá công tác kế toán nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, năng suất lao động, quy trình phối hợp; tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ kế toán để vững chuyên môn, nghiệp vụ; tăng cường công tác kiểm tra để phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các sai sót, gian lận trong công tác quản lý tài chính và kế toán.
-  **Công tác đầu tư tài chính:** Đa dạng hóa kênh đầu tư tiền gửi, trái phiếu và cổ phiếu theo hướng an toàn, hiệu quả; ưu tiên đầu tư vào các tổ chức tài chính uy tín, doanh nghiệp có nền tảng tốt.
-  **Công tác pháp chế – quản trị rủi ro – kiểm soát nội bộ:** Rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ pháp luật; tăng cường cập nhật, cung cấp, tuyên truyền và phổ biến các văn bản pháp luật mới có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bảo Minh đến toàn hệ thống; đào tạo, nâng cao năng lực đánh giá rủi ro trong toàn Tổng Công ty để đảm bảo tính chủ động, nâng cao năng lực khai thác và quản trị rủi ro; tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ năm 2026 theo hướng chủ động, linh hoạt và tiếp cận rủi ro, góp phần hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường tuân thủ và quản trị rủi ro trong toàn hệ thống.
-  **Công tác tổ chức nhân sự:** Cải cách hệ thống tiền lương, đãi ngộ, thu hút và giữ chân nhân sự chủ chốt, nâng cao năng suất lao động, tinh gọn bộ máy và tăng cường công tác đào tạo nội bộ.
-  **Hoạt động công nghệ thông tin:** Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghệ thông tin để tăng cường số hóa trong hoạt động quản lý, điều hành hoạt động khai thác, kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và hạn chế, phòng ngừa rủi ro; tăng cường phát triển việc bán hàng online nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm cho khách hàng.

**“ BẢO HIỂM BẢO MINH
ĐỐI TÁC ĐÁNG TIN CẬY
CHO TÀI SẢN CỦA BẠN**





GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam), Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đối với Báo cáo tài chính năm 2025 của chúng tôi

Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản phải thu khác có số tiền là 155.991.595.886 đồng được thuyết minh tại mục 6 (a). Đây là tài sản chênh lệch, phát sinh trong một vụ gian lận có liên quan đến một nhân viên Tổng Công ty đối với một tài khoản thanh toán của Tổng Công ty tại một ngân hàng trong nước. Vụ việc này hiện đang trong quá trình xác định nguyên nhân và chờ quyết định xử lý của cơ quan chức năng. Tổng công ty đã chủ động gửi đơn tố giác vụ việc đến cơ quan công an để trình báo, đồng thời thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết nhằm làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty.

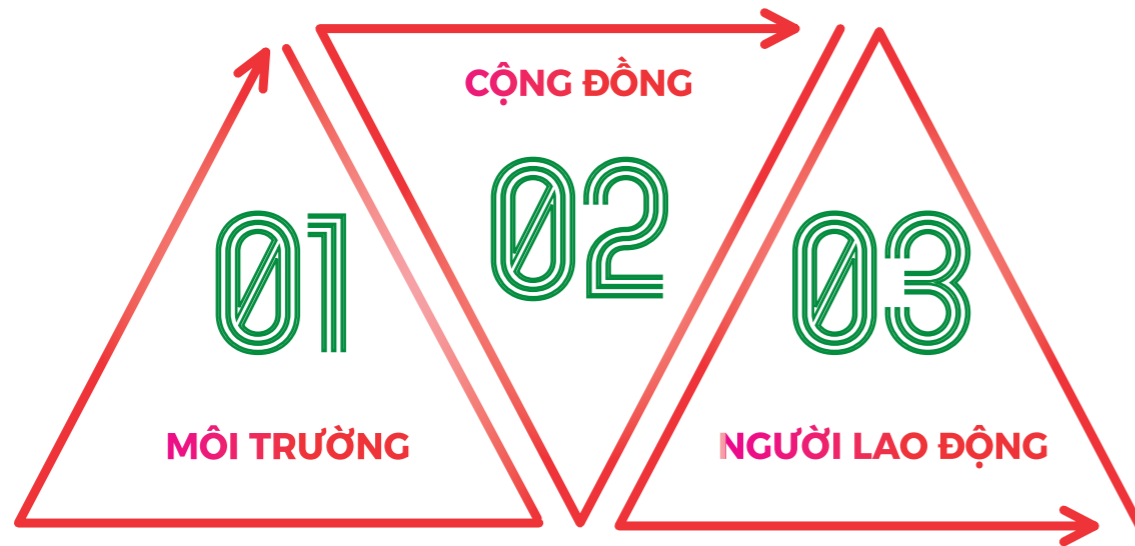
Do vụ việc đang trong quá trình điều tra của cơ quan chức năng nên Công ty TNHH PwC (Việt Nam) không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán phù hợp liên quan đến khả năng thu hồi của khoản này đồng thời không xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản này hay không, do đó kiểm toán viên đã đưa ý kiến ngoại trừ đối với khoản phải thu này.

Ngoài nội dung ý kiến ngoại trừ nêu trên thì kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến "báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam."

Chúng tôi sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng, theo dõi diễn biến của vụ việc và cập nhật tình hình tại các báo cáo tài chính định kỳ tiếp theo theo các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh trân trọng báo cáo.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)



Là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu, Bảo Minh xác định phát triển bền vững là chiến lược cốt lõi. Trong quá trình nghiên cứu và cung ứng dịch vụ, Tổng Công ty luôn đảm bảo hài hòa giữa việc đáp ứng nhu cầu khách hàng với mô hình kinh doanh thân thiện với môi trường. Thông qua đẩy mạnh số hóa quy trình và giảm thiểu rác thải văn phòng, Bảo Minh cam kết xây dựng một hệ sinh thái lành mạnh, lan tỏa các giá trị xanh và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động



Để chăm lo toàn diện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên, trong năm qua Bảo Minh đã triển khai hiệu quả các nhóm giải pháp trọng tâm:

- » **Chế độ đãi ngộ:** Đảm bảo lương thưởng và phúc lợi đúng quy định, thực hiện công khai, minh bạch nhằm khẳng định tính công bằng và tương xứng với năng lực đóng góp.
- » **Đời sống tinh thần:** Tổ chức đa dạng các hoạt động ngoại khóa và tặng quà ý nghĩa vào các dịp lễ (8/3, Trung thu,...), giúp gia tăng sự gắn kết nội bộ và tạo động lực làm việc mạnh mẽ.
- » **Đào tạo phát triển:** Liên tục tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn giúp đội ngũ nhân sự không ngừng nâng cao trình độ và kỹ năng nghiệp vụ.

Những nỗ lực này không chỉ nâng cao chất lượng nhân lực mà còn xây dựng một môi trường làm việc nhân văn, chuyên nghiệp tại Bảo Minh.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương



Với mục tiêu xây dựng cộng đồng vững mạnh, Bảo Minh đã triển khai sâu rộng các hoạt động hỗ trợ giáo dục, y tế và an sinh xã hội. Trong năm qua, Công ty tự hào thực hiện các chương trình thiết thực như: trao tặng 2 tỷ đồng xóa nhà tạm tại Tuyên Quang, bàn giao Nhà Đại đoàn kết tại Châu Thành và kịp thời hỗ trợ nhân đạo cho nạn nhân tai nạn giao thông (Thanh Hóa, Lạng Sơn) cũng như sự cố hàng hải tàu GT UNITY.

Những nỗ lực này không chỉ khẳng định hình ảnh một doanh nghiệp bảo hiểm tận tâm, đáng tin cậy trong mắt đối tác và khách hàng, mà còn là minh chứng cho cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội. Đây chính là động lực cốt lõi để Bảo Minh tiếp tục vươn xa và phụng sự cộng đồng trong tương lai.



04

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY**



BẢO HIỂM BẢO MINH
An tâm chăm sóc sức khỏe mỗi ngày



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐVT: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | KH 2025 | TH 2025 | TH 2024 | % TH2025/ KH2025 | % TH 2025/ TH 2024 |
|----------|---|------------------|------------------|------------------|---------------------|-----------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 7.340.000 | 7.111.873 | 6.982.021 | 96,89% | 101,86% |
| 1.1 | - Phí bảo hiểm gốc | 6.316.000 | 5.966.174 | 5.960.679 | 94,46% | 100,09% |
| 1.2 | - Phí nhận tái bảo hiểm | 702.000 | 805.329 | 681.548 | 114,72% | 118,16% |
| 1.3 | - Doanh thu HĐ Tài chính và Bất động sản đầu tư | 322.000 | 333.544 | 335.852 | 103,59% | 99,31% |
| 1.4 | - Doanh thu khác | - | 6.826 | 3.942 | - | 173,15% |
| 2 | Tổng LN trước thuế | 300.000 | 302.258 | 272.734 | 100,75% | 110,83% |
| 2.1 | Lợi nhuận thuần từ KDBH | 100.000 | 94.135 | 53.627 | 94,13% | 175,54% |
| 2.2 | Lợi nhuận hoạt động tài chính | 200.000 | 203.324 | 216.528 | 101,66% | 93,90% |
| 2.3 | Lợi nhuận khác | - | 4.800 | 2.578 | - | 186,17% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 240.000 | 257.195 | 237.674 | 107,16% | 108,21% |
| 4 | ROE | 10% | 9,00% | 8,75% | 90,01% | 102,87% |



Theo số liệu cập nhật từ cơ quan quản lý, đến cuối năm 2025, thị trường bảo hiểm Việt Nam có 86 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm, tăng 2 doanh nghiệp so với năm 2024. Khung pháp lý ngày càng được hoàn thiện theo hướng siết chặt quản trị rủi ro, nâng cao tính minh bạch và an toàn hệ thống. Trong năm 2025, thị trường bảo hiểm ghi nhận sự phục hồi rõ nét hơn so với giai đoạn 2023-2024, với doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt khoảng 88,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm trước. Tuy nhiên, bối cảnh thị trường vẫn tồn tại nhiều thách thức khi chi phí bồi thường có xu hướng gia tăng, đặc biệt do ảnh hưởng của các yếu tố thiên tai và biến động chi phí đầu vào, qua đó tạo áp lực lên hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.





Trong bối cảnh đó, Tổng Công ty Bảo Minh đã chủ động thích ứng với diễn biến thị trường, kiên định định hướng phát triển an toàn, hiệu quả. Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành theo dõi chặt chẽ diễn biến kinh tế và thị trường, kịp thời xây dựng giải pháp kinh doanh linh hoạt và báo cáo thường xuyên về tiến độ thực hiện kế hoạch, đồng thời đề xuất các khó khăn để được hỗ trợ nhanh chóng. Nhờ đó, đến hết năm 2025, Bảo Minh đạt kết quả nổi bật: Tổng doanh thu ghi nhận 7.111.873 triệu đồng, đạt 96,89% kế hoạch và tăng 1,86% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 302.258 triệu đồng, hoàn thành 100,75% kế hoạch và tăng 10,83% so với cùng kỳ; ROE đạt 9,00%, đạt 90,01% kế hoạch. Những kết quả này khẳng định hiệu quả quản lý và khả năng thích ứng của Bảo Minh trước các thách thức thị trường.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và các thành viên BĐH trong năm 2025 đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế và quy định của pháp luật:

-  Thành viên BĐH kiêm nhiệm thành viên HĐQT đã chủ trì các cuộc họp giao ban hàng tháng, đồng thời các nội dung cuộc họp giao ban hàng tháng đều được gửi tới HĐQT để theo dõi, để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu kinh doanh đã được phê duyệt.
-  Các đề xuất của BĐH trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận tại cuộc họp HĐQT hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh ngoài các phiên họp thường kỳ, sau khi đã quyết nghị đều được chuyển cho BĐH để tổ chức thực hiện; BĐH triển khai Nghị quyết /Quyết định của HĐQT đã kịp thời báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các công việc được phân công.
-  Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty qua các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Điều Hành, thường xuyên trao đổi thông tin với thành viên BĐH kiêm nhiệm thành viên HĐQT, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch hàng tháng/ quý thông qua các báo cáo định kỳ.
-  Các thành viên HĐQT tham dự hội nghị sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm để nắm bắt tình hình quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, kịp thời chỉ đạo, đưa ra định hướng để thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2025.

Nhìn chung, trong quá trình điều hành, Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị, chỉ đạo của HĐQT tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Bảo Minh cũng như các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT để hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Minh theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT. Đối với các vấn đề vượt thẩm quyền, Ban Điều hành đều kịp thời báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 và triển khai các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.
- » Tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2026, với các chỉ tiêu phù hợp với định hướng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2024 – 2029 và đặc thù kinh doanh của Bảo Minh.
- » Nghiên cứu, xây dựng phương án tăng vốn điều lệ để đạt được mục tiêu về việc tăng vốn điều lệ lên mức 2.000 tỷ đồng vào năm 2029 theo định hướng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2024 – 2029 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- » Tiếp tục chú trọng và đẩy mạnh triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong năm 2026;
- » Tiếp tục theo dõi, nghiên cứu, đánh giá tình hình thị trường để kịp thời chỉ đạo công tác dự báo và quản trị rủi ro trước tình hình kinh tế xã hội, địa chính trị toàn cầu ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường, chuẩn bị các giải pháp để thích ứng, duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh trong bối cảnh trên.
- » Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra nội bộ, hậu kiểm đối với các mặt hoạt động của Bảo Minh, quán triệt trong toàn hệ thống về việc tiếp tục nâng cao tinh thần kỷ luật, tinh thần tuân thủ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- » Chỉ đạo việc rà soát, cập nhật, bổ sung các quy trình, quy định nội bộ của Bảo Minh nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- » Nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng, từ khâu trước, trong và sau bán hàng
- » Tiếp tục thực hiện chủ trương về việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Bảo Minh sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá về cơ cấu tổ chức bộ máy, hệ thống mạng lưới, chất lượng nhân sự để có phương án cho phù hợp.
- » Tăng cường công tác đào tạo trong mọi mặt bao gồm chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, kiến thức, quy định pháp luật cho người lao động.
- » Theo dõi sát diễn biến, tình hình thị trường tài chính để kịp thời định hướng, chỉ đạo BĐH trong việc xây dựng chiến lược đầu tư phù hợp, khai thác triệt để các lợi thế của Bảo Minh, đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác đầu tư.



BẢO HIỂM BẢO MINH

Đối tác đáng tin cậy, hàng không an toàn

05

**QUẢN TRỊ
CÔNG TY**



Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu | Ngày bổ nhiệm |
|-----|-----------------------------|------------------------------------|--------------------------|--------------|---------------|
| 1 | Ông Đinh Việt Tùng | Chủ tịch HĐQT | | | 24/04/2024 |
| 2 | Ông Lê Việt Thành | Thành viên HĐQT không điều hành | | | 24/04/2024 |
| 3 | Ông Vũ Anh Tuấn | Thành viên HĐQT điều hành kiêm TGD | 6.020 | 0.0004% | 24/04/2024 |
| 4 | Bà Bùi Thị Thu Thanh | Thành viên HĐQT không điều hành | | | 24/04/2024 |
| 5 | Ông Trần Văn Tá | Thành viên HĐQT độc lập | | | 24/04/2024 |
| 6 | Ông Trần Hữu Tiến | Thành viên HĐQT độc lập | | | 24/04/2024 |
| 7 | Bà Krithika Kalyanasundaram | Thành viên HĐQT không điều hành | | | 25/04/2025 |

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Nhìn chung, các Tiểu ban thuộc HĐQT đã chủ động tư vấn và tham mưu cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, qua đó, giúp nâng cao hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống Bảo Minh.

Tiểu ban Nhân sự

 **Cơ cấu thành viên:** 06 người, trong đó Chủ tịch HĐQT Ông Đinh Việt Tùng là Trưởng tiểu ban.

 **Trong năm 2025, Tiểu ban đã thực hiện các hoạt động:**

- » Tham mưu cho HĐQT về việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, đảm bảo công tác quy trình nhân sự BDH thực hiện tuân thủ các quy định của Bảo Minh và quy định của pháp luật.
- » Tham mưu cho HĐQT về việc phân công công tác đối với TV.HĐQT được bầu bổ sung cho nhiệm kỳ 2024 – 2029 để nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT.
- » Tham mưu cho HĐQT về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh, theo đó, bộ máy mới của Bảo Minh tại Trụ sở chính chính thức vận hành từ ngày 01/04/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (tiếp theo)



Tiểu ban Lao động – Lương thưởng



Cơ cấu thành viên: 06 người, trong đó TV. HĐQT Ông Trần Văn Tá là Trưởng tiểu ban.



Trong năm 2025, Tiểu ban đã thực hiện các hoạt động:

- » Hoàn thành việc xây dựng lại cơ chế thù lao cho HĐQT, BKS trong năm 2025 đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật mới, đồng thời đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của từng thành viên HĐQT, BKS, góp phần động viên, khuyến khích, tạo động lực cho HĐQT, BKS thực hiện tốt các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.
- » Trình HĐQT để quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và phân bổ tiền thưởng năm 2024 cho người quản lý.
- » Rà soát, nghiên cứu để thực hiện việc cập nhật, bổ sung quy chế lương, thưởng của Bảo Minh trong thời gian tới đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.



Tiểu ban Chính sách và Phát triển



Cơ cấu thành viên: 05 người, trong đó Chủ tịch HĐQT Ông Đinh Việt Tùng là Trưởng tiểu ban.



Trong năm 2025, Tiểu ban đã thực hiện các hoạt động:

- » Đề xuất, tham mưu cho HĐQT về chiến lược phát triển, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong năm 2026 và định hướng, giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2025.
- » Tích cực hỗ trợ BDH, các công ty thành viên trong việc tiếp cận, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng, đối tác để thúc đẩy hoạt động kinh doanh trong năm 2025.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hoạt động của Hội đồng quản trị

01

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm 2025, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Bảo Minh, HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, 04 phiên họp thường kỳ, một số phiên họp bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT đã ban hành 38 Nghị quyết và Quyết định nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Bảo Minh. Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thống nhất là những định hướng quan trọng giúp BDNH tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Bảo Minh có hiệu quả. Từ 01/01/2025 – 31/12/2025, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp gồm:

- » Cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 01 năm 2025, ngày 28/02/2025;
- » Cuộc họp HĐQT bất thường lần 01 năm 2025, ngày 21/03/2025, chuẩn bị các nội dung trình ĐHĐCĐTN năm 2025;
- » Cuộc họp HĐQT để bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo Minh, ngày 15/04/2025;
- » Cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 02 năm 2025, ngày 30/05/2025.
- » Cuộc họp HĐQT để bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Tổng công ty cổ phần Bảo Minh, ngày 07/08/2025;
- » Cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 03 năm 2025, ngày 26/08/2025.
- » Cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 04 năm 2025, ngày 25/11/2025.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

02

Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT Bảo Minh đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), đảm bảo lợi ích tối ưu cho Tổng Công ty và các cổ đông.

HĐQT duy trì cơ chế phân cấp, phân quyền linh hoạt, tạo điều kiện để Ban Điều hành chủ động trong kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo sự giám sát chặt chẽ. Sau khi kiện toàn nhân sự, Chủ tịch HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, giúp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và nêu cao trách nhiệm cá nhân.

Ngoài ra, Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các kỳ họp, đóng góp ý kiến văn bản với tinh thần trách nhiệm cao và đoàn kết. HĐQT cũng trực tiếp dự các hội nghị Sơ kết, Tổng kết toàn hệ thống để nắm bắt thực tế, từ đó đưa ra những chỉ đạo sát sao, kịp thời cho từng giai đoạn kinh doanh.

HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025 với sự chuẩn bị chu đáo, tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật. Đồng thời, HĐQT luôn theo sát và giám sát Ban Điều hành trong việc hiện thực hóa các nội dung Nghị quyết đã đề ra.



03

Mối quan hệ công tác

Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính đã chủ động phối hợp xử lý.

Đối với mỗi vấn đề, nội dung được Ban Điều hành trình xin ý kiến chỉ đạo, HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Ban Điều hành và bộ máy thực hiện, đồng thời HĐQT luôn theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.

HĐQT thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát song vẫn đảm bảo tính độc lập hoạt động của Ban Kiểm soát. Đối với mỗi cuộc họp, HĐQT đều gửi thông báo mời họp và tài liệu họp HĐQT đến Ban Kiểm soát theo đúng quy định như đối với thành viên HĐQT, tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Ban Kiểm soát, đồng thời chỉ đạo BĐH triển khai các nội dung theo đề xuất của Ban Kiểm soát nhằm tăng cường hiệu quả và tính tuân thủ trong quá trình thực hiện công tác quản lý, điều hành tại Bảo Minh.

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số buổi họp | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|---|------------------------------------|-------------|-------------------|--|
| 1 | Ông Đinh Việt Tùng | Chủ tịch HĐQT | 7/7 | 100% | |
| 2 | Ông Lê Việt Thành | Thành viên HĐQT không điều hành | 7/7 | 100% | |
| 3 | Ông Vũ Anh Tuấn | Thành viên HĐQT điều hành kiêm TGD | 7/7 | 100% | |
| 4 | Bà Bùi Thị Thu Thanh | Thành viên HĐQT không điều hành | 7/7 | 100% | |
| 5 | Ông Trần Văn Tá | Thành viên HĐQT độc lập | 7/7 | 100% | |
| 6 | Ông Trần Hữu Tiến | Thành viên HĐQT độc lập | 7/7 | 100% | |
| 7 | Ông Nicolas Marie Charles Henri du Cauze de Nazelle | Thành viên HĐQT không điều hành | 3/3 | 100% | Bận công tác, ủy quyền cho bà Krithika Kalyanasundaram tham dự cuộc họp ngày 28/02/2025 và cuộc họp ngày 21/03/2025, ủy quyền cho bà Bùi Thị Thu Thanh tham dự cuộc họp ngày 15/04/2025. Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025. |
| 8 | Bà Krithika Kalyanasundaram | Thành viên HĐQT không điều hành | 4/4 | 100% | Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2025 Bận công tác, ủy quyền cho bà Bùi Thị Thu Thanh tham dự cuộc họp ngày 07/08/2025. |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|-----------------|
| 1 | NQ số 0324/2025 - BM/HĐQT | 04/03/2025 | V.v kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN năm 2025 | 100% |
| 2 | NQ số 0360/2025 - BM/HĐQT | 10/03/2025 | V.v phiên họp HĐQT thường kỳ lần 01 năm 2025, tổ chức ngày 28/02/2025. | 100% |
| 3 | NQ số 0364/2025 - BM/HĐQT | 11/03/2025 | V.v đề án đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh | 100% |
| 4 | NQ số 0400/2025 - BM/HĐQT | 17/03/2025 | V.v chủ trương bổ nhiệm lại TGD TCT CP Bảo Minh | 100% |
| 5 | QĐ số 0420/2025 - BM/HĐQT | 18/03/2025 | V.v Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tài chính - Kế toán | 100% |
| 6 | QĐ số 0421/2025 - BM/HĐQT | 18/03/2025 | V.v Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng Trụ sở chính | 100% |
| 7 | QĐ số 0422/2025 - BM/HĐQT | 18/03/2025 | V.v Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Ban Phát triển kinh doanh và Quản lý đại lý | 100% |
| 8 | QĐ số 0423/2025 - BM/HĐQT | 18/03/2025 | V.v Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Pháp chế - Quản trị rủi ro - Định phí. | 100% |
| 9 | NQ số 0561A/2025 -BM/HĐQT | 28/03/2025 | V.v nghị quyết phiên họp HĐQT bất thường, tổ chức ngày 21/03/2025 | |
| 10 | NQ số 0638/2025 - BM/HĐQT | 04/04/2025 | V.v Các nội dung trình ĐHCĐTN năm 2025 | 100% |
| 11 | NQ số 0718/2025 - BM/HĐQT | 15/04/2025 | V.v bổ nhiệm lại TGD TCT CP Bảo Minh | 100% |
| 12 | QĐ số 0719/2025 - BM/HĐQT | 15/04/2025 | V.v bổ nhiệm lại cán bộ | 100% |
| 13 | NQ số 0884/2025 -BM/HĐQT | 26/04/2025 | V.v phê duyệt dự thảo Quy chế đầu tư của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh | 100% |
| 14 | QĐ số 0885/2025 -BM/HĐQT | 26/04/2025 | V.v ban hành Quy chế đầu tư của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh | 100% |
| 15 | NQ số 1104/2025 -BM/HĐQT | 27/05/2025 | V.v chi trả cổ tức 2024 bằng tiền | 100% |
| 16 | NQ số 1330/2025-BM/HĐQT | 17/06/2025 | V.v về chủ trương bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Bảo Minh | 100% |
| 17 | NQ số 1365/2025-BM/HĐQT | 19/06/2025 | V.v ban hành Điều lệ Bảo Minh sửa đổi, bổ sung năm 2025 | 100% |
| 18 | QĐ số 1366/2025-BM/HĐQT | 19/06/2025 | V.v ban hành Điều lệ Bảo Minh sửa đổi, bổ sung năm 2025 | 100% |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|--|-----------------|
| 19 | NQ số 1498/2025-BM/HĐQT | 03/07/2025 | V.v lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC và báo cáo tách nguồn vốn chủ sở hữu nguồn phi bảo hiểm năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh | 100% |
| 20 | NQ số 1499/2025-BM/HĐQT | 03/07/2025 | V.v phiên họp HĐQT thường kỳ lần 02 năm 2025, tổ chức ngày 30/05/2025 | 100% |
| 21 | NQ số 1540/2025-BM/HĐQT | 08/07/2025 | V.v quán triệt việc tuân thủ các quy định của pháp luật, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tiêu cực khi thực hiện nhiệm vụ được giao | 100% |
| 22 | NQ số 1559/2025-BM/HĐQT | 09/07/2025 | V.v triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2025 theo NQ ĐHCĐTN | 100% |
| 23 | NQ số 1623/2025-BM/HĐQT | 16/07/2025 | V.v thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2025 | 100% |
| 24 | NQ số 1806/2025-BM/HĐQT | 04/08/2025 | V.v triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 | 100% |
| 25 | NQ số 1886/2025-BM/HĐQT | 07/08/2025 | V.v bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Bảo Minh | 100% |
| 26 | QĐ số 1888/2025-BM/HĐQT | 07/08/2025 | V.v bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Bảo Minh | 100% |
| 27 | NQ số 2079/2025-BM/HĐQT | 28/08/2025 | V.v phê duyệt quy trình kiểm toán nội bộ | 100% |
| 28 | QĐ số 2080/2025-BM/HĐQT | 28/08/2025 | V.v ban hành quy trình kiểm toán nội bộ | 100% |
| 29 | NQ số 2212/2025-BM/HĐQT | 16/09/2025 | V.v kế hoạch tiền lương năm 2024 (sau điều chỉnh KHKD) và quyết toán lương năm 2024 | 100% |
| 30 | NQ số 2213/2025-BM/HĐQT | 16/09/2025 | V.v quyết toán thù lao HĐQT, BKS và phân bổ tiền thưởng người quản lý năm 2024 | 100% |
| 31 | NQ số 2490/2025-BM/HĐQT | 22/10/2025 | V.v phân công nhiệm vụ đối với bà Krithika Kalyanasundaram - TV HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029 | 100% |
| 32 | NQ số 2552/2025-BM/HĐQT | 29/10/2025 | V.v phiên họp HĐQT thường kỳ lần 03 năm 2025 | 100% |
| 33 | NQ số 2875/2025-BM/HĐQT | 05/12/2025 | V.v triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025, tăng cường kiểm soát, tiết kiệm chi phí | 100% |
| 34 | NQ số 3011/2025-BM/HĐQT | 22/12/2025 | V.v kế hoạch lao động tiền lương 2025 và phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2025. | 100% |
| 35 | NQ số 3073/2025-BM/HĐQT | 25/12/2025 | V.v thay thế nhân sự trưởng ban KTNB trực thuộc HĐQT; | 100% |
| 36 | QĐ số 3075/2025-BM/HĐQT | 25/12/2025 | V.v miễn nhiệm chức vụ trưởng ban KTNB trực thuộc HĐQT đối với ông Lương Ngọc Thiện; | 100% |
| 37 | QĐ số 3076/2025-BM/HĐQT | 25/12/2025 | V.v bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng ban phụ trách KTNB trực thuộc HĐQT đối với bà Hà Thị Trung Anh. | 100% |
| 38 | NQ số 0094/2026-BM/HĐQT | 21/01/2026 | V.v phiên họp HĐQT thường kỳ lần 04 năm 2026 | 100% |



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tại Tổng công ty cổ phần Bảo Minh, các thành viên HĐQT độc lập gồm ông Trần Văn Tá – Trưởng tiểu ban Lao động, lương thưởng, đồng thời là thành viên tiểu ban Tổ chức nhân sự; và ông Trần Hữu Tiến – Thành viên tiểu ban Lao động, lương – thưởng và tiểu ban Chính sách phát triển.

Trong năm qua, các thành viên đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua việc đưa ra những ý kiến phản biện khách quan và độc lập, các thành viên đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo các quyết định của HĐQT luôn công khai, minh bạch, ngăn ngừa xung đột lợi ích và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cổ đông nhỏ lẻ, tạo sự hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông trong hệ thống Bảo Minh.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- » Đối với Tiểu ban Lao động, lương – thưởng: Các thành viên đã chủ động phối hợp xây dựng và trình HĐQT các phương án thù lao, lương thưởng cho đội ngũ quản lý, đảm bảo quy trình chi trả công khai, minh bạch và công bằng theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- » Đối với Tiểu ban Tổ chức nhân sự: Các thành viên đã tham gia đóng góp ý kiến và tham mưu đặc lực cho HĐQT trong việc kiện toàn bộ máy nhân sự cấp cao. Đề xuất các nội dung chiến lược về công tác cán bộ thuộc cơ cấu HĐQT, bộ máy giúp việc cho HĐQT và BDH.
- » Đối với Tiểu ban Chính sách và phát triển: Các thành viên tiểu ban đã tích cực xây dựng các định hướng và kế hoạch kinh doanh dài hạn. Đồng thời, hỗ trợ Ban Điều hành trong việc kết nối, thúc đẩy mối quan hệ với các đối tác và khách hàng trọng điểm để mở rộng thị trường.
- » Nhìn chung các thành viên tiểu ban đều thường xuyên nghiên cứu, đưa ra các giải pháp chiến lược và phương hướng thực tế để Ban Điều hành tiếp thu, điều chỉnh hoạt động kinh doanh kịp thời và hiệu quả.



Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về

hoạt động của HĐQT

- » Về việc tuân thủ và trách nhiệm: HĐQT đã thực hiện đúng các chiến lược, định hướng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo tuân thủ nghiêm túc quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Từng thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động và tích cực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công.
- » Về kết quả kinh doanh: Dựa trên các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã đề ra giải pháp hiệu quả, chỉ đạo sát sao giúp BDH hoàn thành hiệu quả kinh doanh và tiếp tục giữ vững vị trí số 03 trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.
- » Về công tác chỉ đạo và giám sát: HĐQT đã tạo điều kiện tối đa cho BDH chủ động trong vận hành, đồng thời duy trì việc theo dõi, giám sát chặt chẽ để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai công việc.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Thư ký Công ty tham dự Hội nghị phổ biến nội dung sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành do UBCKNN tổ chức trong tháng 10/2025.
- Thư ký Công ty tham gia chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị công ty (ACGS) do UBCKNN phối hợp với Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) tổ chức trong tháng 12/2025.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----|---|--------------------------|---------------|
| 1 | Bà Lê Minh Tuyết | Trưởng Ban kiểm soát | 24/04/2024 |
| 2 | Bà Phan Thị Hồng Phương | Thành viên Ban kiểm soát | 24/04/2024 |
| 3 | Bà Đinh Thị Minh Hải | Thành viên Ban kiểm soát | 24/04/2024 |
| 4 | Ông Guardiola Garcia-Quiros, Jorge Ramiro | Thành viên Ban kiểm soát | 24/04/2024 |

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các cuộc họp Ban Kiểm soát:

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số buổi họp | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|---|----------------|-------------|-------------------|
| 1 | Bà Lê Minh Tuyết | Trưởng BKS | 2/2 | 100% |
| 2 | Bà Phan Thị Hồng Phương | Thành viên BKS | 2/2 | 100% |
| 3 | Bà Đinh Thị Minh Hải | Thành viên BKS | 2/2 | 100% |
| 4 | Ông Guardiola Garcia-Quiros, Jorge Ramiro | Thành viên BKS | 1/2 | 50% |

Từ 01/01/2025 – 31/12/2025, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp gồm:

- 16/6/2025:** Lấy ý kiến các thành viên về việc đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh: Các thành BKS đều thống nhất đề xuất HĐQT chọn Công ty TNHH PwC Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của Bảo Minh.
- 05/12/2025:** Họp BKS để thảo luận một số nội dung gồm:
 - » Đánh giá hoạt động quản trị và điều hành của Bảo Minh, kết quả thực hiện các kiến nghị của BKS trong 6 tháng đầu năm 2025.
 - » Thảo luận về báo cáo chuyên đề và kế hoạch hoạt động trong năm 2026 của Ban Kiểm soát;
 - » Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành (nếu có); các vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc (nếu có);
 - » Báo cáo 1 số nội dung tồn tại về công tác quản lý tài chính và nghiệp vụ trong quá trình thực hiện kiểm tra tại các đơn vị thành viên năm 2025.



BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và cổ đông

Trên cơ sở quyền hạn và nghĩa vụ được quy định, BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, TGD và BDH trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty, cụ thể:

- » Giám sát việc tổ chức các phiên họp của HĐQT; việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; việc chuẩn bị và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh và các cuộc họp định kỳ, bất thường của HĐQT.
- » Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2025;
- » Giám sát các hoạt động của HĐQT, TGD và BDH trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty cổ phần Bảo Minh trong năm 2025.

Qua công tác giám sát, BKS thấy rằng các thành viên HĐQT, TGD và BDH đã chủ động, tích cực, nỗ lực để hoàn thành tốt trách nhiệm của mình trong công tác quản trị điều hành. BDH cũng đã có những chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể, kịp thời để xử lý các vấn đề còn tồn tại. Trong năm 2025, tổng doanh thu của toàn hệ thống đạt 7.112 tỷ đồng đạt 96,89% và đạt 101,86% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 302 tỷ đồng, đạt 100,75% lợi nhuận KH được giao.

Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu về quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của toàn hệ thống Bảo Minh, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác

- » Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và những Người quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Bảo Minh và Cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ.
- » Đối với các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất, HĐQT đều mời BKS, BDH tham dự để cùng thảo luận, trao đổi, xây dựng các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ nhằm hoàn thành các kế hoạch đã đặt ra.
- » Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: các Ban/Trung tâm/Ban Kiểm tra - Kiểm soát nội bộ của Công ty, Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Điều Hành.
- » Ban Kiểm soát trực tiếp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh tại một số đơn vị thành viên để nắm bắt tình hình và có kiến nghị, đề xuất đối với những tồn tại, vướng mắc, hạn chế trong công tác quản lý, điều hành tại các đơn vị.
- » Trong quá trình tổ chức, kiểm tra, giám sát các hoạt động về công tác quản lý điều hành và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin liên quan theo đúng quy định tại điều lệ và các quy chế nội bộ của TCT.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

- » Trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 về chủ trương lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Tổng công ty cổ phần Bảo Minh năm 2025, thực hiện các công việc cần thiết có liên quan để hoàn thành việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC và báo cáo tách nguồn VCSH nguồn phí bảo hiểm năm 2025 của Bảo Minh.
- » Phối hợp với Ban kế toán, kiểm toán độc lập đơn đốc việc lập và hoàn thành BCTC kiểm toán năm 2024.
- » Tham gia đóng góp ý kiến đối với báo cáo thường niên năm 2024, báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng năm 2025 và cả năm 2025 đối với các nội dung liên quan tới BKS.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

| | 2024 | 2025 |
|---|---------------|---------------|
| Chủ tịch HĐQT | | |
| Ông Đinh Việt Tùng | 159.663.922 | 110.263.706 |
| Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | | |
| Ông Vũ Anh Tuấn | 1.429.748.603 | 1.243.216.985 |
| Thành viên HĐQT | | |
| Ông Ivan Tam Kwok Wing | 129.363.922 | 14.087.902 |
| Bà Bùi Thị Thu Thanh | 148.663.922 | 99.763.706 |
| Ông Lê Việt Thành | 148.663.922 | 99.763.706 |
| Bà Callard Stumpf Céline | 129.363.922 | 14.087.902 |
| Ông Nicolas De Nazelle | 19.200.000 | 85.775.804 |
| Ông Trần Văn Tá | 164.000.000 | 285.000.000 |
| Ông Trần Hữu Tiến | 40.000.000 | 270.000.000 |
| Trưởng Ban kiểm soát | | |
| Bà Lê Minh Tuyết | 550.846.357 | 741.578.484 |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Ông Nicolas De Nazelle | 108.271.138 | 13.290.322 |
| Bà Phan Thị Hồng Phương | 123.671.138 | 85.870.965 |
| Ông Jonathan Yau Chun Hung | - | 13.290.322 |
| Bà Đinh Thị Minh Hải | 15.400.000 | 72.580.643 |
| Ông Jorge Quiros | 15.400.000 | 72.580.643 |

| | 2024 | 2025 |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
| Phó Tổng Giám đốc thường trực | | |
| Ông Phạm Minh Tuấn | 1.084.594.441 | 1.004.869.079 |
| Phó Tổng Giám đốc | | |
| Ông Châu Quang Linh | 898.634.407 | 827.272.058 |
| Ông Nguyễn Ngọc Anh | 846.903.085 | 771.334.867 |
| Ông Vũ Hải Lâm | 826.645.235 | 767.002.867 |
| Ông Nguyễn Thành Nam | 940.630.359 | 767.693.867 |
| Kế toán trưởng | | |
| Ông Sái Văn Hưng | 836.795.028 | 775.648.867 |

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-----------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Ông Vũ Anh Tuấn | TV HĐQT + TGD | 5.304 | 0,00% | 6.020 | 0,004% | |
| 2 | Ông Phạm Minh Tuấn | PTGD | 28 | 0,00% | 31 | 0,00002% | |
| 2.1 | Bà Đặng Thị Thu Hương | Vợ | 31 | 0,00% | 35 | 0,000025% | |
| 2.2 | Ông Phạm Xuân Phong | Anh | 10.165 | 0,01% | 11.537 | 0,008% | Nhận cổ phiếu thưởng từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 |
| 2.3 | Bà Nguyễn Thị Kim Dung | Chị dâu | 577 | 0,00% | 654 | 0,00044% | |
| 2.4 | Bà Phạm Thị Tú | Chị | 140 | 0,00% | 158 | 0,0001% | |
| 3 | Ông Châu Quang Linh | PTGD | 10.628 | 0,01% | 12.062 | 0,008% | |
| 3.1 | Bà Phan Thị Hoài | Vợ | 1.508 | 0,00% | 1.710 | 0,0010% | |
| 4 | Ông Sái Văn Hưng | Kế toán trưởng | 771 | 0,00% | 875 | 0,0006% | |

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BKS (TIẾP THEO)

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|--|---------------------------|--------------------------|---------|
| 1 | Tập đoàn AXA SA – Pháp | Cổ đông lớn | | | Năm 2025 | Nghị quyết 1623/2025-BM/HĐQT về việc thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2025 | Phí Nhượng Tái | 46.478.113.261 | |
| | | | | | | | Hoa hồng Nhượng Tái | 5.090.799.069 | |
| | | | | | | | Chia cổ tức bằng tiền | 11.042.514.599 | |
| | | | | | | | Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 29.811.505.320 | |
| 2 | Tổng công ty Hàng không Việt Nam | Người có liên quan của người nội bộ (Ông Đinh Việt Tùng – CT.HĐQT Bảo Minh là TV.HĐQT của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam) | | | Năm 2025 | Nghị quyết 1623/2025-BM/HĐQT về việc thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2025 | Phí Bảo hiểm gốc | 8.673.815.753 | |
| 3 | Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (Vinare) | Người có liên quan của ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam – GD BM Tràng An – Người quản lý theo điều lệ Bảo Minh | | | Năm 2025 | Nghị quyết 1623/2025-BM/HĐQT về việc thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2025 | Phí Nhận Tái | 95.810.503.099 | |
| | | | | | | | Hoa hồng Nhận Tái | 24.804.088.188 | |
| | | | | | | | Phí Nhượng Tái | 19.113.312.002 | |
| | | | | | | | Hoa hồng Nhượng Tái | 1.730.547.132 | |
| | | | | | | | Nhận cổ tức | 11.726.878.000 | |
| 4 | Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang | | | | Năm 2025 | Nghị quyết 1623/2025-BM/HĐQT về việc thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2025 | Phí Bảo hiểm gốc | 4.466.000 | |
| 5 | Công ty CP Cảng An Giang | Người có liên quan của ông Lê Việt Thành – TVHĐQT Bảo Minh | | | Năm 2025 | Nghị quyết 1623/2025-BM/HĐQT về việc thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2025 | Phí Bảo hiểm gốc | 25.240.000 | |
| 6 | Công ty bảo hiểm Liên hiệp (UIC) | Người có liên quan của công ty (Ông Nguyễn Thành Nam – P.TGD Bảo Minh là Chủ tịch HĐQT tại UIC) | | | Năm 2025 | Nghị quyết 1623/2025-BM/HĐQT về việc thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2025 | Phí Nhận Tái | 53.899.099.859 | |
| | | | | | | | Hoa hồng Nhận Tái | 14.667.379.729 | |
| | | | | | | | Nhận cổ tức | 55.830.075.361 | |
| 7 | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) | Người có liên quan của người nội bộ (Ông Đinh Việt Tùng – CT.HĐQT Bảo Minh là P.TGD của SCIC) | | | Năm 2025 | | Chia cổ tức bằng tiền | 33.624.954.363 | |
| | | | | | | | Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 90.777.376.560 | |

Bảo hiểm Bảo Minh
Tận tình phục vụ





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BKS (TIẾP THEO)



Tổng công ty cổ phần Bảo Minh là Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE). Hoạt động quản trị và điều hành của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản pháp luật liên quan khác. Ngoài ra, các cán bộ lãnh đạo quản lý của Công ty đã tích cực tham gia các buổi tập huấn, thảo luận và cập nhật kiến thức về quản trị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



BẢO HIỂM BẢO MINH

Vững vàng trên mọi hành trình hàng hải

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Ban Điều hành của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính tổng hợp này bao gồm: bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh 6(a) của báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có khoản tài sản thiếu chờ xử lý với giá trị là 155.991.595.886 Đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán phù hợp liên quan đến khả năng thu hồi của khoản này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán với kết luận chấp nhận toàn phần ngày 26 tháng 3 năm 2025.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Trương Hoàng Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4594-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM18408
TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 4 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 02 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|--|-------------|--------------------------|--|
| | | | 2025 VND | 2024 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 39) |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 6.630.476.296.198 | 6.757.526.835.218 |
| 110 | Tiền | 3 | 216.746.321.443 | 446.093.893.383 |
| 111 | Tiền | | 216.746.321.443 | 446.093.893.383 |
| 120 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 3.470.487.628.447 | 3.260.960.800.321 |
| 121 | Chứng khoán kinh doanh | 4(a) | 332.806.775.928 | 134.764.670.056 |
| 122 | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 4(a) | (72.319.147.481) | (40.803.869.735) |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4(b) | 3.463.281.148.846 | 3.422.618.012.805 |
| 129 | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 4(b) | (253.281.148.846) | (255.618.012.805) |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 1.031.199.897.415 | 972.600.013.976 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | 865.955.573.612 | 704.486.098.884 |
| 131.1 | - Phải thu về hợp đồng bảo hiểm | 5 | 865.955.573.612 | 704.486.098.884 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 5.097.443.562 | 4.298.583.253 |
| 135 | Phải thu ngắn hạn khác | 6(a) | 491.100.041.304 | 573.755.867.427 |
| 139 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 7 | (330.953.161.063) | (309.940.535.588) |
| 140 | Hàng tồn kho | | 4.497.714.133 | 4.527.820.684 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 4.497.714.133 | 4.527.820.684 |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 759.391.470.435 | 650.999.980.626 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 8(a) | 736.000.985.556 | 624.827.894.976 |
| 151.1 | - Chi phí hoa hồng chưa phân bổ | | 276.341.475.276 | 266.306.603.908 |
| 151.2 | - Chi phí trả trước ngắn hạn khác | | 459.659.510.280 | 358.521.291.068 |
| 152 | Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 14(a) | 7.244.417.376 | 5.068.199.805 |
| 154 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 14(a) | 16.146.067.503 | 21.103.885.845 |
| 190 | Tài sản tái bảo hiểm | 19 | 1.148.153.264.325 | 1.422.344.326.228 |
| 191 | Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm | | 490.065.718.504 | 394.202.950.718 |
| 192 | Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | | 658.087.545.821 | 1.028.141.375.510 |

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 65 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 02 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(tiếp theo)

| Mã số | TÀI SẢN (tiếp theo) | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2025 VND | 2024 VND |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.046.113.268.963 | 1.021.033.343.096 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 14.513.688.042 | 19.966.049.664 |
| 218 | Phải thu dài hạn khác | 6(b) | 14.513.688.042 | 19.966.049.664 |
| 218.1 | - Kỳ quỹ bảo hiểm | | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| 218.2 | - Phải thu dài hạn khác | | 5.513.688.042 | 10.966.049.664 |
| 220 | Tài sản cố định | | 244.438.023.268 | 254.428.218.552 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 9(a) | 62.296.572.372 | 73.596.235.013 |
| 222 | Nguyên giá | | 257.882.833.708 | 257.837.549.892 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (195.586.261.336) | (184.241.314.879) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 9(b) | 182.141.450.896 | 180.831.983.539 |
| 228 | Nguyên giá | | 293.116.556.920 | 287.475.083.919 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (110.975.106.024) | (106.643.100.380) |
| 230 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 10 | 14.212.450.458 | 18.185.611.542 |
| 240 | Bất động sản đầu tư | 11 | 147.867.247.782 | 149.670.681.361 |
| 241 | Nguyên giá | | 181.861.353.463 | 181.861.353.463 |
| 242 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (33.994.105.681) | (32.190.672.102) |
| 250 | Đầu tư tài chính dài hạn | | 586.847.514.718 | 532.515.409.361 |
| 252 | Đầu tư vào công ty liên doanh | 4(c) | 242.250.000.000 | 242.250.000.000 |
| 253 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 4(c) | 57.615.300.000 | 57.615.300.000 |
| 255 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4(b) | 290.760.600.000 | 236.000.000.000 |
| 259 | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 4(c) | (3.778.385.282) | (3.349.890.639) |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 38.234.344.695 | 46.267.372.616 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 8(b) | 18.510.837.319 | 29.268.461.145 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 12 | 19.723.507.376 | 16.998.911.471 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 7.676.589.565.161 | 7.778.560.178.314 |

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 65 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 02 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|---|-------------|--------------------------|--|
| | | | 2025 VND | 2024 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 39) |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 4.749.338.830.364 | 4.991.016.678.715 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 4.748.053.333.398 | 4.989.796.207.519 |
| 312 | Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 1.017.662.642.943 | 946.903.446.066 |
| 312.1 | - Phải trả về hợp đồng bảo hiểm | | 1.017.662.642.943 | 946.903.446.066 |
| 314 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14(b) | 14.047.973.744 | 5.170.373.168 |
| 315 | Phải trả người lao động | 15 | 138.529.595.890 | 67.253.356.343 |
| 316 | Chi phí phải trả ngắn hạn | | 26.757.723.472 | - |
| 318 | Doanh thu chưa thực hiện | | 16.780.728.754 | 263.300.389.799 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 94.572.644.992 | 69.895.265.267 |
| 319.1 | Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng | 17 | 148.850.493.491 | 137.436.402.110 |
| 323 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 18 | 33.771.290.748 | 34.268.691.545 |
| 329 | Dự phòng nghiệp vụ | 19 | 3.257.080.239.364 | 3.465.568.283.221 |
| 329.1 | - Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | | 2.062.722.852.824 | 1.943.170.424.692 |
| 329.2 | - Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | | 1.060.854.409.502 | 1.399.732.485.259 |
| 329.3 | - Dự phòng dao động lớn | | 133.502.977.038 | 122.665.373.270 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 1.285.496.966 | 1.220.471.196 |
| 333 | Phải trả dài hạn khác | | 1.285.496.966 | 1.220.471.196 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 2.927.250.734.797 | 2.787.543.499.599 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 2.927.250.734.797 | 2.787.543.499.599 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 20, 21 | 1.505.476.260.000 | 1.326.428.180.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 21 | 792.244.224.449 | 792.244.224.449 |
| 418 | Quỹ dự phòng tài chính | 21 | 28.085.153.439 | 28.085.153.439 |
| 419 | Quỹ dự trữ bắt buộc | 21 | 145.458.442.215 | 132.469.110.111 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 21 | 455.986.654.694 | 508.316.831.600 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 211.781.385.434 | 282.526.491.482 |
| 421b | - LNST chưa phân phối của năm nay | | 244.205.269.260 | 225.790.340.118 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 7.676.589.565.161 | 7.778.560.178.314 |


Đoàn Tấn Phong
Người lập

Sái Văn Hưng
Kế toán trưởngVũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 02 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(tiếp theo)

| Mã số | CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|--|--------------------------|--------------|
| | | 2025 | 2024 |
| 5. | Ngoại tệ các loại: | | |
| | Đô la Mỹ ("USD") | 2.752.617,53 | 2.441.338,81 |
| | Euro ("EUR") | 197,74 | 200,54 |
| | Đô la Singapore ("SGD") | 222,55 | 244,75 |


Đoàn Tấn Phong
Người lập

Sái Văn Hưng
Kế toán trưởngVũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|-----------|---|-------------|---|------------------------|
| | | | 2025 VND | 2024 VND |
| 10 | Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | 5.360.408.954.536 | 5.122.748.106.255 |
| 11 | Doanh thu hoạt động bất động sản đầu tư | 11 | 13.776.755.327 | 12.962.845.007 |
| 12 | Doanh thu hoạt động tài chính | 28 | 319.767.176.452 | 322.889.566.520 |
| 13 | Thu nhập khác | | 6.825.652.169 | 3.941.922.651 |
| 20 | Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | (5.034.527.953.517) | (4.870.071.477.505) |
| 21 | Giá vốn bất động sản đầu tư | 11 | (5.177.347.998) | (6.111.283.386) |
| 22 | Chi phí hoạt động tài chính | 29 | (125.042.853.515) | (113.212.961.128) |
| 24 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 30 | (231.746.108.671) | (199.049.295.252) |
| 25 | Chi phí khác | | (2.026.002.640) | (1.363.771.429) |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 302.258.272.143 | 272.733.651.733 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 31 | (47.788.266.684) | (34.400.136.061) |
| 52 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 31 | 2.724.595.905 | (659.473.443) |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 257.194.601.364 | 237.674.042.229 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 22(a) | 1.469 | 1.278 |
| 71 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 22(b) | 1.469 | 1.278 |


Đoàn Tấn Phong
Người lập

Sài Văn Hưng
Kế toán trưởngVũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | | |
|-----------|---|---|----------------------------|----------------------------|
| | | 2025 VND | 2024 VND | |
| 01 | Doanh thu phí bảo hiểm | 23 | 6.651.950.549.665 | 6.654.892.913.332 |
| 01.1 | - Phí bảo hiểm gốc | | 5.966.174.418.055 | 5.960.678.726.953 |
| 01.2 | - Phí nhận tái bảo hiểm | | 805.328.559.742 | 681.548.141.032 |
| 01.3 | - (Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 19 | (119.552.428.132) | 12.666.045.347 |
| 02 | Phí nhượng tái bảo hiểm | 24 | (1.592.609.913.717) | (1.775.004.151.688) |
| 02.1 | - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm | | (1.688.472.681.503) | (1.665.540.962.076) |
| 02.2 | - Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm | 19 | 95.862.767.786 | (109.463.189.612) |
| 03 | Doanh thu phí bảo hiểm thuần | | 5.059.340.635.948 | 4.879.888.761.644 |
| 04 | Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | 301.068.318.588 | 242.859.344.611 |
| 04.1 | - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 25 | 290.768.532.575 | 242.025.367.705 |
| 04.2 | - Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | 10.299.786.013 | 833.976.906 |
| 10 | Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | 5.360.408.954.536 | 5.122.748.106.255 |
| 11 | Chi bồi thường | 26 | (2.084.606.467.927) | (1.996.190.016.849) |
| 11.1 | - Tổng chi bồi thường | | (2.097.741.497.911) | (2.007.040.763.222) |
| 11.2 | - Các khoản giảm trừ | | 13.135.029.984 | 10.850.746.373 |
| 12 | Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 26 | 564.816.397.510 | 357.809.382.685 |
| 13 | Giảm/(tăng) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 26 | 338.878.075.757 | (510.439.015.298) |
| 14 | (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 26 | (370.053.829.689) | 421.780.608.202 |
| 15 | Tổng chi bồi thường bảo hiểm | | (1.550.965.824.349) | (1.727.039.041.260) |
| 16 | (Tăng)/giảm dự phòng dao động lớn | 19 | (10.837.603.768) | 73.233.140.970 |
| 17 | Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 27 | (3.472.724.525.400) | (3.216.265.577.215) |
| 17.1 | - Chi hoa hồng bảo hiểm | | (964.830.194.596) | (915.014.871.953) |
| 17.2 | - Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | (2.507.894.330.804) | (2.301.250.705.262) |
| 18 | Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | (5.034.527.953.517) | (4.870.071.477.505) |
| 19 | Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | 325.881.001.019 | 252.676.628.750 |

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 65 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 65 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|-----------|--|---|------------------------|
| | | 2025 VND | 2024 VND |
| 20 | Doanh thu hoạt động bất động sản đầu tư | 13.776.755.327 | 12.962.845.007 |
| 21 | Giá vốn bất động sản đầu tư | (5.177.347.998) | (6.111.283.386) |
| 22 | Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư bất động sản | 8.599.407.329 | 6.851.561.621 |
| 23 | Doanh thu hoạt động tài chính | 319.767.176.452 | 322.889.566.520 |
| 24 | Chi phí hoạt động tài chính | (125.042.853.515) | (113.212.961.128) |
| 25 | Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính | 194.724.322.937 | 209.676.605.392 |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | (231.746.108.671) | (199.049.295.252) |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 297.458.622.614 | 270.155.500.511 |
| 31 | Thu nhập khác | 6.825.652.169 | 3.941.922.651 |
| 32 | Chi phí khác | (2.026.002.640) | (1.363.771.429) |
| 40 | Lợi nhuận khác | 4.799.649.529 | 2.578.151.222 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 302.258.272.143 | 272.733.651.733 |
| 51 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | (47.788.266.684) | (34.400.136.061) |
| 52 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 2.724.595.905 | (659.473.443) |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 257.194.601.364 | 237.674.042.229 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.469 | 1.278 |
| 71 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 1.469 | 1.278 |

Đoàn Tấn Phong
Người lập

Sài Văn Hưng
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 65 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 03 – DNPNT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|--|--|---|---|
| | | 2025 VND | 2024 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 39) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận kế toán trước thuế | 302.258.272.143 | 272.733.651.733 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") | 17.582.407.044 | 17.999.681.961 |
| 03 | Trích dự phòng | 118.659.415.910 | 111.514.583.615 |
| 04 | (Lãi)/ổ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | (489.974.959) | 1.190.429.955 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | (255.076.106.897) | (275.801.874.383) |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 182.934.013.241 | 127.636.672.881 |
| 09 | Giảm/(tăng) các khoản phải thu | 420.584.357 | (188.079.207.442) |
| 10 | Giảm hàng tồn kho | 30.106.551 | 436.734.756 |
| 11 | (Giảm)/tăng các khoản phải trả | (101.730.912.482) | 202.305.337.737 |
| 12 | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | (100.415.488.754) | 66.561.473.151 |
| 13 | Tăng chứng khoán kinh doanh | (198.042.105.872) | (23.347.043.891) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | (28.850.377.924) | (50.015.515.275) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | (245.654.158.883) | 135.498.451.917 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | (2.454.697.181) | (7.748.066.429) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 7.009.091 | 746.567.710 |
| 23 | Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | (3.264.760.600.000) | (3.392.000.000.000) |
| 24 | Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn, thu hồi và bán công cụ nợ của đơn vị khác | 3.167.000.000.000 | 3.281.000.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | (96.900.000.000) |
| 27 | Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia | 181.578.606.346 | 402.265.153.250 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 81.370.318.256 | 187.363.654.531 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 32 | Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông | (66.321.409.000) | (60.292.704.000) |
| 40 | Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | (66.321.409.000) | (60.292.704.000) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | (230.605.249.627) | 262.569.402.448 |
| 60 | Tiền đầu năm | 446.093.893.383 | 181.629.382.582 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 257.677.687 | 1.895.108.353 |
| 70 | Tiền cuối năm | 216.746.321.443 | 446.093.893.383 |

Đoàn Tấn Phong
Người lập

Sài Văn Hưng
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 65 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27/GPĐC16/KDBH ngày 24 tháng 12 năm 2025 do Bộ Tài chính cấp với thời gian hoạt động là vô thời hạn kể từ ngày của Giấy phép thành lập và hoạt động đầu tiên số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính cấp.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là “BMI”.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 1.575 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.650 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 1 công ty liên doanh được trình bày trong Thuyết minh 4(c) - Đầu tư tài chính và có 65 công ty thành viên trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Chi tiết công ty liên doanh như sau:

| | Hoạt động chính | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|----------------------------|--|--|--|--------|
| | | | 2025 | 2024 |
| Công ty liên doanh | | | | |
| Công ty Bảo hiểm Liên hiệp | Kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm kinh doanh | Số 2 Ngõ Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 48,45% | 48,45% |

Khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính tổng hợp là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam. Báo cáo tài chính tổng hợp được lập dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập dựa trên số liệu của toàn bộ 65 đơn vị thành viên trực thuộc, không có tư cách pháp nhân của Tổng Công ty. Các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị đã được loại trừ trong báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở của việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chế độ kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Theo Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 232”) hướng dẫn về kế toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ áp dụng Quyết định 15/2008/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC (“Thông tư 244”) cho các nội dung không được hướng dẫn trong Thông tư 232. Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thay thế Quyết định 15 và Thông tư 244. Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, thay thế Thông tư 200 có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026. Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá tác động của Thông tư 99 đến các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính tổng hợp các năm tài chính sau của Công ty là hạn chế và không trọng yếu.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm, các khoản phải thu khác của khách hàng và phải thu khác được phân loại dựa trên bản chất như sau:

- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm là các khoản phải thu từ việc kinh doanh hợp đồng bảo hiểm và các hoạt động bảo hiểm khác bao gồm phí bảo hiểm gốc phải thu từ chủ hợp đồng bảo hiểm; phải thu phí nhận tái bảo hiểm; phải thu bồi thường và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;
- Các khoản phải thu khác của khách hàng là khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ khác ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính thương mại và không liên quan tới việc cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí trong năm tài chính.

2.8 Đầu tư tài chính**(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp đến ngày đáo hạn.

(c) Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh.

Đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi số ban đầu.

2.9 Ký quỹ bảo hiểm

Theo quy định tại Điều 96 của Luật 08/2022/QH15 - Luật Kinh doanh bảo hiểm do Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 8 năm 2022, Tổng Công ty phải sử dụng một phần vốn điều lệ để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Mức tiền ký quỹ bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu theo quy định pháp luật hiện hành.

Tổng Công ty chỉ được sử dụng tiền ký quỹ để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày sử dụng tiền ký quỹ, Tổng Công ty có trách nhiệm bổ sung tiền ký quỹ đã sử dụng và Tổng Công ty chỉ được rút toàn bộ tiền ký quỹ khi chấm dứt hoạt động.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình (tiếp theo)**Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các loại tài sản như sau:

| | |
|------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 40 năm |
| Máy móc thiết bị | 8 – 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 – 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 – 8 năm |
| Phần mềm vi tính | 8 năm |
| Khác | 4 – 6 năm |

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.12 Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê ghi trên báo cáo tài chính tổng hợp trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của bất động sản đó. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 50 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

2.13 Chi phí trả trước**(a) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ**

Chi phí hoa hồng liên quan đến doanh thu phí bảo hiểm chưa phân bổ được ghi nhận và phân bổ theo cách ghi nhận của dự phòng phí chưa được hưởng tương ứng được trình bày trong Thuyết minh 2.18.

(b) Chi phí khai thác bảo hiểm chưa phân bổ

Chi phí khai thác bảo hiểm chưa phân bổ bao gồm chi phí kinh doanh trực tiếp phát sinh từ nghiệp vụ bảo hiểm sinh mạng và sức khỏe của người vay qua tổ chức tài chính được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng được trình bày trong Thuyết minh 2.18.

(c) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.14 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm;
- Phải trả khác cho người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ không liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng từ các hợp đồng nhượng tài bảo hiểm được hoãn lại và ghi nhận là một khoản nợ phải trả; và được phân bổ dần vào hoa hồng nhượng tài bảo hiểm theo cách ghi nhận của phí nhượng tài bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng.

2.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm tài chính.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

2.18 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty được lập theo các giá định và phương pháp mà chuyên gia tính toán được chỉ định của Tổng Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn trong Công văn 3167/BTC-QLBH ("Công văn 3167") để ngày 21 tháng 3 năm 2018 và tuân thủ đối với quy định của Thông tư 67/2023/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP ("Thông tư 67") ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2023.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

Các khoản dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

(a) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được lập cho trách nhiệm sẽ phát sinh trong khoảng thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong kỳ tiếp theo. Dự phòng phí chưa được hưởng chỉ áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 1 năm trở xuống và các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ. Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm. Chi tiết phương pháp trích lập như sau:

- Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày (1/365) áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm gốc thuộc các nghiệp vụ bảo hiểm: bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không; bảo hiểm xe cơ giới (xe ô tô); bảo hiểm cháy, nổ; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh. Công thức trích lập như sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

- Phương pháp 1/24 áp dụng đối với hợp đồng tái bảo hiểm của tất cả các nghiệp vụ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe và tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 1 năm trở xuống, và hợp đồng bảo hiểm gốc thuộc các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ: bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới (xe máy), bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm bảo lãnh. Công thức trích lập như sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

(b) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết ("dự phòng bồi thường chưa được giải quyết") và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường ("dự phòng IBNR") tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(b) Dự phòng bồi thường (tiếp theo)

(i) Dự phòng bồi thường chưa được giải quyết:

- Đối với hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng chưa được giải quyết tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp.
- Đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm có thể phải trả cho từng hồ sơ đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng chưa được giải quyết tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp.

(ii) Dự phòng IBNR

Đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm sức khỏe:

$$\text{Dự phòng IBNR tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp} = \frac{\text{Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm TC trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp}} \times \frac{\text{Số tiền BT phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính hiện tại}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính trước}}$$

Trong đó:

- Số tiền bồi thường (BT) phát sinh của năm tài chính bao gồm số tiền bồi thường thực trả trong kỳ cộng với tăng/giảm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân là thời gian bình quân từ khi tổn thất xảy ra tới khi Tổng Công ty nhận được thông báo tổn thất hoặc hồ sơ yêu cầu bồi thường (tính bằng số ngày).

Đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm khác:

Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ ba (3) phần trăm phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm khác.

(c) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn bao gồm dự phòng bồi thường cho các dao động lớn ("DĐL") về tổn thất đối với hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ và dự phòng bảo đảm cân đối đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(c) Dự phòng dao động lớn (tiếp theo)

(i) Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được Tổng Công ty sử dụng để chi trả bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra đối với hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ mà tổng phí bảo hiểm phi nhân thọ trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường chưa được giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty. Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm bằng một phần trăm (1%) phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm của năm tài chính (2024: một phần trăm). Số tiền tối đa được sử dụng từ dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được tính cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo công thức sau:

| | | | | | | | | |
|--|---|---|---|--|---|--|---|---|
| Số tiền được sử dụng từ dự phòng bồi thường cho các ĐDL về tổn thất trong năm tài chính hiện tại | = | Số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại trong năm tài chính hiện tại | - | Tổng phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện tại | - | Dự phòng phí chưa được hưởng tương ứng với trách nhiệm giữ lại phải trích lập trong năm tài chính hiện tại | - | Dự phòng bồi thường tương ứng với trách nhiệm giữ lại phải lập vào năm tài chính hiện tại |
|--|---|---|---|--|---|--|---|---|

(ii) Dự phòng đảm bảo cân đối đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng bảo đảm cân đối được Tổng Công ty sử dụng để trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm do có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro, lãi suất kỹ thuật của các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe. Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập hàng năm bằng một phần trăm (1%) phí bảo hiểm giữ lại của năm (2024: một phần trăm). Số tiền tối đa được sử dụng trong kỳ được tính theo công thức sau:

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|--|---|--|---|---|
| Số tiền được sử dụng trong năm tài chính hiện tại | = | Số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại trong năm tài chính hiện tại | - | Tổng phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện tại | - | Dự phòng phí chưa được hưởng tương ứng với trách nhiệm giữ lại phải trích lập trong năm tài chính hiện tại | - | Dự phòng bồi thường tương ứng với trách nhiệm giữ lại phải lập vào năm tài chính hiện tại |
|---|---|---|---|--|---|--|---|---|

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính ban hành bốn (4) chuẩn mực kế toán mới theo quyết định số 100/2005/QĐ-BTC, trong đó có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 ("VAS 19") – Hợp đồng Bảo hiểm. Theo đó, dự phòng dao động lớn sẽ không được trích lập vì các yêu cầu bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính vẫn chưa ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện VAS 19 và theo Nghị định 46/2023/NĐ-CP ("Nghị định 46") về quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty tiếp tục trích lập dự phòng dao động lớn hàng năm 1% phần trăm phí bảo hiểm giữ lại của năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng một trăm (100) phần trăm phí thực giữ lại trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(d) Dự phòng toán học đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên một (1) năm để đảm bảo được các trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong tương lai.

- Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm (trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn), Tổng Công ty trích lập dự phòng toán học theo phương pháp theo hệ số thời hạn hợp đồng trên cơ sở phí bảo hiểm gộp – phương pháp 1/24. Công thức trích lập như sau:

$$\text{Dự phòng toán học} = \text{Phí bảo hiểm gộp} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

Trong mọi trường hợp Tổng Công ty đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp 1/8 theo quy định tại Thông tư 67.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Tổng Công ty trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động cho thuê văn phòng, hoạt động tài chính là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm là tiền nhận trước từ các hợp đồng bảo hiểm gốc đã có hiệu lực có thỏa thuận đóng phí theo kỳ.

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện các khoản phí bảo hiểm đã thu của các hợp đồng bảo hiểm đã ký mà nghĩa vụ vẫn chưa được thiết lập. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phân ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.21 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Tổng Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong Báo cáo tài chính tổng hợp trong năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

(b) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Theo Điều 54 của Nghị định 46, Tổng Công ty phải trích 5% LNST hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi quỹ này bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

2.22 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu phí bảo hiểm**Hợp đồng bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi Tổng Công ty phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận tại thời điểm khi đáp ứng được một trong những điều kiện sau:

- (i) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (ii) Khi có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (iii) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết, Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) trong hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm mà bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(a) Doanh thu phí bảo hiểm (tiếp theo)**Hợp đồng bảo hiểm gốc (tiếp theo)

- Trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần: Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm, và không vượt quá thời hạn bảo hiểm trong trường hợp thời hạn bảo hiểm dưới 30 ngày.
- Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ: Tổng Công ty ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm. Các kỳ thanh toán phí bảo hiểm tiếp theo được thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm đã giao kết ban đầu. Trong mọi trường hợp, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.
- Đối với bảo hiểm hàng hóa vận chuyển cho khách hàng khách hàng có nhiều chuyến hàng tham gia bảo hiểm trong năm hoặc bảo hiểm cho khách hàng có nhiều chuyến du lịch tham gia bảo hiểm trong năm: thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm bắt đầu trong tháng này không được chậm hơn ngày 25 của tháng kế tiếp nếu Tổng Công ty có ký hợp đồng bảo hiểm nguyên tắc (hay hợp đồng bảo hiểm bao) về cách thức tham gia bảo hiểm và phương thức thanh toán.

- (iv) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và Tổng Công ty có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm, việc nợ phí phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm và chỉ được áp dụng khi bên mua bảo hiểm có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm.

Nếu bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và Tổng Công ty không có thỏa thuận cho chủ hợp đồng bảo hiểm nợ phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Tổng Công ty được hưởng phần doanh thu phí bảo hiểm tương ứng với thời gian mà Tổng Công ty phát sinh nghĩa vụ bảo hiểm.

Doanh thu phí bảo hiểm cũng bao gồm các hợp đồng bảo hiểm chưa ký kết nhưng rủi ro và trách nhiệm bảo hiểm đã được thẩm định và phát sinh trước ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp. Mặc dù, Tổng Công ty chưa có được đầy đủ thông tin tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp để ký kết hợp đồng bảo hiểm cho đến năm tài chính tiếp theo.

Hợp đồng đồng bảo hiểm

Khi Tổng Công ty là doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm của hợp đồng đồng bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm đối với các hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu đã giao kết với các doanh nghiệp bảo hiểm tham gia đồng bảo hiểm. Tổng Công ty ghi nhận doanh thu khoản thu phí bảo hiểm gốc được phân bổ theo tỷ lệ đồng bảo hiểm được quy định trong hợp đồng đồng bảo hiểm.

Hợp đồng nhân tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- (i) Việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm được xác lập; và
- (ii) Có bằng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm**

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm là các khoản thu phí nhận được hoặc sẽ nhận từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Thu nhập này được tính toán trên cơ sở phí bảo hiểm nhượng tái và được ghi nhận vào cùng năm tài chính mà phí nhượng tái bảo hiểm tương ứng được ghi nhận.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

(e) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

2.23 Phí nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là một khoản giảm trừ đối với doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm tương ứng.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Tổng Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

2.24 Chi bồi thường

Chi bồi thường bao gồm số tiền bồi thường thực tế trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm hoặc cho bên thứ ba bị thiệt hại bởi chủ hợp đồng bảo hiểm và chi phí giám định tổn thất, điều tra, thu thập thông tin liên quan đến sự kiện bảo hiểm.

Chi bồi thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phát sinh thực tế trong năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Các khoản thu hồi từ công ty nhận tái bảo hiểm**

Các khoản chi trả bồi thường được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm. Các khoản thu hồi này được ghi nhận là một khoản giảm trừ tổng chi phí bồi thường bảo hiểm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm tài chính.

2.26 Chi phí hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng bảo hiểm là các khoản phí đã trả cho công ty môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và các công ty nhượng tái bảo hiểm. Chi phí hoa hồng bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc, phí bảo hiểm nhận tái theo tỷ lệ thống nhất theo hợp đồng môi giới, hợp đồng đại lý hay hợp đồng nhận tái bảo hiểm.

2.27 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm bao gồm chủ yếu các chi phí lương cho nhân viên bán hàng và đại lý bảo hiểm, hoạt động quản lý bảo hiểm, chi phí về hệ thống liên quan đến hoạt động bảo hiểm, chi phí quảng cáo và chi phí khác.

2.28 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty.

2.30 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.31 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Điều hành, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.32 Bảo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Điều hành của Tổng Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tổng Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

3 TIỀN

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 6.049.883.856 | 5.959.114.228 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 210.620.969.102 | 439.859.310.670 |
| Tiền đang chuyển | 75.468.485 | 275.468.485 |
| | <u>216.746.321.443</u> | <u>446.093.893.383</u> |

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | | |
| Chứng khoán kinh doanh (a) | 332.806.775.928 | 134.764.670.056 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b(i)) | 3.463.281.148.846 | 3.422.618.012.805 |
| | <u>3.796.087.924.774</u> | <u>3.557.382.682.861</u> |
| Đầu tư tài chính dài hạn | | |
| Đầu tư vào công ty liên doanh (c) | 242.250.000.000 | 242.250.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | | |
| - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (b(ii)) | 290.760.600.000 | 236.000.000.000 |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c) | 57.615.300.000 | 57.615.300.000 |
| | <u>590.625.900.000</u> | <u>535.865.300.000</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh

| | 2025 | | 2024 | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND |
| Cổ phiếu | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 255.758.740.628 | (37.526.637.281) | 85.744.610.056 | (12.668.609.735) |
| Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM | 76.534.035.300 | (34.792.510.200) | 48.506.060.000 | (28.135.260.000) |
| NOS | 20.000.000.000 | (17.900.000.000) | 20.000.000.000 | (18.446.000.000) |
| Khác | 56.534.035.300 | (16.892.510.200) | 28.506.060.000 | (9.689.260.000) |
| Cổ phiếu chưa niêm yết (*) | 514.000.000 | - | 514.000.000 | - |
| | <u>332.806.775.928</u> | <u>(72.319.147.481)</u> | <u>134.764.670.056</u> | <u>(40.803.869.735)</u> |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

- 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
- (b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 2025 | | 2024 | |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| (i) Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 3.386.108.261.251 | (176.108.261.251) | 3.325.445.125.210 | (178.445.125.210) |
| Trái phiếu doanh nghiệp | 77.172.887.595 | (77.172.887.595) | 77.172.887.595 | (77.172.887.595) |
| Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) (**) | 68.409.480.007 | (68.409.480.007) | 68.409.480.007 | (68.409.480.007) |
| Công ty Cổ phần Sóng Đà Thăng Long (**) | 8.763.407.588 | (8.763.407.588) | 8.763.407.588 | (8.763.407.588) |
| Chứng chỉ tiền gửi | - | - | 20.000.000.000 | - |
| | 3.463.281.148.846 | (253.281.148.846) | 3.422.618.012.805 | (255.618.012.805) |
| (ii) Dài hạn | | | | |
| Trái phiếu doanh nghiệp (***) | 289.760.600.000 | - | 200.000.000.000 | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn (****) | 1.000.000.000 | - | 36.000.000.000 | - |
| | 290.760.600.000 | - | 236.000.000.000 | - |
| | 3.754.041.748.846 | (253.281.148.846) | 3.658.618.012.805 | (255.618.012.805) |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hướng lãi suất từ 4,0%/năm đến 6,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,0%/năm đến 6,4%/năm). Số dư dự phòng phân ảnh khoản dự phòng 100% cho khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại Công ty Cho thuê Tài chính 2 (ALC2) đã quá hạn thanh toán và không có khả năng thu hồi.

(**) Các trái phiếu này đã quá hạn và các tổ chức phát hành này đã mất khả năng thanh toán. Do đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

- 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
- (b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

| | 2025 | | 2024 | |
|---|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| (****) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư thể hiện khoản đầu tư vào trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hướng lãi suất năm từ 5,5%/năm đến 7,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 5,5%/năm đến 6,3%/năm). | | | | |
| (*****) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hạn tại ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hướng mức lãi suất 6,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 5,5%/năm đến 6,2%/năm). | | | | |

- (c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 2025 | | 2024 | |
|---|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| i. Đầu tư vào công ty liên doanh Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (*) | 242.250.000.000 | - | 242.250.000.000 | - |
| ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | |
| Tổng CTCP Tài bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare) | 43.218.000.000 | - | 43.218.000.000 | - |
| CTCP Sài Gòn - Kim Liên | 7.618.100.000 | (3.778.385.282) | 7.618.100.000 | (3.349.890.639) |
| CTCP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long | 6.000.000.000 | - | 6.000.000.000 | - |
| CTCP Xi măng Hà Tiên | 779.200.000 | - | 779.200.000 | - |
| | 57.615.300.000 | (3.778.385.282) | 57.615.300.000 | (3.349.890.639) |
| | 299.865.300.000 | (3.778.385.282) | 299.865.300.000 | (3.349.890.639) |

(*) Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm KB (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 35 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 1 tháng 11 năm 1997 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 09/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 29 tháng 4 năm 2010. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu phí bảo hiểm gốc | | |
| - Phải thu của bên mua bảo hiểm | 269.030.425.147 | 264.016.050.735 |
| Phải thu phí nhận tái bảo hiểm | 200.534.763.942 | 184.264.975.862 |
| Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 387.769.069.131 | 247.199.804.344 |
| Phải thu từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm | 1.528.243.280 | 1.773.833.859 |
| Phải thu khác | 7.093.072.112 | 7.231.434.084 |
| | <u>865.955.573.612</u> | <u>704.486.098.884</u> |
| Trong đó: | | |
| Bên thứ ba | 756.883.395.937 | 590.859.214.105 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 109.072.177.675 | 113.626.884.779 |
| | <u>865.955.573.612</u> | <u>704.486.098.884</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đã quá hạn thanh toán lần lượt là 530.052.585.357 Đồng và 375.921.181.794 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 7.

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

| | 2025 | | 2024 | |
|---|------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND (Trình bày lại - Thuyết minh 39) | Dự phòng VND |
| Phải thu lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và trái tức | 157.902.798.307 | (74.320.958.543) | 143.349.042.756 | (74.320.958.543) |
| Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia | 58.950.045.000 | - | - | - |
| Tạm ứng chi phí khai thác | - | - | 239.553.300.174 | - |
| Tài sản thiếu chờ xử lý (*) | 155.991.595.886 | - | 31.238.531.632 | - |
| Khác | 118.255.602.111 | (69.204.196.056) | 159.614.992.865 | (57.370.104.970) |
| | <u>491.100.041.304</u> | <u>(143.525.154.599)</u> | <u>573.755.867.427</u> | <u>(131.691.063.513)</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Thể hiện khoản tài sản thiếu chờ xử lý phát sinh trong một vụ gian lận có liên quan đến một nhân viên của Tổng Công ty đối với một tài khoản thanh toán của Tổng Công ty tại một ngân hàng trong nước. Vụ việc này hiện đang trong quá trình xác định nguyên nhân và chờ quyết định xử lý của cơ quan chức năng. Tổng Công ty đã chủ động gửi đơn tố giác vụ việc đến cơ quan công an để trình báo, đồng thời thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết nhằm làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty. Hiện nay vụ việc đang trong quá trình điều tra của cơ quan chức năng, tại thời điểm lập báo cáo tài chính này vẫn chưa có kết luận chính thức của cơ quan chức năng đối với khoản tài sản thiếu chờ xử lý nêu trên. Tổng Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng, theo dõi diễn biến của vụ việc và thực hiện theo các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(b) Dài hạn

| | 2025 | | 2024 | |
|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ký quỹ bảo hiểm | 9.000.000.000 | - | 9.000.000.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 5.513.688.042 | - | 10.966.049.664 | - |
| | <u>14.513.688.042</u> | <u>-</u> | <u>19.966.049.664</u> | <u>-</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 201.703.936.373 Đồng và 165.115.886.641 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 7.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

7 NỢ KHÓ ĐÒI

| | 2025 | | |
|--|------------------------|----------------------------|--------------------------|
| | Giá trị gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND |
| (i) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | | | |
| Phải thu về hợp đồng bảo hiểm | 530.052.585.357 | 342.624.578.893 | (187.428.006.464) |
| Phải thu ngắn hạn khác | 201.703.936.373 | 58.178.781.774 | (143.525.154.599) |
| | <u>731.756.521.730</u> | <u>400.803.360.667</u> | <u>(330.953.161.063)</u> |
| | | | |
| | 2024 | | |
| | Giá trị gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND |
| (i) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | | | |
| Phải thu về hợp đồng bảo hiểm | 375.921.181.794 | 197.671.709.719 | (178.249.472.075) |
| Phải thu ngắn hạn khác | 165.115.886.641 | 33.424.823.128 | (131.691.063.513) |
| | <u>541.037.068.435</u> | <u>231.096.532.847</u> | <u>(309.940.535.588)</u> |

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

| | 2025 VND | 2024 VND |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i) | 276.341.475.276 | 266.306.603.908 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 459.659.510.280 | 358.521.291.068 |
| - Chi phí khai thác bảo hiểm (ii) | 447.695.972.936 | 351.863.230.442 |
| - Chi phí quảng cáo | 8.974.333.333 | - |
| - Khác | 2.989.204.011 | 6.658.060.626 |
| | <u>736.000.985.556</u> | <u>624.827.894.976</u> |

(i) Biến động về chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 266.306.603.908 | 270.679.650.723 |
| Chi phí hoa hồng phát sinh trong năm | 974.865.065.964 | 910.641.825.138 |
| Chi phí hoa hồng đã phân bổ trong năm (Thuyết minh 27) | (964.830.194.596) | (915.014.871.953) |
| Số dư cuối năm | <u>276.341.475.276</u> | <u>266.306.603.908</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Biến động về chi phí khai thác bảo hiểm trong năm như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 351.863.230.442 | 398.534.875.589 |
| Tăng | 1.273.979.970.357 | 1.026.994.054.531 |
| Phân bổ trong năm (Thuyết minh 27) | (1.178.147.227.863) | (1.073.665.699.678) |
| Số dư cuối năm | <u>447.695.972.936</u> | <u>351.863.230.442</u> |

(b) Dài hạn

| | 2025 VND | 2024 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê | 13.112.535.450 | 17.030.113.796 |
| Chi phí khai thác bảo hiểm | 1.474.217.387 | 3.990.217.663 |
| Công cụ và dụng cụ | 1.925.262.608 | 3.415.781.231 |
| Khác | 1.998.821.874 | 4.832.348.455 |
| | <u>18.510.837.319</u> | <u>29.268.461.145</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

| 9 | TSCĐ | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Thiết bị văn phòng VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Khác VND | Tổng cộng VND |
|-----|-------------------------------|----------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|---------------|-----------------|
| (a) | TSCĐ hữu hình | | | | | | |
| | Nguyên giá | | | | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 156.445.945.733 | 19.153.350.377 | 2.274.227.033 | 72.564.921.862 | 7.399.104.887 | 257.837.549.892 |
| | Mua trong năm | - | - | 52.818.185 | - | 100.786.995 | 153.605.180 |
| | Thanh lý | - | (70.706.364) | - | - | (37.615.000) | (108.321.364) |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 156.445.945.733 | 19.082.644.013 | 2.327.045.218 | 72.564.921.862 | 7.462.276.882 | 257.882.833.708 |
| | Giá trị khấu hao lũy kế | | | | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 102.468.723.723 | 18.356.006.772 | 294.705.104 | 56.379.111.908 | 6.742.767.372 | 184.241.314.879 |
| | Khấu hao trong năm | 6.537.852.245 | 250.936.044 | 159.491.560 | 4.270.674.783 | 228.013.189 | 11.446.967.821 |
| | Thanh lý | - | (70.706.364) | - | - | (31.315.000) | (102.021.364) |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 109.006.575.968 | 18.536.236.452 | 454.196.664 | 60.649.786.691 | 6.939.465.561 | 195.586.261.336 |
| | Giá trị còn lại | | | | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 53.977.222.010 | 797.343.605 | 1.979.521.929 | 16.185.809.954 | 656.337.515 | 73.596.235.013 |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 47.439.369.765 | 546.407.561 | 1.872.848.554 | 11.915.135.171 | 522.811.321 | 62.296.572.372 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 76.461.992.711 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 65.084.602.441 Đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

| 9 | TSCĐ (tiếp theo) | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm vi tính VND | Tổng cộng VND |
|-----|---|-----------------------|----------------------|-----------------|
| (b) | TSCĐ vô hình | | | |
| | Nguyên giá | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 194.166.163.294 | 93.308.920.625 | 287.475.083.919 |
| | Mua trong năm | - | 2.301.092.001 | 2.301.092.001 |
| | Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10) | - | 3.340.381.000 | 3.340.381.000 |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 194.166.163.294 | 98.950.393.626 | 293.116.556.920 |
| | Giá trị khấu hao lũy kế | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 21.034.315.773 | 85.608.784.607 | 106.643.100.380 |
| | Khấu hao trong năm | 1.814.464.037 | 2.517.541.607 | 4.332.005.644 |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 22.848.779.810 | 88.126.326.214 | 110.975.106.024 |
| | Giá trị còn lại | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 173.131.847.521 | 7.700.136.018 | 180.831.983.539 |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 171.317.383.484 | 10.824.067.412 | 182.141.450.896 |
| | Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 77.475.810.760 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 77.475.810.760 Đồng). | | | |
| 10 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG | | | |
| | Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau: | | | |
| | | 2025 VND | 2024 VND | |
| | Chi phí triển khai phần mềm | 13.453.208.713 | 16.793.589.713 | |
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | 714.784.788 | 1.347.667.647 | |
| | Khác | 44.458.957 | 44.334.182 | |
| | | 14.212.450.458 | 18.185.611.542 | |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|-----------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 18.185.611.542 | 30.445.901.692 |
| Tăng | - | 6.852.514.200 |
| Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 9) | (3.340.381.000) | (16.165.788.691) |
| Chuyển sang chi phí trả trước | (632.780.084) | (2.923.126.712) |
| Giảm khác | - | (23.888.947) |
| Số dư cuối năm | 14.212.450.458 | 18.185.611.542 |

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Quyền sử dụng đất VND | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Tổng cộng VND |
|---|--------------------------|----------------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 101.071.189.764 | 80.790.163.699 | 181.861.353.463 |
| Khấu hao lũy kế | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | - | 32.190.672.102 | 32.190.672.102 |
| Khấu hao trong năm | - | 1.803.433.579 | 1.803.433.579 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - | 33.994.105.681 | 33.994.105.681 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 101.071.189.764 | 48.599.491.597 | 149.670.681.361 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 101.071.189.764 | 46.796.058.018 | 147.867.247.782 |

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm văn phòng cho thuê của Tổng Công ty tại Tòa nhà Bảo Minh, địa chỉ 217 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích sử dụng và cho bên thứ ba thuê hoạt động, và Tòa nhà Bảo Minh Cần Thơ, địa chỉ 8 Phan Văn Trị, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với mục đích cho bên thứ ba thuê hoạt động.

Nguyên giá bất động sản đầu tư của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 14.641.934.766 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13.785.521.766 Đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Doanh thu và giá vốn phát sinh từ cho thuê bất động sản đầu tư trong năm như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Doanh thu dịch vụ cho thuê | 13.776.755.327 | 12.962.845.007 |
| Khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê | (1.803.433.579) | (2.462.483.988) |
| Chi phí khác | (3.373.914.419) | (3.648.799.398) |
| Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản | 8.599.407.329 | 6.851.561.621 |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Điều hành tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

12 THUẾ TNDN HOẢN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|----------------|----------------|
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng | 19.723.507.376 | 16.998.911.471 |
| Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau: | | |
| | 2025 VND | 2024 VND |
| Số dư đầu năm | 16.998.911.471 | 17.658.384.914 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Thuyết minh 31) | 2.724.595.905 | (659.473.443) |
| Số dư cuối năm | 19.723.507.376 | 16.998.911.471 |

Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh chủ yếu từ việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi cuối năm.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2025 là 20% (năm 2024: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

13 PHẢI TRẢ VÉ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

| | 2025 VND | 2024 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 39) |
|---|--------------------------|--|
| Phải trả về hợp đồng bảo hiểm | | |
| Phải trả bồi thường bảo hiểm | 73.361.878.047 | 47.553.626.039 |
| Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm | 113.913.954.311 | 107.297.172.744 |
| Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm | 593.510.540.932 | 521.504.708.589 |
| Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm | 14.394.063.230 | 31.594.995.313 |
| Phải trả bảo hiểm khác | 147.869.262.308 | 172.068.922.481 |
| Phải trả hoa hồng bảo hiểm | 74.612.944.115 | 66.884.020.900 |
| | <u>1.017.662.642.943</u> | <u>946.903.446.066</u> |
| Trong đó: | | |
| Bên thứ ba | 910.024.218.075 | 843.655.799.338 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 107.638.424.868 | 103.247.646.728 |
| | <u>1.017.662.642.943</u> | <u>946.903.446.066</u> |
| 14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC | | |
| | 2025 VND | 2024 VND |
| (a) Thuế phải thu | | |
| Thuế GTGT | 7.244.417.376 | 5.068.199.805 |
| Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") | 6.508.999.051 | 5.313.329.915 |
| Thuế TNDN | - | 11.430.892.273 |
| Các loại thuế khác | 9.637.068.452 | 4.359.663.657 |
| | <u>23.390.484.879</u> | <u>26.172.085.650</u> |
| (b) Thuế phải nộp | | |
| Thuế TNDN | 7.506.996.487 | - |
| Thuế TNCN của đại lý bảo hiểm | 5.316.536.613 | 4.397.552.864 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 632.639.990 | 597.966.722 |
| Các loại thuế khác | 591.800.654 | 174.853.582 |
| | <u>14.047.973.744</u> | <u>5.170.373.168</u> |

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư thể hiện lương tháng 12 và thưởng của năm 2025 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: lương và thưởng của năm 2024) phải trả cho nhân viên của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm phải trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quỹ cháy nổ bắt buộc, nhận ký quỹ ký cược và các khoản phải trả khác.

17 DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 137.436.402.110 | 137.886.987.999 |
| Doanh thu hoa hồng phát sinh trong năm | 302.182.623.956 | 241.574.781.816 |
| Doanh thu hoa hồng đã phân bổ trong năm (Thuyết minh 25) | (290.768.532.575) | (242.025.367.705) |
| Số dư cuối năm | <u>148.850.493.491</u> | <u>137.436.402.110</u> |

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | 2025 VND | 2024 VND |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 34.268.691.545 | 42.812.825.584 |
| Trích quỹ bổ sung (Thuyết minh 21) | 51.165.957.166 | 32.707.699.846 |
| Sử dụng trong năm | (51.663.357.963) | (41.251.833.885) |
| Số dư cuối năm | <u>33.771.290.748</u> | <u>34.268.691.545</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

19 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

| | 2025 | | 2024 | |
|--|---|-------------------------------|---|-------------------------------|
| | Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND | Nhượng tái bảo hiểm VND | Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND | Nhượng tái bảo hiểm VND |
| Dự phòng bồi thường | | | | |
| - Dự phòng bồi thường chưa giải quyết | 1.060.854.409.502 | 658.087.545.821 | 1.399.732.485.259 | 1.028.141.375.510 |
| - Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo | 949.792.730.790 | 607.479.927.458 | 1.297.319.875.242 | 978.490.364.330 |
| Dự phòng phí chưa được hưởng | | | | |
| - Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo | 111.061.678.712 | 50.607.818.363 | 102.412.810.017 | 49.651.011.180 |
| - Dự phòng phí chưa được hưởng | 2.062.722.852.824 | 490.065.718.504 | 1.943.170.424.692 | 394.202.950.718 |
| Số dư cuối năm | 3.123.577.262.326 | 1.148.153.264.325 | 3.342.902.909.951 | 1.422.344.326.228 |
| Trong đó: | | | | |
| Dự phòng bồi thường | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.399.732.485.259 | 1.028.141.375.510 | 889.293.459.961 | 606.360.767.308 |
| Biến động trong năm | (338.878.075.757) | (370.053.829.689) | 510.439.015.298 | 421.780.608.202 |
| Số dư cuối năm | 1.060.854.409.502 | 658.087.545.821 | 1.399.732.485.259 | 1.028.141.375.510 |
| Dự phòng phí chưa được hưởng | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.943.170.424.692 | 394.202.950.718 | 1.955.836.470.039 | 503.666.140.330 |
| Biến động trong năm | 119.552.428.132 | 95.862.767.786 | (12.688.045.347) | (109.463.189.612) |
| Số dư cuối năm | 2.062.722.852.824 | 490.065.718.504 | 1.943.170.424.692 | 394.202.950.718 |

43

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

19 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

(b) Dự phòng dao động lớn

| | 2025 VND | 2024 VND |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 122.665.373.270 | 195.898.514.240 |
| Trích lập trong năm | 50.837.603.768 | 49.766.859.030 |
| Sử dụng trong năm | (40.000.000.000) | (123.000.000.000) |
| Số dư cuối năm | 133.502.977.038 | 122.665.373.270 |

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

| | 2025 | 2024 |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành | 150.547.626 | 132.642.818 |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 2025 | | 2024 | |
|--|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| | Cổ phiếu phổ thông | % | Cổ phiếu phổ thông | % |
| Phản vốn nhà nước | 76.327.646 | 50,70 | 67.252.787 | 50,70 |
| AXA S.A - Pháp | 25.066.180 | 16,65 | 22.084.484 | 16,65 |
| Cán bộ nhân viên của Tổng Công ty và các cổ đồng khác | 49.153.800 | 32,65 | 43.305.547 | 32,65 |
| Tổng cộng | 150.547.626 | 100,00 | 132.642.818 | 100,00 |

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

| | Số cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông VND |
|-------------------------------|-------------|---------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 | 120.585.408 | 1.205.854.080.000 |
| Cổ phiếu mới phát hành | 12.057.410 | 120.574.100.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 132.642.818 | 1.326.428.180.000 |
| Cổ phiếu mới phát hành | 17.904.808 | 179.048.080.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 150.547.626 | 1.505.476.260.000 |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

21 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Quỹ dự trữ bất buộc VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 | 1.205.854.080.000 | 792.244.224.449 | 28.085.153.439 | 120.585.408.000 | 496.100.995.328 | 2.642.869.861.216 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 237.674.042.229 | 237.674.042.229 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 120.574.100.000 | - | - | - | (120.574.100.000) | - |
| Cổ tức đã trả | - | - | - | - | (60.292.704.000) | (60.292.704.000) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2023 | - | - | - | - | (2.513.881.790) | (2.513.881.790) |
| Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2024 | - | - | - | 11.883.702.111 | (30.193.818.056) | (30.193.818.056) |
| Tạm trích quỹ dự trữ bất buộc | - | - | - | - | (11.883.702.111) | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 1.326.428.180.000 | 792.244.224.449 | 28.085.153.439 | 132.469.110.111 | 508.316.931.600 | 2.787.543.499.599 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 257.194.601.364 | 257.194.601.364 |
| Cổ tức đã trả bằng tiền (*) | - | - | - | - | (66.321.409.000) | (66.321.409.000) |
| Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu (**) | 179.048.080.000 | - | - | - | (179.048.080.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2024 (***) | - | - | - | - | (15.096.909.028) | (15.096.909.028) |
| Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2025 (****) | - | - | - | 12.989.332.104 | (36.069.048.138) | (36.069.048.138) |
| Tạm trích quỹ dự trữ bất buộc | - | - | - | - | (12.989.332.104) | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 1.505.476.260.000 | 792.244.224.449 | 28.085.153.439 | 145.459.442.215 | 455.996.654.694 | 2.927.250.734.797 |

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0001/2025-BM/ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức từ LNST năm 2024 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt. Tổng Công ty đã chốt danh sách cổ đông vào ngày 9 tháng 6 năm 2025 để thực hiện chi trả 5% cổ tức bằng tiền nếu trên, tương đương với 66.321.409.000 Đồng.

(**) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0001/2025-BM/ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức từ LNST năm 2024 phối với tỷ lệ 13,5% bằng cổ phiếu. Tổng Công ty đã chốt danh sách cổ đông vào ngày 9 tháng 6 năm 2025 để thực hiện chi trả 13,5% cổ tức bằng cổ phiếu nêu trên, tương đương với 179.048.080.000 Đồng. Tại ngày 10 tháng 11 năm 2025, Tổng Công ty đã hoàn thiện thủ tục phát hành thêm cổ phiếu và đăng ký niêm yết.

(***) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0001/2025-BM/ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 với số tiền 45.290.727.084 đồng. Đối với quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025, Tổng Công ty đang tạm trích với mức dựa trên nửa tháng lương, tương đương số tiền 36.069.048.138 đồng.

45

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

22 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính. Chi tiết như sau:

| | 2025 | 2024 (**) |
|--|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND) | 257.194.601.364 | 237.674.042.229 |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*) | (36.069.048.138) | (45.290.727.084) |
| | <u>221.125.553.226</u> | <u>192.383.315.145</u> |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 150.547.628 | 150.547.626 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | <u>1.469</u> | <u>1.278</u> |

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tạm trích bằng nửa tháng lương bình quân của tổng chi phí lương quyết toán cho năm 2025. Số liệu cuối cùng của số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay sẽ được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trích dựa trên phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được tính lại để điều chỉnh cho các chi phí khen thưởng và phúc lợi và phát hành cổ phiếu thưởng như sau:

| | Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2024 | | |
|--|--|-------------------------|------------------------|
| | Số liệu báo cáo trước đây | Điều chỉnh | Số liệu trình bày lại |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND) | 237.674.042.229 | - | 237.674.042.229 |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | (30.193.818.056) | (15.096.909.028) | (45.290.727.084) |
| | <u>207.480.224.173</u> | <u>(15.096.909.028)</u> | <u>192.383.315.145</u> |
| Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 132.642.618 | 17.904.808 | 150.547.626 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | 1.564 | - | 1.278 |

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

23 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| (a) Phí bảo hiểm gốc | | |
| Bảo hiểm sức khỏe | 2.350.813.261.771 | 2.488.028.844.883 |
| Bảo hiểm cháy nổ | 1.181.036.987.896 | 1.103.649.784.632 |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 1.018.372.716.460 | 946.436.941.027 |
| Bảo hiểm tín dụng | 581.534.686.553 | 530.414.770.316 |
| Bảo hiểm kỹ thuật | 206.679.039.354 | 211.899.714.852 |
| Bảo hiểm thân tàu | 191.213.702.796 | 161.396.193.826 |
| Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển | 185.494.585.571 | 199.492.802.596 |
| Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh | 138.540.064.455 | 161.029.483.554 |
| Bảo hiểm trách nhiệm | 95.336.768.630 | 94.391.905.905 |
| Bảo hiểm hàng không | 29.826.776.473 | 74.667.621.947 |
| Bảo hiểm nông nghiệp | 667.763.350 | 1.459.958.127 |
| | <u>5.979.516.353.309</u> | <u>5.972.868.021.665</u> |
| Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm (giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc) | | |
| Hoàn phí/Giảm trừ phí bảo hiểm | (13.341.935.254) | (12.189.294.712) |
| | <u>5.966.174.418.055</u> | <u>5.960.678.726.953</u> |
| (b) Phí nhận tái bảo hiểm | | |
| Bảo hiểm cháy nổ | 604.788.727.921 | 440.373.429.052 |
| Bảo hiểm hàng không | 44.546.647.615 | 69.919.372.507 |
| Bảo hiểm kỹ thuật | 43.815.320.599 | 67.117.245.031 |
| Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển | 40.926.004.813 | 32.623.838.941 |
| Bảo hiểm thân tàu | 30.277.477.030 | 24.370.445.464 |
| Bảo hiểm nông nghiệp | 17.004.783.292 | 18.090.103.348 |
| Bảo hiểm sức khỏe | 13.991.435.987 | 25.332.123.964 |
| Bảo hiểm trách nhiệm | 12.777.227.255 | 5.602.838.529 |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 2.001.146.467 | 1.315.419.988 |
| | <u>810.128.770.979</u> | <u>684.744.816.824</u> |
| Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm (giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc) | | |
| Hoàn phí/Giảm trừ phí bảo hiểm | (4.800.211.237) | (3.196.675.792) |
| | <u>805.328.559.742</u> | <u>681.548.141.032</u> |
| (Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 19) | (119.552.428.132) | 12.666.045.347 |
| Tổng doanh thu phí bảo hiểm | <u>6.651.950.549.665</u> | <u>6.654.892.913.332</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

24 PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Bảo hiểm cháy nổ | 1.037.899.550.389 | 926.248.384.270 |
| Bảo hiểm kỹ thuật | 163.049.824.707 | 162.338.308.494 |
| Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh | 132.485.998.991 | 158.804.268.265 |
| Bảo hiểm thân tàu | 118.091.773.398 | 106.774.497.659 |
| Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển | 88.158.421.343 | 96.332.797.634 |
| Bảo hiểm trách nhiệm | 69.019.693.311 | 66.903.630.356 |
| Bảo hiểm tín dụng | 49.528.870.673 | 60.679.826.202 |
| Bảo hiểm hàng không | 26.843.622.820 | 76.329.910.851 |
| Bảo hiểm sức khỏe | 2.567.611.820 | 9.903.575.169 |
| Bảo hiểm nông nghiệp | 604.573.507 | 622.023.203 |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 222.740.544 | 603.739.973 |
| | <u>1.688.472.681.503</u> | <u>1.665.540.962.076</u> |
| (Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 19) | (95.862.767.786) | 109.463.189.612 |
| | <u>1.592.609.913.717</u> | <u>1.775.004.151.688</u> |

25 HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 17) | <u>290.768.532.575</u> | <u>242.025.367.705</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

26 TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng chi bồi thường | | |
| (i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc | | |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 502.457.294.403 | 426.168.978.456 |
| Bảo hiểm cháy nổ | 486.244.780.624 | 289.136.047.052 |
| Bảo hiểm sức khỏe | 471.543.265.277 | 775.960.818.506 |
| Bảo hiểm thân tàu | 62.095.342.840 | 67.796.258.212 |
| Bảo hiểm kỹ thuật | 60.207.882.339 | 19.387.616.615 |
| Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển | 45.094.749.324 | 64.305.848.227 |
| Bảo hiểm tín dụng | 25.268.334.010 | 25.731.657.445 |
| Bảo hiểm hàng không | 20.336.572.812 | 2.597.266.785 |
| Bảo hiểm trách nhiệm | 2.424.602.243 | 8.069.460.216 |
| Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh | 2.030.210.135 | 5.068.048.521 |
| | <u>1.677.703.034.007</u> | <u>1.684.222.000.035</u> |
| (ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm | | |
| Bảo hiểm cháy nổ | 324.209.127.817 | 222.332.090.419 |
| Bảo hiểm hàng không | 28.124.970.716 | 36.884.417.596 |
| Bảo hiểm sức khỏe | 19.007.159.462 | 24.978.145.552 |
| Bảo hiểm kỹ thuật | 13.487.385.051 | 6.291.500.909 |
| Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển | 11.755.320.683 | 11.485.343.925 |
| Bảo hiểm thân tàu | 9.369.649.666 | 14.248.421.210 |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 126.866.642 | 62.379.879 |
| Bảo hiểm trách nhiệm | 34.538.973 | 207.951.848 |
| Bảo hiểm nông nghiệp | 13.923.444.894 | 6.328.511.849 |
| | <u>420.038.463.904</u> | <u>322.818.763.187</u> |
| Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường | (13.135.029.984) | (10.850.746.373) |
| | <u>2.084.606.467.927</u> | <u>1.996.190.016.849</u> |
| Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | (564.816.397.510) | (357.809.382.685) |
| (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 19) | (338.878.075.757) | 510.439.015.298 |
| Giảm/(tăng) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 19) | 370.053.829.689 | (421.780.608.202) |
| | <u>1.550.965.824.349</u> | <u>1.727.039.041.260</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

27 CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 8(a)) | 964.830.194.596 | 915.014.871.953 |
| Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | |
| Chi phí khai thác | 1.178.147.227.863 | 1.083.979.243.040 |
| Chi phí hội nghị, giao dịch, quảng cáo | 439.279.289.140 | 444.657.714.963 |
| Chi phí nhân viên | 390.227.130.122 | 306.511.853.552 |
| Chi phí đào tạo, hỗ trợ đại lý | 343.437.262.614 | 322.021.716.183 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 56.616.861.561 | 55.744.563.796 |
| Chi phí đề phòng, hạn chế tổn thất | 22.829.853.060 | 24.684.640.131 |
| Chi phí tài trợ học sinh theo định mức | 17.063.848.603 | 17.533.440.457 |
| Chi phí văn phòng | 17.257.192.685 | 15.560.237.988 |
| Các khoản thuế, phí, lệ phí | 12.568.186.744 | 13.249.824.331 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 8.780.398.727 | 9.158.457.827 |
| Khác | 21.687.079.685 | 8.149.012.994 |
| | <u>3.472.724.525.400</u> | <u>3.216.265.577.215</u> |

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Thu nhập lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi | 165.635.452.430 | 168.165.839.559 |
| Cổ tức được chia | 75.187.458.361 | 98.518.613.486 |
| Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 45.336.000.872 | 16.173.281.985 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 16.991.627.188 | 29.218.559.915 |
| Lãi đầu tư trái phiếu | 14.259.496.106 | 8.916.554.794 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 489.974.959 | - |
| Khác | 1.867.166.536 | 1.896.716.781 |
| | <u>319.767.176.452</u> | <u>322.889.566.520</u> |

29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 74.873.861.792 | 79.440.053.064 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh | 29.606.908.430 | (1.593.024.354) |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 20.458.020.090 | 33.671.418.901 |
| Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | 20.624.944 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 1.190.429.955 |
| Khác | 104.063.203 | 483.458.618 |
| | <u>125.042.853.515</u> | <u>113.212.961.128</u> |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 104.778.919.497 | 104.938.568.675 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 42.130.547.010 | 39.270.502.620 |
| Chi phí hội nghị | 54.443.083.799 | 39.785.542.702 |
| Chi phí vật liệu | 8.738.010.921 | 3.799.254.612 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 6.998.574.738 | 6.378.740.146 |
| Thuế, phí, lệ phí | 380.601.931 | 340.539.804 |
| Khác | 14.276.370.775 | 4.536.146.693 |
| | <u>231.746.108.671</u> | <u>199.049.295.252</u> |

31 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 302.258.272.143 | 272.733.651.733 |
| Thuế tính ở thuế suất 20% | 60.451.654.429 | 54.546.730.347 |
| Điều chỉnh | | |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 50.747.980 | 216.601.854 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (15.037.491.672) | (19.703.722.697) |
| Dự phòng thừa của năm trước | (401.239.958) | - |
| Chi phí thuế TNDN | <u>45.063.670.779</u> | <u>35.059.609.504</u> |
| Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp: | | |
| Thuế TNDN - hiện hành (*) | 47.788.266.884 | 34.400.136.061 |
| Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 12) | (2.724.595.905) | 659.473.443 |
| | <u>45.063.670.779</u> | <u>35.059.609.504</u> |

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT")

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

| | 2025 VND | 2024 VND |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu | <u>179.048.080.000</u> | <u>120.574.100.000</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Điều hành của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tổng Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

| | Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ VND | Hoạt động đầu tư VND | Hoạt động bất động sản và hoạt động khác VND | Không phân bổ VND | Tổng cộng VND |
|---|-------------------------------------|--------------------------|--|--------------------------|----------------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | | | | | |
| Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 5.360.408.954.536 | - | 13.776.755.327 | - | 5.360.408.954.536 |
| Doanh thu hoạt động bất động sản đầu tư | - | 302.285.574.305 | 17.461.602.147 | - | 13.776.755.327 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | 6.825.652.169 | 319.767.176.452 |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | 6.825.652.169 |
| Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm | (5.034.527.953.517) | - | (5.177.347.998) | - | (5.034.527.953.517) |
| Giá vốn bất động sản đầu tư | - | - | (20.458.020.090) | - | (5.177.347.998) |
| Chi phí hoạt động tài chính | - | (104.584.833.425) | - | - | (125.042.853.515) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (231.746.108.671) | - | - | - | (231.746.108.671) |
| Chi phí khác | - | - | - | (2.026.002.640) | (2,026,002,640) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | <u>94.134.892.348</u> | <u>197.700.740.880</u> | <u>5.622.989.386</u> | <u>4.799.649.529</u> | <u>302.258.272.143</u> |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 2.618.950.080.528 | 4.140.916.982.929 | 147.867.247.782 | - | 6.907.734.311.239 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 768.855.253.922 | 768.855.253.922 |
| Tổng Tài sản | <u>2.618.950.080.528</u> | <u>4.140.916.982.929</u> | <u>147.867.247.782</u> | <u>768.855.253.922</u> | <u>7.676.589.565.161</u> |
| Nợ phải trả bộ phận | (4.440.374.104.552) | - | - | - | (4.440.374.104.552) |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | (308.964.725.812) | (308.964.725.812) |
| Tổng Nợ phải trả | <u>(4.440.374.104.552)</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>(308.964.725.812)</u> | <u>(4.749.338.830.364)</u> |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Hoạt động bảo hiểm phí nhân thọ VND | Hoạt động đầu tư VND | Hoạt động bất động sản và hoạt động khác VND | Không phân bổ VND | Tổng cộng VND |
|---|-------------------------------------|----------------------|--|-------------------|---------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | | | | | |
| Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 5.122.748.106.255 | - | 12.962.845.007 | - | 5.122.748.106.255 |
| Doanh thu hoạt động bất động sản đầu tư | - | 293.671.006.605 | 29.218.559.915 | - | 12.962.845.007 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | 3.941.922.651 | 322.889.566.520 |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | 3.941.922.651 |
| Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm | (4.870.071.477.505) | - | - | - | (4.870.071.477.505) |
| Giá vốn bất động sản đầu tư | - | (78.351.112.272) | (6.111.283.386) | - | (6.111.283.386) |
| Chi phí hoạt động tài chính | - | - | (34.861.848.856) | - | (113.212.961.128) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (199.049.295.252) | - | - | - | (199.049.295.252) |
| Chi phí khác | - | - | - | (1.363.771.429) | (1.363.771.429) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 53.627.333.498 | 215.319.694.333 | 1.208.272.680 | 2.578.151.222 | 272.733.651.733 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 2.926.157.957.720 | 3.862.504.293.895 | 149.670.661.361 | - | 6.938.332.932.976 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 840.227.245.338 | 840.227.245.338 |
| Tổng Tài sản | 2.926.157.957.720 | 3.862.504.293.895 | 149.670.661.361 | 840.227.245.338 | 7.778.560.178.314 |
| Nợ phải trả bộ phận | (4.813.208.521.196) | - | - | (177.808.157.519) | (4.813.208.521.196) |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | (177.808.157.519) | (177.808.157.519) |
| Tổng Nợ phải trả | (4.813.208.521.196) | - | - | (177.808.157.519) | (4.991.016.678.715) |

(b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu phí bảo hiểm từ khách hàng nước ngoài chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu phí bảo hiểm của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

34 CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM

34.1 Cơ chế quản trị

Mục tiêu chính của cơ chế quản lý rủi ro và quản lý tài chính của Tổng Công ty là nhằm bảo vệ Tổng Công ty không bị ảnh hưởng bởi các sự kiện gây trở ngại đến việc đạt được ổn định các mục tiêu tài chính. Ban Điều hành nhận thức rõ tầm quan trọng của việc áp dụng các hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả và hiệu nghiệm.

Tổng Công ty đã thiết lập bộ phận quản lý rủi ro và bộ phận này đã đồng ý với các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị đề ra. Bộ phận này được bổ sung với một cơ cấu tổ chức rõ ràng và có thẩm quyền và trách nhiệm được chỉ định bằng văn bản từ Hội đồng Quản trị đến các lãnh đạo quản lý cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và thực hiện, trong đó chỉ ra những đặc điểm rủi ro đối với Tổng Công ty, các chuẩn mực về việc quản lý, kiểm soát rủi ro và tổ chức kinh doanh đối với các hoạt động của Tổng Công ty.

34.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính được thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giá định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó, Tổng Công ty chịu rủi ro về những sự kiện không chắc chắn về thời điểm phát sinh và mức độ phát sinh do những khoản bồi thường từ những hợp đồng bảo hiểm. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt qua hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề này sinh.

34.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận trên mức vốn sử dụng và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty yêu cầu Tổng Công ty phải nắm giữ tài sản vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định tại Nghị định 46.

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài Chính.

34.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

34 CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM (tiếp theo)

34.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, công ty tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần nhượng tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chịu rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ mới được phép tiến hành giao dịch.

35 QUẢN LÝ RỦI RO

35.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Để đạt mục tiêu mà hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm đặt ra, Tổng Công ty đã thiết lập và áp dụng các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng về khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ. Tổng Công ty cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro, cụ thể là không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Tổng Công ty cũng tăng cường đánh giá rủi ro tập trung và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tập trung rủi ro ở cấp độ toàn Tổng Công ty.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, Tổng Công ty đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Tổng Công ty chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Tổng Công ty chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo 2 cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Tổng Công ty. Những vụ tổn thất nhỏ mà các đơn vị thành viên đã có kinh nghiệm tiếp nhận và giải quyết được xử lý tại các công ty thành viên. Tổng Công ty cũng chủ trương đẩy nhanh tốc độ xử lý khiếu nại và giải quyết bồi thường để tránh các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định và bồi thường như rủi ro tỉ giá tăng, lạm phát, tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

35 QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

35.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Quản lý vốn

Tổng Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán tối thiểu và tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

| | Biên khả năng thanh toán Triệu VND | Biên khả năng thanh toán tối thiểu Triệu VND | Tỷ lệ biên khả năng thanh toán % |
|-------------------------------|--|--|---|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 1.655.500 | 1.270.758 | 130,28 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 1.609.732 | 1.244.171 | 129,40 |

35.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Tổng Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Tổng Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng USD, EUR và SGD.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

- 35 QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)**
35.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)
(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)
(i) *Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| | Đồng Việt Nam VND | Đồng Đô la Mỹ USD | Các ngoại tệ khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 144.955.544.124 | 71.780.303.990 | 10.473.339 | 216.746.321.443 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.470.487.628.447 | - | - | 3.470.487.628.447 |
| Phải thu ngắn hạn | 833.141.418.141 | 188.153.527.000 | 85.204.673.433 | 1.106.499.618.574 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 676.197.748.603 | 4.143.595.402 | - | 680.341.344.005 |
| Tài sản tài bảo hiểm | 1.148.153.264.325 | - | - | 1.148.153.264.325 |
| Phải thu dài hạn khác | 14.513.688.042 | - | - | 14.513.688.042 |
| Bất động sản đầu tư | 147.867.247.782 | - | - | 147.867.247.782 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 586.847.514.718 | - | - | 586.847.514.718 |
| Tài sản dài hạn khác | 42.284.471.125 | - | - | 42.284.471.125 |
| Tổng tài sản | 7.064.448.525.307 | 264.077.426.382 | 85.215.146.772 | 7.413.741.098.461 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 783.631.621.633 | 169.945.380.110 | 64.185.641.200 | 1.017.662.642.943 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13.448.964.319 | - | - | 13.448.964.319 |
| Phải trả người lao động | 138.730.980.823 | - | - | 138.730.980.823 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 16.780.728.754 | - | - | 16.780.728.754 |
| Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 92.888.020.649 | 1.684.624.343 | - | 94.572.644.992 |
| Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng | 148.850.493.491 | - | - | 148.850.493.491 |
| Quy khen thưởng, phúc lợi | 33.791.613.276 | - | - | 33.791.613.276 |
| Dự phòng nghiệp vụ | 3.257.080.239.364 | - | - | 3.257.080.239.364 |
| Phải trả dài hạn khác | 1.285.496.966 | - | - | 1.285.496.966 |
| Tổng nợ phải trả | 4.488.388.159.275 | 171.630.004.453 | 64.185.641.200 | 4.722.203.804.928 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

- 35 QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)**
35.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)
(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)
(i) *Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | Đồng Việt Nam VND | Đồng Đô la Mỹ USD | Các ngoại tệ khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 384.437.902.342 | 61.646.246.290 | 9.744.751 | 446.093.893.383 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.260.960.800.321 | - | - | 3.260.960.800.321 |
| Phải thu ngắn hạn | 972.600.013.976 | - | - | 972.600.013.976 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 650.409.388.522 | 590.592.104 | - | 650.999.980.626 |
| Tài sản tài bảo hiểm | 1.422.344.326.228 | - | - | 1.422.344.326.228 |
| Phải thu dài hạn khác | 19.966.049.664 | - | - | 19.966.049.664 |
| Bất động sản đầu tư | 149.670.681.361 | - | - | 149.670.681.361 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 532.515.409.361 | - | - | 532.515.409.361 |
| Tài sản dài hạn khác | 46.267.372.616 | - | - | 46.267.372.616 |
| Tổng tài sản | 7.439.171.944.391 | 62.236.838.394 | 9.744.751 | 7.501.418.527.536 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 907.368.728.617 | 9.925.566.755 | 20.609.150.694 | 946.903.446.066 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 5.170.373.168 | - | - | 5.170.373.168 |
| Phải trả người lao động | 67.253.356.343 | - | - | 67.253.356.343 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 263.300.389.799 | - | - | 263.300.389.799 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 67.214.961.023 | 2.680.304.244 | - | 69.895.265.267 |
| Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 137.436.402.110 | - | - | 137.436.402.110 |
| Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng | 34.268.691.545 | - | - | 34.268.691.545 |
| Quy khen thưởng, phúc lợi | 3.465.568.283.221 | - | - | 3.465.568.283.221 |
| Dự phòng nghiệp vụ | 1.220.471.196 | - | - | 1.220.471.196 |
| Tổng nợ phải trả | 4.948.601.657.022 | 12.605.870.999 | 29.609.150.694 | 4.991.016.678.715 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

35 QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

35.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu Đồng Việt Nam mạnh lên/yếu đi 1% so với USD trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 1.134.769.275 Đồng chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 427.133.893 Đồng).

(ii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Tổng Công ty đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tổng Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu giá chứng khoán niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 26.246.893.140 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7.475.744.026 Đồng).

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chủ yếu bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi. Các khoản đầu tư này có nhiều mức lãi suất khác nhau (chi tiết được trình bày ở Thuyết minh 4) và sẽ chịu rủi ro lãi suất khi tái đầu tư. Các khoản này có thời hạn ngắn, hoặc có lãi suất thả nổi nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Chính sách của Tổng Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng và có mức tín nhiệm cao.

(ii) Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính danh tiếng và có mức tín nhiệm cao.

Các trái phiếu bị quá hạn và các tổ chức phát hành các trái phiếu này mất khả năng thanh toán đã được trích lập dự phòng như được trình bày trong Thuyết minh 4(b).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

35 QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

35.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty liên quan đến các khoản phải thu và tài sản khác chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đến hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành hợp đồng bảo hiểm hoặc ngày hiệu lực bảo hiểm. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Mặc dù điều kiện, điều khoản hợp đồng bảo hiểm luôn quy định nghĩa vụ và thời hạn đóng phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhưng trên thực tế, tình trạng người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm là không tránh khỏi. Để hạn chế tình trạng này, Tổng Công ty đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Theo đó, phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Thông tư 67. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Tổng Công ty theo dõi, phân loại tuổi nợ để trích lập dự phòng như quy định của nhà nước cũng như làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Tổng Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Tổng Công ty. Tổng Công ty đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các nhà tái bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Tổng Công ty cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty.

Các khoản phải thu bị quá hạn và đã phải lập dự phòng tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày trong Thuyết minh 7.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi sinh của Tổng Công ty vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|---|----------------------|--------------------------|-------------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | | | |
| Phải trả người bán và các khoản phải trả khác | 1.112.235.287.935 | 1.265.496.966 | 1.113.520.784.901 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | | | |
| Phải trả người bán và các khoản phải trả khác | 1.016.798.711.333 | 1.220.471.196 | 1.018.019.182.529 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

| | 2025 | 2024 |
|---|------|------|
| 1 Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn | | |
| 1.1 Cơ cấu tài sản | | |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%) | 86% | 87% |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%) | 14% | 13% |
| 1.2 Cơ cấu nguồn vốn | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%) | 62% | 64% |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%) | 38% | 36% |
| 2. Khả năng thanh toán | | |
| 2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần) | 1,62 | 1,56 |
| 2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần) | 1,40 | 1,35 |
| 2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần) | 0,28 | 0,28 |
| 3. Tỷ suất sinh lời | | |
| 3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (%) | 5% | 4% |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%) | 4% | 4% |
| 3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản (%) | 4% | 4% |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) | 3% | 3% |
| 3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%) | 9% | 9% |

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của công ty liên doanh được trình bày trong Thuyết minh 4.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

| Tên | Mối quan hệ |
|--|--|
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước AXA. SA - Pháp | Cổ đông lớn của Tổng Công ty |
| Công ty Bảo hiểm Liên hiệp | Cổ đông lớn của Tổng Công ty |
| Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam | Công ty liên doanh |
| Công ty Cổ Phần Cảng An Giang | Tổng Công ty là cổ đông lớn |
| Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang | Công ty bên liên quan của thành viên Hội đồng quản trị |
| Tổng công ty Hàng không Việt Nam | Công ty bên liên quan của thành viên Hội đồng quản trị |
| Các cổ đông khác | Công ty bên liên quan của thành viên Hội đồng quản trị |
| | Cổ đông của Tổng Công ty |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|----------------|-----------------|
| Phí nhượng tái bảo hiểm | | |
| AXA. S.A - Pháp | 46.478.113.281 | 82.796.224.500 |
| Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam | 19.113.312.002 | 23.108.681.105 |
| Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | | |
| AXA. S.A - Pháp | 5.090.799.069 | 5.814.107.706 |
| Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam | 1.730.547.132 | 2.749.835.012 |
| Phí Bảo hiểm gốc | | |
| Tổng công ty Hàng không Việt Nam | 8.673.815.753 | 19.736.079.981 |
| Công ty Cổ Phần Cảng An Giang | 25.240.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang | 4.466.000 | - |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước | - | 43.277.912 |
| Phí nhận tái bảo hiểm | | |
| Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam | 95.810.503.099 | 100.970.911.421 |
| Công ty Bảo hiểm Liên hiệp | 53.899.099.859 | 41.597.014.122 |
| Phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm | | |
| Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam | 24.804.088.188 | 25.581.015.070 |
| Công ty Bảo hiểm Liên hiệp | 14.667.379.729 | 12.759.719.581 |
| Chi phí hoa hồng đại lý | | |
| Tổng công ty Hàng không Việt Nam | - | 620.088.341 |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước | - | 4.039.941 |
| Chi bồi thường | | |
| Công ty Bảo hiểm Liên hiệp | - | 1.926.471.019 |
| Tổng công ty Hàng không Việt Nam | - | 1.862.850.506 |
| Chia cổ tức bằng tiền | | |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước | 33.624.954.363 | 30.568.400.928 |
| AXA. S.A - Pháp | 11.042.514.599 | 10.038.735.216 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | | |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước | 90.777.376.560 | 61.131.068.700 |
| AXA. S.A - Pháp | 29.811.505.320 | 20.075.587.650 |
| Nhận cổ tức | | |
| Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam | 11.726.878.000 | 10.660.799.000 |
| Công ty Bảo hiểm Liên hiệp | 55.830.075.361 | 83.661.800.986 |
| Góp vốn đầu tư | | |
| Công ty Bảo hiểm Liên hiệp | - | 96.900.000.000 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|---------------|---------------|
| Thủ lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| Chủ tịch HĐQT | | |
| Đình Việt Tùng | 110.263.706 | 159.663.922 |
| Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | | |
| Vũ Anh Tuấn | 1.243.216.985 | 1.429.748.603 |
| Thành viên HĐQT | | |
| Ivan Tam Kwok Wing | 14.087.902 | 129.363.922 |
| Bùi Thị Thu Thanh | 99.763.706 | 148.663.922 |
| Lê Việt Thành | 99.763.706 | 148.663.922 |
| Callard Stumpf Céline | 14.087.902 | 129.363.922 |
| Nicolas De Nazelle | 85.775.804 | 19.200.000 |
| Trần Văn Tá | 285.000.000 | 164.000.000 |
| Trần Hữu Tiến | 270.000.000 | 40.000.000 |
| Phụ trách Ban kiểm soát | | |
| Lê Minh Tuyết | 741.578.484 | 550.846.357 |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Phan Thị Hồng Phương | 85.870.965 | 123.671.138 |
| Nicolas De Nazelle | 13.290.322 | 108.271.138 |
| Jonathan Yau Chun Hung | 13.290.322 | - |
| Đình Thị Minh Hải | 72.580.643 | 15.400.000 |
| Jorge Quiros | 72.580.643 | 15.400.000 |
| Phó Tổng Giám đốc thường trực | | |
| Phạm Minh Tuấn | 1.004.869.079 | 1.084.594.441 |
| Phó Tổng Giám đốc | | |
| Châu Quang Linh | 827.272.058 | 898.634.407 |
| Nguyễn Ngọc Anh | 771.334.867 | 846.903.085 |
| Vũ Hải Lâm | 767.002.867 | 826.645.235 |
| Nguyễn Thành Nam | 767.693.867 | 940.630.359 |
| Kế toán trưởng | | |
| Sái Văn Hưng | 775.648.867 | 836.795.028 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, thủ lao của một số nhân sự quản lý chủ chốt chưa được chi trả.

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu về hợp đồng bảo hiểm (Thuyết minh 5) | | |
| AXA, S.A - Pháp | 2.074.166.944 | 5.963.741.450 |
| Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp | 5.860.477.428 | 5.236.914.653 |
| Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam | 101.137.533.303 | 102.426.228.676 |
| | <u>109.072.177.675</u> | <u>113.626.884.779</u> |
| Phải thu cổ tức được chia | | |
| Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam | 11.726.878.000 | - |
| Phải trả về hợp đồng bảo hiểm (Thuyết minh 13) | | |
| AXA, S.A - Pháp | 5.367.620.196 | 4.698.635.757 |
| Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp | 2.201.967.335 | 1.846.211.445 |
| Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam | 100.068.837.337 | 96.702.799.526 |
| | <u>107.638.424.868</u> | <u>103.247.646.728</u> |

38 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Dưới 1 năm | 14.264.055.301 | 10.534.598.678 |
| Từ 1 đến 5 năm | 14.464.897.194 | 12.832.707.856 |
| Trên 5 năm | 91.816.667 | 302.900.000 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | <u>28.820.569.162</u> | <u>23.670.206.534</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – DNPNT

39 SỐ LIỆU TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty phát sinh khoản tài sản thiếu chờ xử lý như được trình bày tại Thuyết minh 6(a), với số liệu ảnh hưởng báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, khoản mục Phải thu ngắn hạn khác và khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn được trình bày lại để đảm bảo tính nhất quán với số liệu của năm nay.

Chi tiết ảnh hưởng của việc trình bày lại trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TRÍCH LƯỢC)

| Mã số | TÀI SẢN | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | | |
|-------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| | | Theo báo cáo trước đây VND | Điều chỉnh/ phân loại lại VND | Số liệu trình bày lại VND |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 6.728.523.828.604 | 29.003.006.614 | 6.757.526.835.218 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 943.597.007.362 | 29.003.006.614 | 972.600.013.976 |
| 135 | Phải thu ngắn hạn khác | 544.752.860.813 | 29.003.006.614 | 573.755.867.427 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | 7.749.557.171.700 | 29.003.006.614 | 7.778.560.178.314 |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | 4.962.013.672.101 | 29.003.006.614 | 4.991.016.678.715 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | 4.960.793.200.905 | 29.003.006.614 | 4.989.796.207.519 |
| 312 | Phải trả người bán ngắn hạn | 917.900.439.452 | 29.003.006.614 | 946.903.446.066 |
| 312.1 | - Phải trả về hợp đồng bảo hiểm | 917.900.439.452 | 29.003.006.614 | 946.903.446.066 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | 7.749.557.171.700 | 29.003.006.614 | 7.778.560.178.314 |

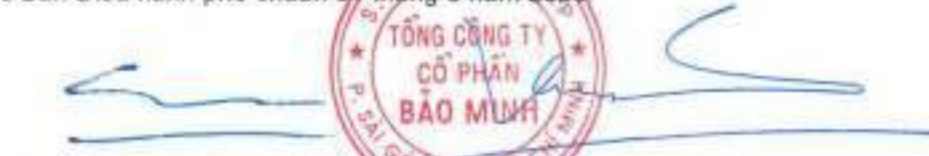
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TRÍCH LƯỢC)

| Mã số | TÀI SẢN | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | | |
|-------|-------------------------|--|-------------------------------|---------------------------|
| | | Theo báo cáo trước đây VND | Điều chỉnh/ phân loại lại VND | Số liệu trình bày lại VND |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | (159.076.200.828) | (29.003.006.614) | (188.079.207.442) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | 173.302.331.123 | 29.003.006.614 | 202.305.337.737 |

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được Ban Điều hành phê chuẩn 31 tháng 3 năm 2026



Đoàn Tấn Phong
Người lập



Sài Văn Hưng
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

TP.HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ ANH TUẤN





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Địa chỉ: 217 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại: (028) 3829 4180 - Email: marketing@baominh.com.vn
Website: <https://www.baominh.com.vn>



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

2025

ANNUAL
REPORT

Bao Minh - Whole-hearted service



(028) 3829 4180



<https://www.baominh.com.vn>



marketing@baominh.com.vn



LIST OF ABBREVIATIONS

| | |
|-----------------------------------|--|
| AXA | AXA. SA - France (France) |
| BOS | Board of Supervisors |
| BMI/ Bao Minh/ Corporation | Bao Minh Insurance Corporation |
| GMS | General Meeting of Shareholders |
| Unit | Unit of measurement |
| BOD | Board of Directors |
| IFC | International Finance Corporation |
| ROE | Return on Equity |
| SCIC | State Capital Investment Corporation |
| CEO | Chief Executive Officer |
| SSC | The State Securities Commission of Vietnam |
| HOSE | The Hochiminh Stock Exchange |
| HNX | The Hanoi Stock Exchange |





TABLE OF CONTENTS

LIST OF ABBREVIATIONS 2025 HIGHLIGHTS

Chapter

1

GENERAL INFORMATION

1. Overview
2. Business lines and operating areas
3. Information on governance model, business organization, and management structure
4. Development orientation
5. Risks

Chapter

2

OPERATING SITUATION IN 2025

1. Assessment of operating results
2. Organization and personnel
3. Investment situation and project implementation
4. Financial situation
5. Shareholders structure, changes in owner's investment capital.
6. Environment-Social-Governance (Esg) Report Of The Corporation

Chapter

3

REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

1. Assessment of operating results
2. Financial situation
3. Improvements in organizational structure, policies, and management.
4. Future development plans
5. Explanations of the Board of Management regarding audit opinions
6. Assessment report related to environmental and social responsibilities of the Corporation

Chapter

4

ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE ACTIVITIES OF THE CORPORATION

1. Assessment of the Board of Directors on the aspects of The Corporation's activities, including assessment related to environmental and social responsibilities
2. Assessment of the Board of Directors on the activities of the Board of Management
3. Plans and orientations of the Board of directors

Chapter

5

CORPORATE GOVERNANCE

1. Board of Directors
2. Board of Supervisors
3. Transactions, remuneration, and benefits of the Board of Directors, CEO, and Board of Supervisors

Chapter

6

2025 FINANCIAL STATEMENTS

1. Audit opinion
2. 2025 Audited Financial Statements

2025 HIGHLIGHTS

February 14, 2025

Circles Group and Bao Minh cooperate to develop specialized insurance products for the film and event industry

On February 14, 2025, Bao Minh Insurance Corporation implemented the signing of a cooperation agreement with Circles Group to deploy specialized insurance products for the film and event industry in the Vietnamese market. This event is a significant step forward, marking an innovation in the insurance industry in Vietnam as Bao Minh is the first insurer in Vietnam to provide film and event insurance products. By combining the international reinsurance management capabilities of Circles Group with the domestic distribution network of Bao Minh, The Corporation aims to provide suitable protection solutions for various project scales, ranging from small advertising activities to large entertainment and sports programs. The application of an online pricing technology platform from the partner has also been implemented by Bao Minh to support the process of accessing information and receiving quotes for customers more conveniently. This event recognizes the efforts of The Corporation in seeking new insurance solutions, contributing to meeting the practical and specific needs of the customer segment in the content and event organization industry today.

February 14, 2025

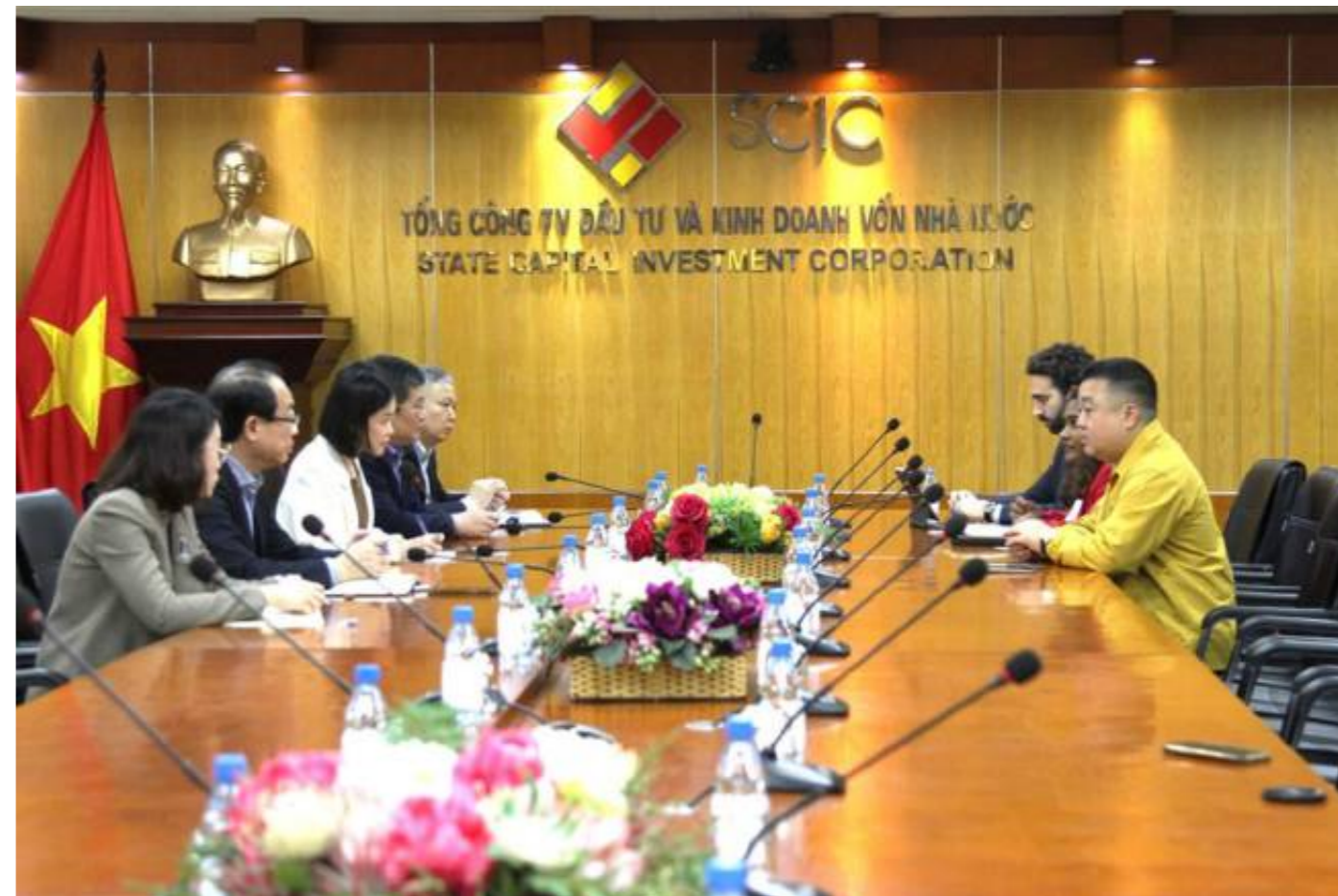
Chief Executive Officer of SCIC works with AXA. SA - France

Within the framework of strengthening the relationship between major shareholders, on February 14, 2025, representatives of the Board of Management of The Corporation attended a working session between the State Capital and Investment Corporation (SCIC) and AXA. SA - France. At the meeting, the parties discussed the strategic development orientation of The Corporation in the new phase, focusing on key objectives such as enhancing financial capacity, modernizing the information technology system, and focusing on human resource training. As a strategic shareholder, AXA. SA - France expressed its readiness to share international resources and send experts to support The Corporation in promoting the digital transformation process as well as improving corporate governance capacity. The commitments to accompany from SCIC and AXA not only create conditions for The Corporation to consolidate its operational foundation but also contribute to ensuring stable and sustainable development in the non-life insurance market in Vietnam, in accordance with legal regulations and the investment strategies of the relevant parties.

Mar 5, 2025

Bao Minh signs cooperation agreement with G-Group Technology Corporation

On Mar 5, 2025, The Corporation implemented the signing of a memorandum of understanding on cooperation with G-Group Technology Corporation and Gapo Technology Joint Stock Company (GapoWork). This event marks the beginning of the coordination process between the parties with the goal of promoting comprehensive digital transformation and improving operational efficiency at Bao Minh. Through leveraging GapoWork's expertise in the digital workspace field and G-Group's diverse technology ecosystem, The Corporation aims to optimize operational performance and modernize internal management processes. The ceremony opened a cooperation roadmap based on a win-win spirit, affirming the efforts of The Corporation in accessing advanced technology solutions to meet development requirements and improve service quality in the new phase.



The Show Must Go On!
FILM PRODUCTION
ALL RISK INSURANCE

FILM PRODUCTION ALL RISK INSURANCE COVERS FOR

- Cast Non-Appearance**
Covers financial losses to the production associated with accident or illness of key cast/crew including spouse and immediate family.
- Production Media**
Covers financial losses to production associated with damage to or loss of footage shot in both production and post-production.
- Extra Costs**
Covers financial losses to the production associated with production delays due to non-delivery of equipment or cast/crew, natural disasters, terrorism, and other unforeseen circumstances.
- Equipment & Props/Sets**
Includes coverage for rented and owned equipment or properties.
- Public Liability, 3rd Party Property Liability, & Entrusted Property**
3 coverages with 3 separate coverage limits for total production.
- Optional Extensions**
Cash, Baggage, Character Vehicles, Production Office Contents, Additional Product Add-Ons: Personal Accident (Cast / Crew / Stuntmen), Film Producer's Errors & Omissions Insurance.

WHAT DO WE NEED FOR A QUOTE?

- Number of actual shooting days
- Number of people to insure
- Details on any special features
- Non-Appearance
- Shooting location(s)

For details of film production all risk insurance, please visit our website: www.bao-minh.com.vn or contact Bao Minh Insurance Company, Phone: +8422118818, Email: info@bao-minh.com.vn





2025 HIGHLIGHTS (CONT.)

May 6, 2025

Bao Minh announces the launch of a new insurance product: Comprehensive Health Insurance

In order to continue implementing the customer-centric orientation and diversifying the product portfolio, from May 6, 2025, The Corporation officially launched the Comprehensive Health Insurance product according to the new Insurance Rules approved by the Ministry of Finance. This product was built on the basis of strictly complying with current legal regulations, focusing on providing optimal health protection solutions and transparent benefits for customers. For customers currently participating in existing health insurance products, The Corporation has built a flexible conversion and renewal mechanism, ensuring the continuity of waiting periods and equivalent insurance benefits. Parallel to the product launch, The Corporation also focuses on training and authorizing the agency network to improve the quality of consulting, helping customers fully access the terms and protection solutions. The issuance of this new product recognizes the continuous efforts of The Corporation in improving services, contributing to increasing protection and meeting the increasingly diverse needs of the health insurance market in Vietnam.

April 27, 2025

Bao Minh hands over Great solidarity houses to poor households in Chau Thanh District

Along with business activities, The Corporation always focuses on fulfilling its responsibility to the community through practical social security activities. In April 2025, The Corporation coordinated with the local authorities of Chau Thanh District, Tay Ninh Province, to organize the handover ceremony of Great Solidarity houses for households in difficult circumstances. This is part of a sponsorship program to build 10 houses with a total budget of 900 million VND implemented by The Corporation in the province, aiming to support poor and near-poor households in improving housing conditions. This activity not only demonstrates the spirit of mutual affection but is also an active response of The Corporation to the movement of eliminating temporary and dilapidated houses nationwide. Through contributing resources to local multidimensional poverty reduction work, The Corporation wishes to contribute to creating conditions for people to stabilize their lives, thereby promoting sustainable socio-economic development in the areas where The Corporation operates.

May 27, 2025

Signing ceremony of the cooperation agreement between Bao Minh Insurance and Techcom Non-Life Insurance JSC.

On May 27, 2025, The Corporation implemented the signing of a cooperation agreement with Techcom Non-Life Insurance Joint Stock Company (TCGI) to establish a strategic partnership in the non-life insurance sector. Through this agreement, the two sides will coordinate to research and deploy insurance products suitable for the practical needs of the market, while connecting technology ecosystems to optimize the underwriting and claim settlement processes. The cooperation with TCGL helps The Corporation expand its distribution channels on digital platforms and reach new customer segments, while still promoting the advantages of operational experience and the extensive service network already available to The Corporation. This event is part of the orientation to link with businesses in the same industry to resonate strengths, aiming to create sustainable values and enhance the experience for customers in the context of the market undergoing strong digital transformation.



2025 HIGHLIGHTS (CONT.)

June 30, 2025

Bao Minh donates VND 2 billion to join hands in eliminating temporary and dilapidated houses in Tuyen Quang Province

On June 30, 2025, The Corporation participated in accompanying the working delegation of the Ministry of Finance in Tuyen Quang Province in a program to support funding for the elimination of temporary and dilapidated houses for people in difficult circumstances. Responding to the call from the management agency and local authorities, The Corporation contributed VND 2 billion through the Vietnam Fatherland Front Committee of Tuyen Quang Province to support the construction and repair of houses for poor and near-poor households in the area. This activity continues to affirm the commitment of The Corporation in fulfilling its social responsibility, contributing with the State to taking care of people's lives and achieving the goal of sustainable poverty reduction. Maintaining annual social security activities is an inseparable part of the development strategy of The Corporation, demonstrating the close connection between insurance business activities and humanistic values and the spirit of responsibility towards the community.

July 9, 2025

Bao Minh and Saladin sign a strategic cooperation agreement

On July 9, 2025, The Corporation implemented the signing of a strategic cooperation agreement with 10X Consulting and Technology Company Limited (Saladin) to promote the application of technology in the insurance sector. This event recognizes the results of the close coordination between the two sides in integrating the insurance products of The Corporation onto Saladin's technology platform, helping to optimize processes and bring convenience and transparency to users. Through cooperating with an Insurtech entity, The Corporation aims to expand market share and enhance competitive capacity by providing diverse products, from travel and motor insurance to health insurance personalized for many different customer segments. This partnership affirms the orientation of The Corporation in combining existing platform values with modern technology power to increase service value and meet the increasingly high demands of the Vietnamese market.

July 14, 2025

Conference on preliminary review of business activities in the first 6 months of 2025

On July 14, 2025, The Corporation organized a conference on the preliminary review of business activities for the first 6 months of the year to evaluate the results achieved and set out the implementation direction for the plan for the end of the year. In the first half of 2025, despite facing many economic fluctuations and changes from the process of rearranging administrative units nationwide, The Corporation still maintained a stable growth momentum with profit before tax estimated at VND 155 billion, completing 51.67% of the annual plan. The total revenue of the entire system recorded VND 3,574 billion affirming its solid position in the group of leading non-life insurance enterprises. Recognizing that the rearrangement of administrative boundaries will open up new opportunities in terms of territorial scale and investment attraction, The Corporation determines this is a key time to review the organizational structure, optimize operational processes, and flexibly adjust product lines suitable for the characteristics of each region. Besides commending collectives and individuals with excellent achievements, The Corporation is committed to continuing to promote internal resources, strengthening management capacity, and promoting the application of technology to successfully implement the business goals set for the whole year 2025.



July 2025

Bao Minh fulfills social responsibility through humanitarian support activities from the motor vehicle insurance fund

In July 2025, The Corporation actively coordinated with the Motor Vehicle Insurance Fund and local authorities to visit and provide humanitarian financial support to families with victims of traffic accidents in Thanh Hoa and Lang Son provinces. This is a practical activity aimed at compensating for a portion of the material and mental losses for families facing risks in cases where the vehicle causing the accident cannot be identified or does not participate in compulsory civil liability insurance. Through proactively participating in and implementing this policy, The Corporation wishes to spread humanistic values, affirming the responsibility of insurance enterprises to the community and accompanying people in overcoming the consequences of natural disasters and accidents. At the same time, the activity also contributes to propagating awareness of compliance with regulations on compulsory motor vehicle insurance to ensure legitimate rights for all parties and strengthen the social security nature of the insurance industry in Vietnam.

Aug 8, 2025

Bao Minh proactively accompanied and supported customers in overcoming maritime incidents on the vessel GT UNITY

Immediately after receiving information about the engine room fire incident on the vessel GT UNITY on Aug 8, 2025, The Corporation urgently coordinated with the shipowner to update the situation and implement measures to minimize arising losses. In the role of hull and shipowner's civil liability insurer, representatives of the Corporation's Board of Management directly visited and encouraged the families of the affected crew members, while affirming the commitment to always stand by customers in urgent risk situations. Currently, The Corporation is coordinating with an independent survey unit to carry out procedures to determine losses in accordance with the provisions of the contract and the law, in order to quickly provide a satisfactory compensation plan. Proactivity in response and post-incident support not only demonstrates a dedicated service spirit but also affirms the role of The Corporation as a reliable partner, always ready to share difficulties and support customers in stabilizing production and business activities soon.

Aug 19, 2025

Bao Minh establishes a strategic cooperation alliance to develop corporate insurance solutions with SaigonTel, GIC JSC, and NNXS

On Aug 19, 2025, The Corporation implemented the signing of a Memorandum of Understanding on Strategic Cooperation with an alliance including Saigon Telecommunication and Technologies Corporation (SaigonTel), Global Insurance Consulting JSC (GIC JSC), and Green House Technology JSC (NNX). This event lays the foundation for a comprehensive cooperation framework, aiming to exploit and promote the strengths of each party in providing insurance solutions for the corporate sector, especially units operating in industrial parks and FDI enterprises. By combining the long-standing insurance capacity of The Corporation with the vast industrial park infrastructure network of SaigonTel along with technology solutions and in-depth consulting from partners, the alliance aims to design suitable insurance products that meet the practical needs of customers in the context of national digital transformation. Participating in this cooperation alliance not only demonstrates the innovative spirit of The Corporation but also creates synergistic power to enhance competitiveness and spread practical values to the business community in Vietnam.

2025 HIGHLIGHTS

(CONT.)



December 18, 2025

Bao Minh introduces an integrated solution for purchasing insurance on the VNeID application within the framework of the Government's Project 06 review conference

On December 18, 2025, at the Government Office, The Corporation participated in displaying solutions and utility products within the framework of the Government's Project 06 review conference. At the event, The Corporation introduced a solution that successfully integrated the service of purchasing motor vehicle civil liability insurance directly on the electronic identification application (VNeID). Realizing this utility helps simplify the process, allowing citizens to own a valid electronic insurance certificate with just a few operations on a mobile device, thereby optimizing time and enriching the national digital ecosystem. This achievement not only affirms the pioneering position of The Corporation in the digital transformation of the non-life insurance industry but also demonstrates the spirit of drastically implementing the directions of Resolution 57-NQ/TW on innovating leadership and management methods. Through applying high technology to business activities under the guidance of the State Capital and Investment Corporation (SCIC), The Corporation is committed to continuing innovation, contributing to streamlining the apparatus, making transactions transparent, and enhancing customer experience in the cause of building a modern digital society.





Bao Minh - Whole-hearted service



01

GENERAL INFORMATION

BAO MINH INSURANCE CORPORATION



| | |
|---|---|
| Trading name | Bao Minh Insurance Corporation |
| English name | Bao Minh Insurance Corporation |
| Business Registration Certificate number | Adjusted License No. 27/GPĐC16/KDBH dated December 24, 2025, of the Minister of Finance |
| Charter capital | VND 1,505,476,260,000 |
| Owner's investment capital | VND 2,927,250,734,797 |
| Address | 217 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City |
| Stock code | BMI |
| Website | https://www.baominh.com.vn |
| Fax | (028) 3829 4185 |



OVERVIEW



<https://www.baominh.com.vn>



(028) 3829 4180



FORMATION AND DEVELOPMENT PROCESS

1994

Bao Minh was established on November 28, 1994, marking the beginning of the formation of the Vietnamese insurance market.

1999

Awarded the Third-Class Labor Medal by the President on the occasion of the 5th anniversary of establishment.

2004

Bao Minh officially started operating under the Joint Stock Company model.

2006

Bao Minh shares were officially listed on the Hanoi Stock Exchange, stock symbol: BMI.

2007

Bao Minh completed the charter capital increase from VND 434 billion to VND 755 billion, successfully inviting the foreign strategic investor, AXA Group (France).

2008

Transferred the listing of BMI shares to the Ho Chi Minh City Stock Exchange.



2009

Bao Minh implemented the insurance business management software (part of the BEST project) and was awarded the First-Class Labor Medal by the President on the occasion of the 15th anniversary of establishment.

2015

Bao Minh increased owner's contributed capital to VND 831 billion.

2016

Bao Minh was granted a B++ (Good) financial strength rating by A.M. Best and increased owner's contributed capital to VND 913.5 billion.

2021

Bao Minh increased owner's contributed capital to VND 1,096 billion.

2023

Bao Minh increased owner's contributed capital to VND 1,206 billion.

2024

Celebrating the 30th anniversary of Bao Minh, Bao Minh increased owner's contributed capital to VND 1,326 billion.

2025

Issued shares to pay dividends, Bao Minh increased owner's contributed capital to VND 1,505 billion.



**BAO MINH INSURANCE
CORPORATION**

Whole-hearted service



BUSINESS LINES AND BUSINESS TERRITORY

Business territory

Bao Minh Insurance Corporation operates in the fields of non-life insurance and financial investment. Its organizational structure comprises 15 functional departments at the Head Office, a specialized training center in Ho Chi Minh City, 65 subsidiaries, over 550 transaction offices covering the entirety of Vietnam.



Head Office

Address: 217 Nam Ky Khoi Nghia,
Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Business lines

MAIN BUSINESS FIELD: NON-LIFE INSURANCE AND FINANCIAL INVESTMENT

- » Non-life insurance business
- » Non-life reinsurance business
- » Loss assessment
- » Financial investment
- » Other activities in accordance with the law



Insurance business groups



Motor Insurance

Motor Insurance provides comprehensive protection for road transport vehicles against unexpected risks to property and people. Bao Minh currently provides a full range of product lines from civil liability insurance, physical damage insurance for vehicles to accident insurance for drivers, assistants, and passengers, helping customers feel absolutely secure on every journey.



Personal Insurance

Personal Insurance is an insurance service that commits to paying financial benefits when risk events occur that affect the health, body, or life of the insured. With the goal of comprehensively protecting human resources and social security, Bao Minh provides a diverse product ecosystem, including: Health and accident insurance (from basic to high-end), domestic and international travel insurance, along with insurance packages specifically designed for businesses, employees, students, and teachers.



Property Insurance

With the goal of maximizing the protection of capital and assets for customers, Bao Minh's Property Insurance business group provides a solid financial shield against all risks in the process of construction, production, and business. The product ecosystem includes a full range of types from compulsory fire and explosion insurance, all-risk property-technical insurance to legal liability and business interruption insurance, meeting the protection needs of all business scales.



Marine Insurance

Bao Minh's marine insurance service commits to sharing risks with customers against unexpected losses related to people, vehicles, and property during the transport process. The product ecosystem is designed in-depth, including all-risk insurance for goods, hull insurance, etc., ensuring the ability to quickly overcome consequences and maintain a continuous supply chain for businesses.



Aviation Insurance

To meet the strict requirements of the aviation transport industry, Bao Minh provides insurance packages specifically designed for all activities related to aircraft and passengers. The product portfolio includes aircraft hull insurance, aviation civil liability insurance, and passenger insurance, helping businesses and partners minimize financial losses when unexpected risk incidents occur.



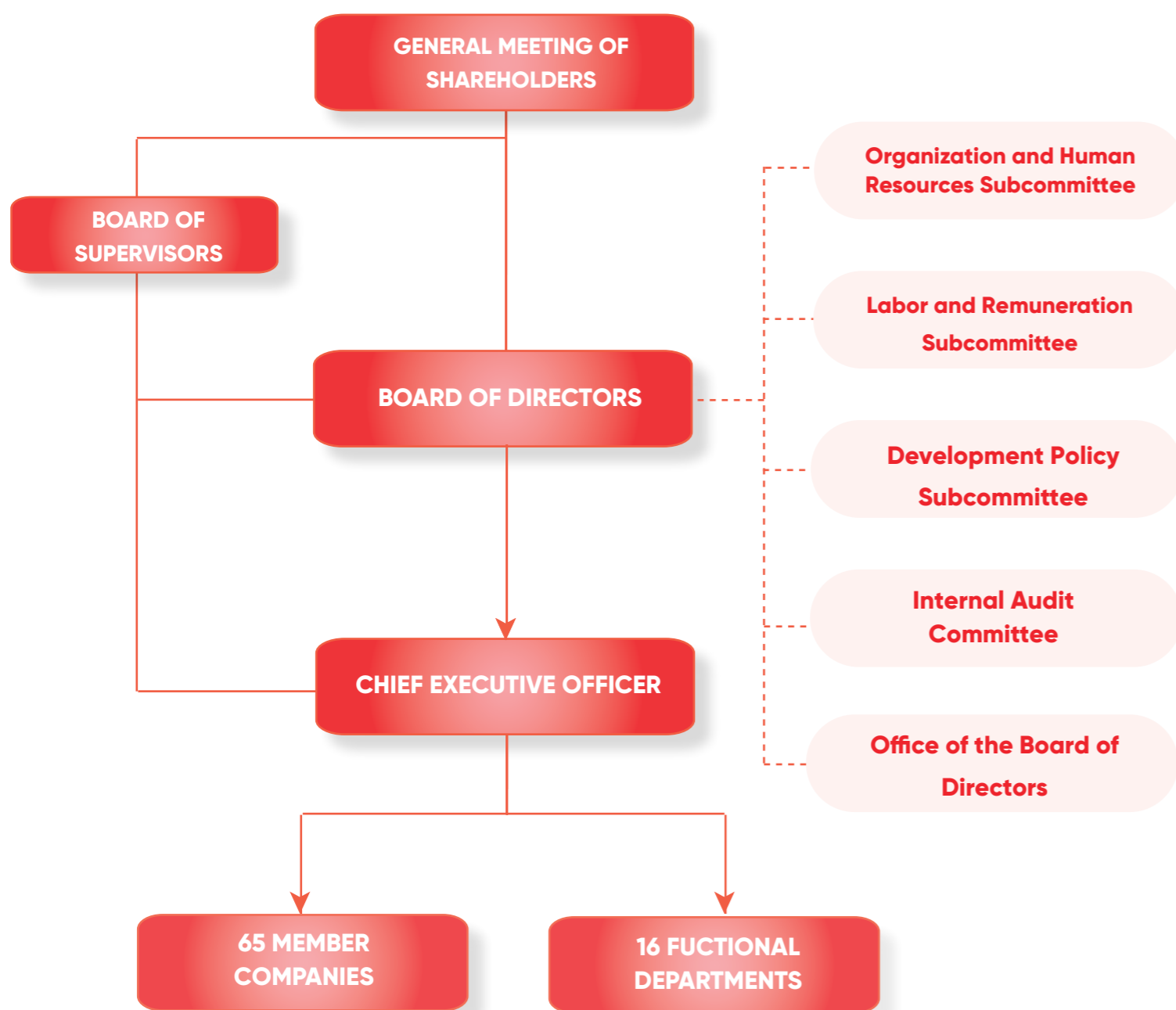
Agricultural Insurance

To protect labor achievements in the agricultural sector, Bao Minh deploys specialized non-life insurance services for production and rural life risks. The product system covers most major cultivation objects such as rice, crops, livestock, and aquaculture, helping producers quickly overcome consequences and stabilize cultivation after force majeure natural disaster incidents.



INFORMATION ON GOVERNANCE MODEL, BUSINESS ORGANIZATION, AND MANAGEMENT APPARATUS

Management structure



Governance model

Bao Minh Insurance Corporation operates under the model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, Chief Executive Officer



General Meeting of Shareholders - GMS

The GMS is the highest authority of Bao Minh, consisting of all shareholders with voting rights, operating through the annual GMS meeting, extraordinary GMS, and through collecting written opinions from shareholders.

Board of Supervisors – BOS

The Board of Supervisors is a body elected by the GMS, representing shareholders to independently, objectively, and honestly supervise all production, business, management, and operational activities of Bao Minh.

Board of Directors - BOD

The BOD is the management body of Bao Minh, having full authority on behalf of Bao Minh to decide, perform the rights and obligations of Bao Minh not under the authority of the GMS.

Chief Executive Officer – CEO

The Chief Executive Officer of Bao Minh is the legal representative of The Corporation and is appointed by the Board of Directors from among the Board of Directors' members or another individual. The Chief Executive Officer is directly responsible for managing the daily business operations of Bao Minh in accordance with the best management practices; and has the powers and duties specified in the Charter of The Corporation.

Subsidiaries, associated companies

UNITED INSURANCE COMPANY OF VIETNAM (UIC)

- » A member of the Sompo Japan Nipponkoa insurance group – a leading insurance group in the Land of the Rising Sun. The company is capitalized by 03 members: Sompo Japan Insurance Inc. (Japan); Bao Minh Insurance Corporation (Vietnam); and KB Insurance Co., Ltd (South Korea).
- » Address: 9th Floor – Hanoi TungShing Square Building – No. 2 Ngo Quyen – Hoan Kiem Ward, Hanoi City
- » Charter capital: VND 500 billion
- » Ownership percentage 48.45%
- » Business scope: conducting non-life insurance activities, performing inward and outward reinsurance; conducting and performing related tasks including: Survey/Assessment, investigation, calculation of loss allocation, survey agency, and handling claims from third parties.



Key objectives of The Corporation

With the aspiration to affirm its position as a leading enterprise and a pioneer in the non-life insurance sector, Bao Minh Insurance Corporation is steadfast in pursuing fundamental goals: maximizing business efficiency, increasing dividends for shareholders, contributing positively to the State Budget, and ensuring stable employment for employees.

To realize these commitments, Bao Minh places customer interests at the center and shareholder companionship as the driving force, continuously promoting the application of high technology to optimize operations and deliver the highest level of satisfaction. In parallel, The Corporation proactively diversifies its business activities, expands financial services, and perfects its risk management system, ensuring sustainable growth against all market fluctuations. Above all, The Corporation always focuses on building a professional and humane working environment to improve the quality of life for staff, thereby fully fulfilling its social responsibility and contributing to the overall development of the national economy.

DEVELOPMENT STRATEGIES

DEVELOPMENT STRATEGIES

Development strategies in medium and long term

Steadfast in its vision to become a leading enterprise in the non-life insurance and financial services sector, Bao Minh plans its development strategy based on 4 solid pillars:

01

Affirming the pioneering position in the insurance business

Bao Minh focuses on maximizing product and service quality, developing a flexible product portfolio to meet the increasingly demanding and diverse needs of the market. At the same time, The Corporation promotes the application of modern technology (InsurTech) to optimize operational processes, enhance risk management capabilities, and provide a superior digital experience for customers.

Focus on Investment and Sustainable Growth

Continue to maintain a sustainable investment strategy, prioritizing capital preservation while enhancing the scale and capacity of the investment management division. Expand the investment portfolio by incorporating potential investment options and new channels.

02

03

Creating elite human resources & cultural identity

At Bao Minh, people are the key resource for building the success and development of The Corporation; therefore, the leadership of The Corporation has also built training programs to create a high-quality workforce. At the same time, the mental health of employees is also a factor that the Corporation's leadership is deeply concerned about. The Corporation has organized extracurricular activities, building a positive, professional, and dedicated working environment to promote the engagement and dedication of each member.

ESG practices & Social responsibility

Not stopping at profit goals, the leadership of The Corporation also believes that to develop sustainably, it is necessary to contribute to the development of society and the environment through practical social security programs, organizing programs to raise awareness about the role of insurance in life, as well as actively supporting risk mitigation and environmental protection.

04

Sustainable development goals (environment, society, and community) and key programs related to the short and medium term of The Corporation

Bao Minh Insurance Corporation defines its sustainable development strategy as a harmonious combination of business growth and social service responsibility.

FOR SOCIETY: ELEVATING AWARENESS & CUSTOMER EXPERIENCE

Bao Minh proactively organizes series of seminars and workshops to raise public awareness about the role of insurance—an essential financial solution for protecting health and assets against risks. Simultaneously, with transparency and dedication as its foundation, Bao Minh strives to optimize the claims process, ensuring swift and accurate settlement of benefits to maintain absolute customer trust.

FOR THE ENVIRONMENT: PROMOTING “GREEN LIFESTYLE” & ECONOMICAL OPERATIONS

Aiming for a green future, Bao Minh has thoroughly applied resource-saving solutions, prioritizing the use of recycled materials and minimizing waste in business operational processes.

In addition, the Corporation's leadership also regularly encourages and creates conditions for staff to actively participate in environmental protection movements, joining hands to build a green - clean - beautiful urban area, contributing to responding to climate change.

FOR COMMUNITY & HUMAN RESOURCES: SHARING RESPONSIBILITY & HUMAN DEVELOPMENT

Regarding social security responsibility, Bao Minh Insurance Corporation continuously accompanies the country's development through practical charitable activities, focusing resources on supporting key areas such as healthcare, education. In addition, The Corporation is committed to creating a fair and humane working environment, where all employees are guaranteed equal promotion opportunities and participate in specialized training courses to improve their capabilities, thereby contributing to building a high-quality workforce for the Vietnamese insurance industry.





RISKS

- 🎯 **Economic risks**
- 🎯 **Competitive risks**
- 🎯 **Legal risks**
- 🎯 **Natural disaster and epidemic risks**
- 🎯 **Insurance fraud risks**





RISKS

ECONOMIC RISKS

In 2025, the business operations of The Corporation took place in a macroeconomic context with many fluctuations. According to data from the General Statistics Office, although the national economy recorded positive growth with GDP in 2025 estimated at 8.02% compared to the previous year, creating a favorable overall business environment. However, the insurance industry is facing no less growth challenges as the insurance penetration rate currently only reaches nearly 2% of GDP, significantly lower than the Government's target of 3% - 3.3% by 2025 and the world average of 6.7%. This discrepancy signals a market facing difficulties in internal demand. With large market potential but slow exploitation speed, The Corporation faces more intense competitive pressure to maintain and expand market share.

In addition, in the context of economic growth, inflation and interest rates are two macroeconomic variables that have a multidimensional impact on Bao Minh's operational efficiency. Specifically, economic inflation leads to an increase in the prices of medical supplies, spare parts, and repair labor costs, leading to an increase in average claims costs, putting direct pressure on reducing the underwriting margin.

Regarding interest rates, this is considered a dual-impact factor. On one hand, maintaining interest rates at a positive level helps significantly improve revenue from the deposit portfolio. However, on the other hand, high interest rates will increase the cost of capital for businesses and individuals, leading to restrictions on borrowing for asset investment, thereby reducing the demand for insurance. At the same time, high interest rates often put downward pressure on the stock market, negatively affecting the value of The Corporation's stock investment portfolio.

However, the economic picture in 2025 still recorded positive signals about the financial capacity of the industry. The total investment back into the economy by insurance companies increased by 10.12% over the same period, affirming a strong commitment to ensuring



customer benefits and supplementing medium- and long-term capital for the country's development. To resolve the risks of slow growth in the retail market, Bao Minh identifies new momentum coming from the public investment wave in the 2026 - 2030 period. With capital expected to be strengthened for transport infrastructure and national key projects, this is a great opportunity for the non-life insurance segment to break through. Synthesizing the above factors, the insurance business situation has recently maintained relative stability. Bao Minh believes that, with a flexible strategy in investment portfolio management and agility in anticipating the wave of public investment, The Corporation will continue to affirm its position of accompanying the country's development, turning macroeconomic challenges into sustainable growth momentum.



COMPETITIVE RISKS

Market Challenges and Strategic Response
In 2025, the Vietnamese insurance market witnessed a surge in financial institutions and banks establishing their own insurance subsidiaries, intensifying the pressure on Bao Minh's market share. Furthermore, new regulations simplifying market entry procedures have paved the way for numerous new players with strong financial backing and diverse product portfolios, forcing the Corporation to face fiercer competition than ever before. The most significant challenge in the coming period arises from the Investment Law 2025 (effective March 1, 2026), which officially removes auxiliary insurance services from the list of conditional business lines as of July 1, 2026. This shift from "pre-check" (prior approval) to "post-check" (after-the-fact supervision) mechanisms will facilitate the deep integration of Insurtech companies—armed with AI and Big Data—into the insurance value chain, particularly in automated loss adjustment and premium calculation. This places the Corporation at risk of direct competition regarding claims processing speed and customer experience. Should Bao Minh delay in collaborating with or integrating technology from Insurtech partners relative to its competitors, it risks losing its competitive edge in service quality. While legal liberalization diversifies the supply of outsourcing services, the "post-check" mechanism also entails risks regarding quality control, as the capacity and compliance of auxiliary service providers may be inconsistent. Consequently, the Corporation must establish stringent appraisal and monitoring procedures to mitigate risks arising from partner non-compliance or sub-standard service delivery. In response to this landscape, the Corporation will focus on researching and implementing digital loss adjustment solutions to optimize time and accuracy in claims settlement. Simultaneously, the selection process for auxiliary service partners will be tightened with rigorous standards to uphold the brand reputation of a leading insurer.



RISKS (CONT.)

LEGAL RISKS

As a listed entity operating in a conditional business sector, Bao Minh Insurance Corporation is subject to dual regulation by the specialized insurance legal framework and public company corporate governance regulations.

In 2025, the Government issued Decree 245/2025/ND-CP (amending Decree 155/2020/ND-CP) and Decree 306/2025/ND-CP (amending Decree 156/2020/ND-CP regarding administrative penalties in the securities sector). These instruments have established higher standards for information transparency and significantly increased financial penalties. This places immense pressure on the Corporation to ensure the accuracy and timeliness of information disclosure while standardizing internal governance processes to mitigate legal risks and maintain brand reputation in the capital market. Regarding specialized laws, the Amended Law on Insurance Business (passed on December 10, 2025), while removing several procedural barriers, has simultaneously introduced stricter requirements for the qualifications of managers, controllers, and agency operations. Notably, the Amended Investment Law (effective March 1, 2026) brings a two-fold impact by abolishing “pre-check” licensing procedures for insurance auxiliary services. On the one hand, this helps reduce compliance costs and offers flexibility in expanding the service ecosystem. On the other hand, it poses a significant challenge in partner risk management. The shift to a “post-check” mechanism may lead to a “compliance trap” where specialized standards are overlooked. Should Bao Minh collaborate with auxiliary units (Insurtech, independent loss adjusters) that lack legal capacity, the Corporation will face vicarious liability risks and severe sanctions from regulatory authorities during post-clearance audits.

In this context, the Board of Management is continuously focusing on enhancing the internal control and legal systems to update regulatory changes in real-time. For the outsourcing of auxiliary services, Bao Minh will implement a rigorous partner due diligence process based on industry standards, ensuring that all business activities remain within legal safety margins and support sustainable development.

INSURANCE FRAUD RISKS

In the market context of 2025, Bao Minh Insurance Corporation identified that insurance fraud risks have undergone a qualitative negative change, shifting from spontaneous, small-scale acts to organized, sophisticated, and systematic criminal models. Reality shows that current fraudulent acts have morphed into professional rings. Subjects do not hesitate to use tricks to misappropriate large sums of money, especially increasing in key lines such as Health Insurance and Personal Accident Insurance.

The industry's fraud prevention work is facing major challenges from systemic barriers, typically the ‘dark zone’ of data. The lack of a common database on medical examination and treatment history and claim history nationwide, along with a legal framework that does not yet allow insurance companies to look up medical information, makes the appraisal process passive. In some localities with abnormally high fraud rates, enterprises are forced to apply measures to restrict product supply, inadvertently affecting the legitimate protection needs of the majority of honest customers.

In response to these complex developments, Bao Minh is intensifying professional and technical training for its staff to ensure early detection of irregularities. Simultaneously, the company is proactively collaborating with relevant authorities to develop warning lists and recommending that regulatory bodies refine medical information-sharing mechanisms to ensure a transparent and sustainable business environment.



NATURAL DISASTER AND EPIDEMIC RISKS

In 2025, the non-life insurance industry faced natural disaster risks that directly affected the business results and financial capacity of enterprises. The economy continuously suffered from extreme weather phenomena with great destructive power and wide dispersion across regions. Typically, after Super Typhoon Yagi (Sep 2024) caused an estimated damage of VND 81.5 trillion, 2025 continued to witness a series of successive storms and floods such as Bualoi, Matmo, and Kalmaegi, along with storms No. 10 and 11, causing serious flooding in the Northern and Central provinces. Although the scale of each individual event may not be as large as Super Typhoon Yagi, the high frequency and wide scope of impact have created an immense cumulative claim pressure for insurers.

The impact of natural disasters has caused heavy losses for the two business lines with the largest revenue proportions in the industry: Motor Insurance and Property - Engineering Insurance. For the Motor Insurance line, heavy rain causing widespread flooding resulted in thousands of vehicles suffering from hydro-locking—a costly risk with repair costs accounting for 30% to 70% of the vehicle's value—pushing the claim ratio of this line at many enterprises to an estimated threshold exceeding safety, potentially reaching 60% in 2025. Simultaneously, the Property - Engineering line also recorded large losses due to collapsed factory roofs, damaged machinery, and especially business interruption risks, which are causing claim values to increase sharply. Consequently, high claim and reserve costs while insurance premiums did not increase correspondingly reduced profit margins, leaving many enterprises at risk of technical losses.

To stand firm against the complex developments of climate change, The Corporation has also identified a core strategy of enhancing risk management capacity and promoting the digitization of claim processes to shorten payment times, supporting customers in stabilizing their lives early.



BAO MINH INSURANCE

A solid shield on every road

02

**OPERATIONAL
SITUATION IN 2025**





BUSINESS AND PRODUCTION OPERATIONAL SITUATION

Business and production results in 2025

Unit: VND million

| Total revenue | 2024 | | 2025 | | % 2025/ 2024 |
|-----------------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|-----------------|
| | Value | Proportion | Value | Proportion | |
| Direct written premiums | 5,960,679 | 85.37% | 5,966,174 | 83.89% | 100.09% |
| Assumed premiums | 681,548 | 9.76% | 805,329 | 11.32% | 118.16% |
| Income from investment properties | 12,963 | 0.19% | 13,777 | 0.19% | 106.28% |
| Financial Income | 322,890 | 4.62% | 319,767 | 4.50% | 99.03% |
| Other income | 3,942 | 0.06% | 6,826 | 0.10% | 173.16% |
| Total revenue | 6,982,021 | 100.00% | 7,111,873 | 100.00% | 101.86% |

In 2025, the Vietnamese economy recorded an impressive breakthrough with GDP growth reaching 8.02%, driven by momentum from public investment and domestic consumption. This development contributed to increasing the demand for asset and goods protection during transportation. However, the insurance industry still faced many pressures as the Consumer Price Index (CPI) increased by 3.31%, leading to higher medical costs and spare parts prices, along with extreme weather phenomena such as storms Bualoi, Matmo, and Kalmaegi occurring consecutively, significantly affecting the underwriting margins of enterprises in the industry.

In that context, Bao Minh's total revenue reached VND 7,111,873 million, an increase of 1.86% compared to 2024. Direct written premiums continued to play a pillar role with VND 5,966,174 million, accounting for the largest proportion (83.89%), reached 100.09% compared to 2024, this result still reflects the commendable efforts of the Board of Management in maintaining market share.

Notably, Assumed premiums recorded a breakthrough growth of 18.16%, raising its contribution proportion to 11.32% in the revenue structure. This result not only affirms Bao Minh's financial capacity and reputation with domestic and international reinsurance partners but also reflects its in-depth risk appraisal capability along with effective technical support from strategic shareholder AXA.

Financial Income, accounting for 4.50% of total revenue, decreased slightly by 0.97% to VND 319,767 million, primarily due to fluctuations in deposit interest rates and exchange rate differences in the first half of the year. Faced with these fluctuations, the Board of Management remained steadfast in its prudent investment strategy, prioritizing liquidity by focusing the portfolio on reputable commercial banks while leveraging the stability of Government bonds to ensure long-term yields. Additionally, although the income from investment properties and other income segments account for a small proportion, they still recorded growth rates of 6.28% and 73.16%, respectively, contributing positively to the overall profit of The Corporation.

TOTAL REVENUE:

7,111,873 MILLION VND,

reaching **101.86%** year-on-year

DIRECT WRITTEN PREMIUMS:

5,966,174 MILLION VND,

reaching **100.09%** year-on-year

ASSUMED PREMIUMS:

805,329 MILLION VND,

reaching **118.16%** year-on-year

INCOME FROM INVESTMENT PROPERTIES:

13,777 MILLION VND, reaching
106.28% year-on-year

ORGANIZATION AND PERSONNEL

List of the Board of Management

| No. | Member | Position | Number of shares owned | Percentage of ownership |
|-----|----------------------|--------------------------------|------------------------|-------------------------|
| 1 | Mr. Vu Anh Tuan | Chief Executive Officer | 6,020 | 0.004% |
| 2 | Mr. Pham Minh Tuan | Deputy Chief Executive Officer | 31 | 0.00002% |
| 3 | Mr. Chau Quang Linh | Deputy Chief Executive Officer | 12,062 | 0.008% |
| 4 | Mr. Nguyen Ngoc Anh | Deputy Chief Executive Officer | - | - |
| 5 | Mr. Vu Hai Lam | Deputy Chief Executive Officer | - | - |
| 6 | Mr. Nguyen Thanh Nam | Deputy Chief Executive Officer | - | - |
| 7 | Mr. Sai Van Hung | Chief Accountant | 875 | 0.0006% |

Management Biographies

Mr. Vu Anh Tuan - Chief Executive Officer

| | |
|---------------|-------------------------------|
| Date of birth | October 20, 1979 |
| Nationality | Vietnam |
| Qualification | Master of Economic Management |

Mr. Pham Minh Tuan - Deputy CEO

| | |
|---------------|------------------------------------|
| Date of birth | October 10, 1973 |
| Nationality | Vietnam |
| Qualification | Bachelor of Finance and Accounting |

Mr. Chau Quang Linh - Deputy CEO

| | |
|---------------|----------------------------------|
| Date of birth | Aug 19, 1968 |
| Nationality | Vietnam |
| Qualification | Bachelor of Automotive Transport |

Mr. Nguyen Ngoc Anh - Deputy CEO

| | |
|---------------|-----------------------------------|
| Date of birth | October 1, 1970 |
| Nationality | Vietnam |
| Qualification | Master of Business Administration |





ORGANIZATION AND PERSONNEL (CONT.)

MANAGEMENT BIOGRAPHIES

Mr. Vu Hai Lam - Deputy CEO

| | |
|---------------|-------------------------------|
| Date of birth | April 6, 1985 |
| Nationality | Vietnam |
| Qualification | Master of Economic Management |

Mr. Nguyen Thanh Nam - Deputy CEO

| | |
|---------------|---|
| Date of birth | October 13, 1971 |
| Nationality | Vietnam |
| Qualification | Bachelor of Statistics and Bachelor of English |

Mr. Sai Van Hung - Chief Accountant

| | |
|---------------|-----------------------|
| Date of birth | February 15, 1980 |
| Nationality | Vietnam |
| Qualification | Bachelor of Economics |



CHANGES IN THE BOARD OF MANAGEMENT

| No. | Member | Position | Date of appointment |
|-----|----------------------|-------------------------|------------------------------|
| 1 | Mr. Vu Anh Tuan | Chief Executive Officer | June 01, 2025 (Re-appointed) |
| 2 | Mr. Pham Minh Tuan | Deputy CEO | Sep 26, 2023 (Re-appointed) |
| 3 | Mr. Chau Quang Linh | Deputy CEO | Aug 08, 2024 (Re-appointed) |
| 4 | Mr. Nguyen Ngoc Anh | Deputy CEO | January 16, 2023 |
| 5 | Mr. Vu Hai Lam | Deputy CEO | January 16, 2023 |
| 6 | Mr. Nguyen Thanh Nam | Deputy CEO | Sep 22, 2023 |
| 7 | Mr. Sai Van Hung | Chief Accountant | Aug 10, 2025 (Re-appointed) |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

HỘI NGHỊ

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025
& TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KINH DOANH NĂM 2026

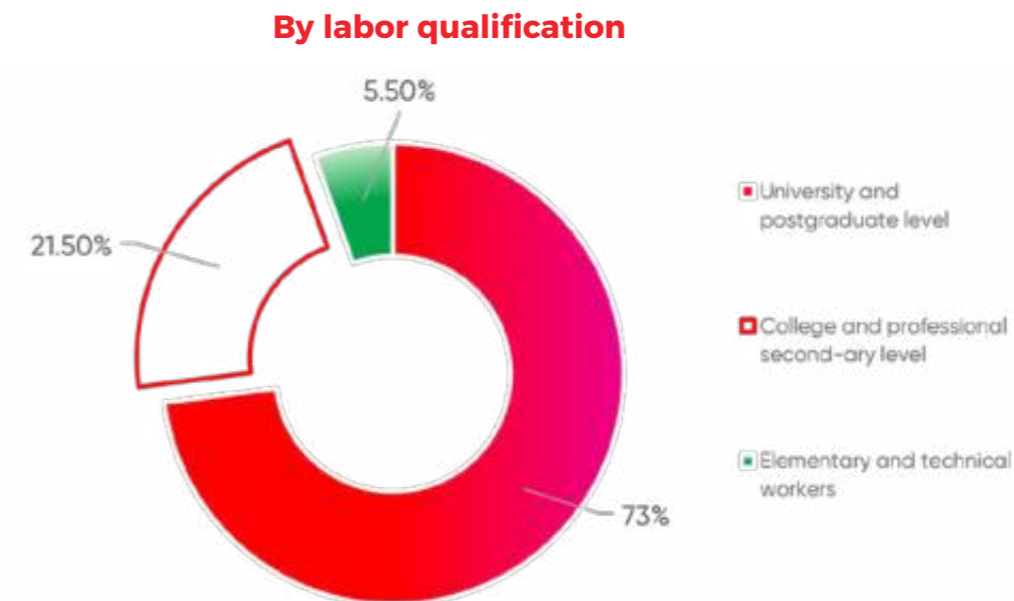
CÁN THỜI, NGÀY 08 THÁNG 01 NĂM 2026



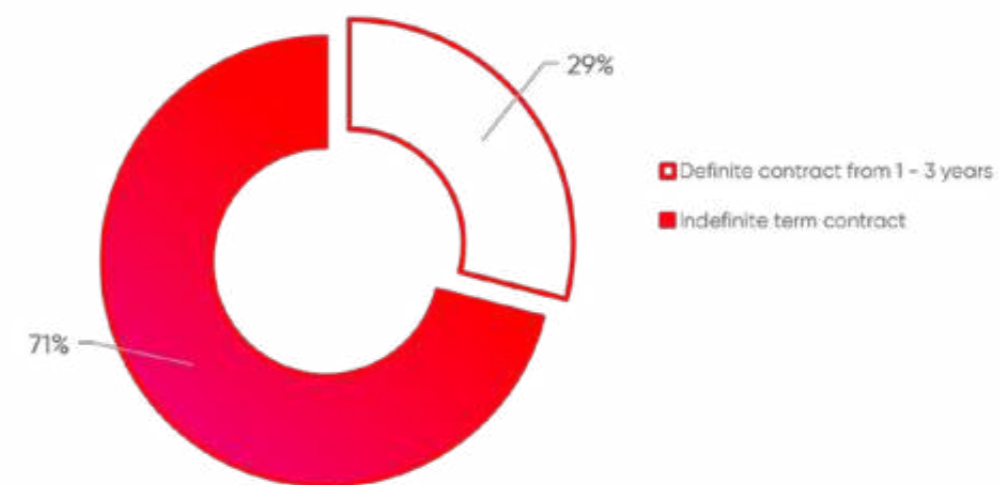
ORGANIZATION AND PERSONNEL (CONT.)

NUMBER OF OFFICERS AND EMPLOYEES

| No, | Classification nature | 2024 | | 2025 | |
|--------------|---------------------------------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|
| | | Quantity (people) | Percentage (%) | Quantity (people) | Percentage (%) |
| A | By labor qualification | 1,653 | 100% | 1,575 | 100% |
| 1 | University, postgraduate level | 1,179 | 71.3% | 1,149 | 73.0% |
| 2 | College, professional secondary level | 369 | 22.3% | 339 | 21.5% |
| 3 | Primary and technical workers | 105 | 6.4% | 87 | 5.5% |
| B | By nature of labor contract | 1,653 | 100% | 1,575 | 100% |
| 1 | Contract with a term of 1 - 3 years | 475 | 28.7% | 456 | 29.0% |
| 2 | Indefinite-term contract | 1,178 | 71.3% | 1,119 | 71.0% |
| C | By gender | 1,653 | 100% | 1,575 | 100% |
| 1 | Male | 875 | 52.9% | 739 | 46.9% |
| 2 | Female | 778 | 47.1% | 836 | 53.1% |
| Total | | 1,653 | 100% | 1,575 | 100% |



By nature of labor contract



By gender



NUMBER OF OFFICERS AND EMPLOYEES

| Year | 2023 | 2024 | 2025 |
|--|------------|------------|------------|
| Total number of employees (people) | 1,685 | 1,653 | 1,575 |
| Average income of employees (VND/person/month) | 27,830,000 | 20,500,000 | 21,294,000 |

ORGANIZATION AND PERSONNEL (CONT.)

Personnel Policy



Regarding the working environment

At Bao Minh Insurance Corporation, building a professional working environment that values individual contributions and creates conditions for personnel to maximize their potential is always identified as a top priority. The Corporation maintains an 8-hour workday from Monday to Friday, ensuring a work-life balance so that employees have time to regenerate their labor power as well as take care of their families. In addition, social insurance and health insurance benefits are always fully and strictly implemented by The Corporation in accordance with the current laws, ensuring a solid welfare foundation for employees.



Regarding recruitment

Building a high-quality workforce is always identified as a key task in the development strategy at Bao Minh. The Corporation focuses on recruiting individuals with solid expertise, a positive working attitude, and the ability to adapt flexibly to a dynamic business environment. In 2025, The Corporation strengthened human resource management across the entire system by proactively seeking and nurturing potential candidates to build a successor leadership team. This focus on internal training and development is a necessary preparatory step to ensure stable operations while creating a solid foundation for The Corporation to achieve both short-term business goals and long-term strategic directions in the future.



Regarding training

At Bao Minh Insurance Corporation, the human element is always identified as the key factor in the sustainable development strategy. The Corporation pays special attention to training and human resource development, considering it an important foundation for future success. In addition to in-person training, Bao Minh also promotes the implementation of online training programs to optimize time and operating costs while still ensuring the quality of knowledge transfer. This method helps the staff proactively update their professional knowledge and improve their skills flexibly, contributing to building an elite workforce ready to meet the increasingly high requirements of the insurance market.



ORGANIZATION AND PERSONNEL (CONT.)

Personnel Policy (Cont.)



Regarding salary, benefits, and remuneration

At Bao Minh Insurance Corporation, recognizing and honoring the contributions of our staff is always at the heart of our operations. The Board of Management focuses on establishing a flexible and diverse compensation policy, aimed not only at rewarding individual efforts deservedly but also at creating a powerful incentive for long-term commitment. The Corporation firmly believes that a robust welfare foundation is a crucial prerequisite for the stability and happiness of our employees. From this perspective, in addition to base salary, Bao Minh has developed a comprehensive benefits package that fosters peace of mind and trust among all personnel, as detailed below:

“ Bonuses and Benefits

The Corporation consistently prioritizes the development of diverse bonuses and benefits to provide timely recognition of our employees' contributions during Public Holidays, Lunar New Year, the Corporation's anniversaries, and personal birthdays. In addition to motivational bonuses and welfare payments, the Corporation maintains annual vacation allowances and periodic health check-ups for all staff. These policies not only demonstrate the Board of Management's appreciation for the workforce but also create opportunities for individuals to recharge their energy and foster a stronger sense of community within the collective.



Comprehensive healthcare

Identifying health as the most precious asset of employees, Bao Minh does not stop at caring for the health of current staff but also extends health insurance policies to their relatives. The implementation of these comprehensive health protection solutions aims to build a solid welfare foundation, helping employees work with peace of mind and feel valued in a humane working environment. This is the effort of The Corporation in accompanying employees to take care of a stable and happy family life.

*“Bao Minh
Whole-hearted
service”*



Performance based bonuses

To encourage a proactive and creative work spirit, the Corporation implements a flexible bonus mechanism based on actual business performance, in addition to base salaries and fixed bonuses. This policy serves as a powerful driver, motivating each employee to continuously strive for excellence, improve labor productivity, and contribute directly to the overall growth of the entire system. By aligning individual interests with organizational success, the Corporation aims to build an elite workforce, working together to realize the established strategic goals.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH
 NGHỊ TUYÊN DƯƠNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN
 LẦN THỨ I (2025 - 2030)
 TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY 05 THÁNG 05 NĂM 2025

INVESTMENT STATUS AND PROJECT IMPLEMENTATION STATUS

Major investments

Held-to-maturity investments

Unit: VND million

| Investment type | December 31, 2024 | December 31, 2025 |
|---|-------------------|-------------------|
| Equity Investments in Other Entities | 242,250 | 242,250 |
| United Insurance Company of Vietnam (i) | 242,250 | 242,250 |
| Equity Investments in Other Entities | 54,265 | 53,837 |
| Saigon Ha Long Hotel Corporation | 6,000 | 6,000 |
| Saigon - Kim Lien Tourism JSC | 7,618 | 7,618 |
| Vietnam National Reinsurance Corporation (Vinare) | 43,218 | 43,218 |
| VICEM ha Tien Cement JSC | 779 | 779 |
| Provision for Long-term Financial Investments | (3,350) | (3,778) |
| Held-to-maturity investments - Long-term | 236,000 | 290,760 |
| Corporate bonds | 200,000 | 289,760 |
| Certificates of deposit | - | - |
| Term deposits | 36,000 | 1,000 |
| Total | 535,865 | 590,625 |



Subsidiaries, associated companies

Affiliated company

Unit: VND million

| UNITED INSURANCE COMPANY OF VIETNAM (UIC) | | | |
|---|-------------|-------------|-------------|
| Indicators | 2024 Actual | 2025 Actual | % 2025/2024 |
| Total assets | 2,956,094 | 2,292,622 | 77.6% |
| Net revenue | 418,809 | 413,344 | 98.7% |
| Gross profit from insurance business | 190,289 | 185,889 | 97.7% |
| Gross profit from financial investment activities | 75,436 | 70,558 | 93.5% |
| Total profit before tax | 150,951 | 128,057 | 84.8% |
| Total profit after tax | 120,746 | 102,461 | 84.9% |



FINANCIAL STATUS

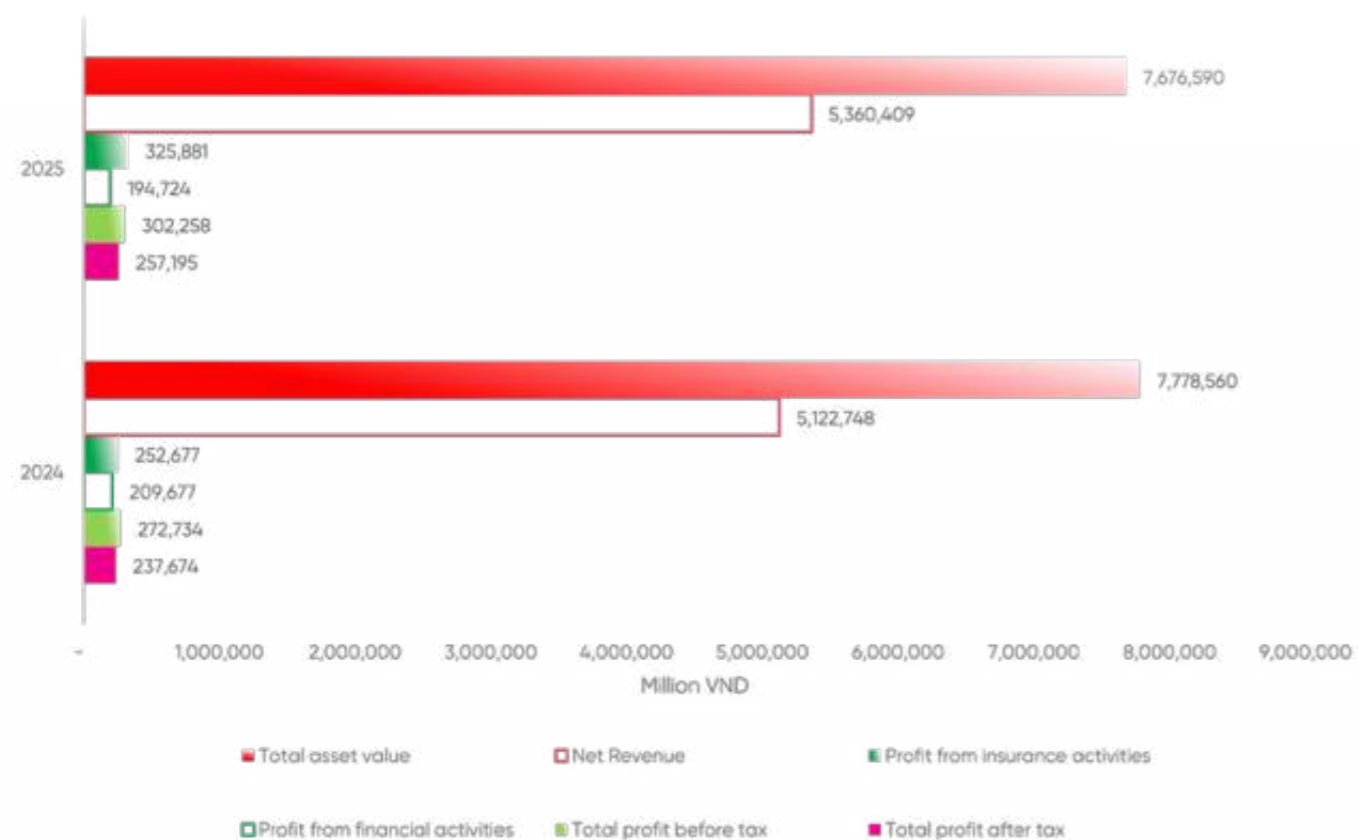
Financial status

Unit: VND million

| No. | Indicators | 2024 | 2025 | % 2025/2024 |
|-----|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| 1 | Total asset value | 7,778,560 | 7,676,590 | 98.69% |
| 2 | Net revenue | 5,122,748 | 5,360,409 | 104.64% |
| 3 | Gross insurance profit | 252,677 | 325,881 | 128.97% |
| 4 | Profit from investment properties | 209,677 | 194,724 | 92.87% |
| 5 | Net profit before tax | 272,734 | 302,258 | 110.83% |
| 6 | Net profit after tax | 237,674 | 257,195 | 108.21% |

The year 2025 is considered a period of many fluctuations for the Vietnamese insurance industry, while also recording a recovery after a strong restructuring process. The total insurance premium revenue of the entire market is estimated at VND 237.2 trillion, an increase of 4% compared to the same period last year; in which, the non-life insurance sector continues to play the role of a growth driver with revenue reaching VND 88.4 trillion, an increase of 10.3%. The implementation of the 2022 Law on Insurance Business and guiding decrees has contributed to tightening standards on minimum charter capital and risk management, thereby improving the transparency and professionalism of the

Financial Situation



market. However, 2025 remains a challenging year as, after Super Typhoon Yagi in 2024, the market continued to be affected by a series of successive natural disasters including typhoons Bualoi, Matmo, and Kalmaegi. Total economic losses from natural disasters exceeded VND 97,000 billion, creating huge cumulative claim pressure, especially for motor and technical property insurance operations.

In the context of a market with a clear trend of differentiation, Bao Minh has steadfastly implemented the “Efficiency – Sustainability” strategy. As of December 31, 2025, the total assets of The Corporation reached VND 7,676,590 million, a slight decrease of 1.31% compared to the end of 2024. Notably, Bao Minh proactively adjusted its asset structure by sharply reducing the cash and cash equivalents item from VND 446,094 million to VND 216,746 million (a decrease of 51.41%), in order to shift to higher-yield investment channels, while increasing capital to serve claim settlement activities after natural disasters.

In addition, regarding business operations, net revenue reached VND 5,360,409 million, an increase of 4.64% over the same period. Notably, revenue from outward reinsurance claims increased sharply from VND 357,809 million to VND 564,816 million (an increase of 57.85%), thereby contributing to a 28.97% increase in gross insurance profit, reaching VND 325,881 million. This result clearly reflects the Corporation’s ability to maintain stable operations, the ability to control claims costs, as well as the effectiveness in risk assessment and screening after a challenging 2024.

Furthermore, commissions from outward reinsurance activities and other revenue from insurance business activities both recorded positive growth, from VND 242,859 million to VND 301,068 million (an increase of 23.97%). Although total insurance claims expenses decreased slightly from VND 1,727,039 million to VND 1,550,965 million (an decrease of 10.20%), Net profit before tax and after tax still recorded growth, reaching 10.83% and 8.21%, respectively.

Conversely, profit from investment properties decreased slightly by 7.13%, from VND 209,677 million to VND 194,724 million, mainly due to adverse effects from exchange rate fluctuations.

Overall, in 2025, despite facing significant claims pressure from natural disasters and increasingly fierce market competition, the Bao Minh Executive Board maintained an appropriate management orientation, thereby ensuring profit growth and consolidating a sustainable development foundation for the Corporation.



FINANCIAL STATUS (CONT.)

Major financial indicators

| Indicators | Unit | 2024 | 2025 |
|--|-------|--------|--------|
| Solvency indicators | | | |
| Current ratio: (Current assets/Current liabilities) | Times | 1.35 | 1.40 |
| Quick ratio: (Current assets - Inventory)/Current liabilities | Times | 1.35 | 1.40 |
| Capital structure indicators | | | |
| Debt/Total assets ratio | % | 64.16 | 61.87 |
| Debt/Equity ratio | % | 179.05 | 162.25 |
| Operational performance indicators | | | |
| Inventory turnover (Cost of goods sold/Average inventory) | Times | - | - |
| Total asset turnover (Net revenue/Average total assets) | Times | 0.69 | 0.69 |
| Profitability indicators | | | |
| Profit after tax/Net revenue ratio | % | 4.64 | 4.80 |
| Profit after tax/Average equity ratio | % | 8.75 | 9.00 |
| Profit after tax/Average total assets ratio | % | 3.22 | 3.33 |
| Profit from production and business activities/Net revenue ratio | % | 5.27 | 5.55 |

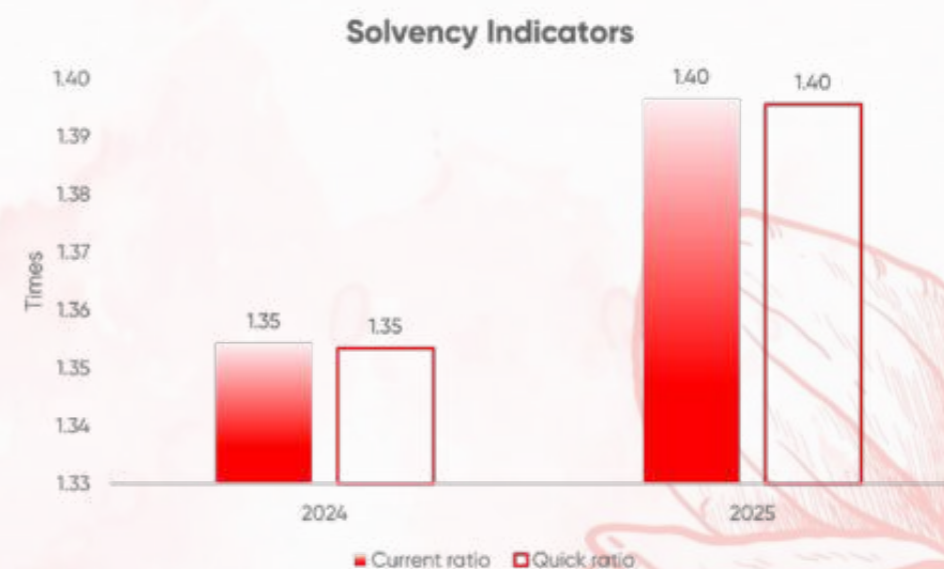
Solvency Indicators

In 2025, Bao Minh's liquidity ratios recorded positive improvements as the current ratio and quick ratio both increased from 1.35 to 1.40 times. This development mainly stemmed from current liabilities decreasing at a faster rate than current assets.

Specifically, current liabilities decreased by 4.84%, from VND 4,989,796 million to VND 4,748,053 million. The main cause was the sharp decline in short-term unearned revenue, with a decrease of up to 93.64%, from VND 263,300 million to VND 16,781 million.

Conversely, current assets only decreased slightly by 1.88%, mainly due to internal structural adjustments between items. In particular, cash and cash equivalents decreased sharply by 51.41%, while short-term financial investments increased by 6.43%. This shift shows that Bao Minh proactively restructured its asset portfolio, moving a portion of funds into investment channels such as stocks and term deposits to optimize profitability.

Overall, the improvement in liquidity ratios in the context of asset restructuring reflects the Corporation's effective cash flow management capacity and flexible capital usage orientation, thereby contributing to consolidating a safe financial foundation in the short term.



FINANCIAL STATUS (CONT.)

Capital structure Indicators

In 2025, Bao Minh's capital structure recorded positive improvements as the Debt/Equity ratio decreased sharply from 179.05% to 162.25% and the Debt/Total Assets ratio decreased from 64.16% to 61.87%.

The cause was the decrease in total liabilities from VND 4,991,017 million to VND 4,749,339 million. This decline mainly came from payables related to insurance contracts, advance insurance premiums, and technical reserves. Notably, the reserve for gross insurance claims and inward reinsurance decreased sharply by 24.21%, from VND 1,399,732 million to VND 1,060,854 million, contributing significantly to the general downward trend of liabilities. Besides, total assets recorded a slight decrease from VND 7,778,560 million to VND 7,676,589 million (a decrease of 1.31%), mainly due to the decrease in the Cash and cash equivalents item and the decrease in reinsurance assets. In addition, owner's equity increased by 5.01%, from VND 2,787,543 million to VND 2,927,250 million, mainly because the Corporation issued shares to pay dividends during the year.

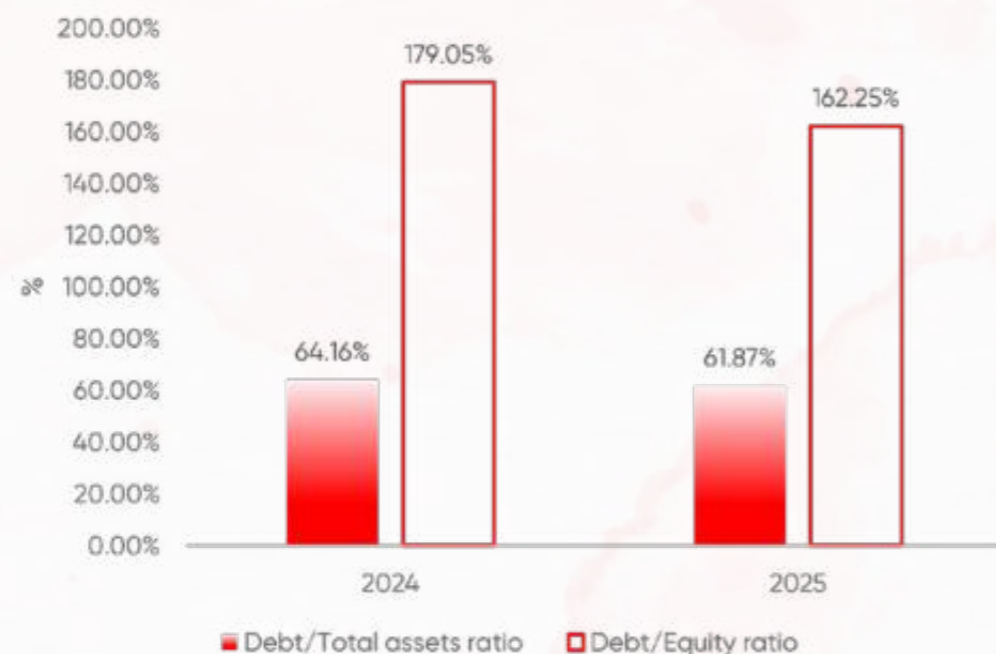
Overall, the decline in the financial leverage ratio in the context of strengthened owner's equity shows that the Corporation is gradually improving its level of financial safety, while minimizing risks related to debt obligation pressure in the long term.

Operational Performance Indicators

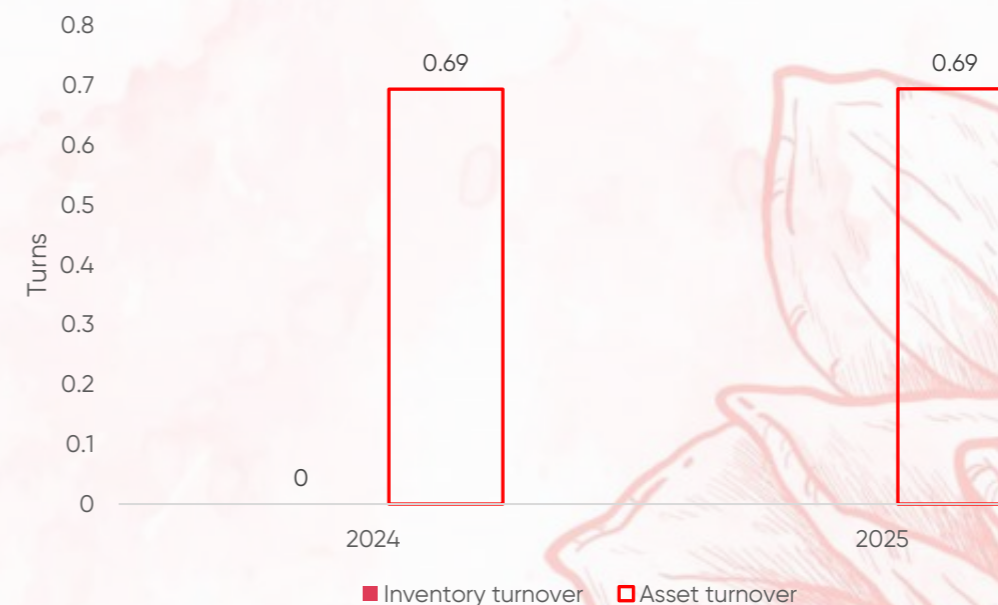
In 2025, the Corporation's total asset turnover increased slightly from 0.69 to 0.69 times. Specifically, net revenue from insurance business activities reached VND 5,360,408 million, an increase of 4.64% compared to the previous year. The main growth driver came from net insurance premium revenue, which increased from VND 4,879,888 million to VND 5,059,341 million, along with the improvement in Commission income from premiums ceded and other revenue from insurance business activities, increasing from VND 242,859 million to VND 301,068 million. On the asset side, average total assets increased slightly, reaching VND 7,727,575 million, mainly due to the significant decline in reinsurance assets (a decrease of 19.28%). In particular, the reserve for outward reinsurance claims recorded a sharp downward trend from VND 1,028,141 million to VND 658,087 million (equivalent to a decrease of 35.99%).

This development reflects that the Corporation proactively recovered receivables from reinsurance partners related to major losses incurred in the previous year, thereby transforming assets from reserves into cash and interest-bearing investments. As a result, capital utilization efficiency was improved, contributing to increasing total asset turnover during the period.

Capital structure indicators



Operational performance indicators



FINANCIAL STATUS (CONT.)

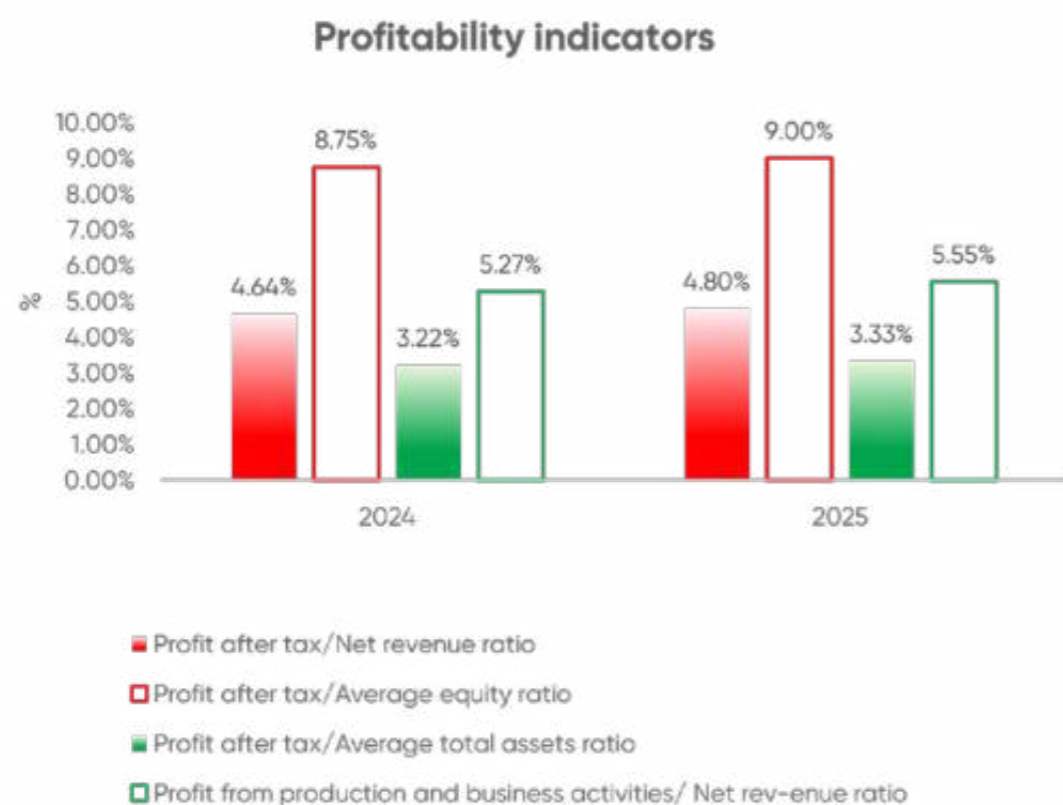
Profitability Indicators

In 2025, Bao Minh's profitability indicators recorded synchronous growth, reflecting the effectiveness of the strategy of optimizing operations and asset management in the context of a volatile macroeconomic environment. Specifically, the net profit margin ratio (Profit after tax/Net revenue) increased from 4.64% to 4.80%; this result mainly came from the 4.64% growth in net revenue from insurance business activities, reaching VND 5,360,409 million. The main driver for this improvement was the increase in net insurance premium revenue combined with Commission income from premiums ceded and other income from business activities.

In parallel, capital utilization efficiency was also clearly improved as the ROE (Return on Equity) ratio increased from 8.75% to 9.00%. Specifically, the growth rate of profit after tax reached 8.21%, far exceeding the 5.01% increase in owner's equity during the same period.

The Corporation's asset exploitation efficiency also recorded positive changes with the ROA (Return on Assets) ratio increasing from 3.22% to 3.33%. Although average total assets increased slightly due to the process of restructuring the investment portfolio in a streamlined direction, maintaining the 8.21% profit growth momentum helped increase the profitability per unit of existing assets.

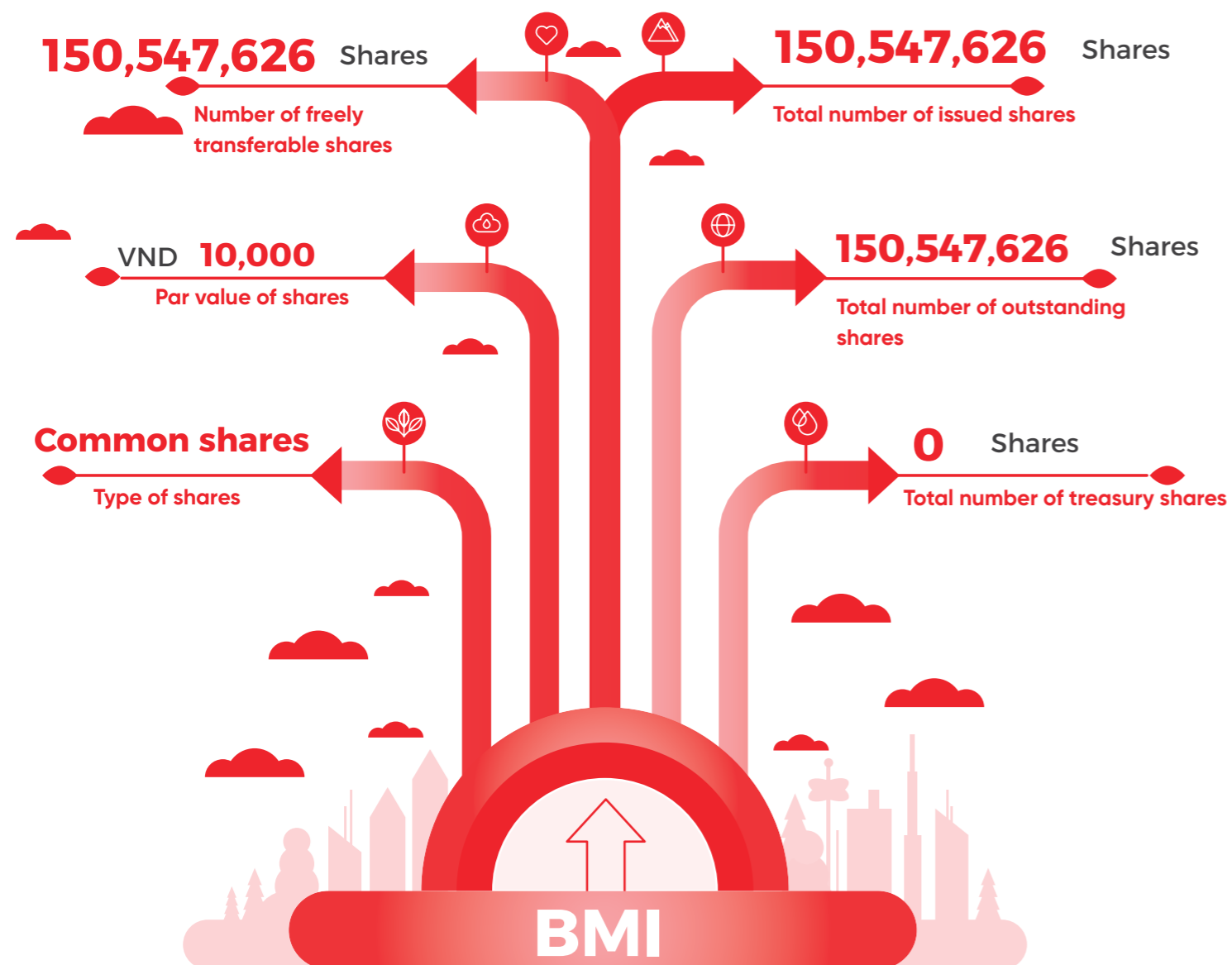
Finally, the ratio of Profit from production and business activities to Net revenue increased from 5.32% to 5.64%. This increase was mainly due to net revenue from insurance business activities, combined with the fact that the item of Commission income from premiums ceded and other revenue from insurance activities reached VND 301,068 million, an increase of 23.97% compared to the previous year.





SHAREHOLDERS STRUCTURE, CHANGE IN THE OWNER'S EQUITY

Shares



Shareholders structure

(as of December 31, 2025)

| No. | Shareholder type | Number of shareholders (shareholders) | Number of shares (shares) | Value (VND) | Ownership percentage |
|------------|--|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|
| I | Shareholders by ownership percentage criteria | 5,568 | 150,547,626 | 1,505,476,260,000 | 100.00% |
| 1 | Shareholders owning 5% or more of charter capital | 2 | 101,397,802 | 1,013,978,020,000 | 67.35% |
| 2 | Shareholders owning less than 5% of charter capital | 5,566 | 49,149,824 | 491,498,240,000 | 32.65% |
| II | Domestic shareholders | 5,198 | 108,488,043 | 1,084,880,430,000 | 72.06% |
| 1 | Individuals | 5,176 | 29,223,578 | 292,235,780,000 | 26.94% |
| 2 | Organizations | 22 | 79,264,465 | 792,644,650,000 | 45.13% |
| III | Foreign shareholders | 370 | 42,059,583 | 420,595,830,000 | 27.93% |
| 1 | Individuals | 340 | 1,567,115 | 15,671,150,000 | 3.73% |
| 2 | Organizations | 30 | 40,492,468 | 404,924,680,000 | 24.21% |
| | Total (II + III) | 5,568 | 150,547,626 | 1,505,476,260,000 | 100.00% |

List of major shareholders (as of December 31, 2025)

| No. | Name | Number of shares owned | Ownership percentage |
|-----|--|------------------------|----------------------|
| 1 | State Capital and Investment Corporation - Limited Liability Company | 76,327,646 | 50.70% |
| 2 | AXA SA. - France | 25,066,180 | 16.65% |

SHAREHOLDERS STRUCTURE, CHANGE IN THE OWNER'S EQUITY (CONT.)

Changes in owner's equity

| Time | Charter capital increase/decrease (VND) | Charter capital after increase/decrease (VND) | Form of capital increase/decrease |
|------|---|---|--|
| 2007 | 321,000,000,000 | 755,000,000,000 | Issuance of additional shares to strategic partners |
| 2015 | 75,498,888,000 | 830,498,888,000 | Issuance of shares to increase share capital from equity |
| 2016 | 83,049,888,800 | 913,540,378,700 | Issuance of shares to increase share capital from equity |
| 2021 | 182,699,472,000 | 1,096,239,850,000 | Issuance of shares to increase share capital from equity |
| 2023 | 109,614,230,000 | 1,205,854,080,000 | Issuance of shares for 2022 dividend payment |
| 2024 | 120,574,100,000 | 1,326,428,180,000 | Issuance of shares for 2023 dividend payment |
| 2025 | 179,048,080,000 | 1,505,476,260,000 | Issuance of shares for 2024 dividend payment |

Treasury share transactions None

Other securities None

“Bao Minh

Whole-hearted service”



Environment-Social-Governance (ESG) REPORT OF THE CORPORATION — BAO MINH —

Practical solutions such as utilizing natural light, optimizing electrical systems, and office equipment not only help reduce operating costs but also demonstrate the enterprise's responsibility in conserving resources for future generations.

Notably, in 2025, digital transformation efforts were accelerated through partnerships with technology providers such as G-Group and GapoWork, laying the groundwork for our environmental protection goals. The gradual transition to digital workflows and the expansion of online insurance products have enabled Bao Minh to cut down on paper usage, minimize office waste, and reduce the need for customers to travel in person. Consequently, it is evident that Bao Minh is not only committed to environmental conservation at its headquarters but is also indirectly creating positive environmental impacts through modern and sustainable business solutions.

● Energy consumption

Despite operating in the finance and insurance sector, which typically has a low effect on the environment, Bao Minh proactively raises environmental awareness among all employees. We place a particular emphasis on the economical and efficient use of energy and resources. Bao Minh understands that the responsible consumption of resources, such as electricity and water, not only helps optimize costs but also contributes to environmental protection and social well-being.

● Compliance with environmental protection laws

With a profound sense of social responsibility, the Corporation consistently takes an active role in community activities to promote collective awareness and responsibility for ecosystem protection. Alongside internal education efforts, the Corporation is committed to strictly complying with current national regulations on environmental protection.

● Impact on the environment

Although operating in the finance-insurance sector with the characteristic of having little direct impact on the ecosystem, the Executive Board of Bao Minh Insurance Corporation always upholds the awareness of environmental protection and considers this an inseparable part of the sustainable development strategy. The Corporation pays special attention to educating and communicating regularly to all employees about the economical and efficient use of energy, fuel, and clean water sources.





ENVIRONMENT-SOCIAL-GOVERNANCE (ESG) REPORT OF THE CORPORATION (CONT.)

Policies related to employees

Total number of employees

1,575

persons

Average income

21,294,000

VND



Training and talent development

Bao Minh places a high priority on professional development by sponsoring specialized short-term training courses at the Bao Minh Training Center, as well as flexible online learning programs. For outstanding employees with leadership potential, the Corporation provides optimal conditions to attend intensive, long-term training both domestically and abroad. This serves as a strategic preparation to build an elite succession team, ready to adapt to technological transformations and meet the Corporation's growth objectives in the new era.

| Indicators | 2023 | 2024 | 2025 |
|--|------------|------------|------------|
| Total number of employees (persons) | 1,685 | 1,653 | 1,575 |
| Average income of employees (VND/person/month) | 27,830,000 | 20,500,000 | 21,294,000 |

At Bao Minh, human resources are always identified as a valuable asset and a decisive factor for sustainable development. The Board of Management pays special attention to building and constantly perfecting human resources policies to ensure maximum benefits, while establishing a professional and humane working environment for all employees.

Comprehensive health care and social security

The Corporation periodically maintains annual health check-ups according to high standards and fully implements insurance regimes in accordance with the law. A highlight in Bao Minh's welfare policy is the extended health care insurance program for employees and their relatives, along with timely visits and encouragement in cases of illness or accidents. In particular, The Corporation always ensures maternity benefits and prioritizes creating the most favorable conditions for female employees, demonstrating deep concern for the spiritual life and stability of employees.

Remuneration and resource support

The Corporation's remuneration system is designed with a diverse range of benefits, including lunch allowances, business travel expenses, and other practical support measures. These are aimed at providing maximum support to our employees, allowing them to focus on their contributions and foster a long-term commitment to the organization.





ENVIRONMENT-SOCIAL-GOVERNANCE (ESG)

REPORT OF THE CORPORATION (CONT.)

Report on responsibility for Local community

As a leading insurance enterprise with State capital, Bao Minh Insurance Corporation has always identified Corporate Social Responsibility (CSR) as a mission that goes hand-in-hand with its business operations. Throughout 2025, the Corporation implemented various humanitarian activities across numerous provinces:

- Housing Support for Poverty Reduction: Recognizing that stable housing is the foundation for citizens to escape poverty, the Corporation has made practical contributions to local housing programs. Notably, on June 30, 2025, Bao Minh donated 2 billion VND to join forces with the authorities of Tuyen Quang Province in eliminating temporary and dilapidated houses. Previously, in April 2025, the Corporation also handed over "Great Unity Houses" to poor households in Chau Thanh District, helping disadvantaged families stabilize their lives and focus on production.
- Humanitarian Aid for Traffic Accident Victims: In July 2025, promoting the proactive role of the insurance industry, the Corporation collaborated with the Motor Vehicle Insurance Fund to provide humanitarian aid to traffic accident victims in Thanh Hoa and Lang Son. This meaningful activity targets victims of risks that fall outside the direct scope of compensation, thereby reaffirming Bao Minh's companionship and sharing with the community. It also spreads the message of strictly complying with compulsory motor vehicle insurance regulations to ensure the legitimate rights of all parties when accidents occur.
- Commitment to Customers in Major Risks: Beyond charitable activities, Bao Minh's sense of responsibility is vividly demonstrated through its support for customers facing major incidents. Following the GT UNITY oil tanker fire in August 2025, the Corporation's Board of Management directly visited and encouraged the families of affected crew members while urgently coordinating the loss assessment. Their timely presence and commitment to providing maximum support in compensation procedures reaffirmed the motto "Dedicated Service," strengthening absolute trust and peace of mind for customers and partners. The combination of practical philanthropic activities and dedicated professional responsibility in 2025 serves as a testament to Bao Minh's sustainable development goals.



Report on green capital market activities under the guidance of the SSC

Currently, Bao Minh Insurance Corporation has not yet engaged in green capital market activities. However, the Corporation is closely monitoring updates regarding these initiatives and stands ready to participate actively once specific guidance is issued by the State Securities Commission of Vietnam.



03

REPORT AND ASSESSMENT OF BOARD OF MANAGEMENT



BAO MINH INSURANCE

A reliable partner for your assets

Overview of The Corporation's operations compared to the plan and the past

Unit: VND million

| No. | Indicators | 2025 Plan | 2025 Actual | 2024 Actual | (%) Actual/ Plan 2025 | (%) 2025/2024 |
|----------|---|------------------|------------------|------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Total revenue | 7,340,000 | 7,111,873 | 6,982,021 | 96.89% | 101.86% |
| 1.1 | - Direct written premiums | 6,316,000 | 5,966,174 | 5,960,679 | 94.46% | 100.09% |
| 1.2 | - Assumed premiums | 702,000 | 805,329 | 681,548 | 114.72% | 118.16% |
| 1.3 | - Financial income and Revenue from investment properties | 322,000 | 333,544 | 335,852 | 103.59% | 99.31% |
| 1.4 | - Other income | - | 6,826 | 3,942 | - | 173.16% |
| 2 | Net profit before tax | 300,000 | 302,258 | 272,734 | 100.75% | 110.83% |
| 2.1 | Net profit from insurance business | 100,000 | 94,135 | 53,627 | 94.13% | 175.54% |
| 2.2 | Net Financial Profit | 200,000 | 203,324 | 216,528 | 101.66% | 93.90% |
| 2.3 | Net other income | - | 4,800 | 2,578 | - | 186.71% |
| 3 | Net profit before tax | 240,000 | 257,195 | 237,674 | 107.16% | 108.21% |
| 4 | ROE | 10% | 9.00% | 8.75% | 90.00% | 102.87% |

In 2025, Vietnam's economy saw a robust recovery with GDP growth reaching 8.02% and realized FDI inflows hitting USD 21.3 billion, driving demand for insurance in the property, engineering, and marine sectors. However, inflationary pressures persisted as the average CPI increased by 3.31%, particularly rising medical service costs, which pushed up claim expenses across the industry. The non-life insurance market maintained positive momentum, with estimated revenue reaching VND 88.4 trillion, a 10.3% year-on-year increase. Nevertheless, complex natural disasters—specifically a series of major storms in the second half of the year—caused significant economic losses, increasing indemnity pressure and impacting the operational efficiency of industry players.

Bao Minh's total revenue in 2025 reached VND 7,111,873 million, achieving 96.89% of the annual target and growing 1.86% compared to 2024, reflecting business stability amidst market pressures. Specifically, gross written premium (GWP) amounted to VND 5,966,174 million, fulfilling 94.46% of the plan and edging up 0.09% year-on-year. The revenue structure continued to focus on core lines of business: Health insurance held the largest share at 39.31% (down from 41.66% in 2024), followed by Fire & Explosion insurance at 19.75% (up from 18.48%), and Motor Vehicle insurance at 17.03% (up from 15.85%). Credit insurance increased its proportion to 9.73%, while other lines such as Marine Hull (3.20%), Engineering (3.46%), and Cargo (3.10%) maintained stable shares.



ASSESSMENT OF OPERATING RESULTS

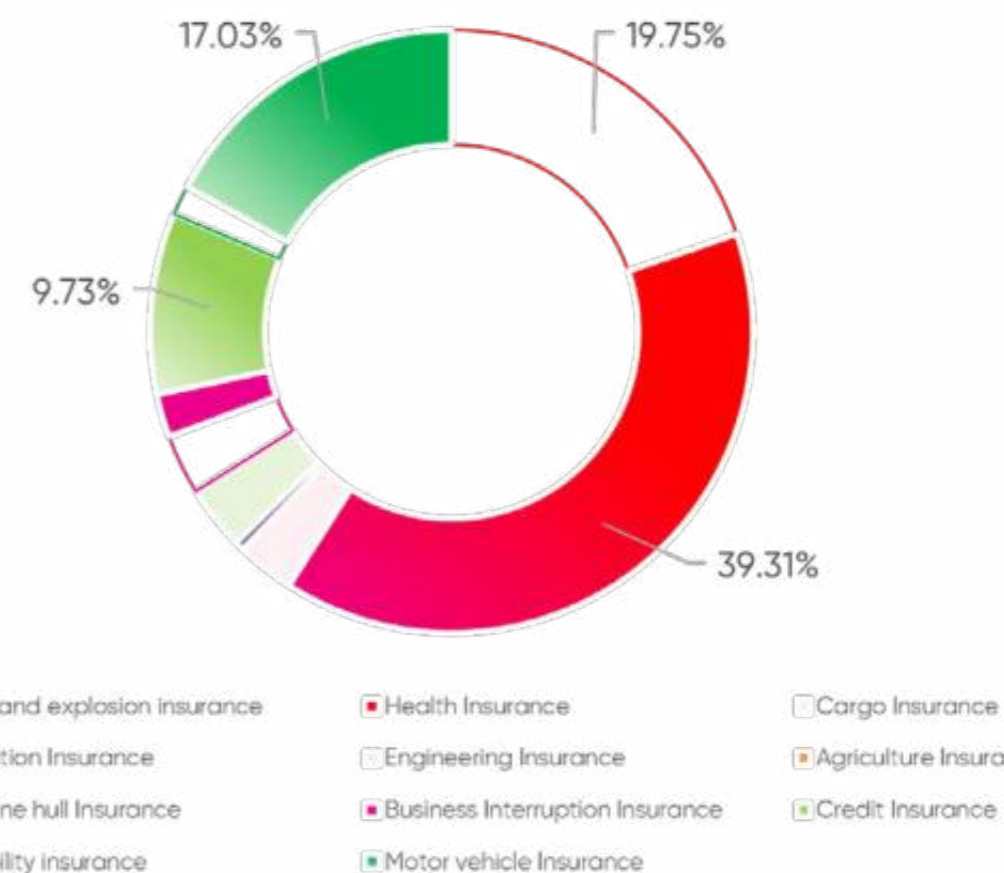
ASSESSMENT OF OPERATING RESULTS (CONT.)

Overview of The Corporation's operations compared to the plan and the past (Cont.)

Reinsurance inward premium recorded positive results, reaching VND 805,329 million, exceeding the target by 14.72% and growing 18.16% compared to 2024. Revenue from investment real estate reached VND 13,777 million, a 6.28% increase over the same period. Financial income reached VND 319,767 million, achieving 99.31% of the plan—a slight decrease of 0.97% year-on-year, primarily due to interest rate fluctuations and financial market volatility. Other income saw a breakthrough growth of 71.86%, reaching VND 6,826 million contributing positively to the total consolidated revenue. Despite modest revenue growth, the Corporation recorded a distinct improvement in business efficiency, reflected in positive profit indicators. Total pre-tax profit reached VND 302,258 million, exceeding the target by 100.75% and increasing 10.83% compared to 2024. Net profit from insurance activities reached VND 94,135 million, an impressive growth of 75.54%. The primary driver was the effective control of net claim costs, which decreased from VND 1,727 billion to VND 1,551 billion, alongside improvements in the revenue structure. Net profit after tax reached VND 257,195 million, up 8.21% year-on-year, reflecting the Corporation's ability to maintain stable profit growth. The Return on Equity (ROE) stood at 9.00%, an improvement from the 8.75% recorded in 2024.

Overall, in 2025, despite facing macroeconomic challenges and adverse natural disasters, Bao Minh maintained operational stability while significantly improving profitability. These results enhance risk control capabilities, strengthen the financial foundation, and create a solid premise for steady growth in the coming years.

Structure of Direct Written Premium



1. Direct insurance premium revenue implementation status

The year 2025 continued to be a year of many challenges for the economy in general and the insurance market in particular. However, with the support from major shareholders, the close direction of the Board of Directors, and the proactive and flexible management role of the Board of Management, Bao Minh maintained stable business operations. At the same time, the consensus and efforts of all employees and the agency system contributed to helping The Corporation achieve positive results in the context of difficulties.

The structure of gross written premium revenue continued to focus on four main business lines. In particular, health insurance accounted for the largest proportion at 39.31%, although it decreased by 2.34% compared to the previous year. Conversely, fire and explosion insurance and motor insurance recorded positive growth, with proportions reaching 19.75% and 17.03%, respectively, corresponding to increases of 1.27% and 1.19%. In addition, credit insurance also maintained its growth momentum with an increase of 9.64% over the same period, contributing to diversifying the revenue structure and reducing dependence on a number of traditional business lines.



ASSESSMENT OF OPERATING RESULTS (CONT.)

Overview of The Corporation's operations compared to the plan and the past (Cont.)

2. Claims situation

In 2025, the non-life insurance market continued to be affected by adverse factors such as natural disasters and increased claims costs, especially in the context of many extreme weather events occurring during the year. This created certain pressure on the loss ratio of the entire industry, especially in business lines related to property, engineering, and motor vehicles.

For Bao Minh, the ratio of paid claims/revenue in 2025 recorded an improving trend compared to 2024, reflecting the effectiveness in risk control and improvement of underwriting quality. This result was achieved in the context of the enterprise proactively reviewing the customer portfolio, strengthening appraisal and risk selection, and optimizing the reinsurance program.

Considering each business group, most of the main business lines such as health insurance, property and casualty insurance, and motor insurance continued to record a downward trend in the loss ratio compared to the previous year thanks to good cost control and improved service quality. Conversely, some business lines such as cargo and liability insurance still faced pressure of increasing loss ratios due to the influence of market fluctuations and objective risks.

Compared to the general market level, Bao Minh's loss ratio remained at a reasonable level, reflecting stable and effective claims management capacity. In general, the claims work in 2025 was strictly controlled by the enterprise, contributing positively to improving the efficiency of core business operations.

3. Technical Reserves

Unearned premium reserves (UPR) increased by more than VND 23 billion year-on-year, driven by a revenue growth of over VND 88 billion in Q4/2025 compared to Q4/2024.

Claim reserves as of December 31, 2025, rose by over VND 31 billion over the same period, primarily due to increased provisioning for losses incurred from Typhoon No. 10 (Bualoi) and several flooding events in the fourth quarter of 2025.

The catastrophe reserve (claim fluctuation reserve) continued to accumulate an additional VND 11 billion. This involved a provision expense of VND 50.8 billion, while VND 40 billion was utilized from the fund to offset significant claim surges in the Motor Vehicle insurance line caused by severe flooding across Northern and Central Vietnam

Unit: VND million

| Technical Reserves | December 31, 2024 | December 31, 2025 | Difference | % Change |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|---------------|--------------|
| Unearned Premium Reserve (UPR) | 1,548,967 | 1,572,657 | 23,690 | 1.53% |
| Claims Reserve | 371,591 | 402,767 | 31,176 | 8.39% |
| Fluctuation Reserve | 122,665 | 133,503 | 10,838 | 8.84% |
| Total reserves | 2,043,224 | 2,108,927 | 65,703 | 3.22% |



ASSESSMENT OF OPERATING RESULTS (CONT.)

Overview of The Corporation's operations compared to the plan and the past (Cont.)

4. Situation of liabilities and provision for doubtful debts

In 2025, Bao Minh's short-term receivables reached VND 1,031,200 million, an increase of 6.03% compared to the previous year. This increase mainly came from receivables from customers, which increased by 22.92% from VND 704,486 million to VND 865,956 million, reflecting the expansion of business operations as well as the increase in premium revenue during the period.

In addition, prepayments to sellers increased by 18.58%, showing that The Corporation was proactive in making advance payments to ensure the supply of services and optimize cooperation conditions with partners. On the other hand, other receivables decreased by 14.41%, from VND 573,756 million to VND 491,100 million. However, among these, there was an item of missing assets awaiting processing worth VND 155,991 million, arising from a fraud case involving an employee of The Corporation regarding a payment account at a domestic bank.

Faced with this incident, Bao Minh proactively sent a denunciation and reported it to the authorities; the case is currently under investigation, so at the time of preparing the Financial Statements, there was no official conclusion. The Corporation will continue to coordinate closely with the authorities, monitor developments, and act in accordance with the decisions of the competent State agencies.

In parallel, the provision for doubtful short-term receivables was set aside at VND 330,953 million, an increase of 6.78% compared to the previous year, thereby contributing to strengthening the ability to control risks regarding receivables.

Unit: VND Million

| Item | December 31, 2024 | December 31, 2025 | Difference | % Change |
|---|-------------------|-------------------|---------------|--------------|
| Short-term Receivables | 972,600 | 1,031,200 | 58,600 | 6.03% |
| - Trade receivables | 704,486 | 865,956 | 161,469 | 22.92% |
| - Advance to suppliers | 4,299 | 5,097 | 798 | 18.58% |
| - Other receivables | 573,756 | 491,100 | -82,656 | -14.41% |
| - Provision for doubtful short-term receivables | -309,941 | -330,953 | -21,013 | 6.78% |

4. Situation of liabilities and provision for doubtful debts (Cont.)

As of December 31, 2025, the Corporation has made substantially full provisions for overdue receivables in accordance with Circular No. 48/2019/TT-BTC, including:

Full provision for direct insurance premium receivables arising before Circular 194 (prior to February 1, 2015).

Provision for doubtful debts regarding other receivables, including: other trade receivables, subrogation receivables (receivables from third parties), and reinsurance receivables.

Unit: VND Million

| Doubtful Debts | December 31, 2024 | December 31, 2025 | Difference | % Change |
|--|-------------------|-------------------|----------------|--------------|
| Allowance for Doubtful Accounts | -127,151 | -125,848 | 1,303 | -1.02% |
| Allowance for doubtful other receivables | -108,469 | -130,784 | -22,315 | 20.57% |
| Allowance for doubtful overdue investment interest receivables | -74,321 | -74,321 | 0 | 0.00% |
| Total | -309,941 | -330,953 | -21,012 | 6.78% |



ASSESSMENT OF OPERATING RESULTS (CONT.)

Overview of The Corporation's operations compared to the plan and the past (Cont.)

5. Other insurance business expenses

In 2025, Bao Minh's total other expenses from insurance business activities continued to record an upward trend, reaching VND 3,472,724 million, an increase of 7.97%, mainly including commission expenses, underwriting expenses, selling expenses, and management expenses at member units. The main reason came from the growth of revenue, especially for services and business lines with high commission rates, thereby entailing corresponding increases in commission expenses and underwriting expenses. In addition, maintaining and expanding the business network, including the agency system and distribution channels, also contributed to increasing selling expenses and management expenses. However, these expenses were controlled within reasonable limits, ensuring consistency with the strategy of developing market share and improving customer service quality.

Unit: VND million

| Indicators | 2024 | 2025 | Difference | % Change |
|-----------------------------------|-----------|-----------|------------|----------|
| Other insurance business expenses | 3,216,266 | 3,472,724 | 256,458 | 7.97% |
| Insurance commission expenses | 915,015 | 964,830 | 49,815 | 5.44% |
| Other insurance business expenses | 2,301,251 | 2,507,894 | 206,643 | 8.98% |

Progress the Corporation has achieved

The year 2025 marked Bao Minh's imprint in the roadmap of modernization and sustainable development. The Corporation affirmed its pioneering position by becoming the first insurer to successfully integrate motor vehicle civil liability insurance services onto the national electronic identification platform (VNelD), contributing to the realization of the Government's Project 06. In addition, the decisive implementation of digital transformation and strategic cooperation with technology alliances (SaigonTel, G-Group, Saladin) helped optimize the apparatus, make transactions transparent, and elevate the customer experience to a new level. Along with economic growth, Bao Minh continued to maintain a balance between corporate interests and community responsibility through practical social security activities and strict compliance with ESG standards. These achievements not only preserved State capital under the direction of SCIC but also created a solid foundation for The Corporation to break through in the digital era.



FINANCIAL SITUATION

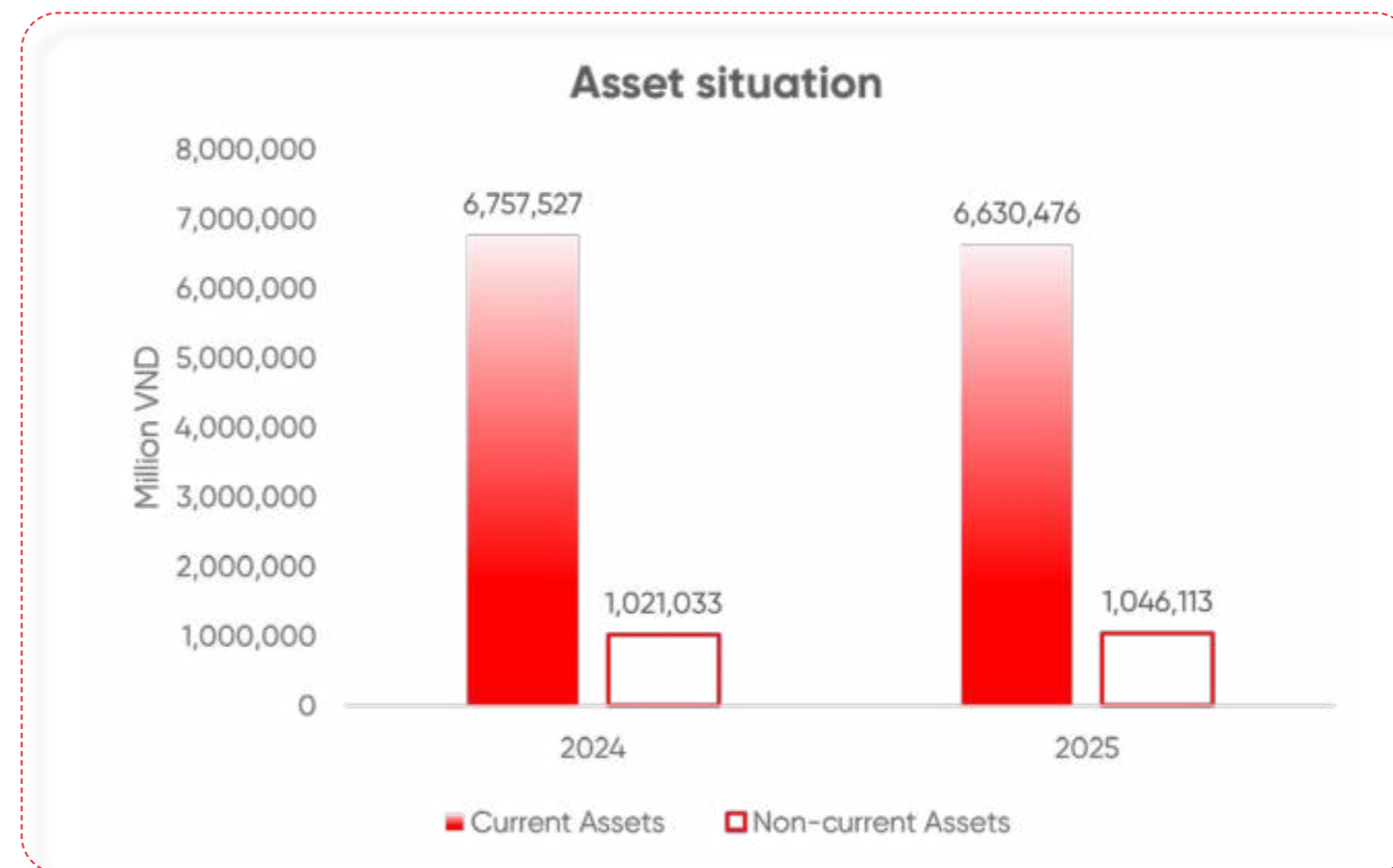
Asset situation

Unit: VND million

| Indicators | December 31, 2024 | | December 31, 2025 | | % Change |
|---|-------------------|----------------|-------------------|----------------|---------------|
| | Value | Percentage (%) | Value | Percentage (%) | |
| Current assets | 6,757,527 | 86.87% | 6,630,476 | 86.37% | -1.88% |
| Cash and cash equivalents | 446,094 | 2.59% | 216,746 | 2.82% | -51.41% |
| Short-term financial investments | 3,260,961 | 47.11% | 3,470,488 | 45.21% | 6.43% |
| Short-term Receivables | 972,600 | 13.40% | 1,031,200 | 13.43% | 6.03% |
| Inventories | 4,528 | 0.07% | 4,498 | 0.06% | -0.66% |
| Other current assets | 651,000 | 9.96% | 759,391 | 9.89% | 16.65% |
| Reinsurance assets | 1,422,344 | 15.85% | 1,148,153 | 14.96% | -19.28% |
| Non-current assets | 1,021,033 | 13.18% | 1,046,113 | 13.63% | 2.46% |
| Long-term Receivables | 19,966 | 3.72% | 14,514 | 0.19% | -27.31% |
| Fixed Assets | 254,428 | 4.05% | 244,438 | 3.18% | -3.93% |
| Investment properties | 149,671 | 2.17% | 147,867 | 1.93% | -1.20% |
| Provision for Long-term Financial Investments | 532,515 | 3.72% | 586,848 | 7.64% | 10.20% |
| Other non-current assets | 46,267 | 0.79% | 38,234 | 0.50% | -17.36% |
| Total | 7,778,560 | 100% | 7,676,590 | 100.00% | -1.31% |

The asset situation in 2025 recorded total assets reaching VND 7,676,590 million, a slight decrease of 1.31% compared to the same period last year. The asset structure did not have significant changes as short-term assets still accounted for a large proportion at about 86.37%, while non-current assets accounted for 13.63%, thereby continuing to ensure liquidity and maintain a safe foundation for the business operations and risk management of the enterprise.

The decrease in total assets mainly came from the decline in short-term assets, in which cash and cash equivalents decreased sharply by 51.41%, down to VND 216,746 million. Conversely, short-term financial investments recorded an increase of 6.43%, reaching VND 3,470,488 million, showing that The Corporation proactively restructured cash flow from highly liquid assets to short-term profitable investment channels. At the same time, items related to reinsurance activities also decreased significantly because The Corporation implemented the recovery of claims from reinsurance partners, contributing to reducing the scale of total assets during the period.



FINANCIAL SITUATION (CONT.)

Short-term assets

Unit: VND million

| Indicators | December 31, 2024 | | December 31, 2025 | | % Change |
|----------------------------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|---------------|
| | Value | Percentage (%) | Value | Percentage (%) | |
| Current assets | 6,757,527 | 100.00% | 6,630,476 | 100.00% | -1.88% |
| Cash and cash equivalents | 446,094 | 6.60% | 216,746 | 3.27% | -51.41% |
| Financial investments short-term | 3,260,961 | 48.26% | 3,470,488 | 52.34% | 6.43% |
| Short-term Receivables | 972,600 | 14.39% | 1,031,200 | 15.55% | 6.03% |
| Inventories | 4,528 | 0.07% | 4,498 | 0.07% | -0.66% |
| Other current assets | 651,000 | 9.63% | 759,391 | 11.45% | 16.65% |
| Reinsurance assets | 1,422,344 | 21.05% | 1,148,153 | 17.32% | -19.28% |

Short-term assets in 2025 recorded a slight decrease of 1.88%, from VND 6,757,527 million to VND 6,630,476 million. This fluctuation mainly came from the sharp decrease in the Cash and cash equivalents item with a decrease of 51.41%, down to VND 216,746 million, reflecting the enterprise's proactive restructuring of idle cash sources.

The Reinsurance assets item – accounting for a large proportion in the short-term asset structure – decreased by 19.28%, from VND 1,422,344 million to VND 1,148,153 million. The main reason came from the fact that The Corporation implemented the recovery of claims from reinsurance partners related to large losses of the previous year.

Meanwhile, short-term financial investments continued to account for the highest proportion in the short-term asset structure and recorded an increase of 6.43%, reaching VND 3,470,488 million. This increase showed that Bao Minh shifted a portion of cash flow to short-term profitable investment channels, contributing to optimizing capital efficiency.



Non-current assets

Unit: VND million

| Indicators | December 31, 2024 | | December 31, 2025 | | % Change |
|---|-------------------|----------------|-------------------|----------------|--------------|
| | Value | Percentage (%) | Value | Percentage (%) | |
| Non-current assets | 1,021,033 | 100.00% | 1,046,113 | 100.00% | 2.46% |
| Long-term Receivables | 19,966 | 1.96% | 14,514 | 1.38% | -27.31% |
| Fixed Assets | 254,428 | 24.92% | 244,438 | 23.37% | -3.93% |
| Investment properties | 149,671 | 14.66% | 147,867 | 14.13% | -1.20% |
| Provision for Long-term Financial Investments | 532,515 | 52.15% | 586,848 | 56.10% | 10.20% |
| Other non-current assets | 46,267 | 4.53% | 38,234 | 3.65% | -17.36% |

The non-current assets indicator in 2025 recorded a slight increase, reaching VND 1,046,113 million, an increase of 2.46% compared to the same period last year. This fluctuation mainly came from the increase in the Long-term financial investments item, reaching VND 586,848 million, equivalent to an increase of 10.20% compared to 2024, while continuing to account for the highest proportion in the non-current asset structure.

The primary reason stems from the fact that The Corporation continued to increase its investments in joint ventures and associates, and maintained held-to-maturity investments to generate a stable source of income in the long term. Meanwhile, other non-current assets did not fluctuate significantly, as The Corporation strictly controlled its fixed asset investment activities and maintained a reasonable scale.



FINANCIAL SITUATION (CONT.)

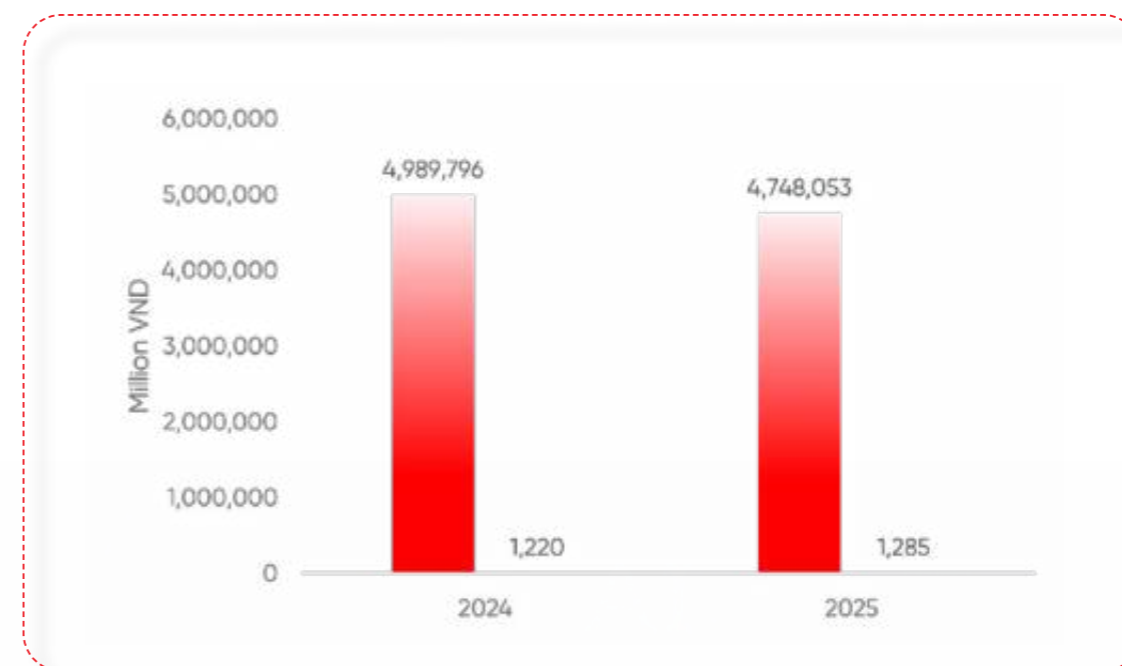
Situation of liabilities

Unit: VND million

| Indicators | December 31, 2024 | | December 31, 2025 | | % Change |
|--|-------------------|----------------|-------------------|----------------|---------------|
| | Value | Percentage (%) | Value | Percentage (%) | |
| Total liabilities | 4,991,017 | 64.13% | 4,749,339 | 61.87% | -4.84% |
| - Current liabilities | 4,989,796 | 64.15% | 4,748,053 | 61.85% | -4.84% |
| Payables to suppliers | 946,903 | 12.17 | 1,017,663 | 13.26% | 7.47% |
| Statutory obligations | 5,170 | 0.07% | 14,048 | 0.18% | 171.70% |
| Payables to employees | 67,253 | 0.86% | 138,530 | 1.80% | 105.98% |
| Accrued expenses | | | 26,758 | | |
| Short-term unearned revenue | 263,300 | 3.38% | 16,781 | 0.22% | -93.63% |
| Other short-term payables | 69,895 | 0.90% | 94,573 | 1.23% | 35.31% |
| Unearned commission revenue | 137,436 | 1.77% | 148,850 | 1.94% | 8.30% |
| Reward and welfare funds | 34,269 | 0.44% | 33,771 | 0.44% | -1.45% |
| Technical Reserves | 3,465,568 | 44.55% | 3,257,080 | 42.43% | -6.02% |
| Unearned Premium Reserve for direct and inward reinsurance | 1,943,170 | 24.98% | 2,062,723 | 26.87% | 6.15% |
| Claims Reserve for direct and inward reinsurance | 1,399,732 | 17.99% | 1,060,854 | 13.82% | -24.21% |
| Fluctuation Reserve | 122,665 | 1.58% | 133,503 | 1.74% | 8.84% |
| - Long-term liabilities | 1,220 | 0.02% | 1,285 | 0.02% | 5.33% |
| Other long-term payables | 1,220 | 0.02% | 1,285 | 0.02% | 5.33% |
| Equity | 2,787,543 | 35.84% | 2,927,251 | 38.13% | 5.01% |
| Share capital | 1,326,428 | 17.05% | 1,505,476 | 19.61% | 13.50% |
| Share premium | 792,244 | 10.18% | 792,244 | 10.32% | 0.00% |
| Financial reserve fund | 28,085 | 0.36% | 28,085 | 0.37% | 0.00% |
| Compulsory reserve fund | 132,469 | 1.70% | 145,458 | 1.89% | 9.81% |
| Undistributed profit after tax | 508,317 | 6.53% | 455,987 | 5.94% | -10.29% |
| Total | 7,778,560 | 100.00% | 7,676,590 | 100.00% | -1.31% |

In 2025, Bao Minh's total liabilities recorded a slight downward trend of 4.84% compared to the same period last year, reaching VND 4,749,339 million and accounting for 61.87% of the capital structure. The debt structure did not change significantly, as current liabilities still accounted for almost the entire proportion (61.85% of total capital). The decrease in liabilities mainly came from the fact that The Corporation implemented a reduction in technical reserves (down 6.02%), especially the claims reserve for gross insurance and inward reinsurance, which decreased sharply by 24.21%, indicating that the enterprise had implemented payments and handled claims obligations arising from previous periods. At the same time, short-term unearned revenue decreased deeply by 93.63%, contributing significantly to narrowing the scale of liabilities. Conversely, some items recorded an increase, such as payables to sellers, specifically payables related to insurance contracts (up 7.47%), payables to employees (up 105.98%), and taxes and other payables to the State (up 171.70%), reflecting an increase in payment obligations during the period.

Besides that, owner's equity continued to increase by 5.01%, reaching VND 2,927,251 million, mainly coming from the increase in share capital (up 13.50%) and the appropriation of funds. In general, in 2025, Bao Minh's capital structure tended to improve in the direction of gradually reducing the proportion of liabilities, while increasing the scale of owner's equity, thereby contributing to improving the financial safety level and the capital autonomy of the enterprise.





IMPROVEMENTS IN ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICIES, AND MANAGEMENT

Over the past year, Bao Minh has made strong strides in optimizing the apparatus and enhancing competitiveness through three main pillars:



PRODUCT AND SERVICE INNOVATION

The Corporation focuses on researching insurance solutions adapted to the digital age, especially prioritizing customer experience in the claims stage. Integrating technology into the survey process helps accelerate the damage assessment progress, shorten payment time, and ensure optimal benefits for customers.



DIVERSIFICATION OF DISTRIBUTION CHANNELS

In addition to traditional channels, The Corporation is aggressively expanding its Bancassurance system, agents, and brokers. In particular, pioneering the presence on the VNeID platform and Insurtech applications has created a breakthrough in the ability to reach customers anytime, anywhere.



EFFECTIVE HUMAN RESOURCE MANAGEMENT

Bao Minh continuously reviews and rearranges its personnel structure to ensure leanness and dynamism. The Corporation focuses on in-depth training, periodic labor productivity assessment, and recruiting suitable talent to build a high-quality succession team, ready to meet long-term strategic goals.



FUTURE DEVELOPMENT PLAN

To effectively implement the goals and tasks entrusted by the 2026 General Meeting of Shareholders, Bao Minh is oriented towards implementing a synchronized set of solutions as follows:

- 
Business Development and Sales: Maintain the renewal of existing clients while proactively and decisively acquiring new business; diversify and expand distribution channels; and enhance the development of market-driven products that ensure legal compliance and competitive advantage.
- 
Claims Management and After-Sales Service Quality: Strictly control loss adjustment and claims settlement to reduce loss ratios and prevent insurance fraud; increase technological application to improve customer care and after-sales experience; and strengthen inspection, monitoring, and compliance with both legal regulations and Corporate policies in claims handling.
- 
Finance, Accounting, Expense, and Debt Management: Strengthen the review and quality of financial and accounting management; regularly evaluate accounting functions to improve productivity and coordination workflows; continue training the accounting team to ensure solid professional expertise; and intensify audits to promptly detect and rectify errors or fraud.
- 
Financial Investment: Diversify investment channels across deposits, bonds, and stocks with a focus on safety and efficiency; prioritize investments in reputable financial institutions and enterprises with strong fundamental backgrounds.
- 
Legal, Risk Management, and Internal Control: Review and refine the internal regulatory system to ensure full legal compliance; proactively update and disseminate new legal documents across the entire system; enhance risk assessment capabilities throughout the Corporation to foster proactivity in underwriting and risk governance; and promote internal audits for 2026 using a flexible, risk-based approach.
- 
Human Resources and Organization: Reform the salary and benefits system to attract and retain key personnel; improve labor productivity; streamline the organizational structure; and strengthen internal training programs.
- 
Information Technology Operations: Accelerate the progress of IT projects to enhance digitalization in management and business operations, thereby improving operational efficiency and mitigating risks; and expand online sales platforms to elevate service quality and customer experience.

**BAO MINH INSURANCE
A RELIABLE PARTNER FOR
YOUR ASSETS**





EXPLANATION OF THE BOARD OF MANAGEMENT REGARDING AUDIT OPINIONS

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance, guiding the disclosure of information on the securities market.

Based on the combined financial statements for the fiscal year 2025 audited by PwC Vietnam, Bao Minh Insurance Corporation respectfully provides the following explanation for the auditor's qualified opinion in the 2025 financial statements, as follows:

The auditor issued a qualified opinion regarding other receivables with an amount of 155,991,595,886 VND as disclosed in Section 6 (a). This represents a discrepancy asset arising from a fraud case involving an employee of the Corporation related to a payment account of the Corporation at a domestic bank.

The case is currently under investigation to determine its causes and is pending a resolution decision from the competent authorities. The Corporation has proactively submitted a denunciation to the police to report the incident, while also carrying out the necessary legal procedures to clarify the responsibilities of the relevant organizations and individuals as well as to protect the legitimate rights and interests of the Corporation.

As the case is currently under investigation by the competent authorities, the auditor has been unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverability of this amount and to determine whether a provision for doubtful debts is necessary. Accordingly, the auditor has issued a qualified opinion on this receivable.

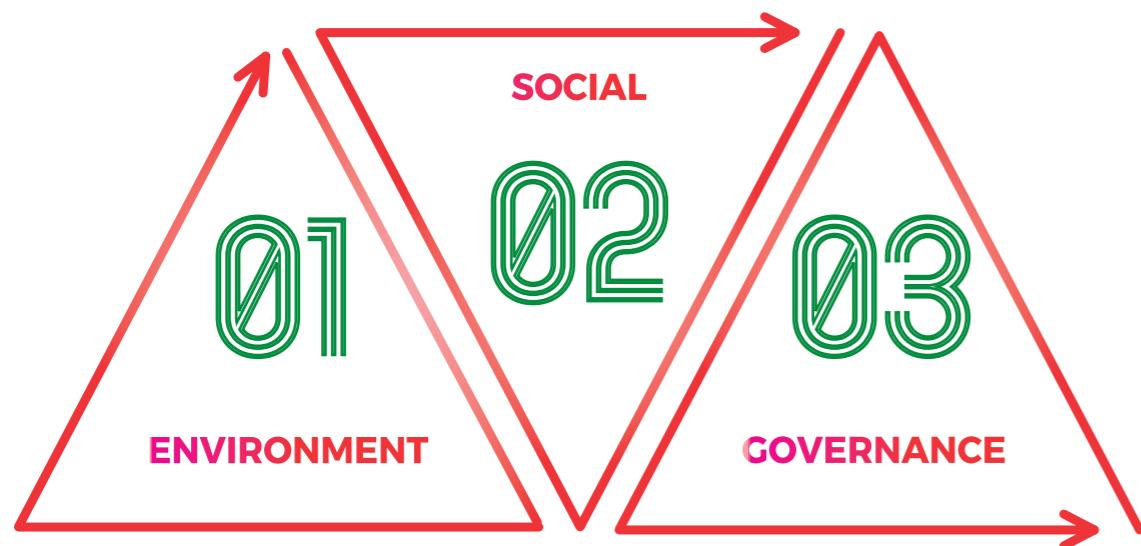
Except for the matter described in the qualified opinion above, the auditor has concluded that "the financial statements present fairly, in all material respects, the financial situation of the Corporation as of the end of the fiscal year 2025, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and legal regulations related to the preparation and presentation of combined financial statements applicable to non-life insurance companies established and operating under the laws of Vietnam."

We will continue to cooperate with the relevant authorities, monitor the progress of the case, and update the situation in subsequent periodic financial statements in accordance with decisions issued by the competent state authorities.

Bao Minh Insurance Corporation respectfully submits this report.



ASSESSMENT REPORT RELATED TO ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITIES OF THE CORPORATION



Assessment concerning environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)



As a leading non-life insurance enterprise, Bao Minh identifies sustainable development as its core strategy. In the process of researching and providing services, The Corporation always ensures harmony between meeting customer needs and an environmentally friendly business model. Through promoting process digitization and minimizing office waste, Bao Minh is committed to building a healthy ecosystem, spreading green values, and contributing positively to the sustainable development of the community.



Assessment concerning the labor issues



To comprehensively care for the material and spiritual life of staff, over the past year, Bao Minh has effectively implemented key groups of solutions:

- » **Remuneration Policy:** Ensure salaries, bonuses, and benefits are in accordance with regulations, implemented publicly and transparently to affirm fairness and proportionality to contribution capacity.
- » **Spiritual Life:** Organize diverse extracurricular activities and give meaningful gifts on holidays (Mar 8, Mid-Autumn Festival, etc.), helping to increase internal cohesion and create strong work motivation.
- » **Training and Development:** Continuously organize training courses and professional development to help the personnel team constantly improve their qualifications and professional skills..

These efforts not only improve the quality of human resources but also build a humane and professional working environment at Bao Minh.

Assessment concerning the corporate responsibility for the local community



With the goal of building a strong community, Bao Minh has extensively implemented activities to support education, health, and social security. Over the past year, The Corporation is proud to implement practical programs such as: donating VND 2 billion to eliminate temporary houses in Tuyen Quang, handing over Great Solidarity Houses in Chau Thanh, and timely providing humanitarian support to traffic accident victims (Thanh Hoa, Lang Son) as well as the maritime incident of the GT UNITY ship.

These efforts not only affirm the image of a dedicated and reliable insurance enterprise in the eyes of partners and customers, but are also proof of the commitment to contribute to the sustainable development of society. This is the core motivation for Bao Minh to continue to reach further and serve the community in the future.



04

**ASSESSMENT OF THE
BOARD OF DIRECTORS ON
THE ACTIVITIES OF THE
CORPORATION**



BAO MINH INSURANCE
Peace of mind for your daily healthcare



ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS ON ASPECTS OF THE CORPORATION'S ACTIVITIES, INCLUDING ASSESSMENT RELATED TO ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITIES

| No. | Indicators | 2025 Plan | 2025 Actual | 2024 Actual | (%) Actual/Plan 2025 | (%) 2025/2024 |
|----------|---|------------------|------------------|------------------|----------------------|----------------|
| 1 | Total revenue | 7,340,000 | 7,111,873 | 6,982,021 | 96.89% | 101.86% |
| 1.1 | - Direct written premiums | 6,316,000 | 5,966,174 | 5,960,679 | 94.46% | 100.09% |
| 1.2 | - Assumed premiums | 702,000 | 805,329 | 681,548 | 114.72% | 118.16% |
| 1.3 | - Financial income and Revenue from investment properties | 322,000 | 333,544 | 335,852 | 103.59% | 99.31% |
| 1.4 | - Other income | - | 6,826 | 3,942 | - | 173.16% |
| 2 | Net profit before tax | 300,000 | 302,258 | 272,734 | 100.75% | 110.83% |
| 2.1 | Net profit from insurance business | 100,000 | 94,135 | 53,627 | 94.13% | 175.54% |
| 2.2 | Net Financial Profit | 200,000 | 203,324 | 216,528 | 101.66% | 93.90% |
| 2.3 | Net other income | - | 4,800 | 2,578 | - | 186.71% |
| 3 | Net profit before tax | 240,000 | 257,195 | 237,674 | 107.16% | 108.21% |
| 4 | ROE | 10% | 9.00% | 8.75% | 90.00% | 102.87% |



According to updated data from the regulatory authorities, by the end of 2025, the Vietnamese insurance market will have 86 insurance and insurance brokerage businesses, an increase of 2 businesses compared to 2024. The legal framework is increasingly being perfected towards tightening risk management, enhancing transparency and system safety. In 2025, the insurance market is expected to see a clearer recovery compared to the 2023-2024 period, with non-life insurance revenue estimated at approximately VND 88.4 trillion, an increase of 10.3% compared to the previous year. However, the market context still faces many challenges as compensation costs tend to increase, especially due to the impact of natural disasters and fluctuations in input costs, thereby putting pressure on the business performance of enterprises in the industry.

In this context, Bao Minh Insurance Corporation proactively adapted to market fluctuations, remaining steadfast in its orientation toward safe and effective development. Throughout 2025, the Board of Directors (BOD) directed the Board of Management to closely monitor economic and market trends, promptly develop flexible business solutions, and provide regular progress reports on plan implementation while flagging obstacles for timely support.





As a result, by the end of 2025, Bao Minh achieved outstanding results: Total revenue reached VND 7,111,873 million, fulfilling 96.89% of the plan and increasing by 1.86% compared to 2024. Pre-tax profit reached VND 302,258 million, completing 100.75% of the target and growing 10.83% year-on-year. Return on Equity (ROE) stood at 9.00%, achieving 90.01% of the plan. These results reaffirm Bao Minh's management efficiency and its capacity to adapt to market challenges.





EVALUATION OF THE BOARD OF DIRECTORS REGARDING THE ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The supervision of the activities of the Chief Executive Officer and members of the Board of Management in 2025 was implemented by the Board of Directors in accordance with the Charter, Regulations, and provisions of the law:

-  The Board of Management member who is also a member of the Board of Directors presided over monthly briefing meetings, and the contents of the monthly briefing meetings were sent to the Board of Directors for monitoring, to grasp the situation, and to provide timely direction to achieve the approved business targets.
-  Proposals from the Board of Management submitted to the Board of Directors were discussed by the Board of Directors at Board of Directors meetings or via written opinions for issues arising outside of regular sessions; after being resolved, they were transferred to the Board of Management for implementation; the Board of Management implemented the Resolution/Decision of the Board of Directors and promptly reported the progress and results of the assigned tasks.
-  Closely monitored the business and financial situation of The Corporation through periodic reports on business and financial performance from the Board of Management, regularly exchanged information with the Board of Management member who is also a member of the Board of Directors, and supervised and evaluated the implementation of monthly/quarterly plan targets through periodic reports.
-  Members of the Board of Directors attended the preliminary business review conference for the first 6 months of the year to grasp the management and operational situation, provide timely direction, and set orientations for implementing the business plan in the last 6 months of 2025.

In general, during the management process, the Board of Management complied with the management hierarchy and directions of the Board of Directors in the Charter, Governance Regulations, internal regulations of Bao Minh, as well as Resolutions, Decisions, and directions of the Board of Directors to fulfill its role of managing Bao Minh's business activities in accordance with the orientations and directions of the Board of Directors. For issues beyond their authority, the Board of Management promptly reported and requested direction from the Board of Directors to implement, striving to complete the set targets.



PLANS AND ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

- » Successfully organize the 2026 Annual General Meeting of Shareholders (AGM) and implement the resolutions adopted therein.
- » Effectively execute the 2026 business plan, with targets aligned with the strategic direction for the 2024–2029 period and in line with Bao Minh's business characteristics.
- » Research and develop a charter capital increase plan to achieve the target of raising charter capital to VND 2,000 billion by 2029, in accordance with the business strategy for the 2024–2029 period as approved by the AGM.
- » Continue to prioritize and accelerate the application of information technology and digital transformation initiatives in 2026.
- » Continue monitoring, researching, and assessing market conditions to promptly guide forecasting and risk management in response to increasingly complex and unpredictable global socio-economic and geopolitical developments; proactively prepare solutions to adapt, sustain, and develop business operations in such context.
- » Further strengthen internal supervision, inspection, and post-audit activities across all operations of Bao Minh; reinforce discipline, compliance, cost efficiency, and anti-waste practices throughout the system in performing assigned tasks.
- » Direct the review, update, and supplementation of internal processes and regulations to ensure legal compliance and alignment with the Company's actual operating conditions.
- » Enhance service quality for customers across all stages: pre-sales, sales, and after-sales.
- » Continue implementing policies on organizational streamlining to improve efficiency and effectiveness; conduct ongoing reviews and assessments of organizational structure, network system, and human resource quality to adopt appropriate measures.
- » Strengthen training across all areas, including professional expertise, technical skills, soft skills, knowledge, and legal regulations for employees.
- » Closely monitor developments in the financial market to provide timely direction to the Executive Board in formulating appropriate investment strategies, fully leveraging Bao Minh's advantages to maximize investment efficiency.



BAO MINH INSURANCE

A reliable partner, safe aviation

05

**CORPORATE
GOVERNANCE**




Members and structure of the Board of Directors

| No. | Member | Position | Number of shares owned | Ownership percentage | Date of appointment |
|-----|------------------------------|----------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------|
| 1 | Mr. Dinh Viet Tung | Chairman of the BOD | | | April 24, 2024 |
| 2 | Mr. Le Viet Thanh | Non-executive BOD 's members | | | April 24, 2024 |
| 3 | Mr. Vu Anh Tuan | Executive BOD 's members cum CEO | 6,020 | 0.0004% | April 24, 2024 |
| 4 | Ms. Bui Thi Thu Thanh | Non-executive BOD 's members | | | April 24, 2024 |
| 5 | Mr. Tran Van Ta | Independent members of the BOD | | | April 24, 2024 |
| 6 | Mr. Tran Huu Tien | Independent members of the BOD | | | April 24, 2024 |
| 7 | Ms. Krithika Kalyanasundaram | Non-executive BOD 's members | | | April 25, 2025 |

The committees of the board of directors

In general, The committees of the board of directors proactively advised and consulted the Board of Directors according to their assigned functions, tasks, and powers, thereby helping to improve efficiency and professionalism in corporate governance across the entire Bao Minh system.

Personnel Committee

 **Member structure:** 06 people, in which Chairman of the BOD Mr. Dinh Viet Tung is the Head of the committee.

 **In 2025, the committee implemented the following activities:**

- » Advised the Board of Directors on the reappointment of the Chief Executive Officer and Chief Accountant, ensuring that the Board of Management personnel process complies with the regulations of Bao Minh and the provisions of the law.
- » Advised the Board of Directors on the assignment of work for Board of Directors members elected additionally for the 2024–2029 term to improve efficiency in performing the obligations and responsibilities of the Board of Directors.
- » Advised the Board of Directors on innovating and arranging the organizational structure to ensure it is streamlined, effective, and efficient, associated with restructuring, improving quality, and effectively using the staff of Bao Minh Insurance Corporation, whereby the new apparatus of Bao Minh at the Headquarters officially operated from April 1, 2025.

BOARD OF DIRECTORS (CONT.)

The committees of the board of directors (Cont.)

Labor – Salary and Bonus Committee

Member structure: 06 people, in which BOD 's member Mr. Tran Van Ta is the Head of the committee.

In 2025, the committee implemented the following activities:

- » Completed the reconstruction of the remuneration mechanism for the Board of Directors and the Member of the Board of Supervisors in 2025, ensuring compliance with new legal regulations, while ensuring fairness, publicity, and transparency, ensuring the interests of each member of the Board of Directors and the Member of the Board of Supervisors, contributing to encouraging and creating motivation for the Board of Directors and the Member of the Board of Supervisors to perform well the tasks assigned by the General Meeting of Shareholders.
- » Submitted to the Board of Directors to finalize the remuneration of the Board of Directors and the Member of the Board of Supervisors for 2024 and allocate the 2024 bonus for managers.
- » Reviewed and researched to update and supplement the salary and bonus regulations of Bao Minh in the coming time to ensure suitability with current regulations.

Policy and Development Committee

Member structure: 05 people, in which Chairman of the BOD Mr. Dinh Viet Tung is the Head of the committee.

In 2025, the committee implemented the following activities:

- » Proposed and advised the Board of Directors on development strategy, goals, and business plans in 2026 and orientations and solutions to implement the 2025 plan.
- » Actively supported the Board of Management and member companies in approaching and building relationships with customers and partners to promote business activities in 2025.



BOARD OF DIRECTORS (CONT.)

Activities of the Board of Directors

01

Evaluation of the activities of the Board of Directors during the year

In 2025, in compliance with the Law on Enterprises, the Corporation's Charter, and Bao Minh's internal governance regulations, the Board of Directors successfully organized the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, 04 regular meetings, several extraordinary meetings, and obtained written opinions on matters under the authority of the Board of Directors. The Board of Directors issued 38 Resolutions and Decisions to provide timely direction and guidance for Bao Minh's activities. The Resolutions and Decisions unified by the Board of Directors are important guidelines that help the Board of Management effectively organize and implement Bao Minh's business tasks. From January 01, 2025 – December 31, 2025, the Board of Directors held 07 meetings, including:

- » 1st regular BOD meeting of 2025, February 28, 2025;
- » 1st extraordinary BOD meeting of 2025, Mar 21, 2025, to prepare contents for submission to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders;
- » BOD meeting to reappoint the Chief Executive Officer of Bao Minh Insurance Corporation, April 15, 2025;
- » 2nd regular BOD meeting of 2025, May 30, 2025.
- » BOD meeting to reappoint the Chief Accountant of Bao Minh Insurance Corporation, Aug 07, 2025;
- » 3rd regular BOD meeting of 2025, Aug 26, 2025.
- » 4th regular BOD meeting of 2025, November 25, 2025.



BOARD OF DIRECTORS (CONT.)

Activities of the Board of Directors (Cont.)

02

Evaluation of the performance of the Board of Directors' members in 2025

In 2025, the BOD of Bao Minh fully exercised its powers and obligations in accordance with the law, the Corporation's Charter, and the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, ensuring optimal benefits for the Corporation and its shareholders.

The BOD maintains a flexible decentralization and authorization mechanism, creating conditions for the Board of Management to be proactive in business while still ensuring strict supervision. After consolidating the personnel, the Chairman of the BOD assigned specific tasks to each member, helping to optimize operational efficiency and enhance individual responsibility.

In addition, the BOD' members fully participated in meetings, contributing written opinions with a high sense of responsibility and solidarity. The BOD also directly attended system-wide preliminary and summary conferences to grasp the reality, thereby providing close and timely directions for each business phase.

The BOD successfully organized the 2025 Annual General Meeting of Shareholders with thoughtful preparation, strictly complying with legal regulations. At the same time, the BOD always closely followed and supervised the Board of Management in realizing the contents of the issued Resolutions.



03

Relationship

The members of the Board of Directors (the "BOD") maintain close coordination and keep one another duly informed of relevant matters in the course of performing their assigned duties; the member primarily responsible for each matter takes the initiative in coordinating its handling. For each matter submitted by the Executive Board for direction, the BOD issues Resolutions and Decisions for implementation by the Executive Board and the operational apparatus, while closely monitoring, inspecting, and supervising the execution of such Resolutions and Decisions. The BOD maintains regular and close coordination with the Supervisory Board while ensuring its operational independence. For each meeting, the BOD provides the Supervisory Board with meeting notices and materials in accordance with applicable regulations, on the same basis as for BOD members; it respects, listens to, and duly considers the opinions of the Supervisory Board, and directs the Executive Board to implement the Supervisory Board's recommendations, thereby enhancing efficiency and compliance in the management and operation of Bao Minh.

| No. | Member | Position | Number of meetings | Attendance rate | Reasons for absence |
|-----|---|----------------------------------|--------------------|-----------------|---|
| 1 | Mr. Dinh Viet Tung | Chairman of the BOD | 7/7 | 100% | |
| 2 | Mr. Le Viet Thanh | Non-executive BOD's member | 7/7 | 100% | |
| 3 | Mr. Vu Anh Tuan | Executive BOD 's members cum CEO | 7/7 | 100% | |
| 4 | Ms. Bui Thi Thu Thanh | Non-executive BOD's member | 7/7 | 100% | |
| 5 | Mr. Tran Van Ta | Independent members of the BOD | 7/7 | 100% | |
| 6 | Mr. Tran Huu Tien | Independent members of the BOD | 7/7 | 100% | |
| 7 | Mr. Nicolas Marie Charles Henri du Cauze de Nazelle | Non-executive BOD' member | 3/3 | 100% | On business trip, authorized Ms. Krithika Kalyanasundaram to attend the meeting on February 28, 2025 and the meeting on Mar 21, 2025, authorized Ms. Bui Thi Thu Thanh to attend the meeting on April 15, 2025. Dismissed from April 25, 2025. |
| 8 | Ms. Krithika Kalyanasundaram | Non-executive BOD' member | 4/4 | 100% | Appointed from April 25, 2025 On business trip, authorized Ms. Bui Thi Thu Thanh to attend the meeting on Aug 07, 2025. |

BOARD OF DIRECTORS (CONT.)

Content and results of meetings

| No. | Resolution/Decision No. | Date | Content | Approval rate |
|-----|------------------------------------|----------------|---|---------------|
| 1 | Resolution No. 0324/2025 – BM/HDQT | Mar 04, 2025 | Regarding the plan to organize the 2025 Annual General Meeting of Shareholders | 100% |
| 2 | Resolution No. 0360/2025 – BM/HDQT | Mar 10, 2025 | Regarding the 1st regular BOD meeting of 2025, held on February 28, 2025. | 100% |
| 3 | Resolution No. 0364/2025 – BM/HDQT | Mar 11, 2025 | Regarding the project on innovating and arranging the organizational structure to ensure lean, effective, and efficient operations, associated with restructuring, improving quality, and effectively using the staff of Bao Minh Insurance Corporation | 100% |
| 4 | Resolution No. 0400/2025 – BM/HDQT | Mar 17, 2025 | Regarding the policy of re-appointing the Chief Executive Officer of Bao Minh Insurance Corporation | 100% |
| 5 | Decision No. 0420/2025 – BM/HDQT | Mar 18, 2025 | Regarding the issuance of functions, tasks, powers, and organizational structure of the Finance – Accounting Department | 100% |
| 6 | Decision No. 0421/2025 – BM/HDQT | Mar 18, 2025 | Regarding the issuance of functions, tasks, powers, and organizational structure of the Head Office | 100% |
| 7 | Decision No. 0422/2025 – BM/HDQT | Mar 18, 2025 | Regarding the issuance of functions, tasks, powers, and organizational structure of the Business Development and Agency Management Department | 100% |
| 8 | Decision No. 0423/2025 – BM/HDQT | Mar 18, 2025 | Regarding the issuance of functions, tasks, powers, and organizational structure of the Legal – Risk Management – Actuarial Department. | 100% |
| 9 | Resolution No. 0561A/2025-BM/HDQT | Mar 28, 2025 | Regarding the resolution of the extraordinary BOD meeting, held on Mar 21, 2025 | 100% |
| 10 | Resolution No. 0638/2025 – BM/HDQT | April 04, 2025 | Regarding contents submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders | 100% |
| 11 | Resolution No. 0718/2025 – BM/HDQT | April 15, 2025 | Regarding the re-appointment of the Chief Executive Officer of Bao Minh Insurance Corporation | 100% |
| 12 | Decision No. 0719/2025 – BM/HDQT | April 15, 2025 | Regarding the re-appointment of personnel | 100% |
| 13 | Resolution No. 0884/2025-BM/HDQT | April 26, 2025 | Regarding the approval of the draft Investment Regulations of Bao Minh Insurance Corporation | 100% |
| 14 | Decision No. 0885/2025-BM/HDQT | April 26, 2025 | Regarding the issuance of the Investment Regulations of Bao Minh Insurance Corporation | 100% |
| 15 | Resolution No. 1104/2025-BM/HDQT | May 27, 2025 | Regarding the payment of 2024 cash dividends | 100% |
| 16 | Resolution No. 1330/2025-BM/HDQT | June 17, 2025 | Regarding the policy of re-appointing the Chief Accountant of Bao Minh | 100% |
| 17 | Resolution No. 1365/2025-BM/HDQT | June 19, 2025 | Regarding the issuance of the amended and supplemented Charter of Bao Minh in 2025 | 100% |
| 18 | Decision No. 1366/2025-BM/HDQT | June 19, 2025 | Regarding the issuance of the amended and supplemented Charter of Bao Minh in 2025 | 100% |
| 19 | Resolution No. 1498/2025-BM/HDQT | July 03, 2025 | Regarding the selection of an independent audit firm to audit the financial statements and the report on separating owner's equity from insurance premium sources in 2025 of Bao Minh Insurance Corporation | 100% |

| No. | Resolution/Decision No. | Date | Content | Approval rate |
|-----|----------------------------------|---------------|---|---------------|
| 20 | Resolution No. 1499/2025-BM/HDQT | July 03, 2025 | Regarding the 2nd regular BOD meeting of 2025, held on May 30, 2025 | 100% |
| 21 | Resolution No. 1540/2025-BM/HDQT | July 08, 2025 | Regarding the thorough understanding of compliance with legal regulations, strengthening discipline, practicing thrift, and combating waste and negativity when performing assigned tasks | 100% |
| 22 | Resolution No. 1559/2025-BM/HDQT | July 09, 2025 | Regarding the implementation of the 2025 business plan according to the Annual General Meeting of Shareholders Resolution | 100% |
| 23 | Resolution No. 1623/2025-BM/HDQT | July 16, 2025 | Regarding the approval of transactions with related parties in 2025 | 100% |
| 24 | Resolution No. 1806/2025-BM/HDQT | Aug 04, 2025 | Regarding the implementation of the plan to issue shares to pay 2024 dividends | 100% |
| 25 | Resolution No. 1886/2025-BM/HDQT | Aug 07, 2025 | Regarding the re-appointment of the Chief Accountant of Bao Minh | 100% |
| 26 | Decision No. 1888/2025-BM/HDQT | Aug 07, 2025 | Regarding the re-appointment of the Chief Accountant of Bao Minh | 100% |
| 27 | Resolution No. 2079/2025-BM/HDQT | Aug 28, 2025 | Regarding the approval of internal audit procedures | 100% |
| 28 | Decision No. 2080/2025-BM/HDQT | Aug 28, 2025 | Regarding the issuance of internal audit procedures | 100% |
| 29 | Resolution No. 2212/2025-BM/HDQT | Sep 16, 2025 | Regarding the 2024 salary plan (after business plan adjustment) and 2024 salary finalization | 100% |
| 30 | Resolution No. 2213/2025-BM/HDQT | Sep 16, 2025 | Regarding the finalization of remuneration for the BOD, Supervisory Board and allocation of bonuses for managers in 2024 | 100% |
| 31 | Resolution No. 2490/2025-BM/HDQT | Oct 22, 2025 | Regarding the assignment of tasks to Ms. Krithika Kalyanasundaram – Member of the Board of Directors for the 2024 – 2029 term | 100% |
| 32 | Resolution No. 2552/2025-BM/HDQT | Oct 29, 2025 | Regarding the 3rd Regular Meeting of the Board of Directors in 2025 | 100% |
| 33 | Resolution No. 2875/2025-BM/HDQT | Dec 05, 2025 | Regarding the implementation of the 2025 business plan, strengthening control, and saving costs | 100% |
| 34 | Resolution No. 3011/2025-BM/HDQT | Dec 22, 2025 | Regarding the 2025 labor and salary plan and the remuneration scheme for the BOD and Supervisory Board in 2025. | 100% |
| 35 | Resolution No. 3073/2025-BM/HDQT | Dec 25, 2025 | Regarding the replacement of the Head of Internal Audit under the BOD; | 100% |
| 36 | Decision No. 3075/2025-BM/HDQT | Dec 25, 2025 | Regarding the dismissal of Mr. Luong Ngoc Thien from the position of Head of Internal Audit under the BOD; | 100% |
| 37 | Decision No. 3076/2025-BM/HDQT | Dec 25, 2025 | Regarding the appointment of Ms. Ha Thi Trung Anh as Deputy Head in charge of Internal Audit under the BOD. | 100% |
| 38 | Resolution No. 3011/2025-BM/HDQT | Jan 21, 2026 | Regarding the 4th Regular Meeting of the Board of Directors in 2026 | 100% |

BOARD OF DIRECTORS (CONT.)

Activities of Independent members of the Board of Directors

At Bao Minh Insurance Corporation, the Independent members of the Board of Directors include Mr. Tran Van Ta – Head of the Labor, Salary, and Bonus Subcommittee, and also a member of the Personnel Organization Subcommittee; and Mr. Tran Huu Tien – Member of the Labor, Salary, and Bonus Subcommittee and the Development Policy Subcommittee.

Over the past year, the members have successfully fulfilled their assigned duties. Through the provision of objective and independent opinions, they have made significant contributions to ensuring that the decisions of the Board of Directors are transparent and well-disclosed, preventing conflicts of interest and safeguarding the legitimate rights and interests of minority shareholders, while promoting a balance of interests among different shareholder groups within Bao Minh.

Activities of subcommittees within the Board of Directors

- » Regarding the Labor, Salary, and Bonus Subcommittee: The members actively coordinated to build and submit to the Board of Directors the remuneration, salary, and bonus plans for the management team. Ensuring the payment process is public, transparent, and fair in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders.
- » For the Remuneration and Nomination Committee: The members have actively contributed their opinions and provided effective support to the Board of Directors in strengthening the senior management structure. They have also proposed strategic matters relating to personnel within the structure of the BOD, its supporting apparatus, and the BOM.
- » Regarding the Policy and Development Subcommittee: The subcommittee members actively built long-term business orientations and plans. At the same time, they supported the Board of Management in connecting and promoting relationships with key partners and customers to expand the market.
- » In general, the subcommittee members regularly research and provide strategic solutions and practical directions for the Board of Management to absorb and adjust business activities in a timely and effective manner.



Evaluation results of Independent members regarding the activities of the Board of Director

- » Regarding compliance and responsibility: The Board of Directors has implemented strategies and orientations according to the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, ensuring strict compliance with legal regulations and the Corporation's Charter. Each member of the Board of Directors always upholds the spirit of responsibility, proactively and actively completing assigned tasks well.
- » Regarding business performance: Based on the matters approved by the GMS, the BOD has formulated effective solutions and provided close direction, enabling the Executive Board to successfully achieve its business targets and maintain its position as the third-largest player in the non-life insurance market..
- » Regarding direction and supervision: The Board of Directors created maximum conditions for the Board of Management to be proactive in operations, while maintaining close monitoring and supervision to promptly remove difficulties and obstacles arising during the work implementation process.

List of members of the BOD with certificates of training on corporate governance. List of members of the BOD participating in corporate governance programs during the year.

- The Corporation Secretary attended the Conference on disseminating amendments and supplements to the Law on Securities and detailed implementation documents organized by the State Securities Commission (SSC) in October 2025.
- The Corporation Secretary participated in a training program to raise awareness about the ASEAN Corporate Governance Scorecard (ACGS) organized by the SSC in coordination with the International Finance Corporation (IFC) in December 2025.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH ĐẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



BOARD OF SUPERVISORS

Members and structure of the Board of Supervisors

| No. | Member | Position | Date of appointment |
|-----|--|------------------------------------|---------------------|
| 1 | Ms. Le Minh Tuyet | Head of the Board of Supervisors | April 24, 2024 |
| 2 | Ms. Phan Thi Hong Phuong | Member of the Board of Supervisors | April 24, 2024 |
| 3 | Ms. Dinh Thi Minh Hai | Member of the Board of Supervisors | April 24, 2024 |
| 4 | Mr. Guardiola Garcia-Quiros, Jorge Ramiro | Member of the Board of Supervisors | April 24, 2024 |

Activities of the Board of Supervisors

Board of Supervisors meetings:

| No. | Member | Position | Number of meetings | Attendance rate |
|-----|--|-------------------|--------------------|-----------------|
| 1 | Ms. Le Minh Tuyet | Head of the BOS | 2/2 | 100% |
| 2 | Ms. Phan Thi Hong Phuong | Member of the BOS | 2/2 | 100% |
| 3 | Ms. Dinh Thi Minh Hai | Member of the BOS | 2/2 | 100% |
| 4 | Mr. Guardiola Garcia-Quiros, Jorge Ramiro | Member of the BOS | 1/2 | 50% |

From January 01, 2025 – December 31, 2025, the Board of Supervisors held 02 meetings, including::

- 🎯 **June 16, 2025:** Obtaining opinions from members on the proposal to select an independent audit firm to audit the 2025 Financial Statements of Bao Minh Insurance Corporation: All members of the Board of Supervisors agreed to propose that the Board of Directors select PwC Vietnam Co., Ltd. as the auditor for Bao Minh's 2025 Financial Statements.
- 🎯 **December 05, 2025:** Board of Supervisors meeting to discuss several contents including:
 - » Evaluation of Bao Minh's governance and executive activities, and the results of implementing the Board of Supervisors' recommendations in the first 6 months of 2025.
 - » Discussion on thematic reports and the 2026 activity plan of the Board of Supervisors;
 - » Review of the management letter of the independent auditor and the feedback of the Board of Management (if any); issues that the independent auditor wants to discuss (if any);
 - » Reporting on some existing issues regarding financial management and operations during the inspection process at member units in 2025.

BOARD OF SUPERVISORS (CONT.)

Supervisory activities of the BOS towards the BOD, CEO, Board of Management, and shareholders

Based on the prescribed powers and obligations, the Board of Supervisors has supervised the Board of Directors, Chief Executive Officer, and Board of Management in managing and operating the Corporation, specifically:

- » Supervising the organization of Board of Directors meetings; the issuance of Resolutions and Decisions of the Board of Directors; the preparation and organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Bao Minh Insurance Corporation and regular and extraordinary meetings of the Board of Directors.
- » Supervising the implementation of Resolutions of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, and Resolutions and Decisions of the Board of Directors issued in 2025;
- » Supervising the activities of the Board of Directors, Chief Executive Officer, and Board of Management in managing and operating Bao Minh Insurance Corporation in 2025.

Through its supervisory activities, the Supervisory Board observes that the members of the Board of Directors (BOD), the CEO, and the Board of Management (BOM) have been proactive, positive, and dedicated to fulfilling their governance and operational responsibilities. The Board of Management has also provided specific and timely directives and guidance to resolve outstanding issues. In 2025, total revenue reached VND 7,112 billion, achieving 96.89% of the target set by the GMS and reaching 101.86% compared to the same period last year. Pre-tax profit reached VND 302 billion, fulfilling 100.75% of the assigned profit plan.

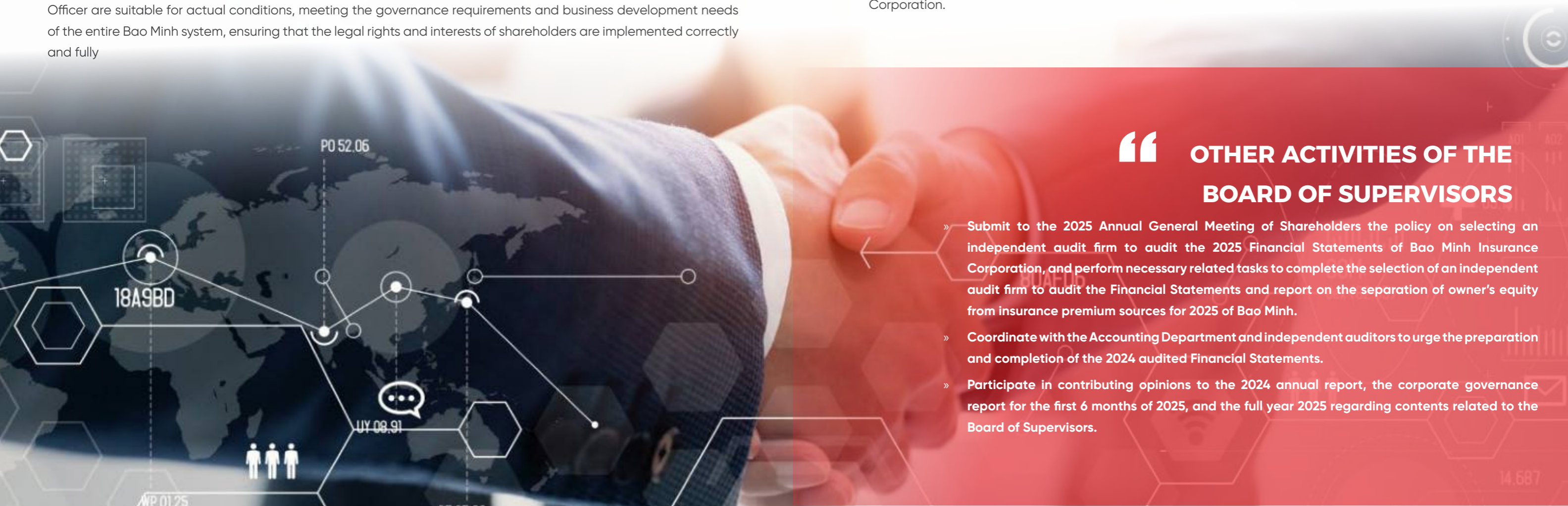
The Resolutions and Decisions in governance and management issued by the Board of Directors and Chief Executive Officer are suitable for actual conditions, meeting the governance requirements and business development needs of the entire Bao Minh system, ensuring that the legal rights and interests of shareholders are implemented correctly and fully

Coordination of activities between the BOS and the activities of the BOD, CEO, Board of Management, and other managers

- » The Board of Supervisors, the Board of Directors, the Board of Management, and other Managers have maintained a working relationship, coordinating closely on the principle of the legitimate and maximum interests of Bao Minh and its Shareholders, based on compliance with the provisions of the law, the Corporation's Charter, and internal regulations.
- » For quarterly and extraordinary meetings, the Board of Directors invites the Board of Supervisors and the Board of Management to attend to discuss, exchange, and develop solutions to perform tasks in order to complete the set plans.
- » To perform its duties well, the Board of Supervisors regularly exchanges information with functional departments: the Committees/Centers/Internal Control Department of the Corporation, and the internal audit committee under the Board of Directors to timely grasp information regarding the governance and management of the Board of Directors and the Board of Management.
- » The Board of Supervisors directly performs inspection and supervision of business operations at a number of member units to grasp the situation and make recommendations and proposals regarding shortcomings, obstacles, and limitations in management and administration at the units.
- » In the process of organizing, inspecting, and supervising activities related to management and administration and the business operations of the Corporation, the Board of Supervisors is provided with full and timely documents and information as prescribed in the Charter and internal regulations of The Corporation.

OTHER ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS

- » Submit to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders the policy on selecting an independent audit firm to audit the 2025 Financial Statements of Bao Minh Insurance Corporation, and perform necessary related tasks to complete the selection of an independent audit firm to audit the Financial Statements and report on the separation of owner's equity from insurance premium sources for 2025 of Bao Minh.
- » Coordinate with the Accounting Department and independent auditors to urge the preparation and completion of the 2024 audited Financial Statements.
- » Participate in contributing opinions to the 2024 annual report, the corporate governance report for the first 6 months of 2025, and the full year 2025 regarding contents related to the Board of Supervisors.



TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOD, CEO, AND BOS

Salary, rewards, remuneration and benefits

Unit: VND

| | 2024 | 2025 |
|--|---------------|---------------|
| Chairman of the BOD | | |
| Mr. Dinh Viet Tung | 159,663,922 | 110,263,706 |
| Board of Directors' members and CEO | | |
| Mr. Vu Anh Tuan | 1,429,748,603 | 1,243,216,985 |
| Board of Directors' members | | |
| Mr. Ivan Tam Kwok Wing | 129,363,922 | 14,087,902 |
| Ms. Bui Thi Thu Thanh | 148,663,922 | 99,763,706 |
| Mr. Le Viet Thanh | 148,663,922 | 99,763,706 |
| Ms. Callard Stumpf Céline | 129,363,922 | 14,087,902 |
| Mr. Nicolas De Nazelle | 19,200,000 | 85,775,804 |
| Mr. Tran Van Ta | 164,000,000 | 285,000,000 |
| Mr. Tran Huu Tien | 40,000,000 | 270,000,000 |
| Head of the Board of Supervisors | | |
| Ms. Le Minh Tuyet | 550,846,357 | 741,578,484 |
| Member of the Board of Supervisors | | |
| Mr. Nicolas De Nazelle | 108,271,138 | 13,290,322 |
| Ms. Phan Thi Hong Phuong | 123,671,138 | 85,870,965 |
| Mr. Jonathan Yau Chun Hung | - | 13,290,322 |
| Ms. Dinh Thi Minh Hai | 15,400,000 | 72,580,643 |
| Mr. Jorge Quiros | 15,400,000 | 72,580,643 |

| | 2024 | 2025 |
|---|---------------|---------------|
| Permanent Deputy Chief Executive Officer | | |
| Mr. Pham Minh Tuan | 1,084,594,441 | 1,004,869,079 |
| Deputy Chief Executive Officer | | |
| Mr. Chau Quang Linh | 898,634,407 | 827,272,058 |
| Mr. Nguyen Ngoc Anh | 846,903,085 | 771,334,867 |
| Mr. Vu Hai Lam | 826,645,235 | 767,002,867 |
| Mr. Nguyen Thanh Nam | 940,630,359 | 767,693,867 |
| Chief Accountant | | |
| Mr. Sai Van Hung | 836,795,028 | 775,648,867 |

Stock transactions of internal persons

| No. | Người thực hiện giao dịch | Relationship with internal persons | Number of shares owned at the beginning of the period | | Number of shares owned at the end of the period | | Reasons for increase, decrease (purchase, sale, conversion, bonus, etc.) |
|-----|---------------------------|------------------------------------|---|------------|---|------------|--|
| | | | Number of shares | Percentage | Number of shares | Percentage | |
| 1 | Mr. Vu Anh Tuan | BOD's Member + CEO | 5,304 | 0.00% | 6,020 | 0.004% | |
| 2 | Mr. Pham Minh Tuan | Deputy CEO | 28 | 0.00% | 31 | 0.00002% | |
| 2.1 | Mrs. Dang Thi Thu Huong | Wife | 31 | 0.00% | 35 | 0.000025% | Received bonus shares from the share issuance to pay dividends for 2024 |
| 2.2 | Mr. Pham Xuan Phong | Brother | 10,165 | 0.01% | 11,537 | 0.008% | |
| 2.3 | Mrs. Nguyen Thi Kim Dung | Sister-in-law | 577 | 0.00% | 654 | 0.00044% | |
| 2.4 | Mrs. Pham Thi Tu | Sister | 140 | 0.00% | 158 | 0.0001% | |
| 3 | Mr. Chau Quang Linh | Deputy CEO | 10,628 | 0.01% | 12,062 | 0.008% | |
| 3.1 | Mrs. Phan Thi Hoai | Wife | 1,508 | 0.00% | 1,710 | 0.0010% | |
| 4 | Mr. Sai Van Hung | Chief Accountant | 771 | 0.00% | 875 | 0.0006% | |

TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOD, CEO, AND BOS (CONT.)

Contracts or transactions with internal persons

| No. | Name of organization/individual | Related relationship with the Corporation | NSH No., date of issue, place of issue | Address | Time of transaction with the Corporation | Resolution/Decision No. of DHDCD/HDQT... approved | Content of transaction | Transaction value (VND) | Note |
|-----|---|--|--|---------|--|--|---------------------------------------|-------------------------|------|
| 1 | AXA SA Group – France | Major shareholders | | | 2025 | Resolution 1623/2025-BM/HDQT on approving transactions with affiliated persons in 2025 | Premiums ceded | 46,478,113,261 | |
| | | | | | | | Commission income from premiums ceded | 5,090,799,069 | |
| | | | | | | | Dividend paid by cash | 11,042,514,599 | |
| | | | | | | | Dividend paid by shares | 29,811,505,320 | |
| 2 | Vietnam Airlines JSC | Affiliated persons of internal persons (Mr. Dinh Viet Tung - Chairman of the BOD of Bao Minh is a member of the BOD of Vietnam Airlines Corporation) | | | 2025 | Resolution 1623/2025-BM/HDQT on approving transactions with affiliated persons in 2025 | Written Premiums | 8,673,815,753 | |
| 3 | Vietnam National Reinsurance Corporation (Vinare) | Affiliated persons of Mr. Nguyen Hong Hoang Nam - Director of BM Trang An - Manager according to Bao Minh's charter | | | 2025 | Resolution 1623/2025-BM/HDQT on approving transactions with affiliated persons in 2025 | Assumed premiums | 95,810,503,099 | |
| | | | | | | | Agent commission expenses | 24,804,088,188 | |
| | | | | | | | Premiums ceded | 19,113,312,002 | |
| | | | | | | | Commission income from premiums ceded | 1,730,547,132 | |
| | | | | | | | Divided received | 11,726,878,000 | |
| 4 | An Giang Stone Mining Member Ltd., Company | | | | 2025 | Resolution 1623/2025-BM/HDQT on approving transactions with affiliated persons in 2025 | Written Premiums | 4,466,000 | |
| 5 | An Giang Port Joint Stock Company | Affiliated persons of Mr. Le Viet Thanh - Member of the BOD of Bao Minh | | | 2025 | Resolution 1623/2025-BM/HDQT on approving transactions with affiliated persons in 2025 | Written Premiums | 25,240,000 | |
| 6 | United Insurance Company of Vietnam (UIC) | Affiliated persons of internal persons (Mr. Nguyen Thanh Nam - Deputy CEO of Bao Minh is a Chairman of the Member's Council of UIC) | | | 2025 | Resolution 1623/2025-BM/HDQT on approving transactions with affiliated persons in 2025 | Assumed premiums | 53,899,099,859 | |
| | | | | | | | Agent commission expenses | 14,667,379,729 | |
| | | | | | | | Divided received | 55,830,075,361 | |
| 7 | State Capital and Investment Corporation (SCIC) | Affiliated persons of internal persons (Mr. Dinh Viet Tung - Chairman of the BOD of Bao Minh is a Deputy CEO of UIC) | | | 2025 | | Dividend paid by cash | 33,624,954,363 | |
| | | | | | | | Dividend paid by shares | 90,777,376,560 | |

Bao Minh Insurance
Whole-hearted services





TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOD, CEO, AND BOS (CONT.)



Bao Minh Insurance Corporation is a Corporation listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE). The governance and management activities of the Corporation always comply with the provisions of the Law on Enterprises, the Law on Securities, and related legal documents. In 2025, the Corporation fully fulfilled its obligations regarding information disclosure in the securities sector as prescribed in Circular 96/2020/TT-BTC, the Regulations on Information Disclosure of the HOSE, and other relevant legal documents. In addition, the Corporation's management officers actively participated in training sessions, discussions, and updates on governance knowledge organized by the State Securities Commission of Vietnam (SSC) and The Stock Exchange.

Assessing the implementation of regulations on corporate governance



BAO MINH INSURANCE
Safe companion on every journey

06

FINANCIAL STATEMENTS



INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT TO THE SHAREHOLDERS OF BAO MINH INSURANCE CORPORATION

We have audited the accompanying financial statements of Bao Minh Insurance Corporation ("the Corporation") which were prepared on 31 December 2025 and approved by the Board of Management of the Corporation on 31 March 2026. The financial statements comprise the balance sheet as at 31 December 2025, the income statement, the cash flow statement for the year then ended, and explanatory notes to the financial statements including significant accounting policies, as set out on pages 5 to 65.

The Board of Management' Responsibility

The Board of Management of the Corporation is responsible for the preparation and the true and fair presentation of these financial statements of the Corporation in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and prevailing regulations on the preparation and presentation of financial statements applicable to non-life insurance companies established and operating in accordance with the law of Vietnam, and for such internal control which the Board of Management determines is necessary to enable the preparation and presentation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit in order to obtain reasonable assurance as to whether the financial statements of the Corporation are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including an assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Corporation's preparation and true and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Corporation's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit qualified opinion.



Basis for qualified opinion

As disclosed in Note 6(a) to the financial statements, as at 31 December 2025, the Company had a shortage of assets awaiting resolution balance of VND155,991,595,886. We were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverability of this balance and thus were unable to determine whether any provision for doubtful receivable is needed.

Qualified opinion

In our opinion, except for the effect on the financial statements of the matter described in the "Basis for qualified opinion" paragraph, the financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2025, its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and prevailing regulations on the preparation and presentation of financial statements applicable to general insurance companies established and operating in accordance with the laws of Vietnam.

Other Matters

The financial statements of the Corporation for the year ended 31 December 2024 were audited by another firm of auditors whose report, dated 26 March 2025, expressed an unmodified opinion.

The independent auditor's report is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of PwC (Vietnam) Limited



Nguyen Hoang Nam
Audit Practising Licence No.
0849-2023-006-1
Authorised signatory

Report reference number: HCM18408
Ho Chi Minh City, 1 April 2026

Truong Hoang Anh
Audit Practising Licence No.
4594-2023-006-1



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 01 – DNPNT

BALANCE SHEET

| Code | ASSETS | Note | As at 31 December | |
|------------|---|-----------|--------------------------|---|
| | | | 2025 VND | 2024 VND (As restated - Note 39) |
| 100 | CURRENT ASSETS | | 6,630,476,296,198 | 6,757,526,835,218 |
| 110 | Cash | 3 | 216,746,321,443 | 446,093,893,383 |
| 111 | Cash | | 216,746,321,443 | 446,093,893,383 |
| 120 | Short-term investments | | 3,470,487,628,447 | 3,260,960,800,321 |
| 121 | Trading securities | 4(a) | 332,806,775,928 | 134,764,670,056 |
| 122 | Provision for diminution in value of trading securities | 4(a) | (72,319,147,481) | (40,803,869,735) |
| 123 | Short-term investments held to maturity | 4(b) | 3,483,281,148,846 | 3,422,618,012,805 |
| 129 | Provision for diminution in value of short-term investments | 4(b) | (253,281,148,846) | (255,618,012,805) |
| 130 | Short-term receivables | | 1,031,199,897,415 | 972,600,013,976 |
| 131 | Short-term trade accounts receivable | | 865,955,573,612 | 704,486,098,884 |
| 131.1 | - Insurance receivables | 5 | 865,955,573,612 | 704,486,098,884 |
| 132 | Prepayments to suppliers | | 5,097,443,562 | 4,298,583,253 |
| 135 | Other short-term receivables | 6(a) | 491,100,041,304 | 573,755,867,427 |
| 139 | Provision for doubtful debts | 7 | (330,953,161,063) | (309,940,535,588) |
| 140 | Inventories | | 4,497,714,133 | 4,527,820,684 |
| 141 | Inventories | | 4,497,714,133 | 4,527,820,684 |
| 150 | Other current assets | | 759,391,470,435 | 650,999,980,626 |
| 151 | Short-term prepaid expenses | 8(a) | 736,000,985,556 | 624,827,894,976 |
| 151.1 | - Deferred commission expenses | | 276,341,475,276 | 266,306,603,908 |
| 151.2 | - Other prepaid expenses | | 459,659,510,280 | 358,521,291,068 |
| 152 | Value Added Tax to be reclaimed | 14(a) | 7,244,417,376 | 5,068,199,805 |
| 154 | Tax and other receivables from the State | 14(a) | 16,146,067,503 | 21,103,885,845 |
| 190 | Reinsurance assets | 19 | 1,148,153,264,325 | 1,422,344,326,228 |
| 191 | Ceded unearned premium reserves | | 490,065,718,504 | 394,202,950,718 |
| 192 | Ceded claim reserves | | 658,087,545,821 | 1,028,141,375,510 |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 01 – DNPNT

BALANCE SHEET
(continued)

| Code | ASSETS (continued) | Note | As at 31 December | |
|------------|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2025 VND | 2024 VND |
| 200 | LONG-TERM ASSETS | | 1,046,113,268,963 | 1,021,033,343,096 |
| 210 | Long-term receivables | | 14,513,688,042 | 19,966,049,664 |
| 218 | Other long-term receivables | 6(b) | 14,513,688,042 | 19,966,049,664 |
| 218.1 | - Insurance deposit | | 9,000,000,000 | 9,000,000,000 |
| 218.2 | - Other long-term receivables | | 5,513,688,042 | 10,966,049,664 |
| 220 | Fixed assets | | 244,438,023,268 | 254,428,218,552 |
| 221 | Tangible fixed assets | 9(a) | 62,296,572,372 | 73,596,235,013 |
| 222 | Historical cost | | 257,882,833,708 | 257,837,549,892 |
| 223 | Accumulated depreciation | | (195,586,261,336) | (184,241,314,879) |
| 227 | Intangible fixed assets | 9(b) | 182,141,450,896 | 180,831,983,539 |
| 228 | Historical cost | | 293,116,556,920 | 287,475,083,919 |
| 229 | Accumulated amortisation | | (110,975,106,024) | (106,643,100,380) |
| 230 | Long-term assets in progress | 10 | 14,212,450,458 | 18,185,611,542 |
| 240 | Investment properties | 11 | 147,867,247,782 | 149,670,681,361 |
| 241 | Historical cost | | 181,861,353,463 | 181,861,353,463 |
| 242 | Accumulated amortisation | | (33,994,105,681) | (32,190,672,102) |
| 250 | Long-term investments | | 586,847,514,718 | 532,515,409,361 |
| 252 | Investments in joint venture | 4(c) | 242,250,000,000 | 242,250,000,000 |
| 253 | Investments in other entities | 4(c) | 57,615,300,000 | 57,615,300,000 |
| 255 | Long-term investments held to maturity | 4(b) | 290,760,600,000 | 236,000,000,000 |
| 259 | Provision for long-term investments | 4(c) | (3,778,385,282) | (3,349,890,639) |
| 260 | Other long-term assets | | 38,234,344,695 | 46,267,372,616 |
| 261 | Long-term prepaid expenses | 8(b) | 18,510,837,319 | 29,268,461,145 |
| 262 | Deferred income tax assets | 12 | 19,723,507,376 | 16,998,911,471 |
| 270 | TOTAL ASSETS | | 7,676,589,565,161 | 7,778,560,178,314 |



BAO MINH INSURANCE CORPORATION


Form B 01 – DNPNT

BALANCE SHEET
(continued)

| Code | RESOURCES | Note | As at 31 December | |
|------------|--|--------|--------------------------|---|
| | | | 2025 VND | 2024 VND (As restated - Note 39) |
| 300 | LIABILITIES | | 4,749,338,830,364 | 4,991,016,678,715 |
| 310 | Current liabilities | | 4,748,053,333,398 | 4,989,796,207,519 |
| 312 | Short-term trade accounts payable | 13 | 1,017,662,642,943 | 946,903,446,066 |
| 312.1 | - Insurance payables | | 1,017,662,642,943 | 946,903,446,066 |
| 314 | Tax and other payables to the State | 14(b) | 14,047,973,744 | 5,170,373,168 |
| 315 | Payables to employees | 15 | 138,529,595,890 | 67,253,356,343 |
| 316 | Short-term accrued expenses | | 26,757,723,472 | - |
| 318 | Deferred revenue | | 16,780,728,754 | 263,300,389,799 |
| 319 | Other short-term payables | 16 | 94,572,644,992 | 69,895,265,267 |
| 319.1 | Unearned commission income | 17 | 148,850,493,491 | 137,436,402,110 |
| 323 | Bonus and welfare funds | 18 | 33,771,290,748 | 34,268,691,545 |
| 329 | Technical reserves | 19 | 3,257,080,239,364 | 3,465,568,283,221 |
| 329.1 | - Gross unearned premium reserves | | 2,062,722,852,824 | 1,943,170,424,692 |
| 329.2 | - Gross claim reserves | | 1,060,854,409,502 | 1,399,732,485,259 |
| 329.3 | - Catastrophe reserves | | 133,502,977,038 | 122,665,373,270 |
| 330 | Long-term liabilities | | 1,285,496,966 | 1,220,471,196 |
| 333 | Other long-term payables | | 1,285,496,966 | 1,220,471,196 |
| 400 | OWNERS' EQUITY | | 2,927,250,734,797 | 2,787,543,499,599 |
| 410 | Capital and reserves | | 2,927,250,734,797 | 2,787,543,499,599 |
| 411 | Owners' capital | 20, 21 | 1,505,476,260,000 | 1,326,428,180,000 |
| 412 | Share premium | 21 | 792,244,224,449 | 792,244,224,449 |
| 418 | Financial reserve fund | 21 | 28,085,153,439 | 28,085,153,439 |
| 419 | Compulsory reserve | 21 | 145,458,442,215 | 132,469,110,111 |
| 421 | Undistributed earnings | 21 | 455,986,654,694 | 508,316,831,600 |
| 421a | - Undistributed post-tax profits of previous years | | 211,781,385,434 | 282,526,491,482 |
| 421b | - Post-tax profits of current year | | 244,205,269,260 | 225,790,340,118 |
| 440 | TOTAL RESOURCES | | 7,676,589,565,161 | 7,778,560,178,314 |


Doan Tan Phong
Preparer


Sai Van Hung
Chief Accountant


Vu Anh Tuan
General Director
Legal Representative
31 March 2026

The notes on pages 13 to 65 are an integral part of these financial statements.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 01 – DNPNT

BALANCE SHEET
(continued)

| Code | OFF BALANCE SHEET ITEMS | As at 31 December | |
|----------|------------------------------|-------------------|--------------|
| | | 2025 | 2024 |
| 5 | Foreign currencies | | |
| | United States Dollar ("USD") | 2,752,617.53 | 2,441,338.81 |
| | Euro ("EUR") | 197.74 | 200.54 |
| | Singapore Dollar ("SGD") | 222.55 | 244.75 |


Doan Tan Phong
Preparer


Sai Van Hung
Chief Accountant


Vu Anh Tuan
General Director
Legal Representative
31 March 2026

The notes on pages 13 to 65 are an integral part of these financial statements.


BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 02 – DNPNT

INCOME STATEMENT

PART I – COMPREHENSIVE INCOME STATEMENT

| Code | Note | Year ended 31 December | |
|-----------|-------|------------------------|------------------------|
| | | 2025 VND | 2024 VND |
| 10 | | 5,360,408,954,536 | 5,122,748,106,255 |
| 11 | 11 | 13,776,755,327 | 12,962,845,007 |
| 12 | 28 | 319,767,176,452 | 322,889,566,520 |
| 13 | | 6,825,652,169 | 3,941,922,651 |
| 20 | | (5,034,527,953,517) | (4,870,071,477,505) |
| 21 | 11 | (5,177,347,998) | (6,111,283,386) |
| 22 | 29 | (125,042,853,515) | (113,212,961,128) |
| 24 | 30 | (231,746,108,671) | (199,049,295,252) |
| 25 | | (2,026,002,640) | (1,363,771,429) |
| 50 | | 302,258,272,143 | 272,733,651,733 |
| 51 | 31 | (47,788,266,684) | (34,400,136,061) |
| 52 | 31 | 2,724,595,905 | (659,473,443) |
| 60 | | 257,194,601,364 | 237,674,042,229 |
| 70 | 22(a) | 1,469 | 1,278 |
| 71 | 22(b) | 1,469 | 1,278 |


Doan Tan Phong
Preparer


Sai Van Hung
Chief AccountantVu Anh Tuan
General Director
Legal Representative
31 March 2026

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 02 – DNPNT

INCOME STATEMENT (continued)

PART II – INCOME STATEMENT

| Code | Note | Year ended 31 December | |
|-----------|------|----------------------------|----------------------------|
| | | 2025 VND | 2024 VND |
| 01 | | 6,651,950,549,665 | 6,654,892,913,332 |
| 01.1 | | 5,966,174,418,055 | 5,960,678,726,953 |
| 01.2 | | 805,328,559,742 | 681,548,141,032 |
| 01.3 | | | |
| | 19 | (119,552,428,132) | 12,666,045,347 |
| 02 | | (1,592,609,913,717) | (1,775,004,151,688) |
| 02.1 | | (1,688,472,681,503) | (1,665,540,962,076) |
| 02.2 | | | |
| | 19 | 95,862,767,786 | (109,463,189,612) |
| 03 | | 5,059,340,635,948 | 4,879,888,761,644 |
| 04 | | 301,068,318,588 | 242,859,344,611 |
| 04.1 | | | |
| | 25 | 290,768,532,575 | 242,025,367,705 |
| 04.2 | | 10,299,786,013 | 833,976,906 |
| 10 | | 5,360,408,954,536 | 5,122,748,106,255 |
| 11 | | (2,084,606,467,927) | (1,996,190,016,849) |
| 11.1 | | (2,097,741,497,911) | (2,007,040,763,222) |
| 11.2 | | 13,135,029,984 | 10,850,746,373 |
| 12 | | 564,816,397,510 | 357,809,382,685 |
| 13 | | 338,878,075,757 | (510,439,015,298) |
| 14 | | (370,053,829,689) | 421,780,608,202 |
| 15 | | (1,550,965,824,349) | (1,727,039,041,260) |
| 16 | | (10,837,603,768) | 73,233,140,970 |
| 17 | | (3,472,724,525,400) | (3,216,265,577,215) |
| 17.1 | | (964,830,194,596) | (915,014,871,953) |
| 17.2 | | (2,507,894,330,804) | (2,301,250,705,262) |
| 18 | | (5,034,527,953,517) | (4,870,071,477,505) |
| 19 | | 325,881,001,019 | 252,676,628,750 |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 02 – DNPNT

INCOME STATEMENT (continued)

PART II – INCOME STATEMENT (continued)

| Code | Note | Year ended 31 December | |
|-----------|--|------------------------|------------------------|
| | | 2025 VND | 2024 VND |
| 20 | Income from investment properties | 13,776,755,327 | 12,962,845,007 |
| 21 | Cost of investment properties | (5,177,347,998) | (6,111,283,386) |
| 22 | Profit from investment properties | 8,599,407,329 | 6,851,561,621 |
| 23 | Financial income | 319,767,176,452 | 322,889,566,520 |
| 24 | Financial expenses | (125,042,853,515) | (113,212,961,128) |
| 25 | Profit from financial activities | 194,724,322,937 | 209,676,605,392 |
| 26 | General and administrative expenses | (231,746,108,671) | (199,049,295,252) |
| 30 | Net operating profit | 297,458,622,614 | 270,155,500,511 |
| 31 | Other income | 6,825,652,169 | 3,941,922,651 |
| 32 | Other expenses | (2,026,002,640) | (1,363,771,429) |
| 40 | Net other income | 4,799,649,529 | 2,578,151,222 |
| 50 | Net accounting profit before tax | 302,258,272,143 | 272,733,651,733 |
| 51 | CIT – current | (47,788,266,684) | (34,400,136,061) |
| 52 | CIT – deferred | 2,724,595,905 | (659,473,443) |
| 60 | Net profit after tax | 257,194,601,364 | 237,674,042,229 |
| 70 | Basic earnings per share | 1,469 | 1,278 |
| 71 | Diluted earnings per share | 1,469 | 1,278 |


Doan Tan Phong
Preparer


Sai Van Hung
Chief Accountant


Vu Anh Tuan
General Director
Legal Representative
31 March 2026



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 03 – DNPNT

CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)

| Code | Note | Year ended 31 December | |
|---|--|--------------------------|---|
| | | 2025 VND | 2024 VND (As restated - Note 39) |
| CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES | | | |
| 01 | Net accounting profit before tax | 302,258,272,143 | 272,733,651,733 |
| Adjustments for: | | | |
| 02 | Depreciation and amortisation | 17,582,407,044 | 17,999,681,961 |
| 03 | Provisions | 118,659,415,910 | 111,514,583,615 |
| 04 | Unrealised foreign exchange (gains)/losses | (489,974,959) | 1,190,429,955 |
| 05 | Profits from investing activities | (255,076,106,897) | (275,801,674,383) |
| 08 | Operating profit before changes in working capital | 182,934,013,241 | 127,636,672,881 |
| 09 | Change in receivables | 420,584,357 | (188,079,207,442) |
| 10 | Change in inventories | 30,106,551 | 436,734,756 |
| 11 | Change in payables | (101,730,912,482) | 202,305,337,737 |
| 12 | Change in prepaid expenses | (100,415,466,754) | 86,561,473,151 |
| 13 | Change in trading securities | (198,042,105,872) | (23,347,043,891) |
| 15 | Corporate income tax paid | (28,850,377,924) | (50,015,515,275) |
| 20 | Net cash (outflows for)/inflows from operating activities | (245,654,158,883) | 135,498,451,917 |
| CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES | | | |
| 21 | Purchases of fixed assets and other long-term assets | (2,454,697,181) | (7,748,066,429) |
| 22 | Proceeds from disposals of fixed assets and long-term assets | 7,009,091 | 746,567,710 |
| 23 | Purchases of term deposits and debt instruments of other entities | (3,284,760,600,000) | (3,392,000,000,000) |
| 24 | Collection of term deposits and debt instruments of other entities | 3,167,000,000,000 | 3,281,000,000,000 |
| 25 | Investments in other entities | - | (95,900,000,000) |
| 27 | Dividends and interest received | 181,578,806,346 | 402,265,153,250 |
| 30 | Net cash inflows from investing activities | 81,370,318,256 | 187,363,654,531 |
| CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES | | | |
| 32 | Dividends paid | (86,321,409,000) | (60,292,704,000) |
| 40 | Net cash outflows for financing activities | (86,321,409,000) | (60,292,704,000) |
| 50 | Net cash (outflows)/inflows during the year | (230,605,249,627) | 262,569,402,448 |
| 60 | Cash at beginning of year | 446,093,893,383 | 181,629,382,582 |
| 61 | Effect of foreign exchange differences | 1,257,677,687 | 1,895,108,353 |
| 70 | Cash at end of year | 216,746,321,443 | 446,093,893,383 |


Doan Tan Phong
Preparer


Sai Van Hung
Chief Accountant


Vu Anh Tuan
General Director
Legal Representative
31 March 2026



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2025

1 GENERAL INFORMATION

Bao Minh Insurance Corporation ("the Corporation") is a joint stock company established in the Socialist Republic of Vietnam pursuant to the latest amended Licence for establishment and operation No. 27/GPĐC16/KDBH dated 24 December 2025 issued by the Ministry of Finance ("the MoF") with indefinite term from the date of the initial Licence for establishment and operation No. 27GP/KDBH issued by the MoF on 8 September 2004.

The Corporation's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange under the stock trading code "BMI".

The principal activity of the Corporation is to provide non-life insurance products in Vietnam.

The normal business cycle of the Corporation is within 12 (twelve) months.

As at 31 December 2025, the Corporation had 1,575 employees (31 December 2024: 1,650 employees).

As at 31 December 2025 and 31 December 2024, the Corporation had 1 joint venture as disclosed in Note 4(c) – Investments and 65 dependent accounting units which are not separate legal entities. Details of the joint venture are as below:

| | Principal activities | Address of registered office | Percentage of ownership and voting rights | |
|-------------------------------------|--|--|---|--------|
| | | | 2025 | 2024 |
| Joint venture | | | | |
| United Insurance Company of Vietnam | Underwriting non-life insurance business; conducting inward and outward reinsurance transactions | No. 2 Ngo Quyen Street, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam | 48.45% | 48.45% |

Statement of the information comparability of the financial statements

Comparative figures in the financial statements are the figures of the audited financial statements for the year ended 31 December 2024.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

2.1 Basis of preparation of financial statements

The financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of financial statements applicable of non-life insurance companies established and operating in accordance with laws of Vietnam. The financial statements have been prepared under the historical cost convention.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, and financial performance and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam. The accounting principles and practices utilised in Vietnam may differ from those generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

The financial statements are prepared based on the data from all 65 dependent units under the Corporation, which do not have separate legal entity status. Internal transactions between the units have been eliminated in the financial statements.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.1 Basis of preparation of financial statements (continued)

The financial statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Corporation. The financial statements in English have been translated from the Vietnamese version.

New accounting system issued but not yet effective

According to Circular 232/2012/TT-BTC dated 28 December 2012 ("Circular 232") providing guidance on the accounting applicable for non-life insurance companies, reinsurance companies and branches of foreign non-life insurance companies, non-life insurance companies shall comply with the enterprise accounting policy issued together with the Ministry of Finance's Decision No. 15/2006/QĐ-BTC ("Decision 15") and Circular 244/2009/TT-BTC ("Circular 244") for areas that are not guided in Circular 232. On 22 December 2014, the Ministry of Finance issued Circular 200/2014/TT-BTC ("Circular 200") providing guidance on the corporate accounting system and replacing Decision 15 and Circular 244. On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") providing guidance on the corporate accounting system, replacing Circular 200, effective from 1 January 2026 and for fiscal years beginning on or after 1 January 2026. The General Director of the Corporation assesses that the impact of Circular 99 on the comparative figures in the subsequent financial statements of the Corporation is limited and not material.

2.2 Fiscal year

The Corporation's fiscal year is from 1 January to 31 December.

2.3 Currency

The financial statements are measured and presented in Vietnamese Dong ("VND"), which is the Corporation's accounting currency.

2.4 Exchange rate

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates prevailing at the transaction dates. Foreign exchange differences arising from these transactions are recognised in the income statement.

Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at the balance sheet date are respectively translated at the buying and selling exchange rates at the balance sheet date of the commercial bank with which the Corporation regularly transacts. Foreign currencies deposited in bank at the balance sheet date are translated at the buying exchange rate of the commercial bank where the Corporation opens its foreign currency accounts. Foreign exchange differences arising from these translations are recognised in the income statement.

2.5 Cash

Cash comprises cash on hand, cash at banks and cash in transit.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.6 Receivables**

Receivables represent trade receivables from customers, other trade receivables and other receivables which are classified based on their nature as follows:

- Insurance receivables are trade receivables arising from insurance transactions including premiums receivable from policyholders; assumed premiums receivables; claim recoveries and commission income from reinsurers;
- Other trade receivables are trade receivables arising from providing services other than insurance operations; and
- Other receivables are non-trade receivables and receivables not relating to providing services.

Provision for doubtful debts is made for each outstanding amount based on overdue days in payment according to the initial payment commitment (exclusive of the payment rescheduling between parties) or based on the estimated loss that may arise. The difference between the provision of this year and the provision of the previous year is recognised as an increase or decrease of general and administrative expenses in the year. Bad debts are written off when identified as uncollectible.

Receivables are classified into short-term and long-term receivables on the balance sheet based on the remaining period from the balance sheet date to the maturity date.

2.7 Inventory

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined by the weighted average method and includes all costs of purchase, costs of conversion and other directly attributable costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Net realisable value is the estimated selling price in the normal course of business, less the estimated costs of completion and selling expenses.

The Corporation applies the perpetual system for inventories.

Provision is made, when necessary, for obsolete, slow-moving and defective inventory items. The difference between the provision of this fiscal year end and the provision of the previous fiscal year end is recognised as an increase or decrease of the expenses in the year end.

2.8 Investments**(a) Trading securities**

Trading securities are securities which are held by the Corporation for trading to earn profits.

Trading securities are initially recorded at historical cost including cost of acquisition and any expenditure that is directly attributable to the acquisition. Subsequently, the Board of Management reviews all outstanding investments to determine the amount of provision to recognise at the year end. The provision for diminution in value of trading securities is made when their cost is higher than their fair value. Changes in the provision balance during the year are recognised as an increase or decrease in financial expenses. A reversal, if any, is made only to the extent the investment is restored to its original cost.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.8 Investments (continued)****(a) Trading securities (continued)**

The Corporation recognises trading securities when it has ownership of the assets, specifically as follows:

- Listed securities are recorded at the time of orders matching;
- Unlisted securities are recognised at the time when official ownership is established in accordance with regulations.

Profit or loss from liquidation or disposal of trading securities is recognised in the income statement. The costs of trading securities disposed are determined by using the moving weighted average method.

(b) Investments held-to-maturity

Investments held to maturity are investments which the Corporation has a positive intention and ability to hold until maturity.

Investments held to maturity include term deposits, bonds, certificates of deposit that the issuer is obligated to buy back at a certain point in the future and other investments held to maturity. Those investments are initially accounted for at cost. Subsequently, the Board of Management reviews all outstanding investments to determine the amount of provision to recognise at the year end.

Provision for diminution in value of investments held to maturity is made when there is evidence that the investment is uncollectible in whole or in part. Changes in the provision balance during the fiscal year are recognised as an increase or decrease in financial expenses. A reversal, if any, is made only to the extent the investment is restored to its original cost.

Investments held to maturity are classified into short-term and long-term investments held to maturity on the balance sheet based on the remaining period from the balance sheet date to the maturity date.

(c) Investments in joint ventures

A joint venture is a contractual agreement by two or more parties to jointly conduct an economic activity, which is jointly controlled by the joint venture capital partners.

Investments in joint ventures are initially recognised at costs of acquisition including capital contribution value plus other expenditure directly attributable to the investments. Subsequently, the Board of Management reviews all outstanding investments to determine the amount of provision to recognise at the year end.

(d) Investments in other entities

Investments in other entities are investments in equity instruments of other entities without control or joint control, or without significant influence over the investee. These investments are accounted for initially at cost. Subsequently, the Board of Management reviews all outstanding investments to determine the amount of provision to recognise at the year end.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.8 Investments (continued)****(e) Provision for investments in joint ventures and other entities**

Provision for investments in joint ventures and other entities is made when there is a diminution in value of the investments at the year end.

Provision for investments in joint ventures is calculated based on the loss of investees.

Provision for investments in other entities is calculated based on market value if market value can be determined reliably. If market value cannot be determined reliably, the provision is calculated similarly to provision for investments in joint ventures.

Changes in the provision balance during the fiscal year are recognised as an increase or decrease in financial expenses. A reversal, if any, is made only to the extent the investment is restored to its original cost.

2.9 Insurance deposit

In accordance with Article 96 of Law No. 08/2022/QH15 - the Law on Insurance Business issued by the National Assembly on 16 June 2022, the Corporation is required to maintain a deposit at a commercial bank operating in Vietnam. The deposit amount is equal to 2% of the minimum charter capital as prescribed by current law.

The Corporation is only allowed to use the deposit to fulfill obligations to policyholders when there is a shortfall in solvency and this must be approved in writing by the Ministry of Finance. Within 90 days from the date of using the deposit, the Corporation is responsible for replenishing the used deposit. The Corporation is only permitted to withdraw the entire deposit when it ceases operations.

2.10 Fixed assets*Tangible and intangible fixed assets*

Fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation or amortisation. Historical cost includes any expenditure that is directly attributable to the acquisition of the fixed assets bringing them to suitable conditions for their intended use. Expenditure which is incurred subsequently and has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of fixed assets, can be capitalised as an additional historical cost. Otherwise, such expenditure is charged to the income statement when incurred in the year.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.10 Fixed assets (continued)***Tangible and intangible fixed assets (continued)**Depreciation and amortisation*

Fixed assets are depreciated and amortised using the straight-line method so as to write off the depreciable amount of the fixed assets over their estimated useful lives. Depreciable amount equals to the historical cost of fixed assets recorded in the financial statements minus (-) the estimated disposal value of such assets. The estimated useful lives of each asset class are as follows:

| | |
|---------------------|---------------|
| Plant and buildings | 10 – 40 years |
| Machinery | 8 – 15 years |
| Motor vehicles | 6 – 10 years |
| Office equipment | 3 – 8 years |
| Software | 8 years |
| Others | 4 – 6 years |

Land use rights comprise land use rights granted by the State for which land use fees are collected, land use rights acquired in a legitimate transfer, and prepaid land use rights obtained under land rental contracts which are effective before the effective date of land law 2003 (ie. 1 July 2004) and which land use right certificates are granted.

Definite land use rights are stated at costs less accumulated amortisation. Costs of land use rights consist of its purchased prices and any directly attributable costs in obtaining the land use rights. Definite land use rights are amortised using the straight-line basis over the terms of the land use right certificates.

Indefinite land use rights are stated at costs and not amortised.

Disposals

Gains or losses on disposals are determined by comparing net disposal proceeds with the carrying amount of the fixed assets and are recognised as income or expense in the income statement.

Construction in progress

Construction in progress represents the cost of assets in the course of installation or construction for production, rental or administrative purposes, or for purposes not yet determined, which are recognised at cost and are comprised of such necessary costs to construct, repair and maintain, upgrade, renew or equip the projects with technologies as construction costs; costs of tools and equipment; project management expenditure; construction consulting expenditure. Depreciation of these assets, on the same basis as other fixed assets, commences when they are ready for their intended use.

2.11 Leased assets

Leases where a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor are classified as operating leases. Payments made under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the term of the lease.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.12 Investment properties held for lease**

The historical cost of an investment property represents the amount of cash or cash equivalents paid or the fair value of other consideration given to acquire the investment property at the time of its acquisition or completion of construction. Expenditure incurred subsequently which has resulted in an increase in the expected future economic benefits from the use of investment properties can be capitalised as an additional historical cost. Otherwise, such expenditure is charged to the income statement when incurred in the year.

Depreciation and amortisation

Investment properties held for lease are depreciated on a straight-line basis to write off depreciable amount of the assets over their estimated useful lives. Depreciable amount equals to the historical cost of assets recorded in the financial statements minus (-) the estimated disposal value of such assets. The estimated useful lives of each asset class are as follows:

| | |
|---------------------|--------------|
| Plant and buildings | 5 – 50 years |
|---------------------|--------------|

Indefinite land use rights are stated at costs and not amortised.

Disposals

Gains or losses on disposals are determined by comparing net disposal proceeds with the carrying amount of investment properties and are recognised as income or expense in the income statement.

2.13 Prepaid expenses**(a) Deferred commission expenses**

Commission expense incurred in connection with unearned insurance premiums is recognised and amortised in the same manner as the related unearned premium reserves as presented in Note 2.18.

(b) Other deferred acquisition costs

This comprises other directly attributable acquisition costs arising from personal accident and health insurance products sold to borrowers through licensed financial institutions, which are recognised and amortised in the same manner as the related unearned premium reserves as presented in Note 2.18.

(c) Other prepaid expenses

Other prepaid expenses include short-term and long-term prepayments on the balance sheet. Short-term prepaid expenses represent prepayments for services; or tools that do not meet the recognition criteria for fixed assets for a period not exceeding 12 months or a business cycle from the date of prepayment. Long-term prepaid expenses represent prepayments for services; or tools, which do not meet the recognition criteria for fixed assets for a period exceeding 12 months or more than one business cycle from the date of prepayment. Prepaid expenses are recorded at historical cost and allocated on the straight-line basis over estimated useful lives.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.14 Payables**

Classifications of payables are based on their nature as follows:

- Insurance payables are trade payables arising from insurance operation;
- Other trade accounts payables are trade payables arising from purchases of goods and services other than insurance operation; and
- Other payables are non-trade payables and payables not relating to purchases of goods and services.

Payables are classified into short-term and long-term payables on the balance sheet based on the remaining period from the balance sheet date to the maturity date.

2.15 Unearned commission income

Unearned commission income earned from reinsurance is deferred and recognised as a liability, in accordance with the pattern of recognition of the related ceded unearned premiums.

2.16 Accrued expenses

Accrued expenses include liabilities for goods and services received in the year but not yet paid for, due to pending invoices or insufficient records and documents. Accrued expenses are recorded as expenses in the reporting year.

2.17 Provisions

Provisions are recognised when the Corporation has a present legal or constructive obligation as a result of past events; it is probable that an outflow of resources will be required to settle the obligation and the amount has been reliably estimated. Provisions are not recognised for future operating losses.

Provisions are measured at the level of the expenditures expected to be required to settle the obligation. If the time value of money is material, provisions will be measured at their present value using a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the obligation. The increase in the provision due to passage of time is recognised as a financial expense. Changes in the provision balance during the fiscal year are recognised as an increase or decrease in operating expenses.

2.18 Technical reserves

The technical reserves of the Corporation have been established in accordance with the assumptions and methodologies as determined by the Corporation's appointed actuary and approved by the Ministry of Finance in its Official Letter No. 3167/BTC-QLBH ("Official Letter 3167") dated 21 March 2018, and comply with the provisions in Circular 67/2023/TT-BTC ("Circular 67") providing implementation guidance on the Law on Insurance Business No. 08/2022/QH15 and Decree 46/2023/ND-CP issued on 2 November 2023.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.18 Technical reserves (continued)

The Corporation's technical reserves include:

(a) Unearned premium reserves ("UPR")

Unearned premium reserves are held for liabilities that may arise during the remaining term of insurance contracts in the following period. Unearned premium reserves are only applicable to health insurance contracts with a term of one (1) year or less, and non-life insurance contracts. The Corporation applies time apportionment method. The details of the reserving method are as follows:

- The method of calculating unearned premium reserves on a daily basis (1/365th) applicable to direct insurance contracts under the following insurance business lines: property and casualty insurance, cargo insurance, motor (car) insurance, fire and explosion insurance, marine hull insurance, liability and business interruption insurance. The formula is as follows:

$$\text{Unearned premium reserve} = \frac{\text{Gross written premiums} \times \text{Number of remaining days of the insurance/reinsurance coverage}}{\text{Total number of days covered under insurance/reinsurance coverage}}$$

- The method of 1/24th method applicable to assumed insurance contracts of all insurance business lines, both direct and assumed health insurance contracts with terms of one year or less, and direct insurance contracts under the following non-life insurance lines: aviation insurance; motor (motorbike) insurance; credit and financial risk insurance; agricultural insurance; and surety insurance. The formula is as follows:

$$\text{Unearned premium reserve} = \frac{\text{Gross written premiums}}{\text{Total number of days covered under insurance/reinsurance coverage}} \times \text{Unearned premium ratio}$$

(b) Claim reserves

Claim reserves include reserves for losses that were reported but have not been settled ("outstanding claim reserves") and reserves for losses that have incurred but have not been reported ("IBNR") as of the date of the balance sheet.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.18 Technical reserves (continued)

(b) Claim reserves (continued)

(i) Outstanding claim reserves:

- For non-life insurance contracts: Outstanding claim reserves are made for each insurance business line by estimating the claim amount for each loss event within the insurance liability that has been reported or claimed but not resolved as of the balance sheet date.
- For health insurance contracts: Outstanding claim reserves are made on a per-case basis, based on the statistics of the claim amounts payable for each case that has been reported or claimed but not resolved as of the balance sheet date.

(ii) IBNR reserves

For insurance business lines of motor and health insurance:

$$\text{IBNR as at reporting date} = \frac{\text{Total incurred but not reported claims as at the end of last 3 consecutive fiscal years}}{\text{Total claims incurred in the last 3 consecutive fiscal years}} \times \frac{\text{Claims incurred in the current year}}{\text{Net income from insurance business of the current year}} \times \frac{\text{Average claim notification delay period of the current year}}{\text{Average claim notification delay period of the previous year}}$$

In which:

- Claims incurred in the current year includes actual claims paid in the year plus the changes in outstanding claim reserves.
- Average claim notification is the average period from the time a loss incurs until the Corporation receives the loss notification or claim request (calculated in number of days).

For other insurance lines of business:

IBNR reserves are set up based on 3% of retained insurance premium for each insurance line of business.

(c) Catastrophe reserves

Catastrophe reserves include reserves for catastrophe losses for non-life insurance contracts and equalisation reserves for health insurance contracts.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.18 Technical reserves (continued)

(c) Catastrophe reserves (continued)

(i) Catastrophe reserve for non-life insurance contracts

Reserves for catastrophe losses are used by the Corporation to pay for catastrophe losses or losses incurred related to non-life insurance contracts when the total retained premiums in the fiscal year after establishing UPR and outstanding claim reserves are not sufficient to pay for the retained liability of the Corporation. Reserves for catastrophe losses are made annually at 1% of the retained premium for each line of insurance business (2024: 1%). The maximum amount that can be used from the reserves for catastrophe losses is calculated for each line of insurance business according to the following formula:

$$\begin{array}{r} \text{Amount used from} \\ \text{reserves for} \\ \text{catastrophe} \\ \text{losses in the} \\ \text{current year} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Claim amount} \\ \text{corresponding} \\ \text{to the retained} \\ \text{liability in the} \\ \text{current year} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Total} \\ \text{retained} \\ \text{premium} \\ \text{in the} \\ \text{current} \\ \text{year} \end{array} - \begin{array}{r} \text{UPR} \\ \text{corresponding} \\ \text{to the retained} \\ \text{liability to be} \\ \text{held in the} \\ \text{current year} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Outstanding} \\ \text{claim reserves} \\ \text{corresponding} \\ \text{to the retained} \\ \text{liability to be} \\ \text{held in the} \\ \text{current year} \end{array}$$

(ii) Equalisation reserves for health insurance contracts

Equalisation reserves are used by the Corporation in the event of significant fluctuations in losses or valuation interest rates of health insurance contracts. These are established at 1% (2024: 1%) of net retained premiums of the current year. The maximum amount that can be used is calculated according to the following formula:

$$\begin{array}{r} \text{Amount used in} \\ \text{the} \\ \text{current} \\ \text{year} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Claim} \\ \text{amount to be} \\ \text{retained in} \\ \text{the current} \\ \text{year} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Total} \\ \text{insurance} \\ \text{premium} \\ \text{retained in} \\ \text{the current} \\ \text{year} \end{array} - \begin{array}{r} \text{UPR} \\ \text{corresponding to} \\ \text{the liability} \\ \text{retained to held} \\ \text{in the current} \\ \text{year} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Outstanding} \\ \text{claim reserve} \\ \text{corresponding} \\ \text{to the retained} \\ \text{liability to be} \\ \text{held in the} \\ \text{current year} \end{array}$$

On 28 December 2005, the MoF issued Decision 100/2005/QD-BTC governing the publication of four (4) new accounting standards, one of which is Vietnamese Accounting Standard ("VAS 19") – Insurance Contracts. Following the issuance of this Standard, provision for catastrophe reserves is no longer required since it represents possible claims under contracts that are not in existence at the reporting date. However, since the MoF has not issued detailed guidance for the implementation of VAS 19 and in accordance with the provision set out in Decree 46/2023/ND-CP regarding financial regulations for insurance companies, the Corporation continues to accrue catastrophe reserves from 1% of annual retained premiums until the reserve reaches one hundred (100) percent of retained premiums.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.18 Technical reserves (continued)

(d) Mathematical reserves for health insurance business

Mathematical reserves are applicable to health insurance contracts with terms of more than one (1) year to fulfil future insurance obligations.

- The Corporation provisions for mathematical reserves using the time apportionment method on the basis of the gross insurance premiums - method 1/24th for health insurance and reinsurance contracts with terms over 1 year (excluding insurance contracts that only cover death or total permanent disability). The formula is as follows:

$$\begin{array}{r} \text{Mathematical} \\ \text{reserves} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Gross written} \\ \text{premiums} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Unearned} \\ \text{premium ratio} \end{array}$$

In all cases, the Corporation ensures that the reserves held are not lower than those calculated using the 1/8th method as prescribed in Circular 67.

- The Corporation provisions for mathematical reserves using the net premium method for health insurance that only cover death or total permanent disability.

2.19 Deferred revenue

Deferred revenue from office leasing activities and financial activities mainly comprises the amounts that customers have paid in advance for one or many fiscal years.

Deferred revenue from insurance business activities refers to advance payments received from in-force direct insurance contracts with instalment payment mode.

Unearned revenue represents collected premiums of insurance contracts signed of which liabilities have not yet established. The Corporation recognises deferred revenue for the future obligations that the Corporation has to fulfil. Deferred revenue is recognised as revenue in the income statement during the year to the extent that revenue recognition criteria have been met.

2.20 Capital and reserves

Owners' capital is recognised according to the actual amount contributed at the par value of the shares.

Share premium is the difference between the par value and the issue price of shares; or the difference between the repurchase price and re-issuing price of treasury shares.

Undistributed earnings represent the Corporation's profit after CIT at the reporting date.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.21 Appropriation of profit**

The Corporation's dividends are recognised as a liability in the Corporation's financial statements in the year in which the dividends are approved by the General Meeting of Shareholders.

Net profit after CIT could be distributed to shareholders after approval at the General Meeting of Shareholders, and after appropriation to other funds in accordance with the Corporation's charter and Vietnamese regulations.

The Corporation's funds include the following:

(a) Bonus and welfare fund

The bonus and welfare fund is appropriated from the Corporation's profit after CIT and subject to shareholders approval at the General Meeting of Shareholders. This fund is presented as a liability on the balance sheet. It is utilised for activities relating to employees' rewards and benefits.

(b) Compulsory reserve

Compulsory reserve is established in order to supplement the Corporation's charter capital and ensure its solvency. In accordance with Article 54 of Decree 46, the Corporation is required to make an annual appropriation to the compulsory reserve fund at 5% of post-tax profit until the fund reaches 10% of the charter capital.

2.22 Revenue recognition**(a) Insurance premium revenue recognition**Direct insurance policies

Insurance premiums are recognised when the Corporation incurred insurance obligations for the insured. Specifically, direct written premiums are recognised as revenue at the point of time when one of the following conditions are met:

- (i) The insurance policy is concluded, and the insurance policyholder has fully paid the insurance premium; or
- (ii) There is evidence that the insurance policy has been concluded, and the insurance policyholder has fully paid the insurance premium; or
- (iii) If the Corporation has an agreement with the policyholders regarding the insurance premium payment period (including any extension period) as specified in the concluded insurance contract, the Corporation recognizes the insurance premium revenue that the policyholders is required to pay as specified in the insurance contract at the commencement of the insurance period, provided that the insurance contract has been executed and the premium payment schedule is specified in the insurance contract, details as follows:

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.22 Revenue recognition (continued)****(a) Insurance premium income recognition (continued)**Direct insurance policies (continued)

- For single premium payment: The payment period of premium shall not exceed 30 days from the effective date of the insurance policy and shall not exceed the insurance coverage period in the case of insurance coverage periods below 30 days.
- For premium payment in instalments: The Corporation recognises insurance premium revenue corresponding to the period or periods for which the premiums have been incurred and does not recognise premium revenue for which the payment period has not yet been reached as agreed in the insurance contract. The premium payment period of the first instalment shall not exceed 30 days from the start date of the insurance period under the insurance policy. The subsequent instalments shall be paid in accordance with the agreed payment schedule. In all cases, the premium payment period does not exceed the insurance coverage period under the insurance policy.
- For open cover cargo or multi-trip travel insurance policies: The premium payment due date for insurance policies with insurance coverage periods starting in the current month shall not be later than the twenty-fifth (25th) day of the following month if the Corporation has signed a principal insurance policy (or package insurance policy) detailing the insurance scope and payment method with policyholder.

- (iv) When the insurance policy has been concluded and the Corporation has come into an agreement with the policyholder on the insurance premium debts, these debts are specified in the insurance policy and available only when they are secured by collateral or bank guarantee.

If the policyholder fails to pay insurance premium in full within the premium payment period or extended payment period, the Corporation have rights to unilaterally terminate the insurance contract. The Corporation is entitled to earn premium income equivalent to the period which the Corporation incurred insurance obligations.

Premium income also includes premiums on unclosed business in which risks and insurance obligations have been underwritten and incepted prior to the balance sheet date. Although, there is insufficient information available at the balance sheet date to enable the Corporation to conclude the insurance contract until subsequent fiscal year.

Coinsurance business policies

In case the Corporation participating in coinsurance, premium from coinsurance policies shall be recognised when insurance obligations arise from coinsurance policies, in which the lead insurer has agreed with the participating insurers under the signed coinsurance agreement. The Corporation recognised direct insurance policies in proportion to its share of premiums as agreed under the signed coinsurance agreement.

Assumed insurance policies

Assumed premium income is recognised when the following two (2) conditions are met:

- (i) The Corporation has come into an agreement with the ceding insurance companies; and
- (ii) There is an agreed reinsurance statement of accounts between the Corporation and the ceding insurance companies.



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.22 Revenue recognition (continued)****(b) Commission income**

Commission income represents fees received and receivable from reinsurers. It is calculated on the basis of gross premiums ceded and is accounted in the same fiscal year in which the respective premium ceded is recognised.

(c) Interest income

Interest income is recognised in the income statement on the basis of the passage of time and interest rates for each year when both (2) of the following conditions are satisfied:

- It is probable that economic benefits associated with the transaction will flow to the Corporation; and
- Income can be measured reliably.

(d) Dividends income

Income from dividends is recognised in the income statement when both (2) of the following conditions are satisfied:

- It is probable that economic benefits associated with the transaction will flow to the Corporation; and
- Income can be measured reliably.

Income from dividends is recognised in the income statement when the Corporation has established dividend rights from investees.

(e) Rental income

Rental income from leased property is recognised in the income statement on a straight-line basis over the term of the lease.

2.23 Premiums ceded

Premiums ceded are recognised in the income statement as a reduction to gross premiums written. This is accounted for the same fiscal year in which the respective direct insurance premium is recognised.

Outward reinsurance does not relieve the Corporation of its liabilities to its insured in the event that any reinsurer is unable to meet its obligations under reinsurance agreements.

2.24 Claims paid

Claims paid represent amounts paid to insurance policyholders or third party beneficiaries and loss adjustment expenses.

Claims paid are recognised in the income statement when incurred.



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.25 Claims recoverable from reinsurers**

Claims incurred are recoverable from reinsurers according to terms in the relevant reinsurance agreements. These recoveries are recognised as deduction to gross claim expenses in the income statement.

2.26 Commission expenses

Commission expenses are amounts payable to insurance brokers, agents and ceding insurance companies. They are calculated and recognised on the basis of gross written premiums when incurred.

2.27 Other insurance expenses

Other insurance expenses mainly include salary expenses of sales staffs and agents, insurance management activities, insurance system expenses, advertising expenses, policyholders' protection fund and other expenses.

2.28 Financial expenses

Financial expenses mainly comprise expenses relating to investing activities; losses from trading of securities; provision for diminution in value of investments; losses from foreign exchange differences.

2.29 General and administrative expenses

General and administrative expenses represent expenses that are incurred for administrative purposes.

2.30 Current and deferred income tax

Income tax includes all income tax which is based on taxable profits. Income tax expense comprises current income tax expense and deferred income tax expense.

Current income tax is the amount of income taxes payable or recoverable in respect of the current year taxable profits at the current year tax rates. Current and deferred tax are recognised as an income or an expense and included in the profit or loss of the year, except to the extent that the tax arises from a transaction or event which is recognised, in the same or a different year, directly in equity.

Deferred income tax is provided in full, using the liability method, on temporary differences arising between the tax bases of assets and liabilities and their carrying amounts in the financial statements. Deferred income tax is not accounted for if it arises from initial recognition of an asset or liability in a transaction other than a business combination that at the time of occurrence affects neither the accounting nor the taxable profit or loss. Deferred income tax is determined at the tax rates that are expected to apply to the fiscal year when the asset is realised or the liability is settled, based on tax rates that have been enacted or substantively enacted by the balance sheet date.

Deferred income tax assets are recognised to the extent that it is probable that future taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.31 Related parties**

Enterprises and individuals that directly, or indirectly through one or more intermediaries, control, or are controlled by, or are under common control with the Corporation, including holding companies, subsidiaries and fellow subsidiaries are related parties of the Corporation. Associates and individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Corporation that gives them significant influence over the Corporation, key management personnel, including the Board of Management of the Corporation and close members of the family of these individuals and companies associated with these individuals also constitute related parties.

In considering its relationships with each related party, the Corporation considers the substance of the relationship not merely the legal form.

2.32 Segment reporting

A reportable segment is a component which can be separated by the Corporation engaging in sales of goods or rendering of services ("business segment") or providing products or services within a particular economic environment ("geographical segment"). Each segment is subject to risks and returns that are different from those of other segments. The Board of Management of the Corporation has determined that the business's risk and profitability are primarily influenced by differences in the types of products and services the Corporation provides. As a result, the primary segment reporting of the Corporation is presented in respect of the Corporation's business segments.

3 CASH

| | 2025 VND | 2024 VND |
|-----------------|------------------------|------------------------|
| Cash on hand | 6,049,883,856 | 5,959,114,228 |
| Cash at banks | 210,620,969,102 | 439,859,310,670 |
| Cash in transit | 75,468,485 | 275,468,485 |
| | <u>216,746,321,443</u> | <u>446,093,893,383</u> |

4 INVESTMENTS

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Short-term | | |
| Trading securities (a) | 332,806,775,928 | 134,764,670,056 |
| Investments held-to-maturity (b(i)) | 3,463,281,148,846 | 3,422,618,012,805 |
| | <u>3,796,087,924,774</u> | <u>3,557,382,682,861</u> |
| Long-term | | |
| Investments in joint venture companies (c) | 242,250,000,000 | 242,250,000,000 |
| Others | | |
| - Investments held-to-maturity (b(ii)) | 290,760,600,000 | 236,000,000,000 |
| - Investments in other entities (c) | 57,615,300,000 | 57,615,300,000 |
| | <u>590,625,900,000</u> | <u>535,865,300,000</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

4 INVESTMENTS (continued)**(a) Trading securities**

| | 2025 | | 2024 | |
|---------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Book value VND | Provision VND | Book value VND | Provision VND |
| Shares Listed | 255,758,740,628 | (37,526,637,281) | 85,744,610,056 | (12,668,609,735) |
| UPCOM | 76,534,035,300 | (34,792,510,200) | 48,506,060,000 | (28,135,260,000) |
| NOS | 20,000,000,000 | (17,900,000,000) | 20,000,000,000 | (18,446,000,000) |
| Others | 56,534,035,300 | (16,892,510,200) | 28,506,060,000 | (9,689,260,000) |
| Unlisted (*) | 514,000,000 | - | 514,000,000 | - |
| | <u>332,806,775,928</u> | <u>(72,319,147,481)</u> | <u>134,764,670,056</u> | <u>(40,803,869,735)</u> |

(*) As at 31 December 2025 and 31 December 2024, the Corporation has not determined the fair value of this investment for disclosure in the financial statements because they do not have listed prices. The fair value of this investment may be different from their book value.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

| 4 INVESTMENTS (continued) | 2025 | | 2024 | |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | Cost VND | Provision VND | Cost VND | Provision VND |
| (b) Investments held-to-maturity | | | | |
| i. Short-term | | | | |
| Term deposits (*) | 3,386,108,261,251 | (176,108,261,251) | 3,325,445,125,210 | (178,445,125,210) |
| Corporate bonds | 77,172,887,595 | (77,172,887,595) | 77,172,887,595 | (77,172,887,595) |
| Vietnam Shipbuilding Industry Group (Vinashin) (**) | 68,409,480,007 | (68,409,480,007) | 68,409,480,007 | (68,409,480,007) |
| Song Da Thang Long Joint Stock Company (**) | 8,763,407,588 | (8,763,407,588) | 8,763,407,588 | (8,763,407,588) |
| Certificates of deposit | - | - | 20,000,000,000 | - |
| | 3,463,281,148,846 | (253,281,148,846) | 3,422,618,012,805 | (255,618,012,805) |
| ii. Long-term | | | | |
| Corporate bonds (***) | 289,760,600,000 | - | 200,000,000,000 | - |
| Term deposits (****) | 1,000,000,000 | - | 36,000,000,000 | - |
| | 290,760,600,000 | - | 236,000,000,000 | - |
| | 3,754,041,748,846 | (253,281,148,846) | 3,658,618,012,805 | (255,618,012,805) |

(*) The balance as at 31 December 2025 comprises term deposits at commercial banks and credit institutions denominated in VND with original terms exceeding 3 months and remaining terms to maturity not exceeding 12 months from the end of the fiscal year, earning annual interest rates ranging from 4.0% p.a to 6.1% p.a (as at 31 December 2024: from 4.0% p.a to 6.4% p.a). The related provision represents the full provision for short-term term deposits at Financial Leasing Company 2 (ALC2) which are overdue and determined unrecoverable.

(**) These bonds are overdue and the issuers are insolvent. Consequently, the Corporation has made full provision for these investments.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

| 4 INVESTMENTS (continued) | 2025 | | 2024 | |
|--|-------------------|------------------|-------------------|------------------|
| | Book value VND | Provision VND | Book value VND | Provision VND |
| (b) Investments held-to-maturity (continued) | | | | |
| (***) The balance as at 31 December 2025 comprises investments in bonds issued by Military Commercial Joint Stock Bank and Bank for Investment and Development of Vietnam with remaining terms to maturity of more than 12 months from the end of the fiscal year, earning annual interest rate ranging from 5.5% p.a to 7.4% p.a (as at 31 December 2024: from 5.5% p.a to 6.3% p.a). | | | | |
| (****) The balance as at 31 December 2025 comprises term deposits at commercial banks denominated in VND with remaining terms to maturity of more than 12 months from the end of the fiscal year, earning annual interest rate at 6.1% p.a (as at 31 December 2024: from 5.5% p.a to 6.2% p.a). | | | | |
| (c) Investments in other entities | | | | |
| (i) Investments in joint venture companies | | | | |
| United Insurance Company of Vietnam (*) | 242,250,000,000 | - | 242,250,000,000 | - |
| (ii) Investments in other entities | | | | |
| Vietnam National Reinsurance Corporation (Vinare) | 43,218,000,000 | - | 43,218,000,000 | - |
| Sai Gon - Kim Lien Tourism Joint Stock Company | 7,618,100,000 | (3,778,385,282) | 7,618,100,000 | (3,349,890,639) |
| Saigon Halong Hotel Corporation | 6,000,000,000 | - | 6,000,000,000 | - |
| VICEM Ha Tien Cement Joint Stock Company | 779,200,000 | - | 779,200,000 | - |
| | 57,615,300,000 | (3,778,385,282) | 57,615,300,000 | (3,349,890,639) |
| | 299,865,300,000 | (3,778,385,282) | 299,865,300,000 | (3,349,890,639) |

(*) United Insurance Company of Vietnam (hereinafter referred to as "UIC") was incorporated in Vietnam as a joint venture between the Corporation, Sampo Japan Insurance Company (incorporated in Japan) and KB Insurance Company (incorporated in Korea) for an operating period of 35 years under the Investment License No. 2003/GP dated 1 November 1997 issued by the Ministry of Planning and Investment and the License for establishment and operation No. 09/GP/KDBH dated 29 April 2010 issued by the MoF. The Corporation owns 48.45% of its charter capital.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

4 INVESTMENTS (continued)

(c) Investments in other entities (continued)

Fair value of the investments

As at 31 December 2025 and 31 December 2024, the Corporation has not determined the fair value of these investments for disclosure in the financial statements because they do not have listed prices. The fair value of such investments may be different from their book value.

5 INSURANCE RECEIVABLES

| | 2025 VND | 2024 VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Receivables from direct premium: | | |
| - Receivables from policyholders | 269,030,425,147 | 264,016,050,735 |
| Assumed premium receivables | 200,534,763,942 | 184,264,975,862 |
| Claims recoverable from reinsurers | 387,769,069,131 | 247,199,804,344 |
| Receivables from co-insurers | 1,528,243,280 | 1,773,833,859 |
| Other insurance receivables | 7,093,072,112 | 7,231,434,084 |
| | <u>865,955,573,612</u> | <u>704,486,098,884</u> |
| In which: | | |
| Third parties | 756,883,395,937 | 590,859,214,105 |
| Related parties (Note 37(b)) | 109,072,177,675 | 113,626,884,779 |
| | <u>865,955,573,612</u> | <u>704,486,098,884</u> |

As at 31 December 2025 and 31 December 2024, insurance receivables that were past due amounted to VND530,052,585,357 and VND375,921,181,794, respectively, as presented in Note 7.

6 OTHER RECEIVABLES

(a) Short-term

| | 2025 | | 2024 | |
|--|------------------------|--------------------------|--|--------------------------|
| | Value VND | Provision VND | Value VND (As restated - Note 39) | Provision VND |
| Interest receivables from term deposits, bonds and certificates of deposit | 157,902,798,307 | (74,320,958,543) | 143,349,042,756 | (74,320,958,543) |
| Dividend receivable | 58,950,045,000 | - | - | - |
| Advanced insurance acquisition cost | - | - | 239,553,300,174 | - |
| Shortage of assets awaiting resolution (*) | 155,991,595,886 | - | 31,238,531,632 | - |
| Others | 118,255,002,111 | (69,204,196,056) | 159,614,992,865 | (57,370,104,970) |
| | <u>491,100,041,304</u> | <u>(143,525,154,599)</u> | <u>573,755,867,427</u> | <u>(131,691,063,513)</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

6 OTHER RECEIVABLES (continued)

(a) Short-term (continued)

(*) Represents the shortage of asset awaiting resolution arising from a fraud incident involving an employee of the Corporation and a bank account of the Corporation at a local commercial bank. This incident is currently investigated by the competent authority to determine its cause and decide a resolution. The Corporation has proactively submitted a criminal complaint to the police authority to formally report the incident, and has concurrently undertaken the necessary legal procedures to clarify the responsibilities of the parties involved, and to protect the legitimate rights and interest of the Corporation. At the date of preparation of these financial statements, the matter remains under investigation and no official conclusion has been reached in respect of the aforementioned shortage of asset awaiting resolution. The Corporation shall continue to cooperate with the competent authorities, closely monitor developments relating to the matter, and take actions in accordance with formal decisions issued by the relevant State authorities.

(b) Long-term

| | 2025 | | 2024 | |
|------------------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|------------------|
| | Value VND | Provision VND | Value VND | Provision VND |
| Insurance compulsory deposit | 9,000,000,000 | - | 9,000,000,000 | - |
| Deposits | 5,513,688,042 | - | 10,966,049,664 | - |
| | <u>14,513,688,042</u> | <u>-</u> | <u>19,966,049,664</u> | <u>-</u> |

As at 31 December 2025 and 31 December 2024, other short-term receivables that were past due amounted to VND201,703,936,373 and VND165,115,886,641, respectively, as presented in Note 7.

As at 31 December 2025 and 31 December 2024, there were no other long-term receivables that were past due, or not past due but doubtful.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

7 DOUBTFUL DEBTS

| | 2025 | | |
|---|------------------------|------------------------------|--------------------------|
| | Cost VND | Recoverable amount VND | Provision VND |
| (i) Receivables that were past due | | | |
| Insurance receivables | 530,052,585,357 | 342,624,578,893 | (187,428,006,464) |
| Other short-term receivables | 201,703,936,373 | 58,178,781,774 | (143,525,154,599) |
| | <u>731,756,521,730</u> | <u>400,803,360,667</u> | <u>(330,953,161,063)</u> |
| | 2024 | | |
| | Cost VND | Recoverable amount VND | Provision VND |
| (i) Receivables that were past due | | | |
| Insurance receivables | 375,921,181,794 | 197,671,709,719 | (178,249,472,075) |
| Other short-term receivables | 165,115,886,641 | 33,424,823,128 | (131,691,063,513) |
| | <u>541,037,068,435</u> | <u>231,096,532,847</u> | <u>(309,940,535,588)</u> |

8 PREPAID EXPENSES

(a) Short-term

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Deferred commission expenses (i) | 276,341,475,276 | 266,306,603,908 |
| Other prepaid expenses: | 459,659,510,280 | 358,521,291,068 |
| - Expenses for insurance operation (ii) | 447,695,972,936 | 351,863,230,442 |
| - Advertising expenses | 8,974,333,333 | - |
| - Others | 2,989,204,011 | 6,658,060,626 |
| | <u>736,000,985,556</u> | <u>624,827,894,976</u> |

(i) Movements in deferred commission expenses during the year were as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Beginning of year | 266,306,603,908 | 270,679,650,723 |
| Commission expenses incurred during the year | 974,865,065,964 | 910,641,825,138 |
| Allocated commission expenses (Note 27) | (964,830,194,596) | (915,014,871,953) |
| | <u>276,341,475,276</u> | <u>266,306,603,908</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

8 PREPAID EXPENSES (continued)

(a) Short-term (continued)

(ii) Movements in other insurance acquisition costs during the year were as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Beginning of year | 351,863,230,442 | 398,534,875,589 |
| Increase | 1,273,979,970,357 | 1,026,994,054,531 |
| Allocation (Note 27) | (1,178,147,227,863) | (1,073,665,699,678) |
| | <u>447,695,972,936</u> | <u>351,863,230,442</u> |

(b) Long-term

| | 2025 VND | 2024 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Rental expenses | 13,112,535,450 | 17,030,113,796 |
| Expenses for insurance operation | 1,474,217,387 | 3,990,217,863 |
| Tool and supplies | 1,925,262,608 | 3,415,781,231 |
| Others | 1,998,821,874 | 4,832,348,455 |
| | <u>18,510,837,319</u> | <u>29,268,461,145</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

9 FIXED ASSETS

(a) Tangible fixed assets

| | Plant and buildings VND | Office equipment VND | Machinery VND | Motor vehicles VND | Others VND | Total VND |
|---------------------------------|----------------------------|-------------------------|------------------|-----------------------|---------------|-----------------|
| Historical cost | | | | | | |
| As at 1 January 2025 | 156,445,945,733 | 19,153,350,377 | 2,274,227,033 | 72,564,921,862 | 7,399,104,887 | 257,837,549,892 |
| Additions | - | - | 52,818,185 | - | 100,786,995 | 153,605,180 |
| Disposals | - | (70,706,364) | - | - | (37,615,000) | (108,321,364) |
| As at 31 December 2025 | 156,445,945,733 | 19,082,644,013 | 2,327,045,218 | 72,564,921,862 | 7,462,276,882 | 257,882,833,708 |
| Accumulated depreciation | | | | | | |
| As at 1 January 2025 | 102,468,723,723 | 18,356,006,772 | 294,705,104 | 56,379,111,908 | 6,742,767,372 | 184,241,314,879 |
| Charge for the year | 6,537,852,245 | 250,936,044 | 159,491,560 | 4,270,674,783 | 228,013,189 | 11,446,967,821 |
| Disposals | - | (70,706,364) | - | - | (31,315,000) | (102,021,364) |
| As at 31 December 2025 | 109,006,575,968 | 18,536,236,452 | 454,196,664 | 60,649,786,691 | 6,939,465,561 | 195,586,261,336 |
| Net book value | | | | | | |
| As at 1 January 2025 | 53,977,222,010 | 797,343,605 | 1,979,521,929 | 16,185,809,954 | 656,337,515 | 73,596,235,013 |
| As at 31 December 2025 | 47,439,369,765 | 546,407,561 | 1,872,848,554 | 11,915,135,171 | 522,811,321 | 62,296,572,372 |

Historical cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use as at 31 December 2025 was VND76,461,992,711 (as at 31 December 2024: VND65,084,602,441).

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

9 FIXED ASSETS (continued)

(b) Intangible fixed assets

| | Land use rights VND | Software VND | Total VND |
|---|------------------------|-----------------|-----------------|
| Historical cost | | | |
| As at 1 January 2025 | 194,166,163,294 | 93,308,920,625 | 287,475,083,919 |
| Additions | - | 2,301,092,001 | 2,301,092,001 |
| Transfers from construction in progress (Note 10) | - | 3,340,381,000 | 3,340,381,000 |
| As at 31 December 2025 | 194,166,163,294 | 98,950,393,626 | 293,116,556,920 |
| Accumulated amortisation | | | |
| As at 1 January 2025 | 21,034,315,773 | 85,608,784,607 | 106,643,100,380 |
| Charge for the year | 1,814,464,037 | 2,517,541,607 | 4,332,005,644 |
| As at 31 December 2025 | 22,848,779,810 | 88,126,326,214 | 110,975,106,024 |
| Net book value | | | |
| As at 1 January 2025 | 173,131,847,521 | 7,700,136,018 | 180,831,983,539 |
| As at 31 December 2025 | 171,317,383,484 | 10,824,067,412 | 182,141,450,896 |

Historical cost of fully depreciated intangible fixed assets but still in use as at 31 December 2025 was VND77,475,810,760 (as at 31 December 2024: VND77,475,810,760).

10 CONSTRUCTION IN PROGRESS

Details of construction in progress for each project are as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---------------------------|----------------|----------------|
| System under installation | 13,453,208,713 | 16,793,589,713 |
| Plant and buildings | 714,784,788 | 1,347,687,647 |
| Others | 44,456,957 | 44,334,182 |
| | 14,212,450,458 | 18,185,611,542 |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

10 CONSTRUCTION IN PROGRESS (continued)

Movements in construction in progress during the year are as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Beginning of year | 18,185,611,542 | 30,445,901,692 |
| Purchase | - | 6,852,514,200 |
| Transfers to intangible fixed assets (Note 9) | (3,340,381,000) | (16,165,788,691) |
| Transfers to prepaid expenses | (632,780,084) | (2,923,126,712) |
| Others | - | (23,888,947) |
| | <u>14,212,450,458</u> | <u>18,185,611,542</u> |
| End of year | <u>14,212,450,458</u> | <u>18,185,611,542</u> |

11 INVESTMENT PROPERTIES

| | Land use rights VND | Plants and buildings VND | Total VND |
|--|------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Historical cost | | | |
| As at 1 January 2025 and 31 December 2025 | <u>101,071,189,764</u> | <u>80,790,163,699</u> | <u>181,861,353,463</u> |
| Accumulated depreciation | | | |
| As at 1 January 2025 | - | 32,190,672,102 | 32,190,672,102 |
| Charge for the year | - | 1,803,433,579 | 1,803,433,579 |
| As at 31 December 2025 | <u>-</u> | <u>33,994,105,681</u> | <u>33,994,105,681</u> |
| Net book value | | | |
| As at 1 January 2025 | <u>101,071,189,764</u> | <u>48,599,491,597</u> | <u>149,670,681,361</u> |
| As at 31 December 2025 | <u>101,071,189,764</u> | <u>46,796,058,018</u> | <u>147,867,247,782</u> |

Investment properties held for leasing includes the Corporation's office for lease at Bao Minh Tower at 217 Nam Ky Khoi Nghia Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City and Bao Minh Can Tho Tower at 8 Phan Van Tri Street, Ninh Kieu Ward, Can Tho City, which are leased to third parties under operating lease contracts.

Historical cost of fully depreciated investment properties but still in use as at 31 December 2025 was VND14,641,934,766 (as at 31 December 2024: VND13,785,521,766).

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

11 INVESTMENT PROPERTIES (continued)

Revenue and cost arising from leasing investment properties during the year are as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Income from investment properties | 13,776,755,327 | 12,962,845,007 |
| Depreciation for the year | (1,803,433,579) | (2,462,483,988) |
| Other expenses | (3,373,914,419) | (3,648,799,398) |
| Profit from investment properties leasing | <u>8,599,407,329</u> | <u>6,851,561,621</u> |

As at 31 December 2025 and 31 December 2024, the Corporation has not determined the fair value of these investment properties. However, based on the leases in place and market prices of these assets, the Board of Management believes that the fair value of the investment properties is greater than their remaining book value at the end of the fiscal year.

12 DEFERRED INCOME TAX

Deferred income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to offset current income tax assets against current income tax liabilities and when the deferred income taxes relate to the same taxation authority and same taxable unit. The details were as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Deferred income tax assets to be recovered after more than 12 months | <u>19,723,507,376</u> | <u>16,998,911,471</u> |

Movements in the deferred income tax, taking into consideration the offsetting of balances within the same tax jurisdiction, during the year were as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Beginning of year | 16,998,911,471 | 17,658,384,914 |
| Credited/(charged)to the income statement (Note 31) | 2,724,595,905 | (659,473,443) |
| End of year | <u>19,723,507,376</u> | <u>16,998,911,471</u> |

Deferred income tax assets arise from temporary differences in provision for doubtful debts at the end of year.

The Corporation used a tax rate of 20% in 2025 and 2024 to determine deferred income tax assets and deferred income tax liabilities.

Deferred income tax assets are recognised to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences can be utilised.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

13 INSURANCE PAYABLE

| | 2025 VND | 2024 VND (As restated - Note 39) |
|---|--------------------------|---|
| Insurance payables | | |
| Claim payables | 73,361,878,047 | 47,553,626,039 |
| Claim payables for reinsurance contract | 113,913,954,311 | 107,297,172,744 |
| Premiums ceded payables | 593,510,540,932 | 521,504,708,589 |
| Payables to co-insurers | 14,394,063,230 | 31,594,995,313 |
| Other insurance payables | 147,869,262,308 | 172,068,922,481 |
| Insurance commission payables | 74,612,944,115 | 66,884,020,900 |
| | <u>1,017,662,642,943</u> | <u>946,903,446,066</u> |
| In which: | | |
| Third parties | 910,024,218,075 | 843,655,799,338 |
| Related parties (Note 37(b)) | 107,638,424,868 | 103,247,646,728 |
| | <u>1,017,662,642,943</u> | <u>946,903,446,066</u> |

14 TAX AND OTHER RECEIVABLES FROM/PAYABLES TO THE STATE

Movements in tax and other receivables from/payables to the State were as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| (a) Receivables | | |
| VAT on domestic sales | 7,244,417,376 | 5,068,199,805 |
| Personal income tax | 6,508,999,051 | 5,313,329,915 |
| Corporate income tax | - | 11,430,892,273 |
| Other taxes | 9,637,068,452 | 4,359,663,657 |
| | <u>23,390,484,879</u> | <u>26,172,085,650</u> |
| (b) Payables | | |
| Corporate income tax | 7,506,996,487 | - |
| Personal income tax of insurance agent | 5,316,536,613 | 4,397,552,864 |
| Foreign contractor tax | 632,639,990 | 597,966,722 |
| Other taxes | 591,800,654 | 174,853,582 |
| | <u>14,047,973,744</u> | <u>5,170,373,168</u> |

15 PAYABLE TO EMPLOYEES

As at 31 December 2025, this balance represents the salary of December and bonus for 2025 (as at 31 December 2024: salary and bonus for the year 2024) payable to the employees of the Corporation.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

16 OTHER SHORT-TERM PAYABLES

Other short-term payables include social insurance, health insurance, unemployment insurance, mandatory fire and explosion fund contributions, deposit holdings and other payables.

17 UNEARNED COMMISSION INCOME

| | 2025 VND | 2024 VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Beginning of year | 137,436,402,110 | 137,886,987,999 |
| Commission income incurred | 302,182,623,956 | 241,574,781,816 |
| Commission income earned (Note 25) | (290,768,532,575) | (242,025,367,705) |
| End of year | <u>148,850,493,491</u> | <u>137,436,402,110</u> |

18 BONUS AND WELFARE FUND

| | 2025 VND | 2024 VND |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Beginning of year | 34,268,691,545 | 42,812,825,584 |
| Additional appropriation (Note 21) | 51,165,957,166 | 32,707,699,846 |
| Utilisation in the year | (51,663,357,963) | (41,251,833,885) |
| End of year | <u>33,771,290,748</u> | <u>34,268,691,545</u> |

| 19 TECHNICAL RESERVES | 2025 | | | 2024 | | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Gross VND | Ceded VND | Net VND | Gross VND | Ceded VND | Net VND |
| (a) Claims reserves and unearned premium reserves | | | | | | |
| Claims reserve | 1,060,854,409,502 | 658,087,545,821 | 402,766,863,681 | 1,399,732,485,259 | 1,028,141,375,510 | 371,591,109,749 |
| - Outstanding claim reserve | 949,792,730,790 | 607,479,927,458 | 342,312,803,332 | 1,297,319,875,242 | 978,490,364,330 | 318,829,510,912 |
| - IBNR | 111,061,678,712 | 50,607,618,363 | 60,454,060,349 | 102,412,610,017 | 48,651,011,180 | 52,761,598,837 |
| Unearned premium reserve | 2,062,722,852,824 | 490,065,718,504 | 1,572,657,134,320 | 1,943,170,424,692 | 394,202,950,718 | 1,548,967,473,974 |
| | <u>3,123,577,262,326</u> | <u>1,148,153,264,325</u> | <u>1,975,423,998,001</u> | <u>3,342,902,909,951</u> | <u>1,422,344,326,228</u> | <u>1,920,558,583,723</u> |
| In which: | | | | | | |
| Claims reserve | | | | | | |
| Beginning of year | 1,399,732,465,259 | 1,028,141,375,510 | 371,591,109,749 | 889,293,469,961 | 606,360,767,308 | 282,932,702,653 |
| Movement during the year | (338,878,075,757) | (370,053,829,689) | 31,175,753,932 | 510,439,015,298 | 421,790,608,202 | 88,658,407,096 |
| End of year | <u>1,060,854,409,502</u> | <u>558,087,545,821</u> | <u>402,766,863,681</u> | <u>1,399,732,485,259</u> | <u>1,028,141,375,510</u> | <u>371,591,109,749</u> |
| Unearned premium reserve | | | | | | |
| Beginning of year | 1,943,170,424,692 | 394,202,950,718 | 1,548,967,473,974 | 1,955,836,470,039 | 503,665,140,330 | 1,452,170,329,709 |
| Movement during the year | 119,552,428,132 | 95,862,767,785 | 23,689,660,346 | (12,666,045,347) | (109,463,189,612) | 96,797,144,265 |
| End of year | <u>2,062,722,852,824</u> | <u>490,065,718,504</u> | <u>1,572,657,134,320</u> | <u>1,943,170,424,692</u> | <u>394,202,950,718</u> | <u>1,548,967,473,974</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

19 TECHNICAL RESERVES (continued)

(b) Catastrophe reserves

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Beginning of year | 122,665,373,270 | 195,898,514,240 |
| Charged to the income statement | 50,837,603,768 | 49,766,859,030 |
| Used in the year | (40,000,000,000) | (123,000,000,000) |
| End of year | <u>133,502,977,038</u> | <u>122,665,373,270</u> |

20 OWNERS' CAPITAL

(a) Numbers of ordinary shares

| | 2025 | 2024 |
|--|--------------------|--------------------|
| Number of shares registered, issued and in circulation | <u>150,547,626</u> | <u>132,642,818</u> |

(b) Details of owners' shareholding

| | 2025 | | 2024 | |
|---|--------------------|---------------|--------------------|---------------|
| | Ordinary shares | % | Ordinary shares | % |
| State Capital Investment Corporation | 76,327,646 | 50.70 | 67,252,787 | 50.70 |
| AXA S.A – France | 25,066,180 | 16.65 | 22,084,484 | 16.65 |
| Employees of the Corporation and other shareholders | 49,153,800 | 32.65 | 43,305,547 | 32.65 |
| | <u>150,547,626</u> | <u>100.00</u> | <u>132,642,818</u> | <u>100.00</u> |

(c) Movements of share capital

| | Number of shares | Ordinary shares VND |
|------------------------|--------------------|--------------------------|
| As at 1 January 2024 | 120,585,408 | 1,205,854,080,000 |
| New shares issued | 12,057,410 | 120,574,100,000 |
| As at 31 December 2024 | <u>132,642,818</u> | <u>1,326,428,180,000</u> |
| New shares issued | 17,904,808 | 179,048,080,000 |
| As at 31 December 2025 | <u>150,547,626</u> | <u>1,505,476,260,000</u> |

Par value per share: VND10,000

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

21 MOVEMENTS IN OWNERS' EQUITY

| | Owners' capital VND | Share premium VND | Financial reserve fund VND | Compulsory reserve VND | Undistributed earnings VND | Total owners' equity VND |
|--|------------------------|----------------------|----------------------------------|------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| As at 1 January 2024 | 1,205,854,080,000 | 792,244,224,449 | 28,085,153,439 | 120,585,408,000 | 496,100,995,328 | 2,642,869,861,216 |
| Profit for the year | - | - | - | - | 237,674,042,229 | 237,674,042,229 |
| Stock dividend | 120,574,100,000 | - | - | - | (120,574,100,000) | - |
| Cash dividend | - | - | - | - | (60,292,704,000) | (60,292,704,000) |
| Appropriation to bonus and welfare fund for 2023 | - | - | - | - | (2,513,881,790) | (2,513,881,790) |
| Appropriation to bonus and welfare fund for 2024 | - | - | - | - | (30,193,818,056) | (30,193,818,056) |
| Appropriation to compulsory reserves | - | - | 11,883,702,111 | - | (11,883,702,111) | - |
| As at 31 December 2024 | 1,326,428,180,000 | 792,244,224,449 | 28,085,153,439 | 132,469,110,111 | 508,316,831,600 | 2,787,543,499,599 |
| Profit for the year | - | - | - | - | 257,194,601,364 | 257,194,601,364 |
| Cash dividend (*) | - | - | - | - | (66,321,409,000) | (66,321,409,000) |
| Stock dividend (**) | 179,048,080,000 | - | - | - | (179,048,080,000) | - |
| Appropriation to bonus and welfare fund for 2024 (***) | - | - | - | - | (15,096,909,028) | (15,096,909,028) |
| Appropriation to bonus and welfare fund for 2025 (***) | - | - | - | 12,989,332,104 | (36,069,048,138) | (36,069,048,138) |
| Appropriation to compulsory reserves | - | - | - | - | (12,989,332,104) | - |
| As at 31 December 2025 | 1,505,476,260,000 | 792,244,224,449 | 28,085,153,439 | 145,458,442,215 | 455,986,654,694 | 2,927,250,734,797 |

(*) Pursuant to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 0001/2025-BM/ĐHCĐ dated 25 April 2025, the General Meeting of Shareholders of the Corporation approved the payment of dividends from profit after tax for the year 2024 at the rate of 5% in cash. The Corporation closed the shareholder list on 9 June 2025 to pay the above 5% cash dividend, equivalent to VND66,321,409,000.

(**) Pursuant to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 0001/2025-BM/ĐHCĐ dated 25 April 2025, the General Meeting of Shareholders of the Corporation approved the payment of stock dividends from profit after tax for the year 2024 at the rate of 13.5% on par value. The Corporation closed the shareholder list on 9 June 2025 to pay the above 13.5% stock dividend, equivalent to VND179,048,080,000. On 10 November 2025, the Corporation has completed the procedures to issue additional shares.

(***) Pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 0001/2025-BM/ĐHCĐ dated 25 April 2025, the General Meeting of Shareholders of the Corporation approved the profit distribution plan for the year 2024, appropriation to the bonus and welfare fund for 2024 an amount of VND45,290,727,084. For the bonus and welfare fund of 2025, the Corporation provisionally appropriated an amount equivalent to half a month's salary, amounting to VND36,069,048,138.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

22 EARNINGS PER SHARE

(a) Basic earning per share

Basic earnings per share is calculated by dividing the net profit attributable to shareholders after deducting the bonus and welfare funds by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, adjusted for bonus shares issued during the year and excluding treasury shares. The details were as follows:

| | 2025 | 2024 (**) |
|--|------------------------|------------------------|
| Net profit attributable to shareholders (VND) | 257,194,601,364 | 237,674,042,229 |
| Less: Appropriation to bonus and welfare fund (VND) (*) | (36,069,048,138) | (45,290,727,084) |
| | <u>221,125,553,226</u> | <u>192,383,315,145</u> |
| Weighted average number of ordinary shares in issue (shares) | 150,547,626 | 150,547,626 |
| Basic earnings per share (VND) | <u>1,469</u> | <u>1,278</u> |

(*) The bonus and welfare fund for the year ended 31 December 2025 is provisionally appropriated by half a month's average salary of the total salary fund settled for the year. The final figure of the bonus and welfare fund appropriated this year will be approved by the Annual General Meeting of Shareholders in 2026.

The bonus and welfare fund for the year ended 31 December 2024 was appropriated pursuant to the approval by the Annual General Meeting of Shareholders in 2025.

(**) Basic earnings per share of the year ended 31 December 2024 were restated to take into account adjustments for bonus and welfare expenses as follows:

| | For the year ended 31.12.2024 | | |
|--|-------------------------------|-------------------------|------------------------|
| | As previously reported | Adjustments | As restated |
| Net profit attributable to shareholders (VND) | 237,674,042,229 | - | 237,674,042,229 |
| Less amount appropriated to bonus and welfare funds (VND) | (30,193,818,056) | (15,096,909,028) | (45,290,727,084) |
| | <u>207,480,224,173</u> | <u>(15,096,909,028)</u> | <u>192,383,315,145</u> |
| Weighted average number of ordinary shares in issue (shares) | 132,642,818 | 17,904,808 | 150,547,626 |
| Basic earnings per share (VND) | 1,564 | | 1,278 |

(b) Diluted earnings per share

The Corporation did not have any potentially dilutive shares during the year and up to the date of these financial statements. Therefore, the diluted EPS is equal to the basic EPS.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

23 INSURANCE PREMIUM INCOME

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| (a) Direct written premiums | | |
| Health insurance | 2,350,813,261,771 | 2,488,028,844,883 |
| Fire and explosion insurance | 1,181,036,987,896 | 1,103,649,784,632 |
| Motor vehicle insurance | 1,018,372,716,460 | 946,436,941,027 |
| Credit insurance | 581,534,686,553 | 530,414,770,316 |
| Engineering insurance | 206,679,039,354 | 211,899,714,852 |
| Marine hull insurance | 191,213,702,796 | 161,396,193,826 |
| Cargo insurance | 185,494,585,571 | 199,492,802,596 |
| Business interruption insurance | 138,540,064,455 | 161,029,483,554 |
| Liability insurance | 95,336,768,630 | 94,391,905,905 |
| Aviation insurance | 29,826,776,473 | 74,667,621,947 |
| Agriculture insurance | 667,763,350 | 1,459,958,127 |
| | <u>5,979,516,353,309</u> | <u>5,972,868,021,665</u> |
| Premium deductions | | |
| Premium refund/deduction | (13,341,935,254) | (12,189,294,712) |
| | <u>5,966,174,418,055</u> | <u>5,960,678,726,953</u> |
| (b) Assumed premiums | | |
| Fire and explosion insurance | 604,788,727,921 | 440,373,429,052 |
| Aviation insurance | 44,546,647,615 | 69,919,372,507 |
| Engineering insurance | 43,815,320,599 | 67,117,245,031 |
| Cargo insurance | 40,926,004,813 | 32,623,838,941 |
| Marine hull insurance | 30,277,477,030 | 24,370,445,464 |
| Agriculture insurance | 17,004,783,292 | 18,090,103,348 |
| Health insurance | 13,991,435,987 | 25,332,123,964 |
| Liability insurance | 12,777,227,255 | 5,602,838,529 |
| Motor vehicle insurance | 2,001,146,467 | 1,315,419,988 |
| | <u>810,128,770,979</u> | <u>684,744,816,824</u> |
| Premium deductions | | |
| Premium refund/deduction | (4,800,211,237) | (3,196,675,792) |
| | <u>805,328,559,742</u> | <u>681,548,141,032</u> |
| Change in unearned premium reserves (Note 19) | <u>(119,552,428,132)</u> | <u>12,666,045,347</u> |
| Insurance premiums revenue | <u>6,651,950,549,665</u> | <u>6,654,892,913,332</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

24 PREMIUMS CEDED

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Fire and explosion insurance | 1,037,899,550,389 | 926,248,384,270 |
| Engineering insurance | 163,049,824,707 | 162,338,308,494 |
| Business interruption insurance | 132,485,998,991 | 158,804,268,265 |
| Marine hull insurance | 118,091,773,398 | 106,774,497,659 |
| Cargo insurance | 88,158,421,343 | 96,332,797,634 |
| Liability insurance | 69,019,693,311 | 66,903,630,356 |
| Credit insurance | 49,528,870,673 | 60,679,826,202 |
| Aviation insurance | 26,843,622,820 | 76,329,910,851 |
| Health insurance | 2,567,611,820 | 9,903,575,169 |
| Agriculture insurance | 604,573,507 | 622,023,203 |
| Motor vehicle insurance | 222,740,544 | 603,739,973 |
| | <u>1,688,472,681,503</u> | <u>1,665,540,962,076</u> |
| Change in unearned premium reserves (Note 19) | <u>(95,862,767,786)</u> | <u>109,463,189,612</u> |
| | <u>1,592,609,913,717</u> | <u>1,775,004,151,688</u> |

25 COMMISSION INCOME

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Commission income from premiums ceded (Note 17) | <u>290,768,532,575</u> | <u>242,025,367,705</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

26 NET CLAIMS INCURRED

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Gross claim expenses | | |
| (i) Insurance claims | | |
| Motor vehicle insurance | 502,457,294,403 | 426,168,978,456 |
| Fire and explosion insurance | 486,244,780,624 | 289,136,047,052 |
| Health insurance | 471,543,265,277 | 775,960,818,506 |
| Marine hull insurance | 62,095,342,840 | 67,796,258,212 |
| Engineering insurance | 60,207,882,339 | 19,387,616,615 |
| Cargo insurance | 45,094,749,324 | 64,305,848,227 |
| Credit insurance | 25,268,334,010 | 25,731,657,445 |
| Aviation insurance | 20,336,572,812 | 2,597,266,785 |
| Liability insurance | 2,424,602,243 | 8,069,460,216 |
| Business interruption insurance | 2,030,210,135 | 5,068,048,521 |
| | <u>1,677,703,034,007</u> | <u>1,684,222,000,035</u> |
| (ii) Reinsurance claims | | |
| Fire and explosion insurance | 324,209,127,817 | 222,332,090,419 |
| Aviation insurance | 28,124,970,716 | 36,884,417,596 |
| Health insurance | 19,007,159,462 | 24,978,145,552 |
| Engineering insurance | 13,487,385,051 | 6,291,500,909 |
| Cargo insurance | 11,755,320,683 | 11,485,343,925 |
| Marine hull insurance | 9,369,649,666 | 14,248,421,210 |
| Motor vehicle insurance | 126,866,642 | 62,379,879 |
| Liability insurance | 34,538,973 | 207,951,848 |
| Agriculture insurance | 13,923,444,894 | 6,328,511,849 |
| | <u>420,038,463,904</u> | <u>322,818,763,187</u> |
| Claim deductions | (13,135,029,984) | (10,850,746,373) |
| | <u>2,084,606,467,927</u> | <u>1,996,190,016,849</u> |
| Claim recoveries from reinsurers | (564,816,397,510) | (357,809,382,685) |
| Change in direct and assumed claims reserves (Note 19) | (338,878,075,757) | 510,439,015,298 |
| Change in ceded claims reserves (Note 19) | 370,053,829,689 | (421,780,608,202) |
| | <u>1,550,965,824,349</u> | <u>1,727,039,041,260</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

27 OTHER INSURANCE EXPENSES

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Commission expense (Note 8(a)) | 964,830,194,596 | 915,014,871,953 |
| Other insurance acquisition expenses | | |
| Acquisition expenses | 1,178,147,227,863 | 1,083,979,243,040 |
| Marketing and advertising expenses | 439,279,289,140 | 444,657,714,963 |
| Staff costs | 390,227,130,122 | 306,511,853,552 |
| Training and support expenses | 343,437,262,614 | 322,021,716,183 |
| Outsourced service costs | 56,616,861,561 | 55,744,563,796 |
| Loss prevention and mitigation expenses | 22,829,853,060 | 24,684,640,131 |
| Standard sponsorship cost | 17,063,848,603 | 17,533,440,457 |
| Office rental expenses | 17,257,192,685 | 15,560,237,988 |
| Taxes, fees | 12,568,186,744 | 13,249,824,331 |
| Depreciation expense of fixed assets | 8,780,398,727 | 9,158,457,827 |
| Others | 21,687,079,685 | 8,149,012,994 |
| | <u>3,472,724,525,400</u> | <u>3,216,265,577,215</u> |

28 FINANCIAL INCOME

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Interest income from demand and term deposits and certificates of deposit | 165,635,452,430 | 168,165,839,559 |
| Dividend income | 75,187,458,361 | 98,518,613,486 |
| Realised gains from trading securities | 45,336,000,872 | 16,173,281,985 |
| Realised foreign exchange gains | 16,991,627,188 | 29,218,559,915 |
| Interest income from bonds | 14,259,496,106 | 8,916,554,794 |
| Unrealised foreign exchange gains | 489,974,959 | - |
| Others | 1,867,166,536 | 1,896,716,781 |
| | <u>319,767,176,452</u> | <u>322,889,566,520</u> |

29 FINANCIAL EXPENSES

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Staff costs | 74,873,861,792 | 79,440,053,064 |
| Provision/(reversal of provision) for diminution in value of investments | 29,606,908,430 | (1,593,024,354) |
| Realised foreign exchange losses | 20,458,020,090 | 33,671,418,901 |
| Expense from trading securities | - | 20,624,944 |
| Unrealised foreign exchange losses | - | 1,190,429,955 |
| Others | 104,063,203 | 483,458,618 |
| | <u>125,042,853,515</u> | <u>113,212,961,128</u> |



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

30 GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Staff costs | 104,778,919,497 | 104,938,568,675 |
| Outsourced service costs | 42,130,547,010 | 39,270,502,620 |
| Conference expenses | 54,443,083,799 | 39,785,542,702 |
| Material costs | 8,738,010,921 | 3,799,254,612 |
| Depreciation | 6,998,574,738 | 6,378,740,146 |
| Taxes, duties and fees | 380,601,931 | 340,539,804 |
| Others | 14,276,370,775 | 4,536,146,693 |
| | <u>231,746,108,671</u> | <u>199,049,295,252</u> |

31 CURRENT INCOME TAX ("CIT")

The CIT on the Corporation's profit before tax differs from the theoretical amount that would arise using the applicable tax rate of 20% as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Accounting profit before tax | 302,258,272,143 | 272,733,651,733 |
| Tax calculated at a rate of 20% | 60,451,654,429 | 54,546,730,347 |
| Effect of: | | |
| Expenses not deductible for tax purposes | 50,747,980 | 216,601,854 |
| Non-taxable income | (15,037,491,672) | (19,703,722,697) |
| Over-provision in previous year | (401,239,958) | - |
| CIT charge (*) | <u>45,063,670,779</u> | <u>35,059,609,504</u> |
| Charged to the income statement: | | |
| Corporate income tax – current (*) | 47,788,266,684 | 34,400,136,061 |
| Corporate income tax – deferred (Note 12) | (2,724,595,905) | 659,473,443 |
| | <u>45,063,670,779</u> | <u>35,059,609,504</u> |

(*) The CIT charge for the fiscal year is based on estimated taxable income and is subject to review and possible adjustments by the tax authorities.

32 ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS OF THE STATEMENT OF CASH FLOWS

| | Year ended 31 December | |
|----------------|------------------------|------------------------|
| | 2025 VND | 2024 VND |
| Stock dividend | <u>179,048,080,000</u> | <u>120,574,100,000</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

33 SEGMENT REPORTING

The Board of Management of the Corporation determines that the operating decisions of the Corporation are based primarily on the types of products and services provided by the Corporation. As a result, the primary segments of the Corporation is presented in respect of the Corporation's business segments.

(a) Business segments

Segment report based on the business activities of the Corporation is as follows:

| | Non-life insurance activities VND | Investment activities VND | Investment properties and other activities VND | Unallocated VND | Total reportable segments VND |
|--|---|---------------------------------|--|--------------------------|-------------------------------------|
| For the year ended 31 December 2025 | | | | | |
| Net income from insurance business | 5,360,408,954,536 | - | - | - | 5,360,408,954,536 |
| Income from investment properties | - | - | 13,776,755,327 | - | 13,776,755,327 |
| Financial income | - | 302,285,574,305 | 17,481,602,147 | - | 319,767,176,452 |
| Other income | (5,034,527,953,517) | - | - | 6,825,652,169 | (5,034,527,953,517) |
| Total insurance expenses | - | - | (5,177,347,998) | - | (5,177,347,998) |
| Cost of investment property | - | (104,584,833,425) | (20,458,020,090) | - | (125,042,853,515) |
| Financial expenses | - | - | - | - | - |
| General and administrative expenses | (231,746,108,671) | - | - | - | (231,746,108,671) |
| Other expenses | 94,134,892,348 | 197,700,740,880 | 5,622,969,386 | (2,026,002,640) | 302,258,272,143 |
| Net accounting profit before tax | <u>94,134,892,348</u> | <u>197,700,740,880</u> | <u>5,622,969,386</u> | <u>4,799,649,529</u> | <u>6,907,734,311,239</u> |
| As at 31 December 2025 | | | | | |
| Segment assets | 2,618,950,080,528 | 4,140,916,982,929 | 147,867,247,782 | - | 6,907,734,311,239 |
| Unallocated assets | - | - | - | 768,855,253,922 | 768,855,253,922 |
| Total assets | <u>2,618,950,080,528</u> | <u>4,140,916,982,929</u> | <u>147,867,247,782</u> | <u>768,855,253,922</u> | <u>7,676,589,565,161</u> |
| Segment liabilities | (4,440,374,104,552) | - | - | - | (4,440,374,104,552) |
| Unallocated liabilities | - | - | - | (308,964,725,812) | (308,964,725,812) |
| Total liabilities | <u>(4,440,374,104,552)</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>(308,964,725,812)</u> | <u>(4,749,338,830,364)</u> |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

33 SEGMENT REPORTING (continued)

(a) Business segments (continued)

| | Non-life insurance activities VND | Investment activities VND | Investment properties and other activities VND | Unallocated VND | Total reportable segments VND | Total VND |
|--|--------------------------------------|------------------------------|---|--------------------------|----------------------------------|--------------|
| For the year ended 31 December 2024 | | | | | | |
| Net income from insurance business | 5,122,748,106,255 | - | - | - | 5,122,748,106,255 | |
| Income from investment properties | - | - | 12,962,845,007 | - | 12,962,845,007 | |
| Financial income | - | 293,671,006,605 | 29,218,559,915 | - | 322,889,566,520 | |
| Other income | - | - | - | 3,941,922,651 | 3,941,922,651 | |
| Total insurance expenses | (4,870,071,477,505) | - | - | - | (4,870,071,477,505) | |
| Cost of investment property | - | - | (6,111,283,386) | - | (6,111,283,386) | |
| Financial expenses | - | (78,351,112,272) | (34,861,848,856) | - | (113,212,961,128) | |
| General and administrative expenses | (199,049,295,252) | - | - | - | (199,049,295,252) | |
| Other expenses | - | - | - | (1,363,771,429) | (1,363,771,429) | |
| Net accounting profit before tax | 53,627,333,498 | 215,319,894,333 | 1,208,272,680 | 2,578,151,222 | 272,733,651,733 | |
| As at 31 December 2024 | | | | | | |
| Segment assets | 2,926,157,957,720 | 3,862,504,293,865 | 149,670,691,361 | - | 6,938,332,932,976 | |
| Unallocated assets | - | - | - | 840,227,245,338 | 840,227,245,338 | |
| Total assets | 2,926,157,957,720 | 3,862,504,293,865 | 149,670,691,361 | 840,227,245,338 | 7,778,560,178,314 | |
| Segment liabilities | (4,813,208,521,196) | - | - | - | (4,813,208,521,196) | |
| Unallocated liabilities | - | - | - | (177,808,157,519) | (177,808,157,519) | |
| Total liabilities | (4,813,208,521,196) | - | - | (177,808,157,519) | (4,991,016,678,715) | |

(b) Geographical segments

The segment by geographical location of the Corporation is based on the geographic location of customers, including domestic and foreign customers, where insurance premium revenue from foreign customers accounts for an insignificant proportion of the Corporation's total insurance premium revenue and is not a reportable segment. Therefore, the financial information reported primarily reflects the Corporation's business activities within the territory of Vietnam.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

34 RISK MANAGEMENT FRAMEWORK

34.1 Governance framework

The primary objective of the Corporation's risk and financial management framework is to protect the Corporation from events that hinder the sustainable achievement of financial performance objectives. The Board of Management recognise the importance of having efficient and effective risk management systems in place.

The Corporation has established a risk management function which agreed with clear terms of reference from the Board of Management. This is supplemented with a clear organisational structure with documented delegated authorities and responsibilities from the Board of Management to other senior management. A policy framework developed and implemented which sets out the risk profiles for the Corporation, risk management, control and business conduct standards for the Corporation's operations.

34.2 Risk management objectives, policies and processes for management of insurance risk

The primary insurance activity carried out by the Corporation is the assumption of risk of loss from persons or organisations that are directly subject to the risk. Such risks may relate to property, liability, accident, health, financial or other perils that may arise from an insurable event. As such the Corporation is exposed to the uncertainty surrounding the timing and severity of claims under the contract. The Corporation also has exposure to market risk through its insurance and investment activities.

The Corporation manages its insurance risk through underwriting limits, approval procedures for transactions that involve new products or those exceed set limits, risk diversification, pricing guidelines, reinsurance and monitoring of emerging issues.

34.3 Capital management and regulatory framework

The primary capital management objective of the Corporation is to maintain a strong capital base to support the development of its business and to comply with regulatory capital requirements at all times. The Corporation recognises the impact on the returns of the level of equity capital employed and seeks to maintain a prudent balance.

Regulatory capital requirements arise from the operation of the Corporation require the Corporation to hold assets sufficient to cover liabilities and satisfy the solvency margin requirements in Vietnam. The principal solvency requirements that apply to the Corporation are those set out in Decree 46.

The solvency ratio of the Corporation is calculated based on the relevant regulations promulgated by the Ministry of Finance of Vietnam, which is an indicator of the overall solvency position of the relevant insurance operations.

34.4 Underwriting strategy

The Corporation underwriting strategy seeks diversity to ensure a balanced mix of business portfolio and is based on a large portfolio of similar risks over a number of years and, as such, reduces the variability of the outcome.



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

34 RISK MANAGEMENT FRAMEWORK (continued)

34.5 Reinsurance strategy

The Corporation reinsures a portion of the insurance risks it underwrites in order to control its exposures to losses and protect its capital, through treaty and facultative reinsurance arrangements. These reinsurance agreements transfer part of the risk and limit the exposure from each insured. The amount of each risk retained depends on the Corporation's evaluation of the specific risk, subject in certain circumstances, to maximum limits based on characteristics of coverage. Under the terms of the reinsurance agreements, the reinsurer agrees to reimburse the ceded amount in the event the claim is paid. However, the Corporation remains liable to its policyholders with respect to ceded insurance if any reinsurer fails to meet the obligations it assumes.

Ceded reinsurance contains credit risk, and to minimise such risk, only those reinsurers meeting the Corporation's credit rating standard, either assessed from public rating information or internally investigations, will be used.

35 RISK MANAGEMENT

35.1 Insurance risk management

Assumptions, changes in assumptions and sensitivity analysis

To achieve risk management objectives, the Corporation has established and applied strict policies on all operation process including underwriting, reinsurance, loss survey and claim settlement.

In underwriting operation, the Corporation has diversified the insurance risks through individual customers and retail channels. Furthermore, the Corporation applies risk selective criteria. It pays special attention to insurance risks with high probability of claims or potential fraud. Besides, the Corporation also has enhanced cumulative risk evaluation and established regulations on insurance acceptance for difference product categories, for each location in order to diversify risks and avoid cumulative risk.

For the risks that are accepted for insurance, the Corporation has revised the premium rate for each risk categories based on analysis of the loss experience and trends of risks, inflation, competition and change in regulations. For high loss rate and expenses categories, the Corporation only accepts to enter the insurance contract with higher premium or limited insurance coverage or increased deductible amount. For risk groups with loss ratios that still ensure profitability, the Corporation intends to increase the acceptance of insurance in order to expand market share and increase cash flow to generate returns in investing activities. The Corporation also increased the insurance acceptance rate for low-risk group to increase market share and revenue.

Loss assessment and claim settlement have been executed at two levels. The large and complicated losses are handled and settled at Head Office. Small and less complicated ones which the member companies have experience in receiving and settling are handled at branch level. The Corporation has also enhanced claims processing and compensation procedure to avoid the additional risks that may arise such as: exchange rate, additional claim cost, inflation, ethics risks, etc.



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

35 RISK MANAGEMENT (continued)

35.1 Insurance risk management (continued)

Capital risk management

The Corporation always aims to maintain a strong capital base to support the development of its business and to comply with regulatory capital and the solvency requirements regulated in the relevant local regulations. The table below presents the minimum solvency margin and the solvency margin ratio of the Corporation.

| | The Corporation's solvency margin VND million | Minimum solvency margin VND million | Solvency Margin Ratio % |
|------------------------|---|---|-------------------------------|
| As at 31 December 2025 | 1,655,500 | 1,270,758 | 130.28 |
| As at 31 December 2024 | 1,609,732 | 1,244,171 | 129.40 |

35.2 Financial risk management

The Corporation's activities expose it to market risk, credit risk and liquidity risk. The Corporation's overall risk management strategy seeks to minimise adverse effect of these risks on the Corporation's financial performance.

(a) Market risk

Market risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market risk comprises three types of risk: currency risk, interest rate risk and price risk.

(i) Currency risk

The Corporation's business is exposed to foreign currency risk arising from various currency exposures, primarily USD, EUR and SGD.

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

35 RISK MANAGEMENT (continued)
35.2 Financial risk management (continued)
(a) Market risk (continued)
(i) Currency risk (continued)

| As at 31 December 2025 | In VND VND | In USD USD | In other currencies VND | Total VND |
|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------|
| Cash and cash equivalents | 144,955,544,124 | 71,780,303,980 | 10,473,339 | 216,746,321,443 |
| Short-term investments | 3,470,487,628,447 | - | - | 3,470,487,628,447 |
| Short-term receivables | 833,141,418,141 | 188,153,527,000 | 85,204,673,433 | 1,106,499,618,574 |
| Other current assets | 676,197,748,603 | 4,143,595,402 | - | 680,341,344,005 |
| Reinsurance assets | 1,148,153,264,325 | - | - | 1,148,153,264,325 |
| Long-term receivables | 14,513,688,042 | - | - | 14,513,688,042 |
| Construction in progress | 147,86,7247,782 | - | - | 147,86,7247,782 |
| Long term investments | 586,847,514,718 | - | - | 586,847,514,718 |
| Other long-term assets | 42,284,471,125 | - | - | 42,284,471,125 |
| Total assets | 7,064,448,525,307 | 264,077,425,362 | 85,215,146,772 | 7,413,741,098,461 |
| Short-term trade accounts payable | 783,531,621,633 | 169,945,380,110 | 64,185,641,200 | 1,017,662,642,943 |
| Taxes and other payables to the State | 13,448,964,319 | - | - | 13,448,964,319 |
| Payables to employees | 138,730,980,823 | - | - | 138,730,980,823 |
| Deferred revenue | 16,780,728,754 | - | - | 16,780,728,754 |
| Other short-term payables | 92,888,020,649 | 1,684,624,343 | - | 94,572,644,992 |
| Unearned commission income | 148,850,493,491 | - | - | 148,850,493,491 |
| Bonus and welfare fund | 33,791,613,276 | - | - | 33,791,613,276 |
| Technical reserves | 3,257,080,239,364 | - | - | 3,257,080,239,364 |
| Long-term liabilities | 1,285,496,966 | - | - | 1,285,496,966 |
| Total liabilities | 4,486,388,159,275 | 171,630,004,453 | 64,185,641,200 | 4,722,203,804,928 |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

35 RISK MANAGEMENT (continued)
35.2 Financial risk management (continued)
(a) Market risk (continued)
(i) Currency risk (continued)

| As at 31 December 2024 | In VND VND | In USD USD | In other currencies VND | Total VND |
|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------|----------------------------|--------------------------|
| Cash and cash equivalents | 384,437,902,342 | 61,646,246,290 | 9,744,751 | 446,093,893,383 |
| Short-term investments | 3,260,960,800,321 | - | - | 3,260,960,800,321 |
| Short-term receivables | 972,600,013,976 | - | - | 972,600,013,976 |
| Other current assets | 650,409,388,522 | 590,592,104 | - | 650,999,980,626 |
| Reinsurance assets | 1,422,344,326,228 | - | - | 1,422,344,326,228 |
| Long-term receivables | 19,966,049,664 | - | - | 19,966,049,664 |
| Investment properties | 149,670,881,361 | - | - | 149,670,881,361 |
| Long term investments | 532,515,408,361 | - | - | 532,515,408,361 |
| Other long-term assets | 46,267,372,616 | - | - | 46,267,372,616 |
| Total assets | 7,439,171,944,391 | 62,236,838,394 | 9,744,751 | 7,501,418,527,536 |
| Short-term trade accounts payable | 907,368,728,617 | 9,925,566,755 | 29,609,150,694 | 946,903,446,068 |
| Taxes and other payables to the State | 5,170,373,168 | - | - | 5,170,373,168 |
| Payables to employees | 67,253,356,343 | - | - | 67,253,356,343 |
| Deferred revenue | 263,300,389,799 | - | - | 263,300,389,799 |
| Other short-term payables | 67,214,961,023 | 2,680,304,244 | - | 69,895,265,267 |
| Unearned commission income | 137,436,402,110 | - | - | 137,436,402,110 |
| Bonus and welfare fund | 34,268,691,545 | - | - | 34,268,691,545 |
| Technical reserves | 3,465,568,283,221 | - | - | 3,465,568,283,221 |
| Long-term liabilities | 1,220,471,196 | - | - | 1,220,471,196 |
| Total liabilities | 4,948,801,657,022 | 12,605,870,999 | 29,609,150,694 | 4,991,016,678,715 |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

35 RISK MANAGEMENT (continued)

35.2 FINANCIAL RISK MANAGEMENT (continued)

(a) Market risk (continued)

(i) Currency risk (continued)

At 31 December 2025, had the VND had strengthened/weakened by 1% against the USD with all other variables being held constant, the Corporation's profit before tax for the year would have been VND1,134,769,275 lower/higher as a result of foreign exchange losses/gains on translation of USD-denominated financial instruments (31 December 2024: VND427,133,693).

(ii) Price risk

Price risk related to the value of a financial instrument decreases due to changes in stock market index and the value of individual securities.

The Corporation invests in securities that are affected by market price risk arising from uncertainty about future market price fluctuations of these securities. The Corporation manages market price risk by diversifying its investment portfolio and exercising caution in selecting securities to invest in within the prescribed limits.

As of 31 December 2025, had the prices of listed securities increased/decreased by 10% while all other variables (including tax rates) remain unchanged, the Corporation's profit before tax would have been higher/lower by VND26,246,893,140 respectively (as of 31 December 2024: VND7,475,744,026).

(iii) Interest rate risk

Interest rate risk related to future cash flows of a financial instrument will fluctuate due to changes in market interest rates. The Corporation is exposed to interest rate risk on investments held to maturity, mainly including term deposits at banks, bonds, and certificates of deposit. These investments bear different interest rates (presented in Note 4) and are subject to interest rate risk upon reinvestment. Since these investments are either short-term or bear floating interest rates, the risk of interest rate fluctuations is not significant.

(b) Credit risk

Credit risk is the risk of financial loss to the Corporation if a customer or counterparty to a financial instrument fails to meet its contractual obligations. The Corporation adopts the policy of dealing with customers of appropriate credit history to mitigate credit risk.

(i) Cash at bank, short-term and long-term bank deposits, and insurance deposits

The Corporation's cash at bank, short-term and long-term bank deposits and insurance deposits are primarily held at reputable financial institutions with high credit ratings.

(ii) Bonds and certificates of deposit held to maturity

The Corporation limits credit risk by investing only in bonds and certificates of deposit from reputable financial institutions with high credit ratings.

Provisions have been made for overdue bonds and issuers of these bonds that have defaulted, as presented in Note 4(b).

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

35 RISK MANAGEMENT (continued)

35.2 FINANCIAL RISK MANAGEMENT (continued)

(b) Credit risk (continued)

(iii) Receivables from insurance contracts and other receivables

The Corporation's credit risk related to receivables and other assets is mainly influenced by the characteristics of each customer. Receivables from insurance contracts are due within 30 days from the issuance date of the insurance contract or the effective date of insurance. The Corporation holds no collateral from customers.

Although insurance contract terms always specify the obligations and due dates for premium payments by policyholders, in reality, it is inevitable for some policyholders to fail to make full and timely premium payments. To mitigate this, the Corporation has issued and requires strict adherence by the relevant parties and departments to the premium payment and extension procedures. Dependent units are authorized to extend premium payments when conditions set by Circular 67 are met. Policyholders assessed to have low credit ratings and inability to pay premiums will have their contracts terminated and debts will be monitored for potential recovery or write-off. For overdue premiums, the Corporation monitors and classifies the aging of debts to make provisions as required by the government and to complete debt write-off procedures when supported by sufficient evidence.

In reinsurance agreements, after ceding responsibilities to reinsurers, the Corporation also faces credit risk if these reinsurers are unable to fulfill their obligations to the Corporation. The Corporation has prioritized controlling this risk by only ceding reinsurance to reinsurers with high credit ratings from leading global rating agencies. For domestic reinsurers without credit ratings, the Corporation conducts its own evaluations and closely monitors their financial capacity.

Receivables from insurance contracts and other receivables that are not overdue or impaired primarily come from companies with a reliable payment history with the Corporation.

Receivables that were past due for which provisions have been made as of the end of the fiscal year are presented in Note 7.

(c) Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that the Corporation will encounter difficulty in meeting obligations associated with financial liabilities. The table below categorises the Corporation's non-derivative financial liabilities into relevant maturity groupings based on the remaining period from the balance sheet date to the contractual maturity date. The amounts disclosed in the table are the contractual undiscounted cash flows.

| | Less than one year VND | Between one and five years VND | Total VND |
|-------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|-------------------|
| As at 31 December 2025 | | | |
| Trade and other payables | 1,112,235,287,935 | 1,285,496,966 | 1,113,520,784,901 |
| As at 31 December 2024 | | | |
| Trade and other payables | 1,016,798,711,333 | 1,220,471,196 | 1,018,019,182,529 |



BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

36 FINANCIAL INDICATORS OF THE BUSINESS

| | 2025 | 2024 |
|--|------|------|
| 1 Asset and equity structure | | |
| 1.1 Asset structure | | |
| - Current assets/Total assets (%) | 86% | 87% |
| - Long-term assets/Total assets (%) | 14% | 13% |
| 1.2 Equity structure | | |
| - Total liabilities/Total resources (%) | 62% | 64% |
| - Owner's equity/Total resources (%) | 38% | 36% |
| 2. Liquidity | | |
| 2.1 Liquidity ratio (times) | 1.62 | 1.56 |
| 2.2 Current ratio (times) | 1.40 | 1.35 |
| 2.3 Quick ratio (times) | 0.28 | 0.28 |
| 3. Profitability | | |
| 3.1 Profit margins | | |
| - Net profit before tax/Premiums (%) | 5% | 4% |
| - Net profit after tax/Premiums (%) | 4% | 4% |
| 3.2 Return on assets | | |
| - Net profit before tax/Total assets (%) | 4% | 4% |
| - Net profit after tax/Total assets (%) | 3% | 3% |
| 3.3 Net profit after tax/Owner's equity | 9% | 9% |

37 RELATED PARTY DISCLOSURES

Details of subsidiaries and associates are given in Note 4.

Details of the key related parties and relationship are given as below:

| Related party | Relationship |
|---|---|
| AXA. SA – France | Major shareholder of the Corporation |
| State Capital and Investment Corporation | Major shareholder of the Corporation |
| United Insurance Company of Vietnam | Joint venture |
| Vietnam National Reinsurance Corporation (Vinare) | The Corporation is a major shareholder |
| An Giang Stone Mining Single Member Ltd., Company | Related company of member of Board of Directors |
| An Giang Port Joint Stock Company | Related company of member of Board of Directors |
| Vietnam Airlines Joint Stock Company | Related company of member of Board of Directors |
| Other shareholders | Shareholders of the Corporation |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

37 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related party transactions

The primary transactions with related parties incurred in the year are:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|----------------|-----------------|
| Premiums ceded | | |
| AXA. S.A - France | 46,478,113,261 | 82,796,224,500 |
| Vietnam National Reinsurance Corporation | 19,113,312,002 | 23,108,681,105 |
| Commission income from premiums ceded | | |
| AXA. S.A - France | 5,090,799,069 | 5,814,107,706 |
| Vietnam National Reinsurance Corporation | 1,730,547,132 | 2,749,835,012 |
| Written premiums | | |
| Vietnam Airlines Joint Stock Company | 8,673,815,753 | 19,736,079,981 |
| An Giang Port Joint Stock Company | 25,240,000 | - |
| An Giang Stone Mining Single Member Ltd., Company | 4,466,000 | - |
| State Capital and Investment Corporation | - | 43,277,912 |
| Assumed premiums | | |
| Vietnam National Reinsurance Corporation | 95,810,503,099 | 100,970,911,421 |
| United Insurance Company of Vietnam | 53,899,099,859 | 41,597,014,122 |
| Agent commission expenses | | |
| Vietnam National Reinsurance Corporation | 24,804,088,188 | 25,581,015,070 |
| United Insurance Company of Vietnam | 14,667,379,729 | 12,759,719,581 |
| Agent commission expenses | | |
| Vietnam Airlines | - | 620,088,341 |
| State Capital and Investment Corporation | - | 4,039,941 |
| Claims paid | | |
| United Insurance Company of Vietnam | - | 1,926,471,019 |
| Vietnam Airlines Joint Stock Company | - | 1,862,850,506 |
| Dividend paid by cash | | |
| State Capital and Investment Corporation | 33,624,954,363 | 30,568,400,928 |
| AXA. S.A - France | 11,042,514,599 | 10,038,735,216 |
| Dividend paid by shares | | |
| State Capital and Investment Corporation | 90,777,376,560 | 61,131,068,700 |
| AXA. S.A - France | 29,811,505,320 | 20,075,587,650 |
| Dividend received | | |
| Vietnam National Reinsurance Corporation | 11,726,878,000 | 10,660,799,000 |
| United Insurance Company of Vietnam | 55,830,075,361 | 83,661,800,986 |
| Investment contribution | | |
| United Insurance Company of Vietnam | - | 96,900,000,000 |





BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

37 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related party transactions (continued)

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|---------------|---------------|
| Compensation of key management | | |
| Chairman | | |
| Dinh Viet Tung | 110,263,706 | 159,663,922 |
| Member of Board of Directors cum General Director | | |
| Vu Anh Tuan | 1,243,216,985 | 1,429,748,603 |
| Members of Board of Directors | | |
| Ivan Tam Kwok Wing | 14,087,902 | 129,363,922 |
| Bui Thi Thu Thanh | 99,763,706 | 148,663,922 |
| Le Viet Thanh | 99,763,706 | 148,663,922 |
| Callard Stumpf Céline | 14,087,902 | 129,363,922 |
| Nicolas De Nazelle | 85,775,804 | 19,200,000 |
| Tran Van Ta | 285,000,000 | 164,000,000 |
| Tran Huu Tien | 270,000,000 | 40,000,000 |
| Head of Internal Control Department | | |
| Le Minh Tuyet | 741,578,484 | 550,846,357 |
| Members of Internal Control Department | | |
| Phan Thi Hong Phuong | 85,870,965 | 123,671,138 |
| Nicolas De Nazelle | 13,290,322 | 108,271,138 |
| Jonathan Yau Chun Hung | 13,290,322 | - |
| Dinh Thi Minh Hai | 72,580,643 | 15,400,000 |
| Jorge Quiros | 72,580,643 | 15,400,000 |
| Standing Deputy General Director | | |
| Pham Minh Tuan | 1,004,869,079 | 1,084,594,441 |
| Deputy General Director | | |
| Chau Quang Linh | 827,272,058 | 898,634,407 |
| Nguyen Ngoc Anh | 771,334,867 | 846,903,085 |
| Vu Hai Lam | 767,002,867 | 826,645,235 |
| Nguyen Thanh Nam | 767,693,867 | 940,630,359 |
| Chief Accountant | | |
| Sai Van Hung | 775,648,867 | 836,795,028 |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

37 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related party transactions (continued)

For the year ending 31 December 2025, the compensation for some key management has not been paid.

(b) Year end balances with related parties

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Trade accounts receivable (Note 5) | | |
| AXA. S.A - France | 2,074,166,944 | 5,963,741,450 |
| United Insurance Company of Vietnam | 5,860,477,428 | 5,236,914,653 |
| Vietnam National Reinsurance Corporation | 101,137,533,303 | 102,426,228,676 |
| | <u>109,072,177,675</u> | <u>113,626,884,779</u> |
| Dividend receivable | | |
| Vietnam National Reinsurance Corporation | <u>11,726,878,000</u> | <u>-</u> |
| Trade account payable (Note 13) | | |
| AXA. S.A - France | 5,367,620,196 | 4,698,635,757 |
| United Insurance Company of Vietnam | 2,201,967,335 | 1,846,211,445 |
| Vietnam National Reinsurance Corporation | 100,068,837,337 | 96,702,799,526 |
| | <u>107,638,424,868</u> | <u>103,247,646,728</u> |

38 COMMITMENTS UNDER OPERATING LEASES

The Corporation as a lessee

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were as follows:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Within one year | 14,264,055,301 | 10,534,598,678 |
| Between one and five years | 14,464,697,194 | 12,832,707,856 |
| Over five years | 91,816,667 | 302,900,000 |
| | <u>28,820,569,162</u> | <u>23,670,206,534</u> |
| Total minimum payments | | |

BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Form B 09 – DNPNT

Ho Chi Minh City, April 20th, 2026

39 RESTATEMENT OF COMPARATIVES

During the preparation of the financial statements for the year ended 31 December 2025, the Corporation identified a shortage of assets awaiting resolution, as disclosed in Note 6(a). This affected the financial statements for the year ended 31 December 2024. Accordingly, a retrospective adjustment has been made for the balance of other short-term receivables and short-term payable to ensure comparability with current year's presentation.

BALANCE SHEET (EXTRACT)

| Code | ASSETS | As at 31 December 2024 | | |
|-------|------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-------------------|
| | | As previously reported VND | Adjustments/ reclassifications VND | As restated VND |
| 100 | CURRENT ASSETS | 6,728,523,828,604 | 29,003,006,614 | 6,757,526,835,218 |
| 130 | Short-term receivables | 943,597,007,362 | 29,003,006,614 | 972,600,013,976 |
| 135 | Short-term lending | 544,752,860,813 | 29,003,006,614 | 573,755,867,427 |
| 270 | TOTAL ASSETS | 7,749,557,171,700 | 29,003,006,614 | 7,778,560,178,314 |
| 300 | LIABILITIES | 4,962,013,672,101 | 29,003,006,614 | 4,991,016,678,715 |
| 310 | Short-term liabilities | 4,960,793,200,905 | 29,003,006,614 | 4,989,796,207,519 |
| 312 | Short-term advances from customers | 917,900,439,452 | 29,003,006,614 | 946,903,446,066 |
| 312.1 | - Insurance payables | 917,900,439,452 | 29,003,006,614 | 946,903,446,066 |
| 440 | TOTAL RESOURCES | 7,749,557,171,700 | 29,003,006,614 | 7,778,560,178,314 |

CASH FLOW STATEMENT (EXTRACT)

| Code | | Year ended 31 December 2024 | | |
|------|-------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-------------------|
| | | As previously reported VND | Adjustments/ reclassifications VND | As restated VND |
| 09 | Increase in receivables | (159,076,200,828) | (29,003,006,614) | (188,079,207,442) |
| 11 | Increase in payables | 173,302,331,123 | 29,003,006,614 | 202,305,337,737 |

The financial statements were approved by the General Director on 31 March 2026.



Doan Tan Phong
Preparer



Sai Van Hung
Chief Accountant




Vu Anh Tuan
General Director
Legal Representative

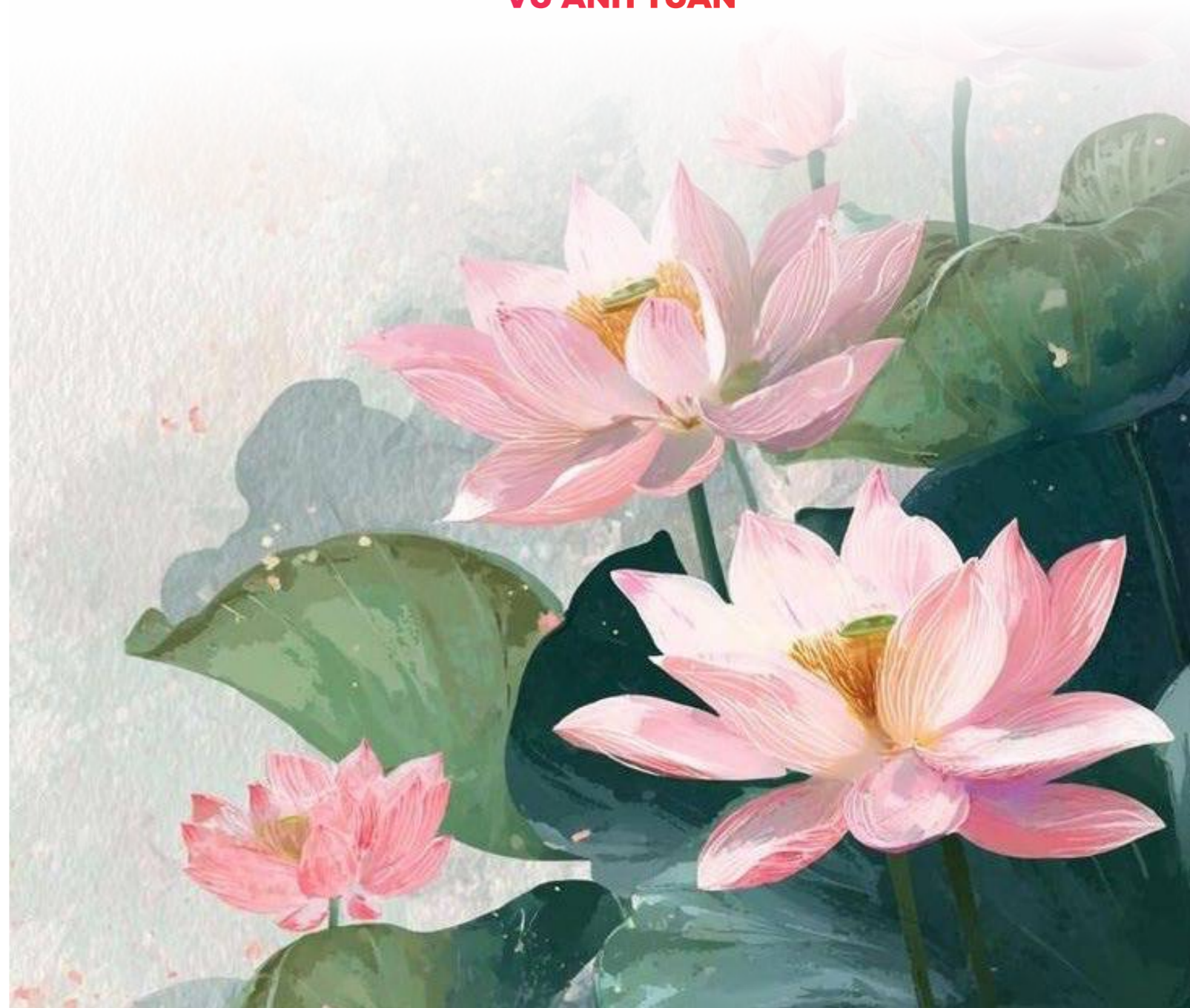
BAO MINH INSURANCE CORPORATION

LEGAL REPRESENTATIVE

CHIEF EXECUTIVE OFFICER



VU ANH TUAN





BAO MINH INSURANCE CORPORATION

Address: 217 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Telephone: (028) 3829 4180 - Email: marketing@baominh.com.vn

Website: <https://www.baominh.com.vn/>